

Tiết 55-56

VỢ CHỒNG A PHỦ (Trích – TÔ HOÀI)

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : VỢ CHỒNG A PHỦ

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim *Vợ chồng A Phủ* ;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Vợ chồng A Phủ

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Mức độ cần đạt

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học; b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận

3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu tác phẩm văn xuôi

b/ Hình thành tính cách: tự tin, sáng tạo khi tìm hiểu tác phẩm văn xuôi;

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà tác phẩm văn xuôi hiện đại đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam .

II. Trọng tâm

1.Kiến thức

-Nỗi thống khổ của người dân miền núi Tây Bắc dưới ách thống trị của bọn chúa đất phong kiến, thực dân. Vẻ đẹp tâm hồn, sức sống tiềm tàng mãnh liệt của đồng bào vùng cao..

-Nghệ thuật xây dựng nhân vật sinh động, chân thực; miêu tả và phân tích tâm lí nhân vật sắc sảo, tinh tế; lối kể chuyện hấp dẫn, ngôn ngữ mang phong vị và màu sắc dân tộc, giàu tính tạo hình và đầy chất thơ...

2.Kĩ năng

- Tóm tắt tác phẩm;

- Phân tích nhân vật trong tác phẩm tự

sự. **3.Thái độ:**

Cảm thông với nỗi thống khổ của con người Tây Bắc dưới ách thống trị của thực dân phong kiến, cảm phục sức sống mãnh liệt, trân trọng khát vọng tự do ở người dân lao động.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945-1954)

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam (1945 -1954)

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm nhân vật trong truyện và truyện cùng chủ đề;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<p>- GV giao nhiệm vụ:</p> <p>+Trình chiếu một đoạn phim trong phim Vợ chồng A Phủ, nghe bài hát <i>Chỉ có 2 người</i> (CNTT)</p> <p>+Chuẩn bị bảng lắp ghép</p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p>

* HS:

+ Nhìn hình đoán tác giả Tô

Hoài

- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả

- HS thực hiện nhiệm

vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Trong bài thơ Tiếng hát con tàu, nhà thơ Chế Lan Viên có viết “Tây Bắc ơi, người là mẹ của hồn thơ”. Vâng. Tây Bắc là nguồn cảm hứng vô tận để các nhà thơ, nhà văn tìm đến và sáng tác. Một trong những nhà văn sau cách mạng có duyên nợ sâu nặng với mảnh đất này chính là Tô Hoài. Với Truyện Tây bắc, ông đã đưa ta về nơi “máu rỏ tâm hồn ta thấm đất”, nơi mà nhân vật Mị và A Phủ đã sống những ngày tăm tối nhất dưới ách thống trị của bọn chúa đất miền núi. Và họ đã vùng lên đấu tranh, đi theo cách mạng...

- Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (120 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác giả</p> <p>+ GV: Nêu những nét chính về tác giả?</p> <p>HS đọc phần Tiểu dẫn, dựa vào những hiểu biết của bản thân để trình bày những nét cơ bản về:</p> <p>- Cuộc đời, sự nghiệp văn học và phong cách sáng tác của Tô Hoài.</p> <p>- Xuất xứ truyện Vợ chồng A Phủ của Tô Hoài.</p> <p>- Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu tác phẩm</p> <p>+ GV: Nêu xuất xứ tác phẩm?</p> <p style="text-align: center;">3</p> <p>GV tích hợp kiến thức về địa lí (Tây Bắc), kiến thức lịch sử (giải</p>	<p>I. Vài nét chung.</p> <p>1. Tác giả:</p> <p>a. Cuộc đời:</p> <p>- Tên khai sinh: Nguyễn Sen. Sinh năm: 1920.</p> <p>- Quê nội ở Thanh Oai- Hà Đông.</p> <p>b. Sáng tác văn học:</p> <p>-Viết văn từ trước Cách mạng - sáng tác với nhiều thể loại Số lượng tác phẩm đạt kỷ lục trong nền văn học Việt Nam hiện đại.</p> <p>- 1996: Được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật.</p> <p>- Một số tác phẩm tiêu biểu: <i>Đế Mèn phiêu lưu ký</i> (1941), <i>O chuột</i> (1942), <i>Truyện Tây Bắc</i> (1953)</p>

<p>GV: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu cốt truyện</p> <p>Trên cơ sở đọc và chuẩn bị bài ở nhà, HS tóm tắt tác phẩm (<i>Tích hợp kiến thức Làm Văn 10: Tóm tắt văn bản tự sự</i>)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mị, một cụ gái xinh đẹp, yêu đời, có khát vọng tự do, hạnh phúc bị bắt về làm con dâu gạt nợ cho nhà Thống lý Pá Tra. - Lúc đầu Mị phản kháng nhưng dần dần trở nên thờ lệt, chỉ "lụi lụi như con rùa nuôi trong xú cửa". - Đóm tối mưa xuân đến, Mị muốn đi chơi nhưng bị A Sử (chồng Mị) trói đứng vào cột nhà. - A Phủ vỡ bát bõnh trước A Sử nên đó đánh nhau và bị bắt, bị phạt vạ và trở thành kẻ ở trừ nợ cho nhà Thống lý. - Khung may hồ vò mất 1 con bũ, A Phủ đó bị đánh, bị trói đứng vào cọc đến gần chết. - Mị đó cắt dây trói cho A Phủ, 2 người chạy trốn đến Phiêng Sa. 	<p>b. Tóm tắt tác phẩm (phần 1)</p>
<p>- Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu nhân vật Mị.</p> <p>+ GV nêu câu hỏi: Mị xuất hiện ngay ở những dòng đầu tiên của truyện ngắn <i>Vợ chồng A Phủ</i>. Em hình dung và cảm nhận được điều gì về nhân vật trong đoạn văn mở đầu tác phẩm?</p> <p>+GV: Em hiểu nghĩa khái niệm “con dâu gạt nợ” như thế nào? Từ đó có thể hiểu dễ dàng cuộc sống của Mị trong vai trò vợ A Sử, trong nhà thống lý ra sao? Qua đây, tác giả muốn phản ánh hiện thực xã hội gì?</p> <p>HS trả lời cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Con dâu là nói quan hệ với thống lý Pá Tra – cha đẻ của A Sử. Nghĩa là Mị 	<p>II. Đọc - hiểu văn bản.</p> <p>1. Nhân vật Mị:</p> <p>a. Cuộc sống thống khổ: (Cuộc đời làm dâu gạt nợ)</p> <p>* Trước khi bị bắt về làm dâu trừ nợ cho nhà thống lý Pá Tra: Mị là cô gái trẻ, đẹp, yêu đời:...</p> <p>* Từ khi bị bắt về làm dâu trừ nợ: vì món nợ “truyền kiếp”, bị bắt làm “con dâu gạt nợ” nhà thống lý Pá Tra, bị đối xử tàn tệ, mất ý thức về cuộc sống (<i>lời giới thiệu về Mị, công việc, không gian căn buồng của Mị, ...</i>).</p> <p>-Thời gian: "<i>Đã mấy năm</i>", nhưng "<i>từ năm nào cô không nhớ ...</i>"  không còn ý thức về thời gian, không còn ý thức về cuộc đời làm dâu gạt nợ.</p> <p>-Không gian: tầng đá trước cửa canh tù</p>

đã trở thành người thân, người trong nhà của chúng – một gia đình giàu có, quyền thế, sang trọng nhất bản Hồng Ngải.

– Nhưng Mị lại là con dâu gạt nợ, đem thân thay cha mẹ trả món nợ tiền vay khi cưới của cha mẹ mình.

– Như vậy, hình thức bên ngoài là con dâu, nhưng thực chất là con nợ, là nô tì nô lệ không công cho cha con Pá Tra – A Sử.

– Nhưng cuộc hôn nhân bất đắc dĩ, miễn cưỡng, gò ép trong tủi nhục và nước mắt ấy vẫn được thực hiện theo phong tục cướp vợ truyền thống của người Mông. Có điều, cô dâu không bao giờ tự nguyện và có được một khoảnh khắc tình yêu, hạnh phúc nào!

– Cuộc sống của Mị trong nhà Pá Tra là cuộc sống của kẻ đầy tớ, nô tì không công, bị công việc khổ sai nặng nhọc liên tục hành hạ từ thể xác đến tinh thần. Thời gian đã biến Mị thành cái máy, cái bóng câm lặng, cô đơn, buồn rười rượi, như con rùa trong xó cửa, cứ thế, cứ thế... cho đến già, đến chết!

– Qua một đoạn đời và số phận của Mị, tác giả đã phản ánh trung thực một hiện thực tăm tối, tàn bạo và bất công trong xã hội miền núi phía Bắc nước ta thời thuộc Pháp trước cách mạng. Số phận cay đắng và đáng thương của Mị cũng là cuộc đời của hàng nghìn vạn phụ nữ các dân tộc ít người dưới ách thống trị của bọn thực dân Pháp và bọn lang đạo, phía tạo, thống lí tay sai.

GV: Đọc đoạn văn thể hiện nỗi đau về tinh thần của Mị?

GV: Thái độ của Mị lúc này như thế nào?

ngựa...khe suối. Căn buồng kín mít.

▲Không gian hẹp, cố định, quen thuộc, tăm tối, gọi cuộc đời tù hãm, bế tắc, luẩn quẩn...

- Hành động, dáng vẻ bên ngoài:

+ Cúi mặt, buồn rười rượi, đêm nào cũng khóc ...

+ Trốn về nhà, định tự tử

...

+ Cúi mặt, không nghĩ ngợi ... vùi vào làm việc cả ngày và đêm.

-Suy nghĩ: Tưởng mình là con trâu, con ngựa nghĩ rằng "*mình sẽ ngồi trong cái lỗ vuông ấy mà trông ra đến bao giờ chết thì thôi...*".

+ Ngày Tết: chẳng buồn đi chơi...

■ Nghệ thuật miêu tả sinh động, cách giới thiệu khéo léo, hấp dẫn, nghệ thuật

tả thực, tương phản (*giữa nhà thống lý giàu có với cô con dâu luôn cúi mặt không gian căn buồng chật hẹp với không gian thoáng rộng bên ngoài*).

▲Cuộc đời làm dâu gạt nợ là cuộc đời tối tăm. Mị sống tăm tối, nhàn nhạt trong nỗi khổ vật chất thể xác, tinh thần... không hy vọng có sự đổi thay.

b. Sức sống tiềm tàng và khát vọng hạnh phúc:

- Thời con gái: Vốn là một cô gái trẻ

đẹp, có tài thổi sáo, có nhiều người say mê - có tình yêu đẹp.

- Mùa xuân đến (*thiên nhiên, tiếng sáo*

gọi bạn, bữa rượu,...), Mị đã thức tỉnh (*kỉ niệm sống dậy, sống với tiếng sáo, ý thức về thời gian, thân phận,...*)

+Nghe - nhắm -hát.

+ Lén uống rượu-lòng sống về ngày trước.

+ Thấy phơi phới trở lại- đột

nhiên vui sướng.

+ Muốn đi chơi (nhắc 3 lần).

▲Khát vọng sống trời dậy

- Mị muốn đi chơi (*thấp đèn, quán*

+ GV tổ chức thảo luận nhóm:

Nhóm 1: Những tác nhân nào thức dậy ở Mị lòng ham sống và khát khao hạnh phúc mãnh liệt trong đêm tình mùa xuân ở Hồng Ngài?

Nhóm 2: Phân tích diễn biến tâm lí, hành động của nhân vật Mị trong đêm tình mùa xuân? Từ đó, nhận xét thành công nghệ thuật tả cảnh, tả tâm trạng nhân vật của Tô Hoài.

Nhóm 3: Nguyên nhân nào đã khiến Mị có hành động cắt dây trói cho A Phủ? Vì sao Mị chạy cùng A Phủ?

Nhóm 4: Giá trị nhân đạo được thể hiện nhân vật Mị mà Tô Hoài muốn nêu lên là gì?

tóc,...).

- Khi bị A Sử trói vào cột, Mị “*như không biết mình đang bị trói*”, vẫn thả hồn theo tiếng sáo.

+ Như không biết mình bị trói.

+ Vẫn nghe tiếng sáo ...

+Vùng đi - sợ chết.

▲Khát vọng sống vô cùng mãnh liệt.

c. Sức phản kháng mạnh mẽ:

- Lúc đầu, thấy A Phủ bị trói, Mị đứng đờ “vô cảm”: “*A Phủ có chết đó cũng thế thôi*”.

- Khi nhìn thấy “*dòng nước mắt chảy xuống hai hõm má đã xám đen lại*” của A Phủ:

+ Mị xúc động, nhớ lại mình, đồng cảm với người.

+ Mị nhận ra tội ác của bọn thống trị “chúng nó thật độc ác”.

=> **thương mình,->thương người, từ vô cảm đến đồng cảm.**

- Tình thương, sự đồng cảm giai cấp, niềm khát khao tự do mãnh liệt,... đã thôi thúc Mị cắt dây trói cứu A Phủ và tự giải thoát cho cuộc đời mình.

+ Mị cởi trói cho A Phủ - giải phóng cho A Phủ là giải phóng cho chính mình.

+ Hành động có ý nghĩa quyết định cuộc đời Mị-là kết quả tất yếu của sức sống vốn tiềm tàng trong tâm hồn người phụ nữ tưởng suốt đời cam chịu làm nô lệ.

b. Nhân vật A Phủ.

* Số phận éo le, là nạn nhân của hủ tục lạc hậu và cường quyền phong kiến miền núi (*mồ côi cha mẹ, lúc bé đi làm thuê hết nhà này đến nhà khác, lớn lên nghèo đến nỗi không lấy nổi vợ*).

- Lúc nhỏ: Mồ côi, sống lang thang
 Bị bắt bán - bỏ trốn.

- Lớn lên: Biết làm nhiều việc. Khỏe mạnh, không thể lấy nổi vợ vì nghèo.

+Dám đánh con quan

 Bị phạt vạ  làm tội tở cho nhà
thống

<p>- Thao tác 2: Hướng dẫn tìm hiểu nhân vật A Phủ.</p> <p>GV: Vì sao nói A Phủ là nhân vật có số phận đặc biệt?</p> <p>GV: Nhân vật A Phủ có những tính cách đặc biệt nào? Đọc đoạn văn miêu tả cảnh A Phủ đánh A Sử?</p> <p>GV: Khi trở thành người làm công gạt nợ, tính cách của A Phủ như thế nào? Có thay đổi so với trước kia hay không?</p> <p>GV: Tính cách của A Phủ còn được bộc lộ ở những chi tiết nào?</p> <p>GV: Nhận xét về nghệ thuật thể hiện nhân vật A Phủ của Tô Hoài?</p> <p>+ GV: Nhận xét về giá trị hiện thực và</p>	<p>lý.</p> <p>+ Bị hổ ăn mất bò ䷆</p> <p>Bị</p> <p>cởi trói, bị bỏ</p> <p>đói...</p> <p>* Phẩm chất tốt đẹp: có sức khỏe phi thường, dũng cảm; yêu tự do, yêu lao động; có sức sống tiềm tàng mãnh liệt...</p> <p>- Bị trói: Nhảy đứt 2 vòng dây mây quật sức vùng chạy ䷆ Khát khao sống mãnh liệt.</p> <p>▲Cuộc đời A Phủ cũng là một cuộc đời nô lệ điển hình.</p> <p>nhân đạo của tác phẩm?</p> <p>- HS thảo luận cặp đôi và phát biểu tự do</p>
--	---

3. Giá trị của tác phẩm:

a. giá trị hiện thực:

- Miêu tả chân thực số phận cực khổ của người dân nghèo.
- Phơi bày bản chất tàn bạo của giai cấp thống trị ở miền núi.

b. Giá trị nhân đạo:

- Thể hiện tình yêu thương, sự đồng cảm sâu sắc với thân phận đau khổ của người dân lao động miền núi trước Cách mạng;
- Tố cáo, lên án, phơi bày bản chất xấu xa, tàn bạo của giai cấp thống trị;
- Trân trọng và ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn, sức sống mãnh liệt và khả năng cách mạng của nhân dân Tây Bắc;...

<p>- Thao tác 3: Tìm hiểu nghệ thuật của tác phẩm</p> <p>+ GV: Nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm ?</p> <p>+ GV: Ghi nhận các ý kiến và chốt lại theo đáp án.</p> <p>+ GV: Nêu ý nghĩa văn bản?</p> <p>+ HS: Dựa vào mục Ghi nhớ và trả lời</p> <p>Liên hệ: <i>Vợ chồng A Phủ</i> là câu chuyện về một đôi trai gái người Mông ở miền núi cao Tây Bắc cách đây mấy chục năm. Tuy nhiên , nhiều vấn đề đặt ra từ câu chuyện này không chỉ là chuyện của hôm qua mà còn là chuyện của hôm nay. Em nghĩ gì về điều này?</p> <p>HS đọc đoạn đầu văn bản, nhận xét cách giới thiệu nhân vật Mị, cảnh ngộ của Mị, những đầy đọa tủi cực khi Mị bị bắt làm con dâu gạt nợ cho nhà Thống lí Pá Tra.</p>	<p>III. TỔNG KẾT:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>a. Nghệ thuật xây dựng nhân vật có nhiều điểm đặc sắc (A Phủ được miêu tả qua hành động, Mị chủ yếu khắc họa tâm tư,...).</p> <p>b. Trần thuật uyển chuyển, linh hoạt; cách giới thiệu nhân vật đầy bất ngờ, tự nhiên mà ấn tượng; kể chuyện ngắn gọn, dẫn dắt tình tiết khéo léo.</p> <p>c. Biệt tài miêu tả thiên nhiên và phong tục, tập quán của người dân miền núi.</p> <p>d. Ngôn ngữ sinh động, chọn lọc và sáng tạo, câu văn giàu tính tạo hình và thấm đẫm chất thơ,...</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản:</p> <p><i>Tố cáo tội ác của bọn phong kiến, thực dân; thể hiện số phận đau khổ của người dân lao động miền núi; phản ánh con đường giải phóng và ngợi ca vẻ đẹp, sức sống tiềm tàng, mãnh liệt của họ.</i></p>

3.LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Trong truyện “Vợ Chồng A Phủ” hình ảnh “năm lá ngón” được nhắc đến mấy lần?</p> <p>a. Một lần. b. Hai lần. c. Ba lần.</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='c'</p> <p>[2]='b'</p> <p>[3]='c'</p>

d. Bốn lần.

Câu hỏi 2: Tô Hoài đã miêu tả căn buồng của My như sau: “Ở cái buồng My nằm, kín mít, có một chiếc cửa sổ một lỗ vuông bằng bàn tay. Lúc nào trông ra cũng chỉ thấy trăng trắng, không biết sương hay là nắng”.

Ý nghĩa sâu sắc nhất của hình ảnh trên là gì?

- a. Qua không gian sống để tô đậm nỗi khổ của nhân vật.
- b. cho thấy My phải sống kiếp tù nhân và mất dần ý thức của con người.
- c. Lên án sự đối xử tàn nhẫn của nhà thống lí đối với My.
- d. Cho thấy My không hề hưởng một chút gì hạnh phúc.

Câu hỏi 3: Chi tiết nào **không** thể hiện sự phản kháng lại kiếp sống tù nhục của My?

- a. Có đến hàng mấy tháng, đêm nào My cũng khóc.
- b. Ngày tết, My cũng uống rượu. My lén lấy hũ rượu, cứ uống ừng ực từng bát.
- c. My không còn tưởng đến My có thể ăn lá ngón để tự tử nữa.
- d. My chuẩn bị để đi chơi xuân.

- HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

4.VẬN DỤNG

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi :</p> <p><i>"Mị không nói. A Sử cũng không hỏi thêm nữa. A Sử bước lại, nắm Mị, lấy thắt lưng trói hai tay Mị. Nó xách cả một thúng sợi đay ra trói đứng Mị vào cột nhà. Tóc Mị xõa xuống, A Sử quấn luôn tóc lên cột, làm cho Mị không cúi, không nghiêng đầu được nữa. Trói xong vợ, A Sử thắt nốt cái thắt lưng xanh ra ngoài áo rồi A Sử tắt đèn, đi ra, khép cửa buồng lại".</i></p> <p>(Trích <i>Vợ chồng A Phủ</i> - Tô Hoài)</p> <p>1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức nào là chính?</p> <p>2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ?</p> <p>3. Trong đoạn văn trên, Tô Hoài sử dụng nhiều câu ngắn kết hợp với các câu dài có nhiều vế ngắn, nhịp điệu nhanh. Tác dụng của hình thức nghệ thuật này là gì ?</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>Câu 1 : Đoạn văn được viết theo phương thức tự sự là chính.</p> <p>Câu 2 : Đoạn văn kể lại hành động trói Mị của A Sử trong đêm mùa xuân khi Mị muốn đi chơi.</p> <p>Câu 3 : Tô Hoài sử dụng nhiều câu ngắn kết hợp với các câu dài có nhiều vế ngắn, nhịp điệu nhanh. Bằng hình thức này, tác giả cho thấy hành động trói vợ của A Sử diễn ra rất nhanh, rất thuận thực, tưởng như đó là việc làm thường xuyên, quen thuộc của A Sử. Qua đây có thể thấy tính cách độc ác, tàn nhẫn của A Sử.</p>

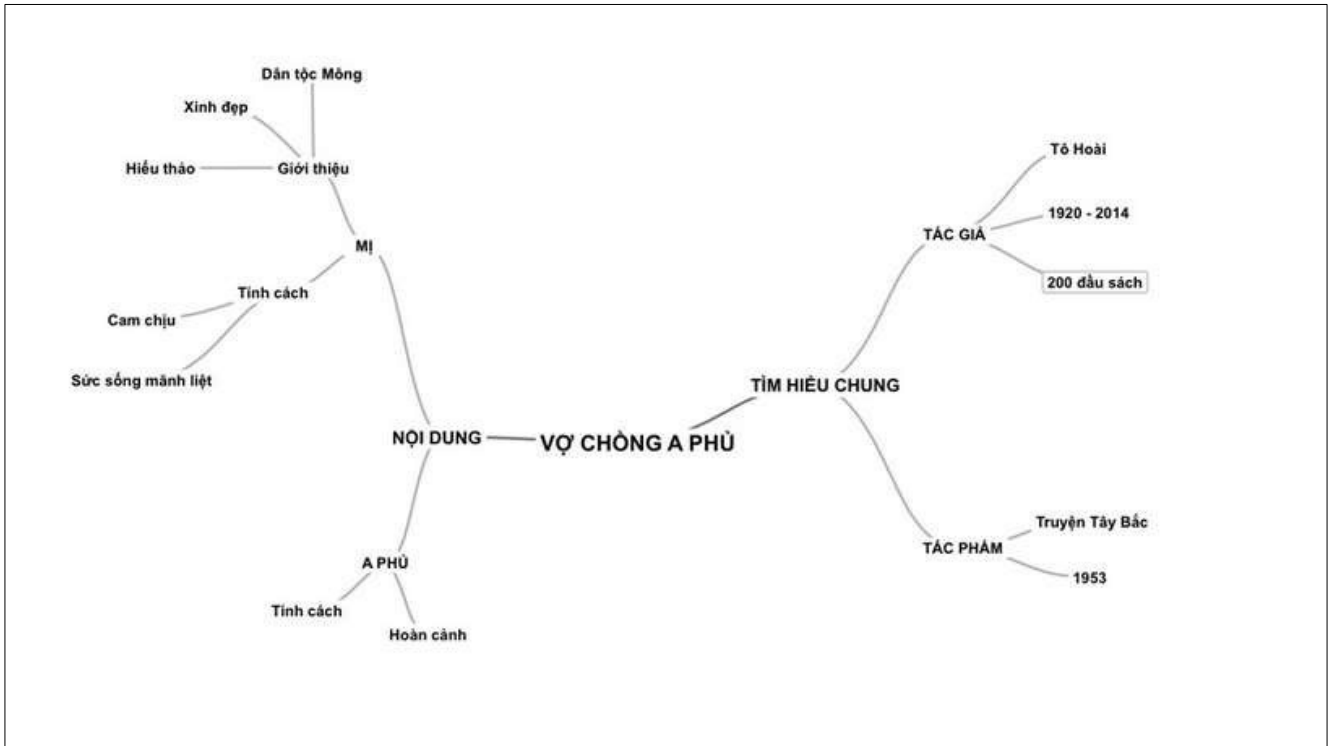
5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Tìm nghe bài hát “Chỉ có hai người” trong phim “Vợ chồng A Phủ”. Viết cảm nhận sau khi xem phim và</p>	<p>+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Tìm trên Youtube và viết cảm nhận</p>

nghe bài hát đó

- HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

+BẢN ĐỒ TƯ DUY:



Tuần 20: Tiết 57, 58 – LÀM VĂN

BÀI VIẾT SỐ 5

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình học kì 1, môn Ngữ văn lớp 12.
- Đề kiểm tra bao quát một số nội dung kiến thức, kỹ năng trọng tâm của chương trình Ngữ văn 12 học kì 2 theo các nội dung Văn học, Làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

Cụ thể, đề kiểm tra nhằm đánh giá trình độ học sinh theo các chuẩn sau:

- **Đọc văn:**

- + Nhớ và hiểu được những kiến thức cơ bản về tác phẩm.

- **Làm văn:**

- + Nắm vững thao tác lập luận phân tích.
- + Nghị luận một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

Hình thức : tự luận.

Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm trong 90 phút.

III. THIẾT LẬP MA TRẬN

- Liệt kê tất cả các chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình môn Ngữ văn lớp 12, học kì.
- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận đề kiểm tra (theo các bước như minh họa ở trên).
- Xác định khung ma trận.

MA TRẬN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 5- MÔN NGỮ VĂN 12 THỜI GIAN 90 PHÚT

Cấp độ Tên chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp độ thấp	Cấp độ cao	
Chủ đề 1 Độc hiểu - Văn bản trong hoặc ngoài chương trình	- Nhận biết được thể loại, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ ...	- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của các biện pháp tu từ, chi tiết, sự kiện, thông tin, ... trong văn bản.	- Đánh giá về nội dung và hình thức của văn bản theo quan điểm cá nhân.		
<i>Số câu:</i>	<i>Số câu: 1</i>	<i>Số câu : 2</i>	<i>Số câu : 1</i>	<i>Số câu : 0</i>	<i>Số câu: 4</i>
<i>Số điểm:</i>	<i>Số điểm: 0,5</i>	<i>Số điểm: 1,5</i>	<i>Số điểm: 1,0</i>	<i>Số điểm: 0</i>	<i>Số điểm: 3</i>
<i>Tỉ lệ:</i>	<i>Tỉ lệ: 5%</i>	<i>Tỉ lệ: 15%</i>	<i>Tỉ lệ: 10%</i>	<i>Tỉ lệ: 0</i>	<i>Tỉ lệ: 30%</i>
Chủ đề 2 Nghị luận văn học(Ai đã đặt tên cho dòng sông; Vợ chồng A Phủ)	- Nhận biết những nét chính về tác giả, tác phẩm. - Xác định được vấn đề cần cảm nhận, bàn luận, phạm vi dẫn chứng,	- Hiểu được đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng thẩm mỹ...trong tác phẩm. - Lí giải được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của tác	- Vận dụng kiến thức văn học và kỹ năng tạo lập văn bản để viết một bài nghị luận văn học về một trích đoạn trích văn xuôi, một ý kiến văn học,	- Bày tỏ được cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm của cá nhân về vấn đề cần bàn luận. - Liên hệ vấn đề nghị	

	các thao tác lập luận cơ bản.	phẩm theo đặc trưng thể loại, mối quan hệ giữa văn học và đời sống, phong cách nghệ thuật tác giả.	...	luận với thực tiễn cuộc sống.	
Số câu:	1				Số câu :1
Số điểm: Tỉ lệ:					Số điểm:7 Tỉ lệ:70%
Tổng số câu:	<i>TS câu: 1</i>	<i>TS câu :1</i>	<i>TS câu :1</i>	<i>TS câu:2</i>	Tổng số câu: 4
Tổng số điểm:					Tổng số điểm:10,0
Tỉ lệ					Tỉ lệ: 100%

IV. BIÊN SOẠN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 5

ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 5 - LỚP 12

THỜI GIAN LÀM BÀI : 90

PHÚT

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4 :

Một nhà hiền triết đưa học trò đi ngao du khắp thế gian. Họ tìm gặp, trò chuyện, học hỏi hầu hết những bậc thầy nổi tiếng ở nhiều đất nước. Sau 10 năm, nhà hiền triết cùng học trò trở về quê hương. Trước khi vào thành, nhà hiền triết nói với học trò của mình: "Mười năm ngao du, các con đều đã trở thành kẻ sĩ học rộng hiểu nhiều. Giờ đây, ta sẽ giảng cho các con một bài học cuối cùng".

Các học trò kéo đến ngồi quanh nhà hiền triết. Ông hỏi: "Hiện chúng ta đang ngồi ở đâu?". Họ đồng thanh trả lời rằng đang ngồi trên bãi cỏ hoang ở bên ngoài thành. Nhà hiền triết lại hỏi: "Trên bãi cỏ hoang này có những cây gì?". Học trò đồng thanh đáp: "Trên bãi hoang mọc toàn cỏ dại ạ!".

Nhà hiền triết nói: "Đúng! Trên bãi cỏ hoang này mọc toàn cỏ dại. Bây giờ ta muốn biết bằng cách gì để trừ hết thứ cỏ dại này?". Các học trò nhìn nhau hết sức ngạc nhiên, vì không ngờ nhà hiền triết xưa nay vốn chỉ đi sâu nghiên cứu những

điều huyền bí của cuộc sống, mà trong bài học sau cùng này lại hỏi họ một vấn đề giản đơn như thế.

Một người lên tiếng trước: "Dạ thưa thầy, chỉ cần có một cái cốc là xong hết ạ!".

Nhà hiền triết khẽ khẽ gật đầu.

Một người học trò khác như phát hiện ra điều gì mới, nói tiếp: "Dạ thưa thầy, đốt lửa để diệt cỏ cũng là một cách rất hay ạ!".

Nhà hiền triết im lặng mỉm cười, ra hiệu gọi một người khác.

Người học trò thứ ba nói: "Thưa thầy, rắc vôi lên cũng có thể diệt được hết tất cả các giống cỏ đấy ạ!".

Tiếp ngay sau đó là người học trò thứ tư: "Diệt cỏ phải trừ tận gốc, chỉ cần nhổ được rễ lớn là xong hết!".

Nghe xong, nhà hiền triết đứng dậy, nói: "Bài học hôm nay đến đây là hết, các con hãy về đi, một năm nữa quay lại đây ta sẽ nói chuyện sau".

Một năm sau, mọi người quay trở lại thì thấy bãi cỏ dại năm trước đã biến mất, thay vào đó là cánh đồng ngô lúa xanh tươi. Họ lại ngồi quây quần gần ruộng lúa, chờ nhà hiền triết nhưng mãi vẫn không thấy ông tới.

(Sưu tầm)

Câu 1. Văn bản trên viết về chuyện gì?

Câu 2. Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản?

Câu 3. Giải thích ý nghĩa ẩn dụ của các hình ảnh: cỏ dại, ngô lúa.

Câu 4. Theo anh (chị), nhà hiền triết muốn truyền cho các học trò bài học nào?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Cảm nhận của anh chị về hành động Mị chạy theo A Phủ trong “ Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài .

HƯỚNG DẪN CHẤM, BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	3.0
	1	Văn bản viết về chuyện nhà hiền triết và các học trò bàn cách diệt trừ cỏ dại.	0,75
	2	Phong cách ngôn ngữ của văn bản: nghệ thuật	0,25
	3	Trong văn bản này, cỏ dại ẩn dụ cho cái xấu, cái ác, cho những tâm trạng tiêu cực,...; ngô lúa ẩn dụ cho cái đẹp, cái thiện, niềm vui, hạnh phúc, sự bình yên,... trong tâm hồn mỗi con người và trong cuộc sống.	1,00
	4	Đoạn văn đảm bảo các ý: Nhà hiền triết muốn truyền cho các học trò bài học : -Nuôi dưỡng, bảo vệ cái đẹp, cái thiện chính là cách tốt nhất để loại bỏ cái xấu, cái ác -Muốn tâm hồn bình yên, thư thái hãy vun trồng, gìn giữ những suy nghĩ, cảm xúc, tư tưởng đẹp đẽ, tốt lành	1,00

II		Cảm nhận của anh chị về hành động Mị chạy theo A Phủ trong “Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài .	5,0
----	--	---	------------

	a. Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận	0,25
	Có đủ các phần mở bài, thân bài, kết bài. Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài kết luận được vấn đề.	
	b. Xác định đúng vấn đề cần nghị luận	0,50
	Hành động Mị chạy theo A Phủ trong “ Vợ chồng A Phủ” của Tô Hoài .	
	c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận để triển khai các luận điểm (trong đó phải có thao tác phân tích, so sánh); biết kết hợp giữa nêu lí lẽ và đưa dẫn chứng.	3.50
	c.1/- Giới thiệu tác giả, tác phẩm <i>Vợ chồng A phủ</i> của Tô Hoài - Giới thiệu vấn đề nghị luận: hành động Mị chạy theo A Phủ	0,50
	c.2 / Phân tích hành động Mị chạy theo A phủ -Vài nét về nhân vật Mị: +Là cô gái xinh đẹp, con dâu gặt nợ, bị bóc lột, đầy đọa về thể xác và tâm hồn +Cô sống vật vờ y một cái bóng “lùi lũi như 1 con rùa nuôi xó cửa”... - Lí giải hành động Mị chạy theo A Phủ: +Nhà văn đã phát hiện ra rằng bên trong tâm hồn người con gái ấy vẫn còn ẩn chứa một sức sống tiềm tàng, chỉ chờ có dịp là bùng nổ mạnh mẽ . Ngay sau khi bị rơi vào cảnh làm con dâu gặt nợ cô định tự tử vì ý thức được cuộc sống tủ nhục của mình và không chấp nhận cuộc sống ấy . Nhưng sự uất ức đến nỗi muốn chết ấy lại là một biểu hiện của lòng ham sống và khát vọng tự do, vì không muốn tiếp tục một cuộc sống đầy đọa nên cô đã tìm đến cái chết như một phương tiện giải thoát +Tuy nhiên với tấm lòng nhân hậu đầy cảm thông, nhà văn vẫn nhận ra rằng khát vọng hạnh phúc trong Mị có thể bị vùi lấp, lãng quên đâu đó nhưng không thể bị tiêu tan .Vào một đêm tình mùa xuân trong ngày Tết, những yếu tố ngoại cảnh đánh thức kí ức và gọi lại kỉ niệm yêu đương bị lụi vấp bấy lâu trong tâm hồn lầm lũi thường ngày, trở thành tiếng gọi của sự sống mỗi lúc một rõ , một tha thiết. Thế là từ ngoại cảnh đã tác động đến cảm xúc , tâm trạng và cuối cùng là hành động . +Trong cái trạng thái nửa say, nửa tỉnh, lại thêm sự thôi thúc của tiếng sáo réo rất đã dẫn Mị đến một hành động chưa từng thấy kể từ khi cô bước chân vào nhà thống lý Pá tra “cô quần lả tóc và với tay lấy váy mới , chuẩn bị đi chơi”.Nhưng khi bị trói Mị bỗng ý thức được cảnh ngộ hiện tại của mình và trong lòng lại trào lên một nỗi đau xót, tủ nhục. Mị lại thẫn thức , miên mang nghĩ về thân phận không bằng con trâu , con ngựa của mình rồi dần thiếp đi . + Khi Mị chứng kiến cảnh A Phủ bị bắt trói ,ban đầu Mị thật thản nhiên. Mị dường như đã trở nên vô cảm trước tất cả. Nhưng khi Mị lé	2,25

	<p>mắt trông sang thấy mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại...”thì Mị lại chợt bừng tỉnh “trông người lại nghĩ đến ta”. Hình ảnh ấy khiến Mị bỗng nhớ đến câu chuyện rừng rợn về những người đàn bà bị trói đứng cho đến chết trong nhà thống lí cũng trên cái cọc này và hồi ức đưa cô về với những lần chính mình bị đánh, bị trói trước đây... Ý nghĩ A Phủ rất có thể sẽ bị chết trong đêm nay đã hoàn toàn đánh thức tình thương và lòng căm hận trong lòng Mị. Từ thương người đến thương thân và tình thương ấy cứ lớn dần, lớn dần để rồi dẫn Mị đến với ý thức ngày càng rõ rệt hơn về một sự thật thật tàn bạo và vô lí, bất công. Ý thức đó đã thôi thúc Mị đứng dậy cắt dây trói cho A Phủ và bất giác chạy theo anh, cùng trốn khỏi Hồng Ngài</p> <p>+ Hành động bộc phát nhưng thật quyết liệt đó của Mị một phần là do sự thúc bách của tình thế khiến cô không thể làm khác, bởi cô hiểu rõ “ ở đây thì chết mất”. Nhưng mặt khác, đó cũng là quá trình tất yếu của một quá trình dồn nén, bức xúc cả về thể chất lẫn tinh thần đối với Mị. Đồng thời đó cũng vừa là biểu hiện, vừa là kết quả của một sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ đã được trỗi dậy trong con người Mị, kết thúc cả quãng đời đầy ải, tối tăm của cô trong nhà thống lí để bắt đầu một cuộc đời mới.</p> <p>- Nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật miêu tả nội tâm rất tinh tế...</p> <p>c.3. Đánh giá chung:</p> <p>-Nhân vật Mị, A Phủ có số phận đáng thương, những cuộc đời nghiệt ngã và đầy bất hạnh. Nhưng không dừng lại ở việc khai thác những nỗi đau khổ, những bất công của xã hội, của cuộc sống đã đẩy cuộc đời họ vào những bế tắc cùng cực. Mà ở đây, các nhà văn đã tô đậm vẻ đẹp phẩm chất và tâm hồn người phụ nữ.</p> <p>-Bằng tình yêu cuộc sống, khát vọng được sống mãnh liệt và với những phẩm chất tốt đẹp vốn có của người phụ nữ, họ đã vượt qua những rào cản, những bất công xã hội, vượt qua số phận bất hạnh để tìm đến hạnh phúc</p> <p>- Nhà văn Tô Hoài đã góp lên tiếng nói chung- tiếng nói nhân đạo đối với họ. Không những thể hiện sự quan tâm, thông cảm, đồng cảm với những số phận bất hạnh này mà những nhà văn còn trân trọng, ngợi ca những phẩm chất cao quý của người phụ nữ-luôn hướng về ánh sáng, hướng về cái đẹp .</p>	<p>0,75</p>
	d. Sáng tạo	0,50
	Có cách diễn đạt sáng tạo, thể hiện suy nghĩ sâu sắc, mới mẻ về vấn đề nghị luận.	
	e. Chính tả, dùng từ, đặt câu	0,25
	Đảm bảo quy tắc chính tả, dùng từ, đặt câu.	
	ĐIỂM TOÀN BÀI THI : I + II = 10,00 điểm	

.....
.....
.....
.....

Tuần 21: Tiết 59 – Tiếng Việt

NHÂN VẬT GIAO TIẾP
(Giảm tải- tự học có hướng dẫn)

Ngày soạn:
Ngày thực
hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : NHÂN VẬT GIAO TIẾP

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Nhân vật giao tiếp

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết khái niệm liên quan đến Nhân vật giao tiếp.

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được sự chi phối của các đặc điểm của nhân vật giao tiếp

c/Vận dụng thấp: Phân tích nhân vật giao tiếp trong văn bản.

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về nhân vật giao tiếp để đọc hiểu văn bản

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài đọc hiểu liên quan đến nhân vật giao tiếp

b/ Thông thạo: các bước làm bài đọc hiểu

3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: xác định nhân vật giao tiếp trong văn bản, nhất là tác phẩm văn xuôi

b/ Hình thành tính cách: tự tin trong giao tiếp ngôn ngữ;

c/Hình thành nhân cách:

Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Nhân vật giao tiếp
- Năng lực đọc – hiểu văn bản có liên quan Nhân vật giao tiếp
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về Nhân vật giao tiếp
- Năng lực phân tích, so sánh các nhân vật giao tiếp trong văn bản;

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: Thiết kế trò chơi ô chữ liên quan đến bài học - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài: Trong chương trình Ngữ văn 10, chúng ta đã tìm hiểu bài HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ, lớp 11 có bài NGỮ CẢNH. Vậy trong giao tiếp, nhân vật giao tiếp có vai trò và thể hiện như thế nào?</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-Hoạt động 1: Tổ chức phân tích ngữ liệu.</p> <p>Bài tập 1: Anh (chị) đọc ngữ liệu 1 Sgk và thực hiện các yêu cầu sau:</p> <p>a. Hoạt động giao tiếp trên có những nhân vật giao tiếp nào? Những nhân vật đó có những đặc điểm như thế nào về lứa tuổi, giới tính, tầng lớp xã hội?</p> <p>b. Các nhân vật giao tiếp chuyển đổi vai người nói, vai người nghe và luân phiên lượt lời ra sao? Lượt lời đầu tiên của "Thị" hướng tới ai?</p>	<p>I. Phân tích các ngữ liệu.</p> <p>1. Ngữ liệu 1.</p> <p>a. Hoạt động giao tiếp trên có những nhân vật giao tiếp là: Tràng, mấy cô gái và "thị". Những nhân vật đó có đặc điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Về lứa tuổi: Họ đều là những người trẻ tuổi. -Về giới tính: Tràng là nam còn lại là nữ. -Về tầng lớp xã hội: Họ đều là những người dân lao động nghèo đói. <p>b. Các nhân vật giao tiếp chuyển đổi vai người nói, vai người nghe và luân phiên lượt lời như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Lúc đầu: Hấn (Tràng) là người nói, mấy cô gái là người nghe. -Tiếp theo: Mấy cô gái là người nói Tràng

c. Các nhân vật giao tiếp trên có bình đẳng về vị thế xã hội không?

d. Các nhân vật giao tiếp trên có quan hệ xa lạ hay thân mật khi bắt đầu cuộc giao tiếp?

e. Những đặc điểm về vị thế xã hội, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp,...chi phối lời nói của nhân vật như thế nào?

Giáo viên hướng dẫn, gợi ý và tổ chức.

Giáo viên nhận xét và khẳng định những ý kiến đúng và điều chỉnh những ý kiến sai.

Bài tập 2: Đọc đoạn trích và trả lời những câu hỏi Sgk.

Giáo viên hướng dẫn, gợi ý và tổ chức.

Giáo viên nhận xét và khẳng định những ý kiến đúng và điều chỉnh những ý kiến sai.

Học sinh thảo luận và phát biểu tự do.

-Tiếp theo: "Thị" là người nói, Tràng (là chủ yếu), và mấy cô gái là người nghe.

-Tiếp theo: Tràng là người nói, "Thị" là người nghe,

-Cuối cùng: "Thị" là người nói, Tràng là người nghe.

c. Các nhân vật giao tiếp trên bình đẳng về vị thế xã hội (họ đều là những người dân lao động cùng cảnh ngộ).

d. khi bắt đầu cuộc giao tiếp, các nhân vật giao tiếp trên có quan hệ hoàn toàn xa lạ.

e. Những đặc điểm về vị thế xã hội, quan hệ thân-sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp,...chi phối lời nói của nhân vật khi giao tiếp. Ban đầu chưa quen nên chỉ là trêu đùa thăm dò. Dần dần, khi đã quen học mạnh dạn hơn. Vì cùng lứa tuổi, bình đẳng về vị thế xã hội, lại cùng cảnh ngộ nên các nhân vật giao tiếp tỏ ra rất suồng sã.

2. Ngữ liệu 2.

a. Các nhân vật giao tiếp trong đoạn văn: Bá Kiến, mấy bà vợ Bá Kiến, dân làng và Chí Phèo.

-Bá Kiến nói với một người nghe trong trường hợp quay sang nói với Chí Phèo. Còn lại, khi nói với mấy bà vợ, với dân làng, với Lí CườngBá Kiến nói cho nhiều người nghe (trong đó có cả Chí Phèo).

b. Vị thế xã hội của Bá Kiến với từng người nghe:

-Với mấy bà vợ-Bá Kiến là chồng (chủ gia đình) nên "quát".

-Với dân làng-Bá Kiến là cụ lớn, thuộc tầng lớp trênlời nói có vẻ tôn trọng (các ông, các bà) nhưng thực chất là đui (về đi thôi chứ! Có gì mà xúm lại thế này?).

-Với Chí Phèo-Bá Kiến vừa là ông chủ cũ, vừa là kẻ đã đẩy Chí Phèo vào tù, kẻ mà lúc này Chí Phèo đến "ăn vạ". Bá Kiến vừa thăm dò, vừa dõ dạnh, vừa có vẻ đề cao, coi trọng.

<p><i>Học sinh thảo luận và phát biểu tự do.</i></p> <p><i>Học sinh thảo luận và trả lời.</i></p>	<p>-Với Lí Cường-Bá Kiến là cha, cụ quát con những thực chất là để xoa dịu Chí Phèo.</p> <p>c. Đối với Chí Phèo, Bá Kiến thực hiện nhiều chiến lược giao tiếp:</p> <p>-Đuổi mọi người về để cô lập Chí Phèo.</p> <p>-Dùng lời nói ngọt nhạt để vuốt ve, mơn trớn Chí Phèo.</p> <p>-Nâng vị thế Chí Phèo lên ngang hàng mình để xoa dịu Chí.</p> <p>d. Với chiến lược giao tiếp như trên, Bá Kiến đã đạt được mục đích và hiệu quả giao tiếp. Những người nghe trong cuộc đối thoại với Bá Kiến đều răm rắp nghe theo lời Bá Kiến. Đến như Chí Phèo, hung hãn thế mà cuối cùng cũng bị khuất phục.</p>									
<p>- Hoạt động 2: Tổ chức rút ra nhận xét.</p> <p>Bài tập: Từ việc tìm hiểu các ngữ liệu trên, anh (chị) rút ra những nhận xét gì về nhân vật giao tiếp trong hoạt động giao tiếp?</p> <p><i>Giáo viên nêu câu hỏi và gợi ý</i></p> <p><i>Giáo viên nhận xét và tóm tắt những nội dung cơ bản.</i></p> <p>Tổ chức luyện tập</p> <p>Bài tập 1: Phân tích sự chi phối của vị thế xã hội ở các nhân vật đối với lời nói của họ trong đoạn trích (mục 1-Sgk)-Học sinh đọc đoạn trích.</p> <p><i>Giáo viên gợi ý, hướng dẫn phân tích.</i></p> <p><i>Giáo viên nhận xét, nhấn mạnh những điểm cơ bản.</i></p> <p>-Phân tích mối quan hệ giữa đặc điểm vị thế xã hội, nghề nghiệp, giới tính văn hoá...của các nhân vật giao tiếp với đặc điểm trong lời nói của từng người ở đoạn trích.</p>	<p>II. Nhận xét về nhân vật giao tiếp trong hoạt động giao tiếp.</p> <p>1. Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các nhân vật giao tiếp xuất hiện trong vai người nói hoặc người nghe. Dạng nói, các nhân vật giao tiếp thường đổ vai luân phiên với nhau. Vai người nghe có thời gồm nhiều người, có trường hợp người nghe không hồi đáp người nói.</p> <p>2. Quan hệ giữa các nhân vật giao tiếp cùng với những đặc điểm khác biệt (tuổi, giới tính, nghề nghiệp, vốn sống, văn hoá, môi trường xã hội), chi phối lời nói (nội dung và hình thức ngôn ngữ).</p> <p>3. Trong giao tiếp các nhân vật giao tiếp tùy ngữ cảnh mà lựa chọn chiến lược giao tiếp phù hợp để đạt được mục đích và hiệu quả.</p> <p>III. Luyện tập.</p> <p>1. Bài tập 1:</p> <table><tr><td></td><td>Anh Mịch</td><td>Ông Lí</td></tr><tr><td>Vị thế xã hội</td><td>Kẻ dưới-nạn nhân bị bắt đi xem đá bóng.</td><td>Bề trên-thừa lệnh quan bắt người đi xem đá bóng.</td></tr><tr><td>Lời nói</td><td>Van xin</td><td>Hách dịch, quát</td></tr></table>		Anh Mịch	Ông Lí	Vị thế xã hội	Kẻ dưới-nạn nhân bị bắt đi xem đá bóng.	Bề trên-thừa lệnh quan bắt người đi xem đá bóng.	Lời nói	Van xin	Hách dịch, quát
	Anh Mịch	Ông Lí								
Vị thế xã hội	Kẻ dưới-nạn nhân bị bắt đi xem đá bóng.	Bề trên-thừa lệnh quan bắt người đi xem đá bóng.								
Lời nói	Van xin	Hách dịch, quát								

	có nhau.
--	----------

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Phân tích Hoạt động giao tiếp diễn ra giữa nhân vật A Phủ và Mị từ lúc Mị đã cởi trói cho A Phủ đến khi bỏ trốn sang Phiềng Sa - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- HS đọc kĩ đoạn trích. Trình bày các ý: +Quan hệ giữa A Phủ và Mị là như thế nào (giai cấp, tuổi tác, địa vị...) +Sự tương tác về hành động nói giữa lượt lời của hai nhân vật giao tiếp là gì? +Nét văn hoá đáng trân trọng qua lời nói, cách nói của các nhân vật?

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Bài học để lại cho anh/chị kinh nghiệm gì trong quá trình giao tiếp? -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Nêu bài học rút ra.

.....

.....

.....

.....

Tuần22:Tiết60-61-62

VỢ NHẬT
(Kim Lân)

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Vợ nhặt

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim về nhà văn Kim Lân, ;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Vợ nhặt

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp:Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm kí.

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận

3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản tác phẩm văn xuôi hiện đại

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản truyện ngắn

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của văn xuôi hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà truyện ngắn Vợ nhặt đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong truyện của Kim Lân .

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tác giả, tác phẩm của Kim Lân

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam giai đoạn 1945-1975.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành công nội dung, nghệ thuật truyện Vợ nhặt.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các nhân vật trong truyện, các nhân vật có cùng đề tài với các tác giả khác;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<p>- GV giao nhiệm vụ:</p> <p>+Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)</p> <p>+Chuẩn bị bảng lắp ghép</p> <p>* HS:</p> <p>+ Nhìn hình đoán tác giả <i>Kim Lân</i></p> <p>+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: <i>Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay nên chỉ trong vài tháng đầu năm 1945, từ Quảng Trị đến Bắc Kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói. Nhà văn Kim Lân đã kể với ta một câu chuyện bi hài đã diễn ra trong bối cảnh ấy bằng một truyện ngắn rất xúc động-truyện Vợ nhặt.</i></p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-Thao tác 1: Đọc-hiểu Tiểu dẫn.</p> <p><i>Giáo viên yêu cầu một học sinh đọc phần Tiểu dẫn Sgk.</i></p> <p>+ Yêu cầu giọng đọc:</p> <p>– Vừa chậm rãi, hóm hỉnh, hài hước vừa đồng cảm thiết tha; chú ý những câu thoại ngắn, lửng lơ cần đọc thể hiện hàm ý.</p>	<p>I. Đọc-hiểu Tiểu dẫn.</p> <p>1. Kim Lân (1920-2007).</p> <p>-Tên khai sinh: Nguyễn Văn Tài.</p> <p>-Quê: làng Phù Lưu, xã Tân Hồng, huyện Tiên Sơn, tỉnh Bắc Ninh.</p> <p>-Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2001.</p> <p>-Tác phẩm chính: <i>Nên vợ nên chồng</i> (1955), <i>Con chó xấu xí</i> (1962).</p>

cảm, kể tóm tắt toàn văn truyện. Những đoạn chữ nhỏ và một số đoạn chữ to cũng kể tóm tắt trên cơ sở HS đọc kĩ ở nhà.

– Nhân xét kết quả đọc kể.

- Nêu những nét chính về:

+Nhà văn Kim

Lân.

+ Xuất xứ truyện ngắn *Vợ nhặt*.

+ Bối cảnh xã hội của truyện.

+ GV sưu tầm thêm một số tư liệu, tranh ảnh để giới thiệu cho HS hiểu thêm về bối cảnh xã hội Việt Nam năm 1945, nhất là nạn đói.

Thao tác 2: Tổ chức đọc hiểu văn bản tác phẩm.

Đọc và tóm tắt
truyện.

Dựa vào nội dung truyện, hãy giải thích nhan đề Vợ nhất?

Học sinh đọc phần Tiểu dẫn Sgk.

Học sinh đọc và tóm tắt tác phẩm.

- Giữ lúc nạn đói đang hoành hành, Tràng (một chàng trai nghèo đói, lại là dân ngụ cư) dẫn về một người đàn bà lạ về xóm ngụ cư khiến mọi người đều ngạc nhiên.

- Trước đó, chỉ 2 lần gặp, với mấy câu đùa vu vơ, vài bát bánh đúc, thị theo tràng về làm vợ.

- Về đến nhà, Tràng vẫn còn ngổ ngàng; mẹ Tràng từ ngạc nhiên đến lo lắng, xót thương, rồi cũng mừng lòng đón nhận nàng con dâu.

- Sáng hôm sau, vợ và mẹ Tràng dậy sớm thu dọn nhà cửa; Trông thấy cảnh tượng ấy, Tràng thấy thương yêu và gắn bó với

-Kim Lân là cây bút truyện ngắn. Thế giới nghệ thuật của ông thường là khung cảnh nông thôn hình tượng người nông dân. Đặc biệt ông có những trang viết đặc sắc về phong tục và đời sống thôn quê. Kim Lân là nhà văn một lòng một dạ đi về với "đất" với "người" với "thuần hậu nguyên thủy" của cuộc sống nông thôn.

2. Tác

phẩm:

a. Xuất xứ truyện.

-Phát xít Nhật bắt nhân dân ta nhổ lúa trồng đay nên tháng 3 năm 1945 nạn đói khủng khiếp đã xảy ra. Chỉ trong vòng vài tháng, từ Quảng Trị đến Bắc Kì, hơn hai triệu đồng bào ta chết đói.

-Vợ nhặt là truyện ngắn xuất sắc in trong tập truyện *Con chó xấu xí* (1962). TP được viết dựa trên một phần cốt truyện cũ của tiểu thuyết *Xóm ngụ cư*.

b. Tóm tắt cốt truyện:

gia đình của mình; Trong bữa cơm ngày đói, nghe tiếng trống thúc thuế, hình ảnh đoàn người đi phá kho thóc và lá cờ đỏ hiện lên trong óc Tràng.

Thao tác 1: Giáo viên gợi ý. Giáo viên nhận xét và nhấn mạnh một số ý cơ bản.

Nhà văn đã xây dựng tình huống truyện như thế nào? Tình huống đó có những ý nghĩa gì?

Giáo viên gợi ý, nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.

Mẫu phiếu học tập

Nhân vật	Ngạc nhiên		Lo lắng
Trẻ con		Anh Tràng được vợ	
Những người dân			
Bà cụ Tứ			
Anh Tràng			

-GV tổ chức thảo luận nhóm:

- Chia lớp thành 4 nhóm, phát phiếu học tập và cùng thảo luận một nội dung: *Cảm nhận của anh (chị) về diễn biến tâm trạng*

II. Đọc - hiểu văn bản:

1. Tìm hiểu tình huống truyện.

+ Tràng là một nhân vật có ngoại hình xấu. Đã thế còn dở người. Gia cảnh của Tràng cũng rất áy náy. Nguy cơ "ế vợ" đã rõ. Đã vậy lại gặp năm đói khủng khiếp, cái chết luôn luôn đeo bám. Trong lúc không một ai (kể cả Tràng) nghĩ đến chuyện vợ con của anh ta thì đột nhiên Tràng có vợ. Trong hoàn cảnh đó, Tràng "nhặt" được vợ là nhặt thêm một miếng ăn cũng đồng thời là nhặt thêm tai họa cho mình, đẩy mình đến gần hơn với cái chết. Vì vậy, việc Tràng có vợ là một nghịch cảnh éo le, vui buồn lẫn lộn, cười ra nước mắt.

+ Dân xóm ngụ cư ngạc nhiên.

+ Bà cụ Tứ, mẹ Tràng lại càng ngạc nhiên hơn.

+ Bản thân Tràng cũng bất ngờ với chính hạnh phúc của mình

+ Tình huống truyện mà Kim Lân xây dựng vừa bất ngờ lại vừa hợp lí. Qua đó, tác phẩm thể hiện rõ giá trị hiện thực, giá trị nhân đạo và giá trị nghệ thuật.

2. Nhân vật Tràng:

a. Là người lao động nghèo, tốt bụng và cởi mở (giữa lúc đói, anh sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ),

b. Ở Tràng luôn khát khao hạnh phúc

và có ý thức xây dựng hạnh phúc. Câu "nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về" đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình và Tràng đã "liều" đưa người đàn bà xa lạ về nhà.

của nhân vật Tràng (lúc quyết định để người đàn bà theo về, trên đường về xóm ngụ cư, buổi sáng đầu tiên có vợ).

- Lần lượt đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý bổ sung (nhóm sau không nhắc lại nội dung nhóm trước đã trình bày)

Giáo viên định hướng, nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.

-Tràng là nhân vật có bề ngoài thô, xấu, thân phận lại nghèo hèn, mắc tật hay vừa đi vừa nói một mình, là dân ngụ cư- lớp người bị xã hội khinh nhất (trong quan niệm lúc bấy giờ), lại đang sống trong những ngày tháng đói khát nhất nạn đói 1945.

- Nhưng ở Tràng lại là con người tốt bụng và cởi mở: giữa lúc đói khát nhất- bản thân mình cũng đang cạnh kề với cái đói cái chết. vậy mà Trang sẵn lòng đãi người đàn bà xa lạ ăn 4 bát bánh đúc.

Chỉ sau hai lần gặp gỡ và cho ăn 4 bát bánh đúc, vài câu nói nửa đùa nửa thật(...),

+ Câu “*nói đùa chứ có về với tớ thì ra khuân hàng lên xe rồi cùng về*” đã ẩn chứa niềm khát khao tổ ấm gia đình

=>người đàn bà xa lạ đã đồng ý theo Tràng về làm vợ.

+ Lúc đầu Tràng cũng cảm thấy lo lắng “chợn nghĩ”: Thóc...đều bông”.

+ Sau đó Tràng đã “Chặc, kệ” và Tràng đã “liều” đưa người đàn bà xa lạ về nhà.

+ Trang dẫn thị ra quán ăn một bữa no rồi cùng về.

+ Tràng đã mua cho thị cái thúng-ra dáng một người phụ nữ đã có chồng và cùng

-Tràng "nhặt" được vợ trong hoàn cảnh éo le

- Con người có ý thức xây dựng hạnh phúc gia đình:

- Trên đường đưa vợ về xóm ngụ cư,
+cảm giác êm dịu của một anh Tràng lần đầu tiên đi cạnh cô vợ mới.
+ Khi về tới nhà:...

c. Buổi sáng đầu tiên khi có vợ:

-Tràng thức dậy trong trạng thái êm ái, lơ lửng

<p>chồng đi chợ về. + Chàng còn bỏ tiền mua 2 hao dầu thắp sáng trong đêm tân hôn.</p> <p>Tràng không cúi xuống lầm lũi như mọi ngày mà "<i>phớn phơ</i>", "<i>vênh vênh ra điều</i>". Trong phút chốc, Tràng quên tất cả tấm tối "<i>chỉ còn tình nghĩa với người đàn bà đi bên</i>" và cảm giác êm dịu của một anh Tràng lần đầu tiên đi cạnh cô vợ mới.</p> <p>- Khi về tới nhà: Tràng cảm thấy lúng túng, chưa tin vào sự thật mình đã có vợ=> đó là niềm hạnh phúc.</p> <p>- Tràng thức dậy trong trạng thái êm ái, lơ lửng như người ở trong giấc mơ đi ra. ...</p> <p>- Khi nhìn thấy mẹ và vợ quét dọn nhà cửa sạch sẽ, gọn gàng, Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó với căn nhà của mình, hẳn thấy hẳn nên người.</p> <p>- Tràng nghĩ đến trách nhiệm với gia đình, nhận ra bốn phận phải lo lắng cho vợ con sau này.</p> <p>- Anh cũng nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy đủ (hình ảnh lá cờ đỏ sao vàng trên đê Sộp).=> thể hiện niềm tin vào cuộc sống!</p> <p>GV: Cảm nhận của anh (chị) về người vợ nhặt (tư thế, bước đi, tiếng nói, tâm trạng,...). Cụ thể:</p> <p>Cảm nhận của em về nhân vật người đàn bà vợ nhặt này qua 3 giai đoạn:</p> <p>– Ở ngoài chợ: Vì sao thị nhanh chóng quyết định theo không Tràng?</p> <p>– Trên đường về nhà cùng Tràng. Vì sao thị nem nép, thị khó chịu? Thị cố nén tiếng thở dài?</p> <p>– Trong buổi sáng hôm sau, thị đã thể hiện mình qua những hành động và lời nói nào? So với đầu truyện, Thị có sự</p>	<p>thay đổi</p>
--	-----------------

-Tràng cảm thấy yêu thương và gắn bó với căn nhà của mình, hẳn thấy hẳn nên người.

-Tràng nghĩ đến trách nhiệm với gia đình, nhận ra bốn phận phải lo lắng cho vợ con sau này

-Anh cũng nghĩ tới sự đổi thay cho dù vẫn chưa ý thức thật đầy đủ

*** Nhận xét về nhân vật Tràng trong việc thể hiện tư tưởng chủ đề:...**

3. Người vợ nhặt:

a. **Là nạn nhân của nạn đói.** Những xô

đẩy dủ dôi của hoàn cảnh đã khiến “thị” chao chát, thô tục và chấp nhận làm “vợ

nhặt”. Thị theo Tràng trước hết là vì miếng ăn (chạy trốn cái đói).

b. **Tuy nhiên, sâu thẳm trong con người**

này vẫn khao khát một mái ấm gia đình

- Trên đường theo Tràng về nhà

- Khi về tới nhà

Đặc biệt trong buổi sáng hôm sau

như thế nào? Ý nghĩa của sự thay đổi đó là gì?

– Vì sao tác giả không đặt tên cho nhân vật này?

GV cho HS thảo luận cặp đôi.

Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.

- Trên đường theo Tràng về nhà cái vẽ "con cón" biến mất, chỉ còn người phụ nữ xâu hồ, ngượng ngùng và cũng đầy nữ tính (đi sau Tràng ba bốn bước, cái nón rách che nghiêng, ngồi móm ở mép giường,...).

- Khi về tới nhà, thị ngồi móm ở mép giường và tay ôm khư khư cái thúng. Tâm trạng lo âu, bồn chồn, hồi hộp khi bước chân về "làm dâu nhà người".

- Đặc biệt trong buổi sáng hôm sau: "Thị" là một con người hoàn toàn khác khi trở thành người vợ trong gia đình.

(chị ta dậy sớm, quét tước, dọn dẹp. Đó là hình ảnh của một người vợ biết lo toan, chu vén cho cuộc sống gia đình, hình ảnh của một người "vợ hiền dâu thảo".)

Chính chị cũng làm cho niềm hy vọng của mọi người trời dậy khi kể chuyện ở Bắc Giang, Thái Nguyên người ta đi phá kho thóc Nhật.

=> Đó là vẻ đẹp khuất lấp của người phụ nữ này đã bị hoàn cảnh xô đẩy che lấp đi.

c. Cảm nhận của anh (chị) về diễn biến tâm trạng nhân vật bà cụ Tứ-mẹ Tràng (lúc mới về, buổi sớm mai, bữa cơm đầu tiên)?

– Phân tích diễn biến tâm trạng của bà Tứ khi về đến nhà? Tác giả đã diễn tả diễn biến tâm lí của bà như thế nào?

- Vì sao từ ngạc nhiên đến mừng, lo buồn tủi... lẫn lộn? Vì sao bà thấy thương

4. Bà cụ Tứ:

a. Một người mẹ nghèo khổ, rất mực thương con:

- Tâm trạng ngạc nhiên

- Khi hiểu ra cơ sự: từ tâm trạng ngạc nhiên đến ai oán, xót thương, tủi phận:

b. Một người phụ nữ Việt Nam nhân hậu, bao dung và giàu lòng vị tha:

ngay người đàn bà trẻ xa lạ?

- Bà là người nhiều tuổi nhất nhưng lại nghĩ như thế nào về tương lai?

- Trong bữa cơm đầu tiên bà cụ Tứ nói những chuyện gì? Qua đó cho ta có cảm nhận gì về suy nghĩ của người mẹ nghèo này?

- Em có nhận xét gì về bà cụ Tứ?

- Câu nói nào của bà cụ làm em cảm động nhất? Vì sao?

Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.

- Tâm trạng ngạc nhiên khi thấy người đàn bà xa lạ ngồi ngay đầu giường con trai mình, lại chào mình bằng u:

+ Tâm trạng ngạc nhiên ấy được thể hiện qua động tác đứng sững lại của bà cụ.

+ Qua hàng loạt các câu hỏi: (...)

- Khi hiểu ra cơ sự: từ tâm trạng ngạc nhiên đến ai oán, xót thương, tủi phận:

+ Thương cho con trai vì phải nhờ vào nạn đói mà mới có được vợ.

+ Ai oán cho thân phận không lo được cho con mình.

+ Những giọt nước mắt của người mẹ nghèo và những suy nghĩ của bà là biểu hiện của tình thương con.

- Bà không chỉ hiểu mình mà còn hiểu người:

+ Có gặp bước khó khăn này người ta mới lấy đến con mình và con mình mới có vợ.

+ Dù có ai oán xót thương, cái đói đang đe dọa, cái chết đang cận kề, thì bà nén vào lòng tất cả để dang tay đón người đàn bà xa lạ làm con dâu mình: "*Ừ, thôi thì các con cũng phải duyên phải số với nhau, u cũng mừng lòng*".

+ Bà đã chủ động nói chuyện với nàng dâu mới để an ủi vỗ về và động viên.

Bà động viên con cái” ai giàu ba họ, ai khó ba đời” có ra thì con cái chúng mày

- Thấu hiểu và trân trọng tấm lòng nhân hậu, niềm khao khát hạnh phúc rất con

c. Một con người lạc quan, có niềm tin vào tương lai, hạnh phúc tươi sáng.

*** Tóm lại:** Ba nhân vật có niềm khát khao sống và hạnh phúc, niềm tin và hi vọng vào tương lai tươi sáng và ở cả những thời khắc khó khăn nhất, ranh giới mong manh giữa sự sống và cái chết. Qua các nhân vật, nhà văn muốn thể hiện tư tưởng: *“dù kẻ bên cái đói, cái chết, người ta vẫn khao khát hạnh phúc, vẫn hướng về ánh sáng, vẫn tin vào sự sống và vẫn hi vọng vào tương lai”*.

5. Giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc:

a. Hiện thực: Phản ánh tình cảnh bi thảm của người nông dân trong nạn đói khủng khiếp năm 1945.

b. Nhân đạo:

- Sự đồng cảm, xót thương đối với số phận của những người nghèo khổ.
- Gián tiếp lên án tội ác dã man của bọn TDP và phát xít Nhật.

<p>về sau...</p> <p>-Bữa cơm đầu tiên đón nàng dâu mới, bà cụ Tứ đã nhen nhóm cho các con niềm tin, niềm hy vọng: <i>"Tao tính khi nào có tiền mua lấy con gà về nuôi, chả mấy mà có đàn gà cho xem"</i>.</p> <p><i>Từ khi Tràng có vợ khuôn mặt búng beo hàng ngày của bà đã không còn nữa...</i></p> <p>=> Bà cụ Tứ là hiện thân của nỗi khổ con người Người mẹ ấy đã nhìn cuộc hôn nhân éo le của con thông qua toàn bộ nỗi đau khổ của cuộc đời bà. Bà lo lắng trước thực tế quá nghiệt ngã. Bà mừng một nỗi mừng sâu xa. Từ ngạc nhiên đến xót thương, nhưng trên hết vẫn là tình yêu thương. Cũng chính bà cụ là người nói nhiều nhất về tương lai, một tương lai rất cụ thể thiết thực với những gà, lợn, ruộng, vườn,...một tương lai khiến các con tin tưởng bởi nó không quá xa vời. Kim Lân đã khám phá ra một nét độc đáo khi để cho một bà cụ cập kê miệng lỗ nói nhiều với đôi trẻ về ngày mai.</p> <p>-Thảo tác 3: Khái quát giá trị tác phẩm GV: Hãy nêu giá trị hiện thực và nhân đạo của truyện? <i>Giáo viên gợi ý,</i> Dựa vào mục Ghi nhớ và trả lời</p>	<p>người, niềm tin vào cuộc sống, tương lai của những người lao động nghèo</p> <p>- Dự cảm về sự đời và tương lai tươi sáng của họ.</p>
<p>Anh (chị) hãy nhận xét về nghệ thuật viết truyện của Kim Lân (cách kể chuyện, cách dựng cảnh, đối thoại, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, ngôn ngữ,...).</p> <p>Tp đã phản ánh được tình cảnh gì của người nông dân.?</p>	<p>III. Tổng kết:</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>a. Xây dựng được tình huống truyện độc đáo:</p> <p>- Tình huống truyện: Tràng nghèo, xấu, lại là dân ngụ cư, giữa lúc đói khát nhất, khi cái chết đang cận kề (bức tranh nạn đói) lại “nhặt” được vợ, có vợ theo.</p> <p>- Giá trị của tình huống: Tình huống éo le này là đầu mối cho sự phát triển của truyện, tác động đến tâm trạng, hành động của các nhân vật (người dân xóm ngụ cư, mẹ Tràng và ngay cả Tràng) và thể hiện chủ đề của truyện.</p> <p>b. Cách kể chuyện tự nhiên, hấp dẫn; dựng cảnh sinh động, có nhiều chi tiết đặc sắc.</p> <p>c. Nhân vật được khắc họa sinh động, đối thoại hấp dẫn, ấn tượng, thể hiện tâm lí tinh tế.</p> <p>c. Ngôn ngữ một mực, giản dị nhưng chất lọc và giàu sức</p>

<p>Nhà văn đã thể hiện tc, t/độ như thế nào đối với ng nông dân? Đối với bọn TDP và phát xít Nhật?</p> <p><i>Học sinh thảo luận và trình bày.</i></p>	<p>gợi.</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản:</p> <p><i>Tổ cáo tội ác của bọn thực dân, phát xít đã gây ra nạn đói khủng khiếp năm 1945 và khẳng định: ngay trên bờ vực của cái chết, con người vẫn hướng về sự sống, tin tưởng ở tương lai, khát khao tổ ấm gia đình và thương yêu, đùm bọc lẫn nhau.</i></p>
---	--

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p><u>Câu hỏi 1:</u> Nhân vật Tràng trong truyện không có thói quen nào sau đây?</p> <p>a. Vừa đi vừa tùm tùm cười b. Vừa đi vừa nói. c. Vừa đi vừa lầu bầu chửi d. Vừa đi vừa than thở</p> <p><u>Câu hỏi2:</u> Chi tiết nào sau đây của Kim Lân không dùng để giới thiệu về gia cảnh của Tràng?</p> <p>a. Là người dân xóm ngụ cư. b. Sống với người mẹ già c. Ngôi nhà đứng rúm ró trên mảnh vườn lớn nhón cổ đại. d. Gia tài duy nhất là mấy con gà gầy xơ xác..</p> <p><u>Câu hỏi 3:</u> Dòng nào sau đây chưa nói đúng về đặc điểm nghệ thuật của truyện "Vợ nhặt"?</p> <p>a. Ngôn ngữ truyện giàu màu sắc trào phúng. b. Tạo tình huống truyện độc đáo. c. cách kể chuyện tự nhiên,</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='c' [2]='d' [3]='a'</p>

ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, giàu biểu cảm. d. Khắc hoạ được những nhân vật sinh động, giàu tâm trạng. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	
--	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: <i>Nhìn theo bóng Tràng</i> <i>Họ cùng nín lặng.</i> (Trích <i>Vợ nhặt</i> – Kim Lân) 1. Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ nào? 2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ? 3. Câu văn <i>Những khuôn mặt hốc hác u tối của họ bỗng dung rạng rỡ hẳn lên. Có cái gì lạ lùng và tươi mát thổi vào cuộc sống đói khát, tăm tối ấy của họ</i> được sử dụng biện pháp tu từ gì? Ý nghĩa nghệ thuật biện pháp tu	Câu 1 : Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật, phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. Câu 2 : Đoạn văn kể về những lời bàn tán của dân xóm ngụ cư khi nhân vật Tràng dẫn thị (người vợ nhặt) về. Câu 3: Câu văn sử dụng biện pháp tu từ đối lập : <i>khuôn mặt hốc hác u tối-rạng rỡ ; đói khát, tăm tối -lạ lùng và tươi mát</i> . Ý nghĩa nghệ thuật: Nhà văn khẳng định: chính khát vọng sống còn và khát vọng hạnh phúc trước mọi ý thức tuyệt vọng và tê liệt vì nạn đói, có tác dụng làm cho tâm hồn của người dân đói khổ, chết chóc đã rạng rỡ hẳn lên.

5. TÌM TÌM, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Tìm đọc thêm một số	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Tìm đọc qua thư viện, mạng internet...

truyện ngắn của Kim lân -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	
---	--

.....

.....

.....

.....

Tuần 21: Tiết 63- Làm văn

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

I. Tên bài học: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TÁC PHẨM, MỘT ĐOẠN TRÍCH VĂN XUÔI

II. Hình thức dạy học: Dạy học trên lớp

III. Chuẩn bị của thầy và trò

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B: Xác định nội dung- chủ đề bài học

C: Mức độ cần đạt

1. Kiến thức

- Đối tượng của bài làm văn nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi: tìm hiểu giá trị nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

- Cách thức triển khai bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi: giới thiệu khái quát về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi cần nghị luận; bàn về những giá trị nội dung, nghệ thuật của một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi theo định hướng của đề bài đánh giá chung về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi đó.

2. Kỹ năng

- Tìm hiểu đề, lập dàn ý cho bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

- Huy động những kiến thức và cảm xúc, trải nghiệm của bản thân để viết bài nghị luận về một tác phẩm, đoạn trích văn xuôi.

3. Thái độ:

Vận dụng tốt các kĩ năng làm bài nghị luận về một tác phẩm ,một đoạn trích văn xuôi

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn xuôi hiện đại Việt Nam.
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn xuôi hiện đại Việt

Nam;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn xuôi

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm, phong cách nghệ thuật giữa các tác phẩm văn xuôi có cùng đề tài;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

D. TỔ CHỨC DẠY VÀ HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

Hoạt động của GV- HS	Nội dung cần đạt
<p>- GV giao nhiệm vụ: GV TỔ CHỨC TRÒ CHOI Ô CHỮ về chủ đề truyện Vợ nhặt để tạo không khí sôi động đầu giờ học.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài:</i></p> <p><i>Như vậy là chúng ta đã thực hiện xong việc tìm hiểu truyện Vợ nhặt của Kim Lân.</i></p> <p><i>Bước tiếp theo chúng ta sẽ thực hiện viết bài nghị luận về truyện ngắn này cũng như</i></p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(5 phút)

Hoạt động của GV- HS	Nội dung cần đạt
<p>Thao tác 1:</p> <p>1. GV tổ chức cho HS thực hiện các yêu cầu (SGK)</p> <p><i>Đề 1: Phân tích truyện ngắn Tinh thần thể dục của Nguyễn Công Hoan.</i></p> <p>- GV nêu yêu cầu và gợi ý, hướng dẫn.</p> <p>HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:</p> <p>-Truyện gồm những cảnh khác nhau tưởng</p>	<p>1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý</p> <p>a- Đề 1:</p> <p>a1- Gợi ý tìm hiểu đề</p>

<p>nghư rời rạc (cảnh van xin, đứt lốt, thuê người đi thay, bị áp giải đi xem đá bóng), nhưng thật ra đều tập trung biểu hiện chủ đề: <i>bọn quan lại cầm quyền cưỡng bức dân chúng để thực hiện một ý đồ bịp bợm đen tối.</i></p> <p>Truyện gồm những cảnh khác nhau tưởng như rời rạc (cảnh van xin, đứt lốt, thuê người đi thay, bị áp giải đi xem đá bóng), nhưng thật ra đều tập trung biểu hiện chủ đề: <i>bọn quan lại cầm quyền cưỡng bức dân chúng để thực hiện một ý đồ bịp bợm đen tối.</i></p> <p>+ Việc xem đá bóng vốn mang tính chất giải trí bỗng thành một tai hoạ giáng xuống người dân.</p> <p>+ Sự tận tụy, siêng năng thực thi lệnh trên của lí trưởng đã gặp phải mọi cách đối phó của người dân khôn khéo.</p> <p>+ Ngôn ngữ người kể chuyện: rất ít lời, mỗi cảnh có khoảng 2 dòng, như muốn để người đọc thiếu lấy ý nghĩa.</p> <p>+ Ngôn ngữ các nhân vật: lời đối thoại rất tự nhiên, sinh động,... thể hiện đúng thân phận và trình độ của họ. Ngôn ngữ của lí trưởng không mang kiểu cách hành chính nào cả... Qua ngôn ngữ các nhân vật, người đọc có thể hình dung đó là một xã hội hỗn độn.</p> <p>Tác giả dùng bút pháp trào phúng để châm biếm trò lừa bịp của chính quyền. Nội dung truyện không phải hoàn toàn bịa đặt. Để tách người dân khỏi ảnh hưởng của các phong trào yêu nước, thực dân Pháp đã bày ra các trò thể dục thể thao (đua xe đạp, thi bơi lội, đấu bóng đá) để đánh lạc hướng. Do đó truyện này có ý nghĩa hiện thực, có giá trị châm biếm sâu sắc.</p>	<p>- <i>Đặc sắc của kết cấu truyện:</i></p> <p>- <i>Mâu thuẫn và tính chất trào phúng của truyện:</i></p> <p>- <i>Đặc điểm của ngôn ngữ truyện:</i></p> <p>- <i>Giá trị hiện thực và ý nghĩa phê phán của truyện:</i></p> <p>b) <i>Gợi ý xây dựng dàn bài</i> - Mở bài : Giới thiệu ngắn gọn về truyện ngắn <i>Tinh thần thể dục</i> của nhà văn</p>
---	--

<p>GV: Từ nội dung đã đọc hiểu ở trên, em hãy lập dàn ý cho đề bài? HS thảo luận cặp đôi và trả lời.</p> <p>Qua việc nhận thức đề và lập ý cho đề trên, GV yêu cầu HS rút ra kết luận về cách làm nghị luận một tác phẩm văn học.</p> <p>2. GV tổ chức cho HS nhận xét về nghệ thuật sử dụng ngôn từ trong Chữ người tử tù của Nguyễn Tuân (có so sánh với chương Hạnh phúc một tang gia- Trích Số đỏ của Vũ Trọng Phụng).</p> <p>- GV nêu yêu cầu và gợi ý.</p>	<p>Nguyễn Công Hoan.</p> <p>- Thân bài : Nghệ thuật trào phúng trong truyện ngắn Tinh thần thể dục: kết cấu truyện độc đáo, mâu thuẫn trong truyện nhiều dạng vẻ và ý nghĩa của cái cười trong truyện ngắn Tinh thần thể dục.</p> <p>- Kết bài: Qua tác phẩm, cần thấy được mối quan hệ giữa văn học và thời sự ; văn học và sự thức tỉnh xã hội.</p> <p>c) Cách làm nghị luận một tác phẩm văn học</p> <p>+ Đọc, tìm hiểu, khám phá nội dung, nghệ thuật của tác phẩm.</p> <p>+ Đánh giá được giá trị của tác phẩm.</p> <p>a2- Đề 2</p> <p>a) Gợi ý tìm hiểu đề</p> <p>- Trong <i>Chữ người tử tù</i>, tác giả sử dụng nhiều từ Hán Việt cổ, cách nói cổ để dựng nên những cảnh tượng, những con người thời phong kiến suy tàn. Với giọng văn cổ kính trang trọng, tác giả nói đến những con người tài hoa, trọng thiên lương nay chỉ còn là vang bóng của một thời.</p> <p>- Trong <i>Hạnh phúc của một tang gia</i> tác giả dùng nhiều từ, nhiều cách chơi chữ để mỉa mai, giễu cợt tính chất giả dối, lỗ lã, đồi bại của một số người tự nhận thuộc giới thượng lưu những năm trước Cách mạng tháng Tám.</p> <p>- Việc dùng từ, chọn giọng văn phải hợp với chủ đề của truyện, và thể hiện đúng tư <i>trưởng tình cảm của tác giả</i>.</p> <p>b) Gợi ý xây dựng dàn bài</p> <p>Có thể viết theo trình tự các câu hỏi khi tìm hiểu đề để lập dàn bài cho riêng mình.</p> <p>c) Cách làm nghị luận một khía cạnh của tác phẩm văn học</p> <p>+ Cần đọc kĩ và nhận thức được khía cạnh mà đề yêu cầu.</p>
--	---

+ Tìm và phân tích những chi tiết phù hợp với khía cạnh mà đề yêu cầu.

<p>Qua việc nhận thức đề và lập ý cho đề trên, GV yêu cầu HS rút ra kết luận về cách làm nghị luận một tác phẩm văn học. HS đọc đề 1.</p> <p>- HS thảo luận về nội dung vấn đề nghị luận, nêu được dàn ý đại cương.</p> <p>- HS thảo luận và trình bày. HS thảo luận và phát biểu</p> <p>Từ hai bài tập trên, GV tổ chức cho HS rút ra cách làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi.</p> <p>- HS phát biểu. GV nhận xét, nhấn mạnh những ý cơ bản.</p>	<p>3. Cách làm bài văn nghị luận về một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi</p> <p>+ Có đề nêu yêu cầu cụ thể, bài làm cần tập trung đáp ứng các yêu cầu đó. + Có đề để HS tự chọn nội dung viết. Cần phải khảo sát và nhận xét toàn truyện. Sau đó chọn ra 2, 3 điểm nổi bật nhất, sắp xếp theo thứ tự hợp lý để trình bày. Các phần khác nói lướt qua. Như thế bài làm sẽ nổi bật trọng tâm, không lan man, vụn vặt.</p> <p>Đề: Đòn châm biếm, đả kích trong truyện ngắn Vi hành của Nguyễn ái Quốc.</p> <p>Nhận thức đề</p> <p>Yêu cầu nghị luận một khía cạnh của tác phẩm: đòn châm biếm, đả kích trong truyện ngắn Vi hành của Nguyễn ái Quốc.</p> <p>2. Các ý cần có:</p> <p>+ Sáng tạo tình huống: nhằm lẫn. + Tác dụng của tình huống: miêu tả chân dung Khải Định không cần y xuất hiện, từ đó mà làm rõ thực chất những ngày trên đất Pháp của vị vua An Nam này đồng thời tố cáo cái gọi là "văn minh", "khai hóa" của thực dân Pháp</p>
---	---

3.LUYỆN TẬP (2 phút)

Hoạt động của GV- HS	Nội dung cần đạt
GV giao nhiệm vụ:	

<p>Cần đặc biệt chú ý điều gì khi lựa chọn đề tài nghị luận về tác phẩm, đoạn trích văn xuôi:</p> <p>a/ Lựa chọn vấn đề đã được bàn luận nhiều</p> <p>b/ Lựa chọn vấn đề chưa được bàn luận nhiều</p> <p>c/ Lựa chọn vấn đề thực sự có giá trị, có ý nghĩa, có vai trò quan trọng trong tác phẩm;</p> <p>d/ Lựa chọn vấn đề mà mình cảm thấy hứng thú;</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>1c.</p>
--	-------------------

4.VẬN DỤNG (8 phút)

Hoạt động của GV- HS	Nội dung cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Phân tích giá trị hiện thực tác phẩm “Vợ nhặt” của Kim Lân.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p><u>Lập dàn ý:</u></p> <p>I/ Mở bài :</p> <p>- Giới thiệu vài nét lớn về tác giả, tác phẩm;</p> <p>- Nêu vấn đề giá trị hiện thực của truyện</p> <p>II. Thân bài:</p> <p>1. Khái quát về tác phẩm: Giới thiệu hoàn cảnh ra đời tác phẩm, xuất xứ tác phẩm, tóm tắt nội dung truyện.</p> <p>2. Phân tích giá trị hiện thực của truyện :</p> <p>a/.Biểu hiện trước hết về giá trị hiện thực của truyện ngắn “Vợ nhặt” là truyện đã phản ánh chân thực nạn đói năm 1945 và cuộc sống khổ khổ của nhân dân ta trong nạn đói ấy.</p> <p>-Làm rõ đặc điểm: nạn đói năm 1945 tràn đến xóm ngụ cư thông qua thời gian, không gian, âm thanh tiếng quạ, ...</p>

	<p>-Làm rõ đặc điểm: cuộc sống khốn khổ của nhân dân ta trong nạn đói, nhất là cảnh người đói vật vờ như bóng ma và người chết như ngã rạ...</p> <p>b/.Hiện thực về nạn đói còn được thể hiện qua một tình huống cụ thể với những con người cụ thể, đó là anh Tràng có vợ.</p> <p>-Làm rõ đặc điểm: Hình ảnh người vợ nhặt bị cái đói tàn phá thông qua ngoại hình, cách ăn bánh đúc...</p> <p>-Làm rõ đặc điểm: Bà cụ Tứ nghèo khổ. Bữa cơm ngày đói đón dâu mới thật thảm hại.</p> <p>-Làm rõ đặc điểm : Số phận của nhân vật Tràng...</p> <p>3. Nhận xét về nghệ thuật thể hiện giá trị hiện thực của truyện: nhân vật được đặt trong tình huống truyện độc đáo; diễn biến tâm lí được miêu tả chân thực, tinh tế; ngôn ngữ mộc mạc, giản dị, phù hợp với tính cách nhân vật.</p> <p>III./ Kết bài :</p> <p>-Tóm lại, truyện ngắn "Vợ nhặt" có giá trị hiện thực sâu sắc với hai biểu hiện: phản ánh chân thực nạn đói năm 1945 và cuộc sống khốn khổ của nhân dân ta trong nạn đói ấy; biểu hiện trong tình huống độc đáo.</p> <p>-Ý nghĩa giá trị .</p>
--	---

5.TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV- HS	Nội dung cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Vẽ bản đồ tư duy bài học</p> <p>+ Viết thành bài văn trên cơ sở dàn ý ở phần vận dụng</p> <p>-HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>+ Vẽ đúng bản đồ tư duy</p> <p>+ Viết bài văn hoàn chỉnh</p>

Tuần:

Ngày soạn:.....

Tiết 64

Ngày kí:.....

RỪNG XÀ NU

Nguyễn Trung Thành

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

I. Tên bài học: Rừng xà nu

II. Hình thức dạy học: Dạy học trên lớp

III. Chuẩn bị của thầy và trò

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh rừng xà nu, hoa pơ lang , phim về *Tây Nguyên trong kháng chiến chống Mỹ*

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B: Xác định nội dung- chủ đề bài học

- Hình tượng rừng xà nu- biểu tượng của cuộc sống đau thương nhưng kiên cường và bất diệt.

- Hình tượng nhân vật Tnú và câu chuyện bi tráng về cuộc đời anh thể hiện đầy đủ nhất cho chân lí: phải dùng bạo lực cách mạng để chống lại bạo lực phản cách mạng, đấu tranh vũ trang là con đường tất yếu để tự giải phóng.

- Chất sử thi thể hiện qua cốt truyện , bút pháp xây dựng nhân vật, giọng điệu và vẻ đẹp ngôn ngữ của tác phẩm.

C: Mức độ cần đạt

1. Kiến thức

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn xuôi

2. Kỹ năng

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học

3. Thái độ

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản văn xuôi kháng chiến chống Mỹ

b/ Hình thành tính cách: tự tin, sáng tạo khi tìm hiểu văn bản văn

xuôi c/ Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của truyện ngắn hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà truyện ngắn hiện đại đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong văn xuôi hiện đại Việt Nam

D : Tổ chức dạy và học

1. KHỞI ĐỘNG

Hoạt động của GV- HS	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none">- Gv cho HS quan sát tranh và trả lời: Đây là ai? Đây là cây gì? Hoa gì? Hình ảnh ấy khiến em liên tưởng đến tác phẩm nào trong chương trình lớp 12- HS trả lời- Gv : Vào bài: <i>Chiến tranh xâm lược đã tàn phá bao vùng đất, giết đi bao mạng sống của cả con người lẫn sinh vật. Có những vùng đất phải gánh chịu vô vàn những thương đau mà tinh thần vẫn luôn quật khởi, ý chí vẫn vững vàng. Tây Nguyên là một nơi như thế đấy và dân làng Xô man trong truyện ngắn “Rừng xà nu” của Nguyễn Trung Thành đã nói lên điều đó. Cảnh rừng cũng như con người “nằm trong tầm đại bác” vẫn cứ hiên ngang sống. Giờ học hôm nay cô cùng các em tìm hiểu tác phẩm độc đáo này.</i>	<ul style="list-style-type: none">- Tác giả Nguyễn Trung Thành- Rừng xà nu- Hoa pơ lang☑ Tác phẩm RXN

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động của GV- HS	Nội dung cần đạt
<ul style="list-style-type: none">- GV yêu cầu 1 hs lên thuyết trình những hiểu biết của mình về cuộc đời và sự nghiệp của tác giả (đã được chuẩn bị từ trước)- HS trả lời: +Tên khai sinh là Nguyễn Văn Báu, sinh năm 1932, quê ở Thăng Bình, Quảng Nam.	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: <ul style="list-style-type: none">- NTT tên thật là NVB, sinh năm 1932, quê ở Quảng Nam- Là nhà văn trưởng thành trong 2 cuộc kháng chiến và gắn bó mật thiết với mảnh đất TN- Tác phẩm tiêu biểu: <i>Đất nước đứng lên</i>- giải nhất, giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam năm 1954- 1955; <i>Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc</i> (1969); <i>Đất Quảng</i>

<p>+ Nhập ngũ năm 1950, rồi làm phóng viên báo Quân đội nhân dân liên khu V, tập kết ra Bắc, viết văn với bút danh Nguyễn Ngọc</p> <p>+ Năm 1962: tình nguyện trở về chiến trường miền Nam lấy bút danh Nguyễn Trung Thành.</p> <p>+ Tác phẩm: <i>Đất nước đứng lên</i>- giải nhất, giải thưởng Hội văn nghệ Việt Nam năm 1954-1955; <i>Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc</i> (1969); <i>Đất Quảng</i> (1971- 1974);...</p> <p>- GV chốt</p> <p>HS làm việc cá nhân</p> <p>- GV hỏi: <i>Nêu hoàn cảnh sáng tác của truyện ngắn</i></p> <p>- HS trả lời</p> <p>+Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, hiệp định Giơ-ne-vơ được kí kết, đất nước chia làm hai miền.</p> <p>+Mĩ-ngụy ra sức phá hoại hiệp định, lê máy chém đi khắp miền Nam. Cách mạng rơi vào thời kì đen tối.</p> <p>+Đầu năm 1965, Mĩ đổ quân ồ ạt vào miền Nam và đánh phá ác liệt ra miền Bắc. Cả nước sục sôi không khí đánh Mĩ. Rừng xà nu được viết vào đúng thời điểm đó.</p> <p>+<i>Rừng xà nu</i> (1965) ra mắt lần đầu tiên trên <i>Tạp chí văn nghệ quân giải phóng miền Trung Trung bộ</i> (số 2- 1965), sau đó được in trong tập <i>Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc</i>.</p> <p>- GV nhận xét, chốt lại kiến thức cần nhớ</p>	<p>(1971- 1974);...</p> <p>✉ Ông là nhà văn có những tác phẩm viết hay nhất về đất và người Tây Nguyên trong hai cuộc kháng chiến.</p> <p>2.Tác phẩm:</p> <p>a. HCST:</p> <p><i>Rừng xà nu</i> (1965) đăng lần đầu tiên trên <i>Tạp chí văn nghệ quân giải phóng miền Trung Trung bộ</i> (số 2- 1965), sau đó được in trong tập <i>Trên quê hương những anh hùng Điện Ngọc</i>.</p> <p>b.Tóm tắt tác phẩm</p>
--	--

HS làm việc cá nhân

- GV: ***Yêu cầu HS tóm tắt lại văn bản***

- HS tóm tắt:

+ Làng XM nằm trong tầm đại bác của đông giặc. Cả cánh rừng xà nu xanh bạt ngàn phải gồng mình gánh chịu bom đạn của kẻ thù

+ T nú là người con của buôn làng. Sau 3 năm đi lực lượng anh được trở về thăm quê. Bé Heng dẫn anh vào làng vì buôn làng đã đổi khác rất nhiều so với trước đây. Đường đi nhiều hầm, chông và giàn thò. Dít đã trở thành bí thư. T Nú nhớ lại những kỉ niệm với Mai- người vợ đã mất của anh.

+ Cụ Mết và dân làng đón anh rất nồng nhiệt. Bên đông lửa nhà ưng, cụ Mết lại kể cho dân làng nghe về cuộc đời T nú. T nú mồ côi cha mẹ từ nhỏ, được dân làng XM nuôi dưỡng. T nú cùng Mai tham gia tiếp tế nuôi giấu cán bộ trong rừng. T nú còn

làm liên lạc cho cán bộ. Không may một lần đang đi liên lạc thì bị giặc bắt và tra tấn dã man. Ba năm sau Tnu vượt ngục về làng.

Tnu và Mai thành vợ chồng
Biết tin dân làng XM mài giáo chuẩn bị chiến đấu nên bon giặc kéo đến. Chúng lung bắt T nú

không được đã mang vợ con anh
ra giữa sân nhà ưng tra tấn bằng
gậy sắt cho đến chết. Tnú nấp
gần đó đã lao ra cứu mẹ con
Mai nhưng không được. Anh bị
giặc bắt và bị thiêu đốt 10 đầu
ngón tay bằng chất nhựa xà nu.
Cụ

<p>Một cùng dân làng nổi dậy giết chết bọn giặc và cứu được Tnu. T nú tham gia cách mạng và lập được chiến công</p> <p>+ Sau khi về thăm buôn làng một đêm T nú lại ra đi. Anh đứng ở rừng xà nu gần con nước lớn ngắm nhìn ra xa thấy những cánh rừng xà nu nổi nhau chạy đến chân trời.</p> <p>- GV nhận xét, cho điểm</p> <p>HS làm việc cá nhân</p> <p>- GV: Hãy phân chia bố cục tác phẩm</p> <p>- HS trả lời</p> <p>- GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>HS làm việc nhóm: 4 nhóm (3 phút)</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ: Nêu ý nghĩa nhan đề tác phẩm? (Gợi ý: Tại sao tác giả lại lấy tên của cây xà nu để đặt nhan đề cho tác phẩm này mà không phải là tên của một loài cây khác?)</p> <p>- B2: HS trao đổi , thảo luận trong nhóm</p> <p>- B3: HS cử đại diện trả lời, các nhóm khác theo dõi bổ sung</p> <p>+ XN là một loài cây đặc trưng của núi rừng Tây Nguyên. Cây mọc thành rừng. Thân cao, thẳng tắp gợi vẻ đẹp hùng tráng</p> <p>RXN gợi được cái khí vị riêng của Tây Nguyên</p> <p>+ Trong tác phẩm RXN húng</p>	<p>chịu biết bao nhiêu bom đạn của kẻ thù nhưng cây cũng có sức</p>
---	---

c.Bố cục: 5 phần

- P1: đặc tả cây xà nu
- P2: Sau 3 năm đi lực lượng Tnu về thăm buôn làng. Bé Heng dẫn anh vào buôn. Cụ Mết và dân làng đón anh
- P3: Buổi tối ở nhà cụ Mết
- P4: Câu chuyện về cuộc đời của T nú
- P5: Sáng hôm sau t nú lại ra đi. Cụ Mết và Dít tiễn anh đến rừng xà nu cạnh con nước lớn

II. Đọc- hiểu:

1. Ý

**ng
hĩa
nh
an
đề:**

- RXN gợi được cái khí vị riêng của Tây Nguyên
- Tên tác phẩm vừa có ý nghĩa tả thực lại vừa có ý nghĩa tượng trưng nên đã chứa đựng cảm hứng của nhà văn và tư tưởng chủ đề của tác phẩm.

<p>sống bất diệt- > tượng trưng cho số phận và phẩm chất của đồng bào TN</p> <p>✉ Nhan đề của tác phẩm đã chứa đựng cảm hứng của nhà văn và tư tưởng chủ đề của tác phẩm</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt lại kiến thức cơ bản</p> <p>- GV dẫn: <i>Qua nhan đề ta thấy cây xà nu có một vị trí rất quan trọng trong lòng tác giả, được tác giả trân trọng, nâng niu và đặt làm nhan đề cho tp. Không chỉ vậy, cây xà nu còn là hình tượng nghệ thuật xuyên suốt từ đầu đến cuối tác phẩm, được tác giả miêu tả công phu, đậm nét. Ta cùng tìm hiểu kĩ hơn về loài cây đặc biệt này.</i></p> <p>HS làm việc cá nhân:</p> <p>- GV hỏi:</p> <p><i>Trong tác phẩm nhiều lần hình ảnh cây xà nu xuất hiện với các tên gọi khác nhau như cây xà nu, lửa xà nu, khói xà nu.... Em hãy tìm các chi tiết cụ thể ấy (trừ đoạn mở đầu và đoạn cuối)</i></p> <p>- HS trả lời:</p> <p>+ Cây xà nu có mặt trong đời sống hàng ngày của dân làng Xô man :</p> <p>lửa xà nu cháy trong mỗi bếp. Trong đêm Tnú về thăm làng, dân làng và cụ Mết đã dùng xà nu để đốt đồng lửa trong nhà ưng. Tnú dùng khói xà nu để xông băng nứa học chữ</p> <p>+ Cây xà nu tham dự vào</p>	<p>những sự kiện trọng đại của dân làng:</p>
---	--

cho số phận và phẩm chất của con người Tây Nguyên trong chiến tranh

*** Đau thương:**

- Với cái nhìn bao quát nhưng không kém phần tinh tế, tác giả đã phát hiện ra: *"Cả rừng xà nu hàng vạn cây không cây nào là không bị thương"*.

2.Hình tượng cây xà nu:

a. Cây xà nu gắn bó mật thiết với đời sống vật chất và tinh thần của con người Tây Nguyên:

- Cây xà nu có mặt trong đời sống hàng ngày của dân làng Xô Man
 - Cây xà nu tham dự vào những sự kiện trọng đại của dân làng
 - Cây xà nu thấm sâu vào từng nếp nghĩ và cảm xúc của người dân
- ☑Cây xà nu đã trở thành một phần máu thịt trong đời sống vật chất và tinh thần của người dân Tây Nguyên

b.Cây xà nu tượng trưng

<p>Ngọn đuốc xà nu soi đường rừng cho cụ mét và dân làng vào rừng lấy vũ khí</p> <p>Giặc đốt đôi bàn tay T nú bằng nhựa xà nu, đốt lửa xà nu lớn giữa nhà soi rõ xác của 10 tên giặc</p> <p>+ Cây xà nu thâm sâu vào từng nếp nghĩ và cảm xúc của người dân :</p> <p>Ngực cụ Mét căng như một cây xà nu lớn. Cụ nói ‘ Không gì mạnh bằng cây xà nu đất ta’</p> <p>- Gv nhận xét, bổ sung ,chốt lại</p> <p>- GV yêu cầu HS đọc đoạn mở đầu</p> <p>- HS đọc</p> <p>HS làm việc nhóm: 4 nhóm</p> <p>- B1: Chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Nhóm 1: Tìm các câu văn miêu tả cánh rừng xà nu bị giặc tàn phá dữ dội? Các câu văn ấy gọi cho em cảm giác gì? Từ đó hãy khái quát lên ý nghĩa tượng trưng của nó?</p> <p>Nhóm 2: Cây xà nu có những đặc tính gì? Tìm các câu văn miêu tả đặc tính ấy và khái quát ý nghĩa tượng trưng của nó?</p> <p>Nhóm 3: Tìm những câu văn miêu tả hình ảnh rừng xà nu như một thành lũy bảo vệ dân làng XM. Hình ảnh ấy gọi em liên tưởng đến những nhân vật nào trong truyện?</p> <p>Nhóm 4: Đề khắc họa hình tượng cây xà nu tác giả đã sử dụng các biện pháp nghệ thuật nào? Lấy dẫn chứng cụ thể</p>	<p>cho</p> <p>các biện pháp nghệ thuật ấy</p> <p>- B2: HS thảo luận trong nhóm,</p>
--	---

✉ Đây là sự đau thương của một khu rừng mà tác giả tận mắt chứng kiến.

- Nỗi đau hiện ra nhiều vẻ khác nhau:

+ Cái đau của những cây xà nu như con người đang tuổi thanh xuân, bỗng *"bị chặt đứt ngang nửa thân mình đổ ào ào như một trận bão"*.

+ Có cái xót xa của những cây con, tựa như đứa trẻ thơ: *"vừa lớn ngang tầm ngực người bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi. Ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được cứ loét mãi ra, năm mười hôm sau thì cây chết"*.

✉ Nhà văn đã mang nỗi đau của con người để biểu đạt cho nỗi đau của cây. Mỗi cây ngã xuống

mà ta ngỡ như một người XM ngã xuống. . Phải chăng đó là hình ảnh của anh Xút, bà Nhan, mẹ con Mai, anh Quyết....Nhưng trong đau thương cây xà nu vẫn đẹp đến sững sờ. Đẹp trong dáng ngã kiêu hùng *"Đổ ào ào như một trận bão"*. Đó là dáng ngã của biết bao con người VN trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại

✉ Từ những thương tích mà cây xà nu phải gánh chịu nhà văn đã gọi lên cái đau thương, mất mát

của một thời mà người dân XM nói riêng và đồng bào Tây Nguyên nói chung phải gánh chịu

* Sức sống mãnh liệt:

- Tác giả đã phát hiện được sự sinh sôi nảy nở mãnh liệt của

cây:

+ *"trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy"*.

✉ Đây là yếu tố cơ bản để xà nu vượt qua ranh giới của sự sông và cái chết.

- Sự sống tồn tại ngay trong sự hủy diệt: *"Cạnh một cây xà nu mới ngã gục đã có bốn năm cây con mọc lên"*.

✉ Tác giả sử dụng cách nói đối lập (*ngã gục- mọc lên; một- bốn năm*) để khẳng định một khát

vọng thật của sự sống.

- Cây xà nu đã tự vươn lên bằng sức sống nội tại của mình: *"...cây con mọc lên, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời"*.

-> Xà nu đẹp một vẻ đẹp hùng tráng, man dại đắm

ghi bản phụ

- B3: HS cử đại diện trả lời, các nhóm còn lại theo dõi, bổ sung

Nhóm 1:

*** Đau thương:**

- Câu văn :

+ “ *Cả rừng xà nu hàng vạn cây không có cây nào không bị thương. Có những cây bị đứt ngang nửa thân mình, đổ ào ào như một trận bão. Ở chỗ vết thương, nhựa ứa ra, tràn trề, thơm ngào ngạt, long lanh nắng hè gay gắt, rồi dần dần bầm lại, đen và đặc quện thành từng cục máu lớn.*”

+ “ *Có những cây con vừa lớn ngang tầm ngực người lại bị đạn đại bác chặt đứt làm đôi. ở những cây đó, nhựa còn trong, chất dầu còn loãng, vết thương không lành được, cứ loét mãi ra, năm mười hôm thì cây chết.*”

-> gợi cảm giác đau thương, mất mát

☑Thương tích mà cây xà nu phải gánh chịu do đạn đại bác

của kẻ thù tượng trưng cho những mất mát, đau thương của dân làng XM nói riêng và đồng bào Tây Nguyên nói chung. **Nhóm 2:**

Đặc tính:

- Sinh sôi nảy nở mãnh liệt: “ *Trong rừng ít có loại cây sinh sôi nảy nở khỏe như vậy. cạnh một cây xà nu mới ngã gục, đã có bốn năm cây con mọc lên, ngọn xanh rờn, hình nhọn mũi tên lao thẳng lên bầu trời*”

-> Tượng trưng cho sự anh dũng, bất khuất, kiên cường của người dân XM

chất núi rừng.

Đau thương nối tiếp đau thương mà sự sống cũng nối tiếp sự sống. Thế hệ này ngã xuống, thế hệ khác đứng lên thay thế tiếp tục chiến đấu chống lại kẻ thù. Anh Xút và bà Nhan hi sinh thì đã có thế hệ của Tnu và Mai tiếp bước. Mai ngã xuống đang tuổi thanh xuân thì Dít lớn lên là bí thư chi bộ. Đứa con của Tnu không còn thì đã có bé Heng lớn lên tiếp bước cha anh.

Đúng như Hoàng Trung Thông đã viết:

Ta lại viết bài thơ lên bảng

súng Con lớn lên viết tiếp thay cha

Người đứng dậy viết tiếp người ngã xuống

Người hôm nay viết tiếp người hôm qua

☑Sức sống mãnh liệt của cây tượng trưng cho sự anh dũng, bất khuất, kiên cường của người dân Xô Man.

*** Ham ánh sáng, khí trời :**

“ *Cũng có ít loại cây ham ánh sáng mặt trời đến thế. Nó phóng lên rất nhanh để tiếp lấy ánh nắng, thứ ánh nắng trong rừng rọi từ trên cao xuống từng*

luồng lớn thẳng tắp, long lánh vô số hạt bụi vàng từ nhựa cây bay ra, thơm mỡ màng” ☑Tượng trưng cho sự khát khao tự do của dân làng XM. Vì

tự do họ đã cùng nhau cầm vũ khí tiêu diệt kẻ thù

*** Thành lũy bảo vệ dân làng Xô Man:**

- Mỗi ngày gác bắn đại bác 3 lần vào làng nhưng làng XM vẫn bình yên vì “*Hầu hết đạn đại bác đều rơi vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn*”

- Vững trãi, không khuất phục trước mưa bom bão đạn của kẻ thù: “ *Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao long vũ. Đạn đại bác không giết nổi chúng, ...che chở cho làng...*”

☑Hình ảnh ấy ẩn dụ cho những con người đang chiến đấu bảo vệ quê hương như cụ Mết, Tnú, Dít... Đó là vẻ đẹp của bức thành đồng kiên cố, tấm lá thép vĩ đại. Vì vậy mà suốt 5 năm chưa hề có

một cán bộ nào bị giặc bắt hoặc
chết tron rừng. Bởi rừng xà nu
đã mang vẻ đẹp “ *Rừng che bộ
đội ,
rừng vây quân thù*”. Tất cả nối
tiếp nhau tạo thành một đội ngũ
trùng trùng điệp điệp nối tiếp
đến chân

- Ham ánh sáng : “Cũng có ít loại cây ham ánh sáng...thơm mờ màng.”

Nhóm

3:

“ hầu hết đạn đại bác đều rơi

vào ngọn đồi xà nu cạnh con nước lớn”

“ Nhưng cũng có những cây vượt lên được cao hơn đầu người, cành lá sum sê như những con chim đã đủ lông mao long vũ. Đạn đại bác không giết nổi

chúng, ...che chở cho làng...”

☑️ **Ẩn dụ** cho những con người đang chiến đấu bảo vệ quê

hương: cụ Mết, Tnú, Dít...

Nhóm 4:

Nghệ thuật:

- So sánh “cành lá sum sê như

những con chim đã đủ long mao long vũ”, “ vết thương của chúng chóng lành như trên một thân thể cường tráng”

- Nhân hóa: vết thương, bị thương, từng cục máu lớn

- Ẩn dụ, tượng trưng

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

* Tóm lại: Nguyễn Trung Thành đã tạo nên những hình ảnh ẩn dụ, những liên tưởng phong phú khi miêu tả rừng xà nu với tất cả lòng yêu mến tự hào. Qua hình tượng cây xà nu, người đọc hiểu biết thêm dải đất Tây Nguyên hùng vĩ, về cuộc sống của đồng

bào Tây Nguyên và nhất là thêm yêu quý tự hào về những phẩm chất cao quý của họ. Rừng xà nu trùng điệp chạy đến chân trời là biểu tượng cho thế trận chiến

trời

b.

**Nghệ
thuật**

:

- So sánh “*cành lá sum sê như
những con chim đã
đu lông mao long vũ*”, “*vết
thương của chúng chóng
lành như trên một thân thể
cường tráng*”

- Nhân hóa: *vết thương, bị
thương, từng cục máu lớn, cứ
loét mãi ra, uồn tằm ngực lớn*

- Ẩn dụ, tượng trưng
✉ gọi vẻ đẹp mang đậm tính
sự thi, biểu tượng cho cuộc
sống đau thương nhưng kiên
cường và bất
diệt.

tranh nhân dân, người người lớp
lớp.

3. LUYỆN TẬP

Hoạt động của GV- HS	Nội dung cần đạt
<p>Câu 1: Giải thích nào sau đây là chính xác về các tên gọi Nguyễn Trung Thành, Nguyên Ngọc:</p> <p>a. Đó là tên của hai nhà văn.</p> <p>b. Nguyễn Trung Thành là bút danh của nhà văn Nguyên Ngọc.</p> <p>c. Nguyên Ngọc là bút danh của nhà văn Nguyễn Trung Thành.</p> <p>d. Đó là hai bút danh của nhà văn Nguyễn Văn Báu</p> <p>câu 2: Truyện ngắn “Rừng xà nu” được sáng tác:</p> <p>a. Trong thời kì kháng chiến chống Pháp.</p> <p>b. Năm 1955 khi đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam.</p> <p>c. Năm 1965 khi đế quốc Mỹ bắt đầu đổ quân ào ạt vào miền Nam.</p> <p>d. Năm 1971, thời kì kháng chiến chống Mỹ cứu nước.</p> <p>Câu 3: Cốt truyện của “Rừng xà nu” kể về:</p> <p>a. Hình ảnh rừng xà nu trong chiến tranh.</p> <p>b. Cuộc đời của Tnú.</p> <p>c. Quá trình đi đến đấu tranh vũ trang của làng Xôman.</p> <p>d. Chuyện về cuộc đời Tnú và cuộc nổi dậy đấu tranh vũ trang của dân làng Xôman đan cài vào nhau.</p> <p>Câu 4: Hình ảnh rừng xà nu có ý nghĩa:</p>	<p>1.d 2.c 3.d 4.c</p>

a. Cụ thể: đó là hình ảnh đặc trưng của núi rừng Tây Nguyên.	
b. Tượng trưng cho nỗi đau và sự bắt diệt trong chiến tranh.	
c. Có ý nghĩa cụ thể nhưng chủ yếu là giá trị tượng trưng.	

4. VẬN DỤNG VÀ MỞ RỘNG, SÁNG TẠO

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
GV giao nhiệm vụ: + Từ văn bản trên, viết một bài văn ngắn bày tỏ suy nghĩ bản thân về những cánh rừng bị tàn phá hiện nay. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV nhận xét, cho điểm	- Tóm tắt vẻ đẹp của rừng xà nu trong chiến tranh khốc liệt - Nhưng hiện nay, bên cạnh những cánh rừng bạt ngàn, xanh rờn thì không ít những cánh rừng bị tàn phá, biến thành những đồi trọc. - Hậu quả những cánh rừng bị tàn phá ? - Nguyên nhân (chủ quan và khách quan) - Đề xuất biện pháp khắc phục - Bài học cho bản thân ?

Tuần:

Ngày soạn:.....

Tiết 66: Đọc thêm

Ngày kí:.....

BẮT SÁU RỪNG U MINH HẠ

(Trích *Hương rừng Cà Mau*)

Sơn Nam

A. Xác định vấn đề cần giải quyết

I. Tên bài học: Bắt sáu rừng U Minh Hạ

II. Hình thức dạy học: Dạy học trên lớp

III. Chuẩn bị của thầy và trò

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim về *Đất Phương Nam*;;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà
2/Trò
- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

B.:Xác định nội dung- chủ đề bài học

- Nhân vật ông Năm Hên ngay thẳng, chất phác thuần hậu, mưu trí, dũng cảm, có tài bắt sâu trừ họa cho mọi người.
- Ngôn ngữ văn xuôi đậm chất Nam Bộ, lối kể chuyện ngắn gọn, mang màu sắc huyền thoại

C:Mức độ cần đạt

1. Kiến thức

- a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm
- b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.
- c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.
- d/Vận dụng cao:
 - Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm .

2. Kỹ năng

- a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;
- b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học;

3.Thái độ

- a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản truyện tự sự
- b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản nghệ thuật
- c/Hình thành nhân cách:
 - Biết nhận thức được ý nghĩa của truyện hiện đại Việt Nam vùng địch chiếm;
 - Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà truyện hiện đại đem lại
 - Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong truyện hiện đại Việt Nam .

D :Tổ chức dạy và học

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả <i>Sơn Nam</i> + Lắp ghép tác phẩm với tác giả	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải

+ Xem đoạn phim về Đất phương Nam, nghe 1 bản nhạc về miền tây Nam Bộ; - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức và giới thiệu Vào bài: Trong văn học kháng chiến chống Mỹ, có một bộ phận văn học đáng chú ý là văn học vùng địch chiếm. Nhà văn Sơn Nam với tác phẩm <i>Hương rừng Cà Mau</i> là một trong những tác giả đáng chú ý. Hãy cùng ông trở về vùng đất Phương Nam để hiểu hơn về thiên nhiên và con người Nam Bộ qua truyện ngắn <i>Bắt sấu rừng U Minh hạ</i> ...	quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.
--	---

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
- B1: GV giao nhiệm vụ: đọc tiểu dẫn và rút ra những ý chính. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức + Sáng tác của Sơn Nam chia thành 3 giai đoạn: kháng chiến chống Pháp, 54 - 75, sau 75. + Tập truyện <i>Hương rừng Cà Mau</i> . - Bổ sung: <i>Những năm kháng chiến chống Pháp, tác giả Sơn Nam ở Nam Bộ. Do đó, nhà văn có điều kiện hiểu biết kĩ về thiên nhiên, lịch sử, con người của vùng đất mũi Cà Mau. Chính vì thế Sơn Nam có nhiều tác phẩm.</i>	I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả: - Tên bút danh, năm sinh, quê quán. - Quá trình sáng tác. - Các tác phẩm tiêu biểu. - Đặc điểm sáng tác. 2. Văn bản: - Nội dung: viết về thiên nhiên và con người vùng rừng U Minh với những người lao động có sức sống mãnh liệt, sâu đậm ân nghĩa và tài ba can trường. - Nghệ thuật: Dựng truyện li kì, chi tiết gợi cảm, nhân vật và ngôn ngữ đậm màu sắc Nam Bộ.
- B1: GV giao nhiệm vụ: Qua đoạn trích, anh (chị) nhận thấy thiên nhiên vùng U Minh Hạ có những đặc điểm nổi bật nào? - Tìm dẫn chứng " <i>rừng tràm xanh biếc, những cỏ cây hoang dại, cá sấu nhiều như trái mù u</i> "... - Qua đoạn trích, anh (chị) còn nhận thấy con người vùng U Minh Hạ có những đặc điểm nổi bật nào?	II. Hướng dẫn đọc- hiểu 1. Thiên nhiên và con người U Minh Hạ a) <i>Thiên nhiên</i> Thiên nhiên vùng U Minh Hạ là một thế giới bao la, li thú: + "U Minh đỏ ngòm Rừng tràm xanh biếc" + "Sấu lội từng đàn", "những ao sấu", "Miền Rạch Giá, Cà Mau có những con

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ
- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ
- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức
- Tìm dẫn chứng: *bắt sấu bằng lưỡi sắt, rồi móc con vịt sống, Năm Hên bắt sấu rừng bằng tay không, Tư Hoạch là một tay ăn ong rất rành địa thế vùng Cái Tàu, những người trai tráng đã từng gài bẫy cộp, săn heo rừng...*

- B1: GV giao nhiệm vụ : tìm hiểu nhân vật Năm Hên(Tính cách, tài nghệ...)
- Bài hát của Năm Hên gợi cho em những cảm nghĩ gì?

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ
- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ
- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức

lạch ngã ba mang tên Đầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu". Đó là những nơi ghê gớm.

b) Con người

+ Con người vùng U Minh Hạ là những người lao động có sức sống mãnh liệt, đậm sâu ân nghĩa và cũng đầy tài ba trí dũng, gan góc can trường.

+ Tất cả những điều đó tập trung ở hình ảnh ông Năm Hên, một con người sống phóng khoáng giữa thiên nhiên bao la kì thú. Tài năng đặc biệt của ông là bắt sấu. Sự xuất hiện của ông Năm cung một con xuồng, lộn nhang trần và một hũ rượu, vừa bơi xuồng mà hát: "Hồn ở đâu đây. Hồn ơi! Hồn hỡi!" vừa huyền bí vừa mang đậm dấu ấn con người đất rừng phương Nam.

2. Nhân vật ông Năm Hên:

- Ông là “người thợ già chuyên bắt sấu ở Kiên Giang”, "bắt sấu bằng hai tay không".

- Ông tình nguyện bơi xuồng đến bắt sấu giúp dân làng Khánh Lâm chỉ với một bó nhang và một hũ rượu:

+ Nhang: để tưởng niệm những người bị sấu bắt.

+ Rượu: để uống tăng thêm khí thế.

- Mưu kế kì diệu, bất ngờ mà hiệu quả, bắt sống 45 con sấu:

+ Đào rãnh cạn dân, đốt lửa dẫn dụ cá sấu lên bờ

+ Chặn sấu lại và khoá miệng chúng bằng một khúc mốp làm “đính chặt hai hàm răng”

+ Dùng móc sắc lưng cá sấu, cắt gân đuôi, trói hai chân sau và bắt chúng về
 ☑Giàu lòng thương người, mộc mạc, khiêm nhường và cũng rất mưu trí, gan góc.

b. Bài hát của ông Năm

Hên:

- "Tiếng như khóc lóc, nài nỉ. Tiếng như phần nộ, bi

ai"

- Tưởng nhớ linh hồn những người bị
sầu

<p>- B1: GV giao nhiệm vụ Cảm nhận về vùng đất và con người vùng cực nam Tổ quốc?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>bất, chết oan ức, trong đó có người anh ruột của ông.</p> <p>- Bài hát nói về cuộc sống gian khổ khắc nghiệt của những người dân mở đất, mong giải oan cho họ.</p> <p>✉ Tâm lòng sâu nặng nghĩa tình đồng loại, đồng bào, thương tiếc những người xấu số.</p> <p>3. <u>Cảm nhận về vùng đất và con người vùng cực nam Tổ quốc qua truyện ngắn:</u></p> <p>Đọc truyện ta như thám hiểm những vùng đất xa lạ với bao điều bí ẩn của thiên nhiên và con người. Xa lạ nhưng rất đời thân thuộc, đó vẫn là quê hương mình cần cù, dũng cảm, tài trí và lạc quan yêu đời trong đấu tranh sinh tồn và mở mang, xây dựng đất nước. Qua đó người đọc thêm yêu quý nhân dân, đất nước mình.</p>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ Nghệ thuật kể chuyện, sử dụng ngôn ngữ của nhà văn Sơn Nam có gì đáng chú ý? Nêu ý nghĩa văn bản?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>III/ Tổng kết</p> <p>1/ Những nét đặc sắc về nghệ thuật</p> <p>- Nghệ thuật kể chuyện: đơn giản mà li kì, thu hút, dễ nhớ</p> <p>- Cảnh vật, tính cách nhân vật: được thể hiện bằng vài nét đơn sơ nhưng giàu chất sống.</p> <p>- Ngôn ngữ đậm màu sắc địa phương Nam Bộ nhưng được sử dụng vừa phải, thích hợp, khắc họa sâu đậm thiên nhiên và con người sông nước Cà Mau.</p> <p>2/ Ý nghĩa văn bản</p> <p>Truyện giúp người đọc nhận thức trước hiểm họa phải có lòng dũng cảm, mưu trí để vượt qua. Sức mạnh của con người phải xuất phát từ lòng yêu thương con người.</p>

3. LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ: Câu hỏi 5: Nhân vật Năm Hên trong truyện đã nhận ra mình là ai?</p>	ĐÁP ÁN

- a. Thợ câu sấu
b. Thợ săn sấu [5]='c'
c. Thợ bắt sấu
d. Thợ bẫy sấu [6]='c'

Câu hỏi 6: Ông Năm Hên đã nói với người dân U Minh Hạ [7]='a'
mình bắt sấu bằng gì?

- a. Bằng lưới [8]='c'
b. Bằng dây
thùng

- c. Bằng tay không
d. Bằng dưới câu
sắt

Câu hỏi 7: Vì sao ông Năm Hên lại làm nghề săn bắt cá
sấu?

- a. Để không còn ai bị cá sấu bắt như anh trai
mình
b. Vì kẻ mưu
sinh
c. Vì để làm
giàu
d. Để không còn ai bị cá sấu bắt như cha mẹ
mình

Câu hỏi 8: Dòng nào sau đây nói đúng nhất về vẻ đẹp của
người dân lao động?

- a. Dũng cảm, thủy chung, lãng
mạn.
b. Lạc quan, lãng mạn, dũng
cảm
c. Chất phác, dũng cảm, nghĩa tình
d. Nghĩa tình, yêu đời, dũng cảm

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ
- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ
- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến
thức

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p><i>“Ông Năm Hên đáp:Sáng mai sớm, ... trêu nhà Hồ của mình ngoài Huế.”(Trích Bắt sấu rừng U Minh Hạ – Sơn Nam)</i></p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Đoạn văn trên được viết theo phong cách ngôn ngữ gì? 2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ? 3. Câu nói <i>Nghề bắt sấu có thể</i> 	<p>Câu 1 : Đoạn văn được viết theo phong cách ngôn ngữ sinh hoạt. Bởi vì đây là lời đáp của ông Năm Hên, sử dụng ngôn ngữ đậm chất địa phương Nam Bộ như : sấu rượt, ngặt, sanh , phú quới, nói thiệt...</p> <p>Câu 2 : Đoạn văn giải thích lí do nhân vật Năm Hên đi bắt cá sấu</p> <p>Câu 3 : Câu nói <i>Nghề bắt sấu có thể làm giàu được ngặt tôi không mang thứ phú quới đó.</i> thể hiện tính cách của nhân vật Năm Hên: trọng nghĩa khinh tài. Ông bắt cá sấu không phải để làm giàu mà vì có ân tình sâu nặng với bà con, muốn</p>
---	--

<p><i>làm giàu được ngắt tôi không mang thứ phù quới đó. thể hiện tính cách như thế nào của nhân vật Năm Hên?</i></p> <p>4. Các địa danh Gò Quao, Ngã ba Đình, Rạch Giá, Cà Mau, Đầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, Rạch Cà Bơ He ...đạt hiệu quả nghệ thuật như thế nào?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>trả thà cho anh mình do bị cá sấu ăn thịt. Đó cũng là tính cách của người dân Nam Bộ: khẳng khái mà ân nghĩa, cần cù mà hào phóng, hảo hớn mà trọng nghĩa hiệp.</p> <p>Câu 4/ Các địa danh Gò Quao, Ngã ba Đình, Rạch Giá, Cà Mau, Đầu Sấu, Lưng Sấu, Bàu Sấu, Rạch Cà Bơ He ...đạt hiệu quả nghệ thuật: chứng tỏ sự am hiểu tường tận các địa danh ở miền Tây Nam Bộ của nhà văn Sơn Nam, đưa bạn đọc đến vùng đất xưa hoang sơ, bí hiểm. Qua đó, tác giả thể hiện sự gắn bó ân tình, sâu nặng với thiên nhiên và con người.</p>
---	--

5. MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Viết bài văn ngắn thuyết minh về Rừng U Minh</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Tìm tài liệu, tổng hợp và viết bài thuyết minh (có tích hợp kiến thức địa lí, lịch sử, văn hoá...)</p>

Tuần:

Ngày soạn:.....

Tiết 67-68

Ngày kí:.....

NHỮNG ĐỨA CON TRONG GIA ĐÌNH

Nguyễn Thi

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

I. Tên bài học: Những đứa con trong gia đình

II. Hình thức dạy học: Dạy học trên lớp

III. Chuẩn bị của thầy và trò

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

+Tranh ảnh nhà văn Nguyễn Thi

+ Nhạc về câu hò Nam Bộ

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

B:Xác định nội dung- chủ đề bài học

- Phẩm chất tốt đẹp của những con người trong gia đình Việt, nhất là Việt và Chiến.
- Nghệ thuật trần thuật đặc sắc, ngôn ngữ phong phú, góc cạnh đậm chất hiện thực và màu sắc Nam Bộ

C:Mức độ cần đạt

1. Kiến thức

- a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm
- b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.
- c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.
- d/Vận dụng cao:
 - Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm .

2. Kỹ năng

- a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;
- b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học;

3.Thái độ

- a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản tự sự
- b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản tự sự
- c/Hình thành nhân cách:
 - Biết nhận thức được ý nghĩa của truyện hiện đại Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ;
 - Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà truyện hiện đại đem lại
 - Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong truyện hiện đại Việt Nam .

D :Tổ chức dạy và học

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
- B1:GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả <i>Nguyễn Thi</i> + Lắp ghép tác phẩm với tác giả	<ul style="list-style-type: none">- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

+ Xem video clip về nhà văn, về kháng chiến chống Mĩ ở miền Nam. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức và giới thiệu <i>Vào bài: Có một nhà văn sinh ra ở miền Bắc nhưng lại trở thành nhà văn miền Nam. Trước khi hy sinh, ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị như tiểu thuyết Người mẹ cầm súng, truyện ngắn Mẹ vắng nhà... Ông chính là nhà văn Nguyễn Thi...</i>	- Có thái độ tích cực, hứng thú.
---	----------------------------------

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
- B1:GV giao nhiệm vụ: đọc phần <i>Tiểu dẫn</i> , kết hợp với những hiểu biết của bản thân, giới thiệu những nét chính về cuộc đời Nguyễn Thi. - những sáng tác và nêu đặc điểm phong cách, đặc biệt là thể giới nhân vật của nhà văn. - giới thiệu khái quát về Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức - Nguyễn Thi (1928- 1968), bút danh khác là Nguyễn Ngọc Tấn. - Tên khai sinh là Nguyễn Hoàng Ca, quê ở Hải Hậu - Nam Định. - Nguyễn Thi sinh ra trong một gia đình nghèo, mồ côi cha từ năm 10 tuổi, mẹ đi bước nữa nên vất vả, tủi cực từ nhỏ.	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả a. Cuộc đời: Nguyễn Đình Thi (1928 – 1968) là một trong những cây bút văn xuôi hàng đầu của văn nghệ giải phóng miền Nam thời kì chống Mĩ cứu nước. Ông gắn bó sâu sắc với nhân dân Nam Bộ và thực sự trở thành nhà văn của người dân Nam Bộ. Nguyễn Thi cũng là cây bút có năng lực phân tích tâm lí sắc sảo. b. Sự nghiệp sáng tác: - Sáng tác của Nguyễn Thi gồm nhiều thể loại: bút kí, truyện ngắn, tiểu thuyết. - Ông được tặng giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học nghệ thuật năm 2000. - Tư tưởng và phong cách nghệ thuật: + Nguyễn Thi gắn bó với nhân dân miền Nam và thực sự xứng đáng với danh hiệu: Nhà văn của người dân Nam Bộ. + Nhân vật của Nguyễn Thi có cá tính riêng nhưng tất cả đều có những đặc điểm chung "rất Nguyễn Thi". + Họ là những con người yêu nước

	<p>giấc.</p> <p>+ Họ thể hiện được tính chất Nam bộ: thẳng thắn, bộc trực, lạc quan, yêu đời, giàu tình nghĩa.</p> <p>2. Tác phẩm Những đứa con trong gia đình:</p> <p>+ Xuất xứ: tác phẩm được viết ngay trong những ngày chiến đấu ác liệt khi ông công tác với tư cách là một nhà văn-chiến sĩ ở Tạp chí Văn nghệ Quân giải phóng (tháng 2 năm 1966). Sau được in trong Truyện và kí, NXB Văn học Giải phóng, 1978.</p> <p>+ Tóm tắt tác phẩm theo nhân vật chính và cốt truyện.</p>
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu tình huống truyện</p> <p>- B1:GV giao nhiệm vụ: tổ chức cho HS tìm hiểu về phương thức trần thuật của tác phẩm bằng cách nêu một số câu hỏi:</p> <p>- Truyện được trần thuật chủ yếu từ điểm nhìn của nhân vật nào? Theo phương thức nào?</p> <p>- Cách trần thuật này có tác dụng như thế nào đối với kết cấu truyện và việc khắc họa tính cách nhân vật?</p> <p><u>Gợi ý:</u></p> <p>- Có mấy phương thức trần thuật trong nghệ thuật viết truyện? Căn cứ vào đâu để nhận biết.</p> <p>- Truyện được trần thuật theo phương thức nào?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>Tác dụng và hiệu quả của cách trần thuật trên:</p> <p>– Cùng một lúc trình bày được câu chuyện từ ngọn nguồn của nó vừa biểu</p>	<p>II. Đọc- hiểu</p> <p>1. Tình huống truyện.</p> <p>Đây là câu chuyện của gia đình anh giải phóng quân tên Việt. Nhân vật này rơi vào một tình huống đặc biệt: trong một trận đánh, bị thương nặng phải nằm lại giữa chiến trường. Anh nhiều lần ngất đi tỉnh lại, tỉnh rồi lại ngất. Truyện được kể theo dòng nội tâm của nhân vật khi đứt (ngất đi) khi nối (tỉnh lại). Tóm lại, tình huống truyện dẫn đến một cách trần thuật riêng của thiên truyện theo dòng ý thức của nhân vật.</p> <p>2. Phương thức trần thuật của tác phẩm.</p> <p>+ Căn cứ vào ngôn ngữ của nhân vật trong truyện:</p> <p>- Phương thức thứ nhất: Nhân vật truyện là đối tượng thuật, kể nên thuộc ngôi thứ ba.</p> <p>- Phương thức thứ hai: Nhân vật tự kể chuyện mình nên thuộc ngôi thứ nhất.</p> <p>- Phương thức thứ ba: Người trần thuật thuộc ngôi thứ ba nhưng lời kể lại phỏng theo quan điểm, ngôn ngữ, giọng điệu của nhân vật.</p> <p>+ Truyện Những đứa con trong gia đình được trần thuật theo phương thức thứ 3.</p>

những hiện tượng, sự việc bình thường cũng trở nên mới mẻ, hấp dẫn.

– Tăng màu sắc trữ tình đậm đà, tự nhiên và tạo điều kiện cho tác giả nhập sâu vào thế giới nội tâm nhân vật để dẫn dắt câu chuyện.

– Cốt truyện linh hoạt, không phụ thuộc vào trật tự không gian, thời gian, từ những chi tiết ngẫu nhiên của hiện thực chiến trường mà gợi dòng hồi tưởng, liên tưởng đến quá khứ khi gần, khi xa, từ chuyện ngày sang chuyện khác rồi lại trở về hiện tại.

Thao tác 2: Tìm hiểu truyền thống của một gia đình Nam Bộ.

- **B1:GV giao nhiệm vụ:**Tác phẩm kể chuyện một gia đình nông dân Nam Bộ, truyền thống nào đã gắn bó những con người trong gia đình với nhau?

+ Nhân vật chú Năm có vị trí nào trong gia đình và có vai trò gì trong truyện?

+ Nhân vật chú Năm được xây dựng với những nét tính cách nào? (So sánh với nhân vật Cụ Mết trong *Rừng xà nu*)

+ Nhân vật má Việt được xây dựng với những nét tính cách nào?

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- **B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức**

- Nhân vật chú Năm trong truyện:

người thân lớn tuổi duy nhất còn lại trong gia đình, từng bôn ba khắp chân trời góc biển, người cuu mang đùm bọc các cháu khi anh chị Tư Năng– cha mẹ Chiến – Việt hi sinh.

– Người đề cao truyền thống gia đình để giáo dục con cháu bằng việc cần mẫn ghi cuốn sổ gia đình (một thứ gia phả đặc

Nghĩa là của người trần thuật tự giấu mình nhưng cách nhìn và lời kể lại theo giọng điệu của nhân vật.

+ Lối trần thuật này có hai tác dụng về mặt nghệ thuật:

- Câu chuyện vừa được thuật, kể cùng một lúc tính cách nhân vật cũng được khắc họa.

- Câu chuyện dù không có gì đặc sắc

cũng trở nên mới mẻ, hấp dẫn vì được kể qua con mắt, tấm lòng và bằng ngôn ngữ, giọng điệu riêng của nhân vật.

Nhà văn phải thành thạo tâm lí và ngôn ngữ nhân vật mới có thể trần thuật theo phương thức này.

3. Truyền thống của một gia đình Nam Bộ:

a. Đặc điểm chung của các thành viên trong gia đình:

- Có truyền thống yêu nước và căm thù giặc sâu sắc.

- Gan góc, dũng cảm, khao khát được chiến đấu giết giặc.

- Giàu tình nghĩa, thủy chung son sắt

với quê hương và cách mạng.

b. Đặc điểm tính cách riêng:

- *Nhân vật chú Năm:*

+ Người thân lớn tuổi duy nhất còn lại tron gia đình, từng bôn ba khắp nơi, cu r mang các cháu khi ba mẹ Việt - Chiến hi sinh.

+ Người đề cao truyền thống gia đình, hay kể sự tích của gia đình để giáo dục

con cháu, cần mẫn ghi chép trong cuốn sổ gia đình tội ác của giặc và chiến công của các thành viên .

+ Người lao động chất phác nhưng giàu

tình cảm và có tâm hồn nghệ sĩ (thích câu hò, tiếng sáo). Tiếng hò “khàn đục, tức như tiếng gà gáy” nhưng đó là tâm tư, khát vọng của tâm hồn ông.

+ Tự nguyện, hết lòng góp sức người cho cách mạng khi thu xếp cho cả Việt và

biệt) ghi chép tội ác của giặc và chiến công của gia đình, dòng họ theo từng ngày từng tháng, từng năm.

– Người lao động chất phác nhưng giàu tình cảm và có tâm hồn nghệ sĩ thể hiện qua việc chú thích hò. Tiếng hò khàn đục, tức như tiếng gà gáy nhưng đó là tâm hồn và khát vọng, tâm tư và tình cảm của chú như hiệu lệnh, như lời thề dũ dội, nổi lên giữa ban ngày trong ánh nắng chói chang.

– Câu nói của chú trong buổi thanh niên nam nữ ghi tên tòng quân: *Việc lớn ta tính theo việc lớn. Việc thỏn mỏn trong nhà, tôi thu xếp khắc xong*: không chỉ nói lên tính mộc mạc, bộc trực của ông già nông dân mà còn nói lên tình cảm tự nguyện, hết lòng hết sức đóng góp sức người cho cách mạng của ng-ời nông dân Nam Bộ.

– So với hình tượng nhân vật cụ Mết – già làng Xô Man Tây Nguyên, cây xà nu cổ thụ, ng-ời kể chuyện đồng khởi của ng-ời Strá với nhân vật chú Năm cũng có những điểm chung: đó là tính hào hiệp, khảng khái, bộc trực, cuốn sử sống, người nối giữ truyền thống... nhưng một đằng thì đại diện cho một buôn làng, đằng kia thì cho một gia đình, dòng họ, một đằng gây ấn tượng ở câu chuyện trầm hùng, bi tráng trong đêm rừng bên bếp lửa xà nu, đằng kia là cuốn gia phả trứ danh và điệu hò khàn đục giữa ban ngày.

- *Nhân vật má Việt*: Đó là điển hình cho người mẹ miền Nam, người phụ nữ Nam Bộ anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang được khắc họa đậm nét và độc đáo dưới ngòi bút Nguyễn Thi.

– Người thiếu nữ lao động nghèo, cứng cỏi.

– Người vợ thủy chung.

– Người mẹ đảm đang việc nhà, việc nước, kiên cường, gan góc trong việc dẫn

Chiến lên đường tòng
quân.

=> Trong dòng sông gia đình, chú Năm
là thượng nguồn, là kết tinh đầy đủ
những nét truyền thống.

tất cả để nuôi con và đánh giặc.

+ Ngã xuống trong một cuộc đấu tranh
nhưng trái cà – nông lép vẫn còn nóng hổi

- Nhân vật má

Việt:

+ Rất gan góc khi dẫn con đi đòi
đầu chồng, hiên ngang đối đáp với bịn
giặc,

không run sợ trước sự doạ bấn, có
lòng căm thù giặc sâu sắc.

+ Rất mực thương chồng thương
con, đảm đang, tháo vát, cuộc đời
chồng chất đau thương nhưng nén chặt

con đi đòi đầu chồng, khi bị dọa bắn, khi bươn chải lam làm nuôi con mau lớn;

– Ngã xuống bất ngờ vì miếng pháo khi vừa nhặt trái ca nông lếp còn nóng.

-Trong đêm trước buổi tòng quân, có lẽ linh hồn mẹ đã hiện về trong những tính toán lo toan của cô con gái.

Thao tác 3: Hướng dẫn HS phân tích và so sánh tính cách các nhân vật để làm rõ sự tiếp nối truyền thống gia đình của những người con.

- **B1:GV giao nhiệm vụ :** Tổ chức 4 nhóm cùng thảo luận một nội dung: Phân tích đặc điểm nhân vật Việt.

- Việt có những nét nào của cậu con trai mới lớn?

- Đêm trước ngày lên đường, thái độ của Việt khác với chị như thế nào?

- Cách thương chị của Việt có gì đặc biệt?

Ngoài tính trẻ con, hồn nhiên, Việt còn có vẻ đẹp nào nữa ?

- Nghệ thuật thể hiện nhân vật Việt?

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ**

- **B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức**

trong rõ; linh hồn luôn sống mãi, bất tử trong lòng các con mình.

☑️**Diễn hình cho người mẹ miền Nam luôn anh dũng, bất khuất, trung hậu, đảm đang.**

3. Nhân vật Việt

a. Có nét riêng của cậu con trai mới lớn, tính tình còn trẻ con, ngây thơ, hồn nhiên, hiếu động:

- Chiến hay nhường nhịn bao nhiêu thì Việt tranh giành phần hơn với chị bấy nhiêu: đi bắt ếch, giết giặc, đi bộ đội ...

- Thích đi câu cá, bắn chim, đến khi đi bộ đội vẫn còn đem theo ná thun trong túi.

- **Đêm trước ngày lên đường:** Trong khi chị đang toan tính, thu xếp chu đáo mọi việc (từ út em, nhà cửa, ruộng nương đến nơi gởi bàn thờ má), bàn bạc trang nghiêm thì Việt vo lo vô nghĩ:

+ Vô tư “lăn kên ra ván cười khi khi”

+ vừa nghe vừa “chụp một con đom đóm úp trong lòng tay”

+ ngủ quên lúc nào không biết

- Cách thương chị của Việt cũng rất trẻ con: “giấu chị như giấu của riêng” vì sợ mất chị trước những lời đùa của anh em.

- Bị thương nằm lại chiến trường: sợ ma cắt đầu, khi gặp lại anh em thì như thằng Út ở nhà “khóc đó rồi cười đó”

b. Một chiến sĩ có tính cách anh hùng, tinh thần chiến đấu gan dạ, dũng cảm, kiên cường:

- Còn bé tí: dám xông thẳng vào đá thẳng giặc đã giết hại cha

mình

- Lớn lên: nhất quyết đòi đi tòng quân
để

<p>-Tìm hiểu nhân vật Chiến</p> <p>B1:GV giao nhiệm vụ: - GV tổ chức thảo luận cặp đôi</p> <p>+ Chiến có những nét nào giống người mẹ của mình?</p> <p>+ Nét khác biệt của Chiến so với người mẹ là gì?</p> <p>+ nét chung tính cách các nhân vật Việt và Chiến để làm rõ sự tiếp nối truyền thống gia đình của những người con.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>trả thù cho ba má</p> <p>- Khi xông trận: chiến đấu rất dũng cảm, dùng pháo tiêu diệt được một xe bọc thép của giặc</p> <p>- Khi bị trọng thương: một mình giữa chiến trường, mặt không nhìn thấy gì, toàn thân rã rời, rõ máu nhưng vẫn trong tư thế quyết chiến tiêu diệt giặc.</p> <p><i>“Tao sẽ chờ mày ... Mày có bắn tao thì tao cũng bắn được mày ... Mày chỉ giỏi giết gia đình tao, còn đối với tao thì mày là thằng chạy”</i></p> <p>☑Kế tục truyền thống gia đình nhưng Việt và Chiến còn tiên xa hơn, lập nhiều chiến công mới hiển hách.</p> <p>4. Nhân vật Chiến:</p> <p>a. Là một cô gái mới lớn, tính khí vẫn còn nét trẻ con nhưng cũng là một người chị biết nhường em, biết lo toan, tháo vát;</p> <p>- là một cô gái vừa mới lớn nên tính khí còn rất “trẻ con”</p> <p>- là một người chị biết nhường nhịn em, biết lo toan, đảm đang, tháo vát.</p> <p>b. Vừa có những điểm giống mẹ, vừa có những nét riêng. Chiến căm thù giặc sâu sắc, gan góc, dũng cảm, lập được nhiều chiến công.</p> <p>*Chiến có những nét giống mẹ:</p> <p>- Mang vóc dáng của má: <i>"hai bắp tay tròn vo sạm đỏ màu cháy nắng... thân người to và chắc nịch"</i>.</p> <p>- Đặc biệt giống má ở cái đêm sắp xa nhà đi bộ đội:</p> <p>+ Biết lo liệu, toan tính mọi việc nhà (<i>"nói nghe in như má vậy"</i>), đảm đang, tháo vát</p> <p>+ Hình ảnh người mẹ như bao bọc lấy Chiến, từ cái lồi nằm với thằng út em trên giường ở trong buồng nói với ra đến lồi</p>
--	--

hứ một cái "cóc" rồi trở mình.

+ Chính Chiến cũng thấy mình trong
đêm ấy đang hòa vào trong mẹ: *"Tao
cũng đã lựa ý nếu má còn sống chắc
má tính vậy,*

<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: phát biểu cảm nhận về hình ảnh chị em, Việt và Chiến khiêng bàn thờ ba má sang gởi chú Năm</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p>	<p><i>nên tao cũng tính vậy".</i></p> <p>* Nét khác biệt so với người mẹ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trẻ trung, thích làm duyên làm dáng - Được trực tiếp cầm súng đánh giặc để trả thù nhà, thực hiện lời thề như dao chém: "Đã là thân con gái ra đi thì tao chỉ có một câu: Nếu giặc còn thì tao mất". <p>✉Đó là vẻ đẹp của con người sinh ra để gánh vác, để chống chọi, để chịu đựng để chiến đấu và chiến thắng.</p> <p>5. Nét tính cách chung của hai chị em:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hai chị em cùng sinh ra trong một gia đình chịu nhiều mất mát đau thương (cùng chứng kiến cái chết đau thương của ba và má). - Hai chị em có chung mối thù với bọn xâm lược. Tuy còn nhỏ tuổi, chí căm thù đã thôi thúc hai chị em cùng một ý nghĩ: phải trả thù cho ba má, và có cùng nguyện vọng: được cầm súng đánh giặc. - Tình yêu thương là vẻ đẹp tâm hồn của hai chị em. Tình cảm này được thể hiện sâu sắc và cảm động nhất trong cái đêm chị em giành nhau ghi tên tòng quân và sáng hôm sau trước khi lên đường nhập ngũ cùng khiêng bàn thờ má sang nhà chú Năm - Cả hai chị em đều là những chiến sĩ gan góc dũng cảm. Đánh giặc là niềm say mê lớn nhất của hai chị em Việt và Chiến cũng là của tuổi trẻ miền Nam trong những năm tháng ấy: "Hạnh phúc của tuổi trẻ là trên trận tuyến đánh quân thù". - Hai chị em Việt đều có những nét rất ngây thơ thậm chí có phần trẻ con (giành nhau bắt ếch nhiều hay ít, giành nhau thành tích bắn tàu chiến giặc và giành nhau ghi tên tòng quân). <p>6. Hình ảnh chị em Việt khiêng bàn thờ ba má sang gởi chú Năm.</p>
---	---

+ Chỗ hay nhất của đoạn văn là không
khí thiêng liêng, nó hoán cải cả cảnh
vật

<p>- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>lần con người.</p> <p>+ Không khí thiêng liêng đã biến Việt thành người lớn. Lần đầu tiên Việt thấy rõ lòng mình (thương chị lạ, mối thù thằng Mĩ thì có thể rõ thấy vì nó đang đè nặng trên vai).</p> <p>+ Hình ảnh có ý nghĩa tượng trưng thể hiện sự trưởng thành của hai chị em có thể gánh vác việc gia đình và viết tiếp khúc sông của mình trong dòng sông truyền thống gia đình. Hơn thế nữa, thế hệ sau củng cố, trưởng thành và có thể đi xa hơn.</p>
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ Nội dung? đánh giá thành công nghệ thuật truyện?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p> <p>Chất sử thi của truyện:</p> <p>+ thể hiện qua cuốn sổ của gia đình với truyền thống yêu ước, căm thù giặc, thủy chung son sắt với quê hương.</p> <p>+ Cuốn sổ là lịch sử gia đình mà qua đó thấy lịch sử của một đất nước, một dân tộc trong cuộc chiến chống Mĩ.</p> <p>+ Số phận của những đứa con, những thành viên trong gia đình cũng là số phận của nhân dân miền Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ khốc liệt.</p> <p>+ Truyện của một gia đình dài như dòng sông còn nối tiếp. "Trăm dòng sông đổ vào một biển, con sông của gia đình ta cũng chảy về biển, mà biển thì rộng lắm..., rộng bằng cả nước ta và ra ngoài cả nước ta...". Truyện kể về một dòng sông nhưng nhà văn muốn ta nghĩ đến biển cả. Truyện về một gia đình nhưng ta lại cảm nhận được cả một Tổ quốc đang hào hùng chiến đấu bằng sức mạnh sinh ra từ những đau thương.</p>	<p>III/ Tổng kết:</p> <p>1. Nội dung:</p> <p>Qua câu chuyện về những con người trong một gia đình nông dân Nam Bộ có truyền thống yêu nước, căm thù giặc, thủy chung với quê hương, với CM, nhà văn khẳng định: sự hòa quyện giữa tình cảm gia đình và tình yêu nước; giữa truyền thống gia đình và truyền thống dân tộc đã tạo nên sức mạnh tinh thần to lớn của con người VN, dân tộc VN trong cuộc kháng chiến chống Mỹ-cứu nước.</p> <p>2. Nghệ thuật:</p> <p>- Tình huống truyện: Việt-một chiến sĩ Quân giải phóng-bị thương phải nằm lại chiến trường. Truyện kể theo dòng nội tâm của Việt khi liên mạch(lúc tỉnh), khi gián đoạn(lúc ngất) của người trong cuộc làm câu chuyện trở nên chân thật hơn; có thể thay đổi đối tượng, không gian, thời gian, đan xen tự sự và trữ tình.</p> <p>- Chi tiết được chọn lọc vừa cụ thể vừa giàu ý nghĩa, gây ấn tượng mạnh. Ngôn ngữ bình dị, phong phú, giàu giá trị tạo hình và đậm sắc thái Nam bộ.</p> <p>- Giọng văn chân thật, tự nhiên, nhiều đoạn gây xúc động mạnh...</p> <p>- Truyện đậm chất sử thi</p>

+ Mỗi nhân vật trong truyện đều tiêu biểu cho truyền thống, đều gánh vác trên vai trách nhiệm với gia đình, với Tổ quốc trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại.	
--	--

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Chi tiết nào sau đây không đúng với nhân vật Việt trong truyện?</p> <p>a. Thương chị theo kiểu rất người lớn. b. Thích giành phần hơn với chị. c. Hiếu động. d. Đi đánh trận vẫn mang theo cả súng cao su.</p> <p>Câu hỏi 2: Nhân vật Việt được đồng đội tìm lại khi đang ở trong trạng thái như thế nào?</p> <p>a. Bị thương và ngất lịm. b. Vẫn ở tư thế sẵn sàng chiến đấu. c. Vẫn tỉnh nhưng không còn khả năng cử động. d. Đang nửa tỉnh nửa mơ.</p> <p>Câu hỏi 3: Cảm hứng bao trùm tác phẩm “Những đứa con trong gia đình” là gì?</p> <p>a. Lãng mạn. b. Bi thương. c. Bi tráng. d. Hào hùng.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ - B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>[1]='a'</p> <p>[2]='b'</p> <p>[3]='c'</p>

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ: “Một loạt đạn súng lớn văng vẳng dội đến âm ỉ trên ngọn cây...Kèn xung</p>	<p>Câu 1 : Đoạn văn được viết theo phương thức tự sự là chính.</p> <p>Câu 2 : Đoạn văn kể chuyện nhân vật Việt bị thương nặng trên chiến trường. Một lần tỉnh lại</p>

chúng ta đã nổi lên. Lưu đạn ta đang nổ rộ...”

(Trích *Những đứa con trong gia đình* – Nguyễn Thi)

1. Đoạn văn trên được viết theo phương thức nào là chính?

2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ?

3. Xác định phép tu từ so sánh trong văn bản. Nêu hiệu quả nghệ thuật của phép tu từ đó ?

4. Tại sao *Tiếng súng nghe thân thiết và vui lạ* đối với nhân vật Việt ?

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ

- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức

tiếng súng của ta, nhớ về đồng đội và quyết tâm tìm về đơn vị.

Câu 3 : Phép tu từ so sánh trong văn bản được thể hiện qua câu văn : *Súng lớn và súng nhỏ quện vào nhau như tiếng mõ và tiếng trống đình đám dậy trời dậy đất hồi Đồng khởi*. Hiệu quả nghệ thuật: đem tiếng súng lớn, súng nhỏ của ta so sánh với tiếng mõ, tiếng trống, nhà văn gọi lại âm thanh quen thuộc đã từng gắn bó với nhân vật Việt khi anh đang cô độc và bị thương nặng giữa chiến trường, đồng thời là sống dậy tinh thần quật khởi của đồng bào miền Nam trong những ngày đánh Mỹ. Qua đó, ta thấy được tình yêu quê hương, ý chí, nghị lực phi thường của nhân vật Việt.

Câu 4 : Đối với nhân vật Việt, *tiếng súng nghe thân thiết và vui lạ* . Bởi vì, đó là tiếng súng của đồng đội. Nó gọi Việt tới phía của *sự sống*. Tiếng súng đồng đội gọi chiến đấu đã tiếp thêm sức mạnh mới để gọi Việt đến.

5. MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Vẽ bản đồ tư duy bài học</p> <p>+ Từ văn bản, viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về ý chí, nghị lực của tuổi trẻ hôm nay.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B4: GV nhận xét, chuẩn hóa kiến thức</p>	<p>+ Vẽ đúng bản đồ tư duy</p> <p>+ Đoạn văn cần đảm bảo các ý:</p> <p>- Dẫn ý bằng tình huống nhân vật Việt dù bị thương nặng trên chiến trường, ngất đi tỉnh lại nhiều lần như vẫn cố gắng hướng về nơi có tiếng súng để sẵn sàng chiến đấu và tìm về với đồng đội.</p> <p>- Ý chí, nghị lực của tuổi trẻ là gì? Biểu hiện ?</p> <p>- Ý nghĩa tác dụng của ý chí, nghị lực?</p> <p>- Phê phán một bộ phận thanh niên có thái độ nản chí, lùi bước trước thử thách khó khăn và nêu hậu quả.</p> <p>- Bài học nhận thức và hành động?</p>

.....

Tuần:

Ngày soạn:.....

Tiết 69

Ngày kí:.....

**TRẢ BÀI LÀM VĂN SỐ 5,
RA ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 6 (Bài làm ở nhà)**

A. Mục tiêu cần đạt:

I. Kiến thức: Củng cố những kiến thức và kỹ năng làm văn có liên quan đến bài làm

II. Kỹ năng: Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình về các mặt kiến thức và kỹ năng viết bài văn nói chung.

III. Thái độ: Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong bài văn sau.

IV. Định hướng góp phần hình thành năng lực

- Phát huy năng lực tự học và tự chủ, năng lực giao tiếp và hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, năng lực ngôn ngữ, năng lực tìm hiểu tự nhiên và xã hội, năng lực thưởng thức văn học và cảm thụ thẩm mỹ...

B. Chuẩn bị của thầy và trò:

I. GV: SGK, SGV, bài soạn, bài viết của hs

II. HS: Vở soạn, sgk, bài viết của bản thân và của bạn

C. Tiến trình bài giảng:

<i>Hoạt động của thầy và trò</i>	<i>Kiến thức cơ bản</i>
<p>* GV Hướng dẫn học sinh phân tích đề.</p> <ul style="list-style-type: none">- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ- <i>Khi phân tích một đề bài, ta cần phân tích những gì?</i>- <i>Bài viết cần theo thể loại nào, sử dụng những thao tác lập luận nào?</i>- <i>Dẫn chứng ta có thể lấy từ đâu?</i>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ- B3: HS báo cáo kết quả- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	<p>A. Trả bài viết số 5</p> <p>I. Phân tích đề:</p> <ol style="list-style-type: none">1. Khi phân tích một đề bài, cần phân tích :<ul style="list-style-type: none">- Nội dung vấn đề.- Thể loại nghị luận và những thao tác lập luận chính.- Phạm vi tư liệu cần sử dụng cho bài viết.2. Phân tích đề bài viết số 5<ul style="list-style-type: none">- Yêu cầu kiểu bài Đọc hiểu và Nghị luận về vấn đề trong một đoạn trích văn xuôi;- Yêu cầu nội dung :- Yêu cầu về phương thức diễn đạt, vận dụng thao tác phân tích là chính kết hợp thao tác lập luận, giải thích, so sánh, bình luận.
<p>* GV Hướng dẫn học sinh lập dàn ý.</p> <ul style="list-style-type: none">- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ :xây dựng dàn ý- B2: HS thực hiện nhiệm vụ	<p>II. Xây dựng dàn ý:</p> <p>1/- Giới thiệu tác giả, tác phẩm <i>Vợ chồng A phủ</i> của Tô Hoài</p> <ul style="list-style-type: none">- Giới thiệu vấn đề nghị luận: hành động Mị chạy theo A Phủ <p>2 / Phân tích hành động Mị chạy theo A phủ</p> <ul style="list-style-type: none">- Vài nét về nhân vật Mị:+ Là cô gái xinh đẹp, con dâu gặt nợ, bị bóc lột, đầy đọa về thể xác và tâm hồn

- B3: HS báo cáo kết quả
-B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

+Cô sống vật vờ y một cái bóng “lùi lũi như 1 con rùa nuôi xó cửa”...

- Lí giải hành động Mị chạy theo A Phủ:

+Nhà văn đã phát hiện ra rằng bên trong tâm hồn người con gái ấy vẫn còn ẩn chứa một sức sống tiềm tàng, chỉ chờ có dịp là bùng nổ mạnh mẽ . Ngay sau khi bị rơi vào cảnh làm con dâu gạt nợ cô định tự tử vì ý thức được cuộc sống tủ nhục của mình và không chấp nhận cuộc sống ấy . Nhưng sự uất ức đến nỗi muốn chết ấy lại là một biểu hiện của lòng ham sống và khát vọng tự do, vì không muốn tiếp tục một cuộc sống đầy đau đớn nên cô đã tìm đến cái chết như một phương tiện giải thoát

+Tuy nhiên với tấm lòng nhân hậu đầy cảm thông, nhà văn vẫn nhận ra rằng khát vọng hạnh phúc trong Mị có thể bị vùi lấp, lãng quên đâu đó nhưng không thể bị tiêu tan .Vào một đêm tình mùa xuân trong ngày Tết, những yếu tố ngoại cảnh đánh thức kí ức và gọi lại kỉ niệm yêu đương bị vùi vấp bấy lâu trong tâm hồn làm lùi thường ngày, trở thành tiếng gọi của sự sống mỗi lúc một rõ , một tha thiết. Thế là từ ngoại cảnh đã tác động đến cảm xúc , tâm trạng và cuối cùng là hành động .

+Trong cái trạng thái nửa say, nửa tỉnh, lại thêm sự thôi thúc của tiếng sáo réo rất đã dẫn Mị đến một hành động chưa từng thấy kể từ khi cô bước chân vào nhà thống lý Pá tra “cô quần lụa tóc và với tay lấy váy mới , chuẩn bị đi chơi”.Nhưng khi bị trói Mị bỗng ý thức được cảnh ngộ hiện tại của mình và trong lòng lại trào lên một nỗi đau xót, tủi nhục. Mị lại thổn thức , miên mang nghĩ về thân phận không bằng con trâu , con ngựa của mình rồi dần thiếp đi .

+ Khi Mị chứng kiến cảnh A Phủ bị bắt trói ,ban đầu Mị thật thản nhiên. Mị dường như đã trở nên vô cảm trước tất cả. Nhưng khi Mị lé mắt trông sang thấy mắt A Phủ cũng vừa mở, một dòng nước mắt lấp lánh bò xuống hai hõm má đã xám đen lại...”thì Mị lại chợt bừng tỉnh “trông người lại nghĩ đến ta”. Hình ảnh ấy khiến Mị bỗng nhớ đến câu chuyện rùng rợn về những

người đàn bà bị trói đứng cho đến chết trong nhà thống lí cũng trên cái cọc này và hồi ức đưa cô về với những lần chính mình bị đánh, bị trói trước đây... Ý nghĩ A Phủ rất có thể sẽ bị chết trong đêm nay đã hoàn toàn đánh thức tình thương và lòng căm hận trong lòng Mị. Từ thương người đến thương thân và tình thương ấy cứ lớn dần, lớn dần để rồi dẫn Mị đến với ý thức ngày càng rõ rệt hơn về một sự thật thật tàn bạo và vô lí, bất công. Ý thức đó đã thôi thúc Mị đứng dậy cắt dây trói cho A Phủ và bất giác chạy theo anh, cùng trốn khỏi Hồng Ngài

+ Hành động bộc phát nhưng thật quyết liệt đó của Mị một phần là do sự thúc bách của tình thế khiến cô không thể làm khác, bởi cô hiểu rõ “ ở đây thì chết mất”. Nhưng mặt khác, đó cũng là quá trình tất yếu của một quá trình dồn nén, bức xúc cả về thể chất lẫn tinh thần đối với Mị. Đồng thời đó cũng vừa là biểu hiện, vừa là kết quả của một sức sống tiềm tàng, mạnh mẽ đã được trỗi dậy trong con người Mị, kết thúc cả quãng đời đầy ải, tối tăm của cô trong nhà thống lí để bắt đầu một cuộc đời mới.

- Nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật miêu tả nội tâm rất tinh tế...

3. Đánh giá chung:

-Nhân vật Mị, A Phủ có số phận đáng thương, những cuộc đời nghiệt ngã và đầy bất hạnh. Nhưng không dừng lại ở việc khai thác những nỗi đau khổ, những bất công của xã hội, của cuộc sống đã đẩy cuộc đời họ vào những bế tắc cùng cực. Mà ở đây, các nhà văn đã tô đậm vẻ đẹp phẩm chất và tâm hồn người phụ nữ.

-Bằng tình yêu cuộc sống, khát vọng được sống mãnh liệt và với những phẩm chất tốt đẹp vốn có của người phụ nữ, họ đã vượt qua những rào cản, những bất công xã hội, vượt qua số phận bất hạnh để tìm đến hạnh phúc

- Nhà văn Tô Hoài đã góp lên tiếng nói chung- tiếng nói nhân đạo đối với họ. Không những thể hiện sự quan tâm, thông cảm, đồng cảm với những số phận bất hạnh này mà những

nhà văn còn trân trọng, ngợi ca những phẩm chất

	cao quý của người phụ nữ-luôn hướng về ánh sáng, hướng về cái đẹp .
<p>* Giáo viên nhận xét về bài văn của học sinh.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <p><i>- Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>-B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>III. Nhận xét chung</p> <p>1. Ưu điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Về kĩ năng: một số biết vận dụng kiểu văn nghị luận - Về kiến thức: xác định được các luận điểm cần thiết cho bài văn - Bố cục: rõ ràng, đủ 3 phần - Về diễn đạt: tương đối rõ ràng, biết vận dụng các phương tiện để liên kết câu và đoạn. <p>2. Nhược điểm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số chưa xác định được các luận điểm cần thiết. - Bài viết thiếu dẫn chứng, chưa đủ sức thuyết phục. - Còn sai nhiều lỗi chính tả, trình bày bản
<p>* GV Hướng dẫn học sinh chữa những lỗi tiêu biểu trong bài viết.</p> <p>- B1: GV chuyển giao nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nêu các lỗi mà học sinh thường gặp trong bài văn của mình. - Đưa ra những câu văn sai phổ biến, yêu cầu học sinh sửa chữa. <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>-B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ GV chọn 1 bài viết tốt nhất và kém nhất đọc cho HS nghe - B2: HS thực hiện nhiệm vụ: HS lắng nghe và tự rút kinh nghiệm - B1: GV trả bài viết cho HS xem -B2: HS xem lại bài viết và rút kinh nghiệm - B1: GV chuyển giao nhiệm vụ GV ra đề và yêu cầu HS về nhà viết hôm sau nộp - B2: HS thực hiện nhiệm vụ 	<p>IV. Sửa lỗi bài viết</p> <p>1. Các lỗi thường gặp cần tránh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí. - Sự kết hợp các thao tác lập luận chưa hài hoà, chưa phù hợp với từng ý. - Kĩ năng phân tích, cam thụ còn kém. - Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ, viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp <p>2. Một số lỗi phổ biến</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách viết khẩu ngữ - Cách diễn đạt không phù hợp với bài văn nghị luận. - Câu thiếu thành phần <p>V. Đọc bài viết tiêu biểu</p> <p>VI. Trả bài viết</p> <p>B. Ra đề bài viết số 6:</p>

BÀI VIẾT SỐ 6

I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA

- Thu thập thông tin để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức, kỹ năng trong chương trình học kì 2, môn Ngữ văn lớp 12.

- Đề kiểm tra bao quát một số nội dung kiến thức, kỹ năng trọng tâm của chương trình Ngữ văn 12 học kì 2 theo các nội dung Văn học, Làm văn, với mục đích đánh giá năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS thông qua hình thức kiểm tra tự luận.

Cụ thể, đề kiểm tra nhằm đánh giá trình độ học sinh theo các chuẩn sau:

- Đọc văn:

+ Nhớ và hiểu được những kiến thức cơ bản về tác phẩm.

- Làm văn:

+ Nắm vững thao tác lập luận phân tích.

+ Nghị luận một tác phẩm, một đoạn trích văn xuôi

II. HÌNH THỨC ĐỀ KIỂM TRA

Hình thức : tự luận.

Cách tổ chức kiểm tra: cho học sinh làm bài ở nhà

III. THIẾT LẬP MA TRẬN

- Liệt kê tất cả các chuẩn kiến thức kỹ năng của chương trình môn Ngữ văn lớp 12, học kì.

- Chọn các nội dung cần đánh giá và thực hiện các bước thiết lập ma trận đề kiểm tra (theo các bước như minh họa ở trên).

- Xác định khung ma trận.

MA TRẬN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 6- MÔN NGỮ VĂN 12

Cấp độ Tên chủ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		Cộng
			Cấp thấp	Cấp cao	
Chủ đề 1 Đọc hiểu - Văn bản trong hoặc ngoài chương trình	- Nhận biết được thể loại, phong cách ngôn ngữ, biện pháp tu từ ...	- Hiểu được nội dung, ý nghĩa của các biện pháp tu từ, chi tiết, sự kiện, thông tin, ... trong văn bản.	- Đánh giá về nội dung và hình thức của văn bản theo quan cá nhân.		

<i>Số câu:</i>	<i>Số câu:1</i>	<i>Số câu :2</i>	<i>Số câu :1</i>	<i>Số câu :0</i>	<i>Số câu: 4</i>
<i>Số điểm:</i>	<i>Số điểm:0,5</i>	<i>Số điểm:1,5</i>	<i>Số điểm:1,0</i>	<i>Số điểm:0</i>	<i>Số điểm:3</i>
<i>Tỉ lệ:</i>	<i>Tỉ lệ:5%</i>	<i>Tỉ lệ:15%</i>	<i>Tỉ lệ:10%</i>	<i>Tỉ lệ:0</i>	<i>Tỉ lệ:30%</i>
Chủ đề 2 Nghị luận văn học(Vợ nhặt; Rừng xà nu; Những đứa con trong gia đình)	- Nhận biết những nét chính về tác giả, tác phẩm. - Xác định được vấn đề cần cảm nhận, bàn luận, phạm vi dẫn chứng, các thao tác lập luận cơ bản.	- Hiểu được đề tài, chủ đề, tư tưởng, cảm hứng thẩm mỹ...trong tác phẩm. - Lí giải được vẻ đẹp nội dung và nghệ thuật của tác phẩm theo đặc trưng thể loại, mối quan hệ giữa văn học và đời sống, phong cách nghệ thuật tác giả.	- Vận dụng kiến thức văn học và kĩ năng tạo lập văn bản để viết một bài nghị luận văn học về một trích đoạn trích văn xuôi, một ý kiến văn học, ...	- Bày tỏ được cảm nhận, suy nghĩ, quan điểm của cá nhân về vấn đề cần bàn luận. - Liên hệ vấn đề nghị luận với thực tiễn cuộc sống.	
<i>Số câu:</i>	1				<i>Số câu :1</i>
<i>Số điểm:</i>					<i>Số điểm:7</i>
<i>Tỉ lệ:</i>					<i>Tỉ lệ:70%</i>
Tổng số câu:	<i>TS câu: 1</i>	<i>TS câu :1</i>	<i>TS câu :1</i>	<i>TS câu:2</i>	Tổng số câu: 4
Tổng số điểm:					Tổng số điểm:10,0
Tỉ lệ					Tỉ lệ: 100%

IV. BIÊN SOẠN ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 6

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Đọc văn bản sau và thực hiện các yêu cầu từ câu 1 đến câu 4 :

CÂU CHUYỆN VỀ HAI CHIẾC BÌNH

Có một người nông dân thường xuyên phải gánh nước từ suối về nhà. Suốt hai năm ông dùng hai chiếc bình gánh nước, trong đó có một chiếc bị nứt. Từ vết nứt của nó, nước cứ bị rỉ ra. Vì thế, cuối đoạn đường dài, từ con suối về nhà, một chiếc bình luôn đầy nước; chiếc kia thì chỉ mang về có một nửa bình nước.

Dĩ nhiên, cái bình nguyên vẹn rất tự hào về thành tích của nó và cũng không bỏ lỡ cơ hội nào để tỏ ý coi thường, chê trách chiếc bình nứt. Còn chiếc bình nứt luôn buồn tủi, xấu hổ về khuyết điểm của mình. Nó khổ sở vì chỉ hoàn tất được một nửa công việc phải làm. Trong hai năm, nó phải chịu đựng sự giầy vò, đau khổ với ý nghĩ mình là kẻ thất bại và vô tích sự.

Một ngày nọ, chiếc bình nứt bèn lên tiếng bày tỏ với người gánh nước:

- Con rất xấu hổ về bản thân và muốn nói lời xin lỗi ông về thời gian đã qua. Người gánh nước hỏi lại cái bình:

-Sao con phải xin lỗi? Mà con xin lỗi về chuyện gì?

Cái bình nứt đáp lại:

-Suốt hai năm qua, do vết nứt của con mà nước đã bị rò rỉ trên đường về nhà. Ông đã phải làm việc chăm chỉ nhưng kết quả mang lại không hoàn toàn như ông mong đợi.

Người gánh nước mỉm cười:

-Không phải vậy đâu! Ngày mai, trên đường ra suối con hãy quan sát kỹ hai bên đường rồi nói ta nghe xem có gì khác lạ nhé.

Hôm sau, chiếc bình nứt nhìn con đường từ nhà ra suối và thấy hai bên đường quang cảnh khác hẳn nhau. Một bên, cỏ mọc xanh mát và có rất nhiều bông hoa đồng nội đủ màu đang khoe sắc. Bên kia, chỉ toàn là đất cát và vài khóm cỏ dại héo khô. Không đợi nó cất tiếng hỏi, người gánh nước đã nói:

- Con có thấy rằng những bông hoa kia chỉ nở một bên vệ đường, chỉ ở phía bên con mang nước về nhà không? Nước từ vết nứt của con đã tưới cho đất, nuôi dưỡng cỏ hoa. Vợ và con gái ta đã rất vui vẻ, hạnh phúc khi hái những bông hoa kia mang về tô điểm cho căn bếp, cho ngôi nhà của chúng ta. Ngắm những bình hoa ấy, ta quên nỗi mệt nhọc sau một ngày dài vất vả. Không có vết nứt của con, gia đình ta sẽ không có được những niềm vui ấm áp đó.

Chiếc bình nứt bừng tỉnh. Nó biết rằng, từ hôm nay, mỗi ngày mới trên con đường này sẽ luôn đến cùng niềm vui, hạnh phúc.

(Theo In-tơ-nét)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Văn bản trên viết về chiếc bình nứt nhưng mục đích là để nói chuyện gì?

Câu 3. Vết nứt trên chiếc bình ẩn dụ cho điều gì?

Câu 4. Nỗi xấu hổ, day dứt của chiếc bình nứt gợi liên tưởng đến tâm trạng của con người khi đối diện với điều gì?

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

Có ý kiến cho rằng: Ở truyện ngắn *Vợ nhặt*, Kim Lân chủ tâm miêu tả kỹ lưỡng hiện thực tàn khốc trong nạn đói thảm năm 1945. Ý kiến khác thì nhấn mạnh: Ở tác phẩm này, nhà văn chủ yếu hướng vào thể hiện vẻ đẹp tiềm ẩn của những người dân

nghèo sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ.

Từ cảm nhận của mình về đoạn trích sau, anh/chị hãy bình luận những ý kiến trên.

(...)Bữa cơm ngày đói trông thật thảm hại. Giữa cái mẹt rách có độc một lùm rau chuối thái rối, và một đĩa muối ăn với cháo, nhưng cả nhà đều ăn rất ngon lành. Bà cụ vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn, gia cảnh với con dâu. Bà lão nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng về sau này:

-Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...

Tràng chỉ vâng. Tràng vâng rất ngoan ngoãn. Chưa bao giờ trong nhà này mẹ con lại đầm ấm, hòa hợp như thế. Câu chuyện trong bữa ăn đang đà vui bỗng ngừng lại. Niêu cháo lỏng bông, mỗi người được có lưng lưng hai bát đã hết nhẵn.

Bà lão đặt đĩa bát xuống, nhìn hai con vui vẻ:

-Chúng mày đợi u nhá. Tao có cái này hay lắm cơ.

Bà lão lật đặt chạy xuống bếp, lễ mễ bưng ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút. Bà lão đặt cái nồi xuống bên cạnh mẹt cơm, cầm cái môi vừa khuấy khuấy vừa cười:

-Chè đây. – Bà lão múc ra một bát – Chè khoán đây, ngon đáo để cơ.

Người con dâu đón lấy cái bát, đưa lên mắt nhìn, hai con mắt thị tối lại. Thị điềm nhiên và vào miệng. Tràng cầm cái bát thứ hai mẹ đưa cho, người mẹ vẫn tươi cười, đon đả:

-Cám đây mày ạ, hì. Ngon đáo để, cứ thử ăn mà xem. Xóm ta khỏi nhà còn chả có cám mà ăn đấy.

Tràng cầm đôi đĩa, gọt một miếng bỏ vội vào miệng. Mặt hẩn chun ngay lại, miếng cám đắng chát và nghẹn bứ trong cổ. Bữa cơm từ đấy không ai nói câu gì, họ cắm đầu ăn cho xong lần, họ tránh nhìn mặt nhau. Một nỗi tủi hờn len vào tâm trí mọi người.

Ngoài đình bỗng dội lên một hồi trống, dòn dập, vội vã. Đàn quạ trên những cây gạo cao chót vót ngoài bãi chợ hốt hoảng bay vù lên, lượn thành từng đám bay vùn trên nền trời như những đám mây đen.

(...)

Ngoài đình tiếng trống thúc thuế vẫn dòn dập. Mẹ và vợ Tràng đã buông đĩa đứng dậy.

Trong óc Tràng vẫn thấy đám người đói và lá cờ đỏ bay phấp phới...

(Trích Vợ nhặt, Kim Lân)

Tuần:

Ngày soạn:.....

Tiết 70-71

Ngày kí:.....

CHIẾC THUYỀN NGOÀI XA

- Nguyễn Minh Châu -

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

I. Tên bài học: Chiếc thuyền ngoài xa

II. Hình thức dạy học: Dạy học trên lớp

III. Chuẩn bị của thầy và trò

1/Thầy

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim về nhà văn Nguyễn Minh Châu;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

B: Xác định nội dung- chủ đề bài học

-Những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về cuộc đời và nghệ thuật: phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách đa diện; nghệ thuật chân chính luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời.

-Tình huống truyện độc đáo, mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống. Điểm nhìn nghệ thuật đa chiều. Lời văn giản dị mà sâu sắc, dư ba.

C. Mục đích cần đạt

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn xuôi thời hậu chiến;

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học

3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản truyện ngắn hiện đại;

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản truyện ngắn hiện đại;

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của truyện ngắn hiện đại Việt Nam sau 1975 trong lịch sử văn học dân tộc;

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh, tình huống truyện... trong truyện hiện đại Việt Nam .

D : Tổ chức dạy và học

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả <i>Nguyễn Minh Châu</i> + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Xem một đoạn video clip về cuộc sống của người dân vùng biển;</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả -B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và giới thiệu Vào bài: <i>Sau năm 1975, miền Nam được giải phóng, Bắc Nam đã sum họp một nhà, đất nước Việt Nam bước vào giai đoạn xây dựng, phát triển trong hoà bình. Điều đó cũng đã mở ra cho văn học những tiền đề mới. Nhiều nhà văn đã trăn trở, tìm tòi hướng đi mới cho văn học: Khám phá đời sống ở phương diện đời thường, trên phương diện đạo đức, thế sự. Một trong những cây bút tiên phong mở đường tinh anh và tài năng nhất là nhà văn Nguyễn Minh Châu. Ta đã gặp một Nguyễn Minh Châu trong truyện ngắn đầy nghịch lý “Bên quê” và một lần nữa ta lại được tìm hiểu một truyện ngắn xuất sắc khác của ông – truyện ngắn “Chiếc thuyền ngoài xa”.</i></p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>Hướng dẫn học sinh tìm hiểu phần Tiểu dẫn. (Chiếu ảnh Nguyễn Minh Châu)</p> <p>- B1:GV giao nhiệm vụ: (?) <i>Bằng hiểu biết của mình, em hãy trình bày những nét chính về tiểu sử.</i></p>	<p>I. TÌM HIỂU CHUNG</p> <p>1. Tác giả</p> <p>Nguyễn Minh Châu (1930-1989): trước năm 1975 là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn; từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề</p>

-B4: GV nhận xét, chốt kiến thức -
Nguyễn Minh Châu: 1930-1989.

- *Quê quán:* làng Thới, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- *Cuộc đời:* Đầu năm 1950: ông gia nhập quân đội; từ 1952 đến 1958, ông công tác và chiến đấu tại sư đoàn 320; năm 1962, ông về phòng Văn nghệ quân đội, tạp chí Văn nghệ quân đội.

- *Sự nghiệp sáng tác:*

+ Trước năm 1975 là ngòi bút sử thi có thiên hướng trữ tình lãng mạn;

+ Từ đầu thập kỉ 80 của thế kỉ XX chuyển hẳn sang cảm hứng thế sự với những vấn đề đạo đức và triết lí nhân sinh; ông được xem là cây bút mở đường tinh anh của văn học thời kì đổi mới.

(Chiều cảnh chiếc thuyền ngoài xa)

- Giáo viên cung cấp thêm:

Sáng tác tháng 8/ 1983, lúc đầu in trong tập ***Bến quê***, sau đó lấy làm tên chung cho một tập truyện ngắn.

Tích hợp kiến thức Lịch sử: (?)

Vận dụng kiến thức lịch sử Việt Nam từ sau năm 1975 - thời hậu chiến, căn cứ vào tình hình xã hội, em hãy giải thích tác động của lịch sử lúc bấy giờ đến sáng tác của văn học các tác giả nói chung, của Nguyễn Minh Châu nói riêng?

TL: Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đã kết thúc. Đất nước thống nhất trong nền độc lập, hoà bình. Nhiều vấn đề của đời sống văn hoá, nhân sinh mà trước đây do hoàn cảnh chiến tranh chưa được chú ý, nay được đặt ra. Nhiều quan niệm đạo đức phải được nhìn nhận lại trong tình hình mới, nhiều yếu tố mới nảy sinh, nhất là khi đất nước bước vào công cuộc đổi mới...

Hướng dẫn học sinh tìm hiểu văn bản.

- B1:GV giao nhiệm vụ:

(?) Học sinh tóm tắt những nét chính của tác phẩm ***Chiếc thuyền ngoài xa?***

nặng(Nguyên Ngọc)của VHVN thời kì đổi mới.

2. Tác phẩm

- *Chiếc thuyền ngoài xa* tiêu biểu cho xu

hướng chung của VHVN thời kì đổi mới: hướng nội, khai thác sâu sắc số phận cá nhân và thân phận con người trong cuộc sống đời thường.

a. Tóm tắt tác phẩm

b. Bố cục

Truyện chia làm 3 đoạn:

+ Đoạn 1: (Từ đầu đến “chiếc thuyền lưới vó đã biến mất”). Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh.

+ Đoạn 2: (Từ “Ngay lúc ấy ... với sóng gió giữa phá”): Câu chuyện của người đàn bà làng chài.

+ Đoạn 3: Còn lại: Tám ảnh trong bộ lịch năm ấy.

(?) Theo em có thể chia văn bản thành mấy đoạn, nội dung của mỗi đoạn là gì?

Tích hợp kiến thức Lịch sử, địa lí:

+ Nghệ sĩ Phùng trở lại chiến trường xưa A So, một vùng thuộc miền Trung, cách Hà Nội 600 cây số.

+ Cuộc sống của người dân vùng biển .

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

-B4: GV nhân xét, chốt kiến thức

Thao tác 1: Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh

- **B1:GV giao nhiệm vụ:** Phát hiện thứ nhất của người nghệ sĩ nhiếp ảnh là phát hiện đầy thơ mộng. Anh (chị) cảm nhận như thế nào về vẻ đẹp của chiếc thuyền ngoài xa trên biển sớm mù sương mà người nghệ sĩ chụp được?

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

-B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

- **B1:GV giao nhiệm vụ** : Phát hiện thứ hai của người nghệ sĩ nhiếp ảnh mang đầy nghịch lí. Anh đã chứng kiến và có thái độ như thế nào trước những gì diễn ra ở gia đình thuyền chài.

- Qua hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng, Nguyễn Minh Châu muốn người đọc nhận thức được điều gì về cuộc đời?

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

II. Đọc - hiểu văn bản

1. Hai phát hiện của người nghệ sĩ nhiếp ảnh:

a. Phát hiện thứ nhất đầy thơ mộng của người nghệ sĩ nhiếp ảnh

- "Trước mặt tôi là một bức tranh mực tàu tôi tưởng chính mình vừa khám phá thấy cái chân lí của sự hoàn thiện, khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần của tâm hồn".

- Đôi mắt tinh tường, "nhà nghề" của người nghệ sĩ đã phát hiện vẻ đẹp "trời cho" trên mặt biển mờ sương, vẻ đẹp mà cả đời bấm máy anh chỉ gặp một lần. Người nghệ sĩ cảm thấy hạnh phúc - đó là niềm hạnh phúc của khám phá và sáng tạo, của sự cảm nhận cái đẹp tuyệt diệu. Trong hình ảnh chiếc thuyền ngoài xa giữa biển trời mờ sương, anh đã cảm nhận cái đẹp toàn bích, hài hoà, lãng mạn của cuộc đời, thấy tâm hồn mình được thanh lọc.

b. Phát hiện thứ hai đầy nghịch lí của người nghệ sĩ nhiếp ảnh

- Người nghệ sĩ đã tận mắt chứng kiến: từ chiếc thuyền ngư phủ đẹp như trong mơ bước ra một người đàn bà xấu xí, mệt mỏi và cam chịu; một lão đàn ông thô kệch, dữ dằn, độc ác, coi việc đánh vợ như một phương cách để giải tỏa những uất ức, khổ đau... Đây là hình ảnh đằng sau cái đẹp “toàn bích, toàn thiện” mà anh vừa bắt gặp trên biển. Nó hiện ra bất ngờ,

-B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

đang rất phổ biến trong xã hội hiện nay?

Thao tác 2: Câu chuyện của của người đàn bà ở toà án huyện

- B1:GV giao nhiệm vụ

(?) Hoàn cảnh của người đàn bà hàng chài?

(?) Trước hoàn cảnh của người đàn bà hàng chài, Đẩu - chánh án tòa án huyện đã đưa ra giải pháp gì?

(?) Giải pháp mà Đẩu đưa ra có được người đàn bà chấp nhận không?

(?) Trong hoàn cảnh người đàn bà hàng chài, lời khuyên của chánh án Đẩu có vẻ là một lời khuyên đúng đắn, nhưng người đàn bà nhất quyết không nghe theo, thậm chí còn van xin “quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó”. Em hãy lý giải thông qua câu chuyện của người đàn bà hàng chài?

(?) Nhận xét về câu chuyện cuộc đời của người đàn bà hàng chài?

(?) Thái độ của Phùng và Đẩu trước và sau khi nghe câu chuyện của người đàn bà có sự thay đổi như thế nào?

(?) Nếu các em là Đẩu, Phùng thì sẽ làm thế nào để giải quyết vấn đề đó?

(?) Câu chuyện về người đàn bà, Nguyễn Minh Châu đặt ra một vấn đề gì

trở trêu như trò đùa quái ác của cuộc sống.

- Chứng kiến cảnh người đàn ông đánh vợ một cách vô lí và thô bạo, Phùng đã “kinh ngạc đến mức, trong mấy phút đầu vút chiếc máy ảnh xuống đất, chạy nhào tới”. Hành động đó nói lên nhiều điều.

c. Ý

nghĩa:

- Phùng đã cay đắng nhận ra những ngang trái, xấu xa trong gia đình kia đã làm cho những điều huyền diệu mà anh

đã phát hiện hiện hình ra thật khủng khiếp, ghê sợ.

- Cuộc đời không đơn giản, xuôi chiều, không phải bao giờ cũng đẹp, cũng là nghệ thuật, mà chứa đựng nhiều nghịch lí, mâu thuẫn giữa cái đẹp - xấu, thiện - ác.

- Người nghệ sĩ phải tìm hiểu cuộc đời trong mối quan hệ đa chiều.

2. Câu chuyện của người đàn bà hàng chài ở toà án huyện:

c. Câu chuyện của người đàn bà hàng

chài ở toà án

huyện

- Đó là câu chuyện về cuộc đời nhiều bí ẩn và éo le của một người đàn bà hàng

chài nghèo khổ, lam

lũ...

+Theo lời mời của Đẩu, chánh án toà án huyện, người đàn bà hàng chài đã có mặt ở toà án huyện. Trước lời đề nghị và giúp đỡ của Đẩu và Phùng, người đàn bà dứt khoát từ chối.

+Tại toà án, chị kể về cuộc đời mình và gián tiếp giải thích lí do vì sao chị nhất quyết không thể bỏ lão chồng vũ phu

+Nếu ban đầu mới đến toà, chị sợ sệt, lúng túng, một lạy quý toà, hai lạy quý toà thì sau khi nghe lời khuyên của Đẩu, chị trở nên mạnh dạn, chủ động.

- Câu chuyện đã giúp nghệ sĩ Phùng hiểu về người đàn bà hàng chài (một phụ nữ nghèo khổ, nhẫn nhục, sống kín đáo, sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, có tâm hồn đẹp đẽ, giàu đức hi sinh và lòng vị

(?) Từ câu chuyện của người đàn bà hàng chài và thái độ của Phùng và Đẩu, nhà văn Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến người đọc thông điệp gì?

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

*Tỉ ch h ợp ki ến t hức GD&ĐT : Luật Phòng, chống bạo lực gia đình có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2008 có định nghĩa *Bạo lực gia đình là hành vi cố ý của thành viên gia đình gây tổn hại hoặc có khả năng gây tổn hại về thể chất, tinh thần, kinh tế đối với thành viên khác trong gia đình.*

--> Tình trạng bạo lực gia đình:

+ Nguyên nhân

:

- Thói vũ phu, sự tăm tối, thất học của người đàn ông.

- Sâu xa là do tình trạng đói nghèo, đời sống bấp bênh kéo dài gây tâm lí bế tắc, uất hận

+ Hậu quả :

- Gây ra những nỗi đau triền miên về thể xác và tinh thần cho những thành viên trong gia đình (người đàn bà).

- Con cái đổ vỡ niềm tin, sống trong hận thù, căm ghét (Thằng Phác), và có nguy cơ trở thành tội phạm.

- B1:GV giao nhiệm vụ:

- Giả sử được trực tiếp gặp gỡ người đàn bà ở toà án cùng với Đẩu và Phùng, anh/chị hãy phát biểu cảm nghĩ của mình về câu chuyện của người đàn bà ấy?...

tha); về người chồng của chị (bất kể lúc nào thấy khổ quá là lôi vợ ra đánh); chánh án Đẩu (có lòng tốt, sẵn sàng bảo vệ công lí nhưng kinh nghiệm sống chưa nhiều) và về chính mình (sẵn sàng làm tất cả vì sự công bằng nhưng lại đơn giản trong cách nhìn nhận, suy nghĩ).

+Trước khi nghe câu chuyện của người đàn bà, thái độ của anh rất cương quyết.

+Nhưng khi nghe xong câu chuyện “một cái gì đó vỡ ra trong đầu vị Bao Công của cái phố huyện vùng biển, lúc này trông Đẩu rất nghiêm nghị và đầy suy nghĩ”.

+Cũng như Đẩu, nghệ sĩ Phùng im lặng sau câu chuyện của người đàn bà. Phùng nhận thấy mình đã đơn giản khi nhìn nhận cuộc đời và con người; anh chỉ nhìn người một cách phiến diện, nông nổi ngây thơ .

phá đời sống, lời kể trở nên khách quan, chân thật, giàu sức thuyết phục.

+ Ngôn ngữ nhân vật: Phù hợp với đặc

*Thông điệp nghệ thuật.

Đừng nhìn cuộc đời, con người một cách đơn giản, phiến diện; phải đánh giá sự việc, hiện tượng trong các mối quan hệ đa diện, nhiều chiều.

- Nhận xét về nghệ thuật thể hiện câu chuyện người đàn bà hàng chài:

+Nguyễn Minh Châu đã xây dựng được tình huống mang ý nghĩa khám phá, phát hiện đời sống.

+Ngôn ngữ người kể chuyện: Thể hiện qua nhân vật Phùng, sự hóa thân của tác giả. Chọn người kể chuyện như thế đã tạo ra một điểm nhìn trần thuật sắc sảo, tăng cường khả năng khám

<p>(?) <i>Ấn tượng, suy nghĩ, cảm nhận, đánh giá về người đàn bà hàng chài?</i></p> <p>(?) <i>Giả sử là người đàn bà hàng chài bị chồng đánh như thế, anh/ chị sẽ phản ứng như thế nào? Vì sao? Từ đó cho thấy nghĩa lí của cách hành xử của người đàn bà hàng chài như thế nào?</i></p> <p>(?) <i>Từ việc tìm hiểu những phẩm chất, cuộc đời người đàn bà hàng chài, Nguyễn Minh Châu muốn nói lên điều gì?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>- “<i>vốn là đứa con gái xấu lại rồi mặt sau một bận lên đậu mùa</i>”. Người đàn bà hàng chài trong truyện ngắn trạc ngoài 40 ,thô kệch ,rỗ mặt ,lúc nào cũng xuất hiện với " <i>khuôn mặt mệt mỏi</i> " gợi ấn tượng về một cuộc đời nhọc nhằn lam lũ</p> <p>-Trong câu chuyện về cuộc đời mình, chị đã nhận thức được rất rõ sự kém may mắn của mình: “<i>cũng vì xấu, trong phố không ai lấy, tôi có mang với một anh con trai của một hàng chài giữa phá hay đến nhà tôi mua bả về đan lưới</i>”.</p> <p>+ Hành động và lời nói của người chồng :“<i>trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà, lão vừa đánh vừa thở hồng hộc, hai hàm răng nghiến ken két, cứ mỗi nhát quật xuống lão lại nguyên rửa bằng cái giọng rên rỉ, đau đớn: “Mày chết đi cho ông nhờ. Chúng mày chết hết đi cho ông nhờ</i>”.</p> <p>+ Trước hành động rất tàn bạo của người chồng, người đàn bà hàng chài đã "<i>không hề kêu một tiếng, không chống trả cũng không tìm cách chạy trốn</i>".</p> <p>+ Chồng đánh như vậy, chị ta đâu có</p>	<p>khóc</p>
--	-------------

điểm tính cách của từng người. Lời
văn giản dị mà sâu sắc, đa nghĩa.

b. Các nhân vật trong câu chuyện:

- *Nhân vật người đàn bà hàng chài*

Người đàn bà

Vẻ bề ngoài	Phẩm chất bên trong
Xấu xí	Vị tha, giàu đức
hi	

sinh

Lam lũ, rách rưới	Chắt chiu hạnh
phúc Cam chịu	Sâu sắc trải đời
đáng thương	

* Ngoại hình: có vẻ ngoài xấu xí, thô
kêch và mệt mỏi:

* Số phận, cuộc đời:

+ Số phận kém may mắn:

+ Cuộc đời lam lũ, vất vả..gia
đình đông con và nghèo khổ *suốt hàng
tháng, cả nhà vợ chồng con cái ăn toàn
cây xương rồng luộc chấm muối*, có
khi bị chồng đánh thô bạo *ba ngày một
trận nhẹ, năm ngày một trận nặng*.

+ Nỗi đau lớn trong tâm hồn:
Nhận biết hoàn cảnh gia đình mình nếu
tiếp tục

con chị sẽ phạm tội, gia đình tan nát.

* Tính cách:

- *Một người đàn bà cam chịu,
nhẫn nhục.*

- *Giàu lòng tự trọng.*

+ Nhưng chỉ sau khi biết được hành động vũ phu của chồng đã bị thằng Phác và người khách lạ (nghệ sĩ Phùng) phát hiện chị lại cảm thấy đau đớn, vừa đau đớn, vừa vô cùng xấu hổ và nhục nhã. Nhiều khi, sự đau đớn do đòn roi không thể làm con người ta bật khóc, điều này đúng trong trường hợp của người đàn bà hàng chài. Những giọt nước mắt đau đớn chứa đựng biết bao sự nhọc nhằn chỉ thực sự rơi khi thấy đứa con yêu của mình chứng kiến cảnh tượng mình bị chồng đánh, chỉ thực sự rơi khi có người khách lạ chứng kiến.

+ Được mời đến tòa án huyện để giải quyết việc gia đình, lúc đây chị ta rụt rè, tìm một góc tường ở chón công đường kia để ngồi. Nhà văn có miêu tả, đây không phải là lần đầu người đàn bà đến chón công đường nhưng người đàn bà ấy vẫn có cái vẻ sợ sệt, lúng túng- cái sợ sệt lúng túng ấy ngay lúc chị ta đứng ở bãi xe tăng cũng không hề thấy có. Chị thấy sợ hãi khi đến một không gian lạ. Chị ta thật tội nghiệp, cái thế ngồi bị động, ngồi vào mép ghế và cố thu người lại, ngồi như thể để tự vệ cho dù đã được Đẩu nói bằng những lời rất thân mật, chia sẻ, cảm thông.

+ Nguyễn Minh Châu đã dụng công nhấn vào sự thay đổi ngôn ngữ và tâm thế của người đàn bà hàng chài. Ban đầu, khi gặp chánh án Đẩu, chị còn xưng “con” và có lúc đã van xin, “con lạy quý tòa”... “*Quý tòa bắt tội con cũng được, phạt tù con cũng được, đừng bắt con bỏ nó*”. Nhưng khi thấy Phùng xuất hiện, đang cúi gục lập tức người đàn bà hàng chài ngẩng lên, nhìn thẳng, “*chị cảm ơn các chú.... Lòng cách chú tốt nhưng các chú đâu có phải là người làm ăn... cho nên các chú đâu có hiểu được cái việc của các người*

- *Sống rất sâu sắc, thấu hiểu lẽ đời, hiểu chồng, thương con vô bờ bến, một người phụ nữ vị tha, giàu đức hy sinh.*

làm ăn lam lũ, khó nhọc”. Về bề ngoài khúm núm, sợ sệt, điệu bộ khác, ngôn ngữ khác đã làm cho cả Đẩu và Phùng hết sức ngạc nhiên. Người đàn bà hàng chài kia không hề giản đơn như Đẩu và Phùng nghĩ. Thì ra, cái nghề chài lưới trên một chiếc thuyền vó bè lênh đênh không thể thiếu bàn tay và sức lực của người đàn ông. Để duy trì sự tồn tại cho cả gia đình thì họ phải hợp sức lại mà làm quần quật để nuôi một đàn con nhà nào cũng trên dưới chục đứa, *"đám đàn bà ở thuyền chúng tôi cần có một người đàn ông chèo chống khi phong ba, để cùng làm ăn nuôi nấng một sắp con nhà nào cũng trên chục đứa"* Tình cảnh của người đàn bà hàng chài kia cũng như của bao gia đình hàng chài khác, trừ phi chị nói *"giá tôi đẻ ít đi hoặc chúng tôi sắm được một chiếc thuyền rộng hơn"*.

+ Trong câu chuyện kể về cuộc đời mình, người đàn bà hàng chài kia đã chấp nhận đau khổ, coi nỗi khổ vận vào đời mình như một lẽ đương nhiên. Chị sống cho con chứ không phải là sống cho mình. *"Đàn bà ở thuyền chúng tôi phải sống cho con chứ không thể sống cho mình như ở trên đất được"*. Nếu những phụ nữ trên các thuyền khác chấp nhận người đàn ông uống rượu thì chị cũng chấp nhận để chồng đánh chỉ xin chồng là đánh ở trên bờ, đừng để các con nhìn thấy. Đó là một cách ứng xử rất nhân bản.

+ Ở đây, lẽ đời đã chiến thắng. Người lao động lam lũ, nghèo khổ không có uy quyền nhưng có cái tâm của một người thương con, thấu hiểu lẽ đời cũng là một thứ quyền uy có sức công phá lớn. Nó đã làm chánh án Đẩu và nghệ sĩ Phùng nhận thức được nhiều điều. Nhận thức được, nỗi nhọc nhằn vất vả trong công việc làm ăn của cư dân vùng biển. Nhận thức được

cuộc sống bấp bênh khiến họ phải chấp

nhận không ít những nghịch cảnh, những ngang trái. Nhận thức được người đàn bà kia không hề chịu đòn roi một cách vô lí, cả Đầu và Phùng chua chát nhận ra rằng: trên thuyền cần có một người đàn ông... dù hấn man rợ, tàn bạo, cần có một người đàn ông để chèo chống khi biển phong ba bão táp. Nhận thức được ở người phụ nữ ấy chứa đựng mẫu tính sâu xa như một bản năng: *“Ông trời sinh ra người đàn bà là để đẻ con, rồi nuôi con cho đến khi khôn lớn cho nên phải gánh lấy cái khổ”*, những lời lẽ ấy của người đàn bà hàng chài được thốt lên từ một niềm tin đơn giản mà vững chắc vào cái thiên chức mà trời đã giao phó cho người đàn bà. Thức nhận được rằng, người đàn bà hàng chài kia rất biết tìm cho mình những niềm vui, hạnh phúc dẫu rất nhỏ nhoi trong cuộc sống đầy khó khăn. Ở chị vững bền một niềm tin, một tình yêu và sự lạc quan vào cuộc sống. Hãy biết sống ngay khi cả cuộc đời không thể chịu được nữa, nụ cười chợt ửng sáng lên trên khuôn mặt rồi chẳng chịt chịt nghĩ đến *“trên thuyền cũng có lúc vợ chồng con cái chúng tôi sống hòa thuận vui vẻ”* và niềm vui *“nhìn đàn con tôi chúng nó được ăn no”*. Hạnh phúc với người đàn bà hàng chài kia thật giản dị mà không kém phần sâu sắc. Nhận thức được nỗi đau, cũng như sự thâm trầm trong việc thấu hiểu các lẽ đời người đàn bà kia không bao giờ để lộ ra bên ngoài cả.

- Mà cuộc sống nghèo khó của người dân vùng biển với một trong những nguyên nhân sâu xa: gia đình quá đông con.

- Tích hợp kiến thức GDCD: Sự bùng nổ dân số và trách nhiệm của công dân trong việc hạn chế sự bùng nổ về dân số. (Bùng nổ dân số là sự gia tăng dân số một cách quá nhanh trong một thời gian ngắn, gây

☰ Cuộc đời, con người đầy những nghịch lí, không xuôi chiều.

☰ Cần phải nhìn nhận con người trong từng hoàn cảnh cụ thể.

ảnh hưởng tiêu cực đến mọi mặt của đời sống xã hội; Trách nhiệm của công dân trong việc hạn chế sự bùng nổ về dân số; Nghiêm chỉnh thực hiện luật hôn nhân và gia đình.

Công dân có những trách nhiệm gì?

Tích cực tuyên truyền, vận động gia đình và những người xung quanh thực hiện tốt luật hôn nhân và gia đình, chính sách dân số kế hoạch hóa gia đình của nhà nước)

- B1:GV giao nhiệm vụ:

(?) *Người đàn ông hàng chài xuất hiện như thế nào? Sự xuất hiện đó gây ấn tượng gì về ngoại hình, về hành vi?*

(?) *Tại sao người đàn ông không dùng cách nào khác để giải quyết bi kịch của mình mà trút nỗi bức dọc vào việc đánh vợ rất tàn nhẫn?*

(?) *Cách nhìn nhận gã chồng vũ phu của người đàn bà hàng chài có gì khác so với cách nhìn nhận và thái độ của Đẩu, Phùng và bé Phác? Nhận xét chung về tính cách người đàn ông?*

(?) *Tính cách của người đàn ông được khắc họa qua những điểm nhìn nào?*

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

Tích hợp kiến thức GDCT: Luật Bình đẳng giới có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2004 có quy định Bình đẳng giới là việc nam, nữ có vị trí, vai trò ngang nhau, được tạo điều kiện và cơ hội phát huy năng lực của mình cho sự phát triển của cộng đồng, của gia đình và thụ hưởng như nhau về thành quả của sự phát triển đó. Theo em, qua nhân vật người đàn ông, gia đình người hàng chài

này có sự bình đẳng giới không? Vì sao?

- B1:GV giao nhiệm vụ:

-Người đàn ông:

- Dáng vẻ khắc khổ, lam lũ nhưng mạnh mẽ và dữ dội: *“Lưng rộng và cong như một chiếc thuyền”, “mái tóc tổ quạ”, “chân đi chữ bát”, “hai con mắt độc dữ”*

- Vốn là một anh con trai hiền lành, chỉ vì *“nghèo khổ, túng quẫn”*, nhiều lo toan, cực nhọc mà trở thành người đàn ông độc

ác, người chồng vũ phu.

- Khi nào thấy khổ là lão đánh vợ: *“lão trút cơn giận như lửa cháy bằng cách dùng chiếc thắt lưng quật tới tấp vào lưng người đàn bà”*, đánh như để giải tỏa uất ức, để trút sạch tức tối, buồn phiền.

- Qua cái nhìn của người đàn bà: nạn nhân của hoàn cảnh nên đáng được cảm thông, chia sẻ.

- Qua cái nhìn của chánh án Đẩu, nghệ sĩ Phùng và bé Phác: người vũ phu, thủ phạm gây đau khổ nên đáng căm phẫn, đáng lên án.

☑ **Vừa là nạn nhân của cuộc sống khốn khổ, vừa là thủ phạm gây đau khổ cho**

những người thân.

=> Phải có cái nhìn đa diện, nhiều chiều về cuộc sống và con người.

- Chị em Phác:

+ Chị Phác:

(?) *Nêu cảm nghĩ về hành vi của Phác đối với bố?*

(?) *Hoá thân vào nhân vật để nêu cảm xúc và suy nghĩ của nhân vật Phác khi thấy mẹ bị bố hành hạ, sau hành động đánh lại bố và lúc lau nước mắt cho mẹ.*

(?) *Hãy tưởng tượng cách ứng xử khác của Phác khi thấy mẹ bị bố đánh tàn nhẫn.*

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo kết quả**

- **B4: GV nhận xét, chốt kiến thức**

- **B1:GV giao nhiệm vụ:**

(?) *Cảm nhận của em về nhân vật Phùng và Đẩu trong truyện*

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo kết quả**

- **B4: GV nhận xét, chốt kiến thức**

* Một cô bé ốm yếu mà can đảm, phải vật lộn để tước lấy con dao từ tay Phác, không cho nó làm việc trái với luân thường đạo lí.

* Trong lòng tan nát vì đau đớn: bố điên cuồng hành hạ mẹ, vì thương mẹ mà thằng em định cầm dao ngăn bố lại...

☑Có những hành động đúng đắn, biết lo toan, là chỗ dựa vững chắc cho người mẹ.

+ Phác: Thương mẹ theo kiểu trẻ con xúc nổi, theo cách của đứa con trai vùng biển.

+ Nó “lặng lẽ đưa ngón tay lên khẽ sờ trên khuôn mặt người mẹ, như muốn lau đi những giọt nước mắt chứa đầy trong nốt rỗ chẳng chì”

+ Nó “tuyên bố với các bác ở xưởng đóng thuyền rằng nó còn có mặt ở dưới biển này thì mẹ nó không bị đánh”

☑Phản ứng dữ dội, tình thương mẹ dạt dào.

=> **Tình huống khó xử, nỗi đau khó giải quyết: đứng về ai, làm thế nào để trọn đạo làm con?**

- **Nghệ sĩ Phùng:**

+Nhảy cảm trước cái đẹp của thiên nhiên, trước vẻ đẹp tinh khôi của thuyền biển lúc bình minh.

+ Xúc động mãnh liệt trước tình trạng con người phải chịu sự bạo hành của cái xấu, cái ác.

+ Phát hiện vẻ đẹp tâm hồn con người: đằng sau vẻ xấu xí người đàn bà là một tâm hồn yêu thương, vị tha...

+ Rút ra chân lí về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc sống:

* Trước khi rung động trước cái đẹp nghệ thuật phải biết yêu ghét, vui buồn trước cuộc đời.

* Phải biết hành động để có một cuộc sống xứng đáng với con người.

- **Chánh án Đẩu:**

+ Vị Bao Công của vùng biển, quan tâm người bất hạnh

<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: (?) Tầm ảnh được chọn trong bộ lịch năm ấy như thế nào? (?) Mỗi lần nhìn vào tấm ảnh, người nghệ sĩ lại trông thấy cái gì?</p> <p>(?) Tại sao trong bức ảnh được chọn, dù là tấm ảnh đen trắng nhưng khi nhìn vào, Phùng lại thấy “màu hồng hồng của ánh sương mai” và hình ảnh “người đàn bà” hòa lẫn vào đám đông? Phải chăng đây là một kết thúc có dụng ý của nhà văn? Em hãy chỉ ra dụng ý đó?</p> <p>(?) Từ đó, Nguyễn Minh Châu muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì về mối quan hệ giữa nghệ thuật và cuộc đời?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>+ “Vỡ ra” nhiều vấn đề về cách nhìn nhận, đánh giá con người: * Cuộc đời người đàn bà này không hề giản đơn * Trong hoàn cảnh này, cách hành xử của người đàn bà là không thể khác * Giải pháp “bỏ chồng” mà Đầu áp dụng là không ổn.</p> <p><u>3. Tầm ảnh được chọn trong “bộ lịch năm ấy”:</u> - Mỗi lần nhìn kĩ bức ảnh đen trắng, người nghệ sĩ đều thấy “hiện lên cái mùa hồng hồng của ánh sương mai” ☑Chất thơ, vẻ đẹp lãng mạn của cuộc đời. - Nhưng nếu nhìn lâu hơn, bao giờ anh cũng thấy “người đàn bà ấy đang bước ra khỏi tấm ảnh” ☑Hiện thân của những lam lũ, khốn khó của đời thường, là sự thật cuộc đời đang sau bức tranh. => Quan niệm: nghệ thuật chân chính không bao giờ rời xa cuộc đời và phải là cuộc đời, luôn luôn vì cuộc đời.</p>
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ: (?) Nêu đánh giá thành công về nội dung của truyện? (?) Cách xây dựng cốt truyện của Nguyễn Minh Châu trong tác phẩm này có gì độc đáo?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>a) Tóm tắt lại tình huống. + Tình huống 1: Phùng rung động, say mê trước cảnh đẹp “trời cho” + Tình huống 2: Trong giây phút tâm hồn thăng hoa, anh bất ngờ chứng kiến cảnh tượng người đàn ông đánh vợ + Phùng còn chứng kiến cảnh tượng đó thêm lần nữa: người đàn bà nhẫn nhục,</p>	<p>III. Tổng kết 1. Nội dung: Chiếc thuyền ngoài xa thể hiện những chiêm nghiệm sâu sắc của nhà văn về nghệ thuật và cuộc đời: nghệ thuật chân chính phải luôn gắn với cuộc đời, vì cuộc đời; người nghệ sĩ cần phải nhìn nhận cuộc sống và con người một cách toàn diện, sâu sắc. Tác phẩm cũng rung lên hồi chuông báo động về tình trạng bạo lực gia đình và hậu quả khôn lường của nó.</p> <p>2. Đặc sắc về nghệ thuật của tác phẩm: a. Xây dựng tình huống truyện: - Độc đáo, hấp dẫn, mang ý nghĩa khám phá, phát hiện về đời sống</p>

<p>hành động của chị em Phác</p> <p>+ Từ đó, Phùng có cách nhìn đời khác đi. Anh thấy rõ cái ngang trái, hiểu thêm về người đàn bà, chị em Phác, hiểu sâu thêm bản chất của người bạn đầu và hiểu chính mình</p> <p>b) Bình luận về ý nghĩa của tình huống</p>	<p>☑ Tình huống được đẩy lên cao trào và ngày càng xoáy sâu để thể hiện tính cách con người và cuộc đời.</p> <p>b. Nghệ thuật kể chuyện: sinh động</p> <p>- Người kể chuyện: là nhân vật Phùng</p> <p>☑ tạo ra điểm nhìn trần thuật sắc sảo, có khả năng khám phá đời sống; lời kể khách quan, chân thực, thuyết phục</p> <p>- Ngôn ngữ nhân vật: phù hợp với đặc điểm tính cách của từng người</p> <p>+ Giọng điệu lão đàn ông: thô bỉ, tàn nhẫn, tục tằn, hung bạo</p> <p>+ Những lời của người đàn bà: dịu dàng, xót xa khi nói với con, đơn đau và thấu trải lẽ đời khi nói về mình</p> <p>+ Lời của Đầu: giọng điệu của người tốt bụng, nhiệt thành.</p> <p>☑ Góp phần khắc sâu thêm chủ đề - tư tưởng của truyện.</p>
--	---

3. LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1:GV giao nhiệm vụ:</p> <p><u>Câu hỏi 1:</u> Thông tin nào sau đây về Nguyễn Minh Châu là chưa chính xác?</p> <p>a. Xuất thân trong một gia đình nông dân.</p> <p>b. Vào bộ đội khi đang học dở cấp ba.</p> <p>c. Là nhà văn thành công chủ yếu ở thể loại truyện ngắn và thơ.</p> <p>d. Năm 2000 ông được tặng giải thưởng hồ chí minh về văn học nghệ thuật.</p> <p><u>Câu hỏi 2:</u> Nguyễn Minh Châu là nhà văn thuộc thế hệ nào?</p> <p>a. Trưởng thành từ trước cách mạng.</p> <p>b. Trưởng thành trong kháng chiến chống thực dân Pháp.</p> <p>c. Trưởng thành trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ.</p> <p>d. Trưởng thành từ sau năm 1975.</p> <p><u>Câu hỏi 3:</u> Sáng tác của Nguyễn Minh Châu có những thiên hướng nào?</p> <p>a. Trữ tình lãng mạn.</p> <p>b. Cảm hứng thế sự.</p> <p>c. Giai đoạn đầu là cảm hứng thế sự, giai đoạn sau thiên về trữ tình lãng mạn.</p> <p>d. Giai đoạn đầu là trữ tình lãng mạn, giai đoạn sau chuyển sang</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='c'</p> <p>[2]='c'</p> <p>[3]='d'</p> <p>[4]='a'</p> <p>[5]='c'</p>

<p>cảm hứng thể sự.</p> <p>Câu hỏi 4: Truyện “Chiếc thuyền ngoài xa” được kể theo cách nào?</p> <p>a. Nhà văn cho nhân vật Phùng – người phóng viên kể lại câu chuyện.</p> <p>b. Nhà văn đứng ngoài câu chuyện kể lại.</p> <p>c. Nhà văn cho nhân vật chú bé Phác kể lại câu chuyện.</p> <p>d. Nhà văn cho nhân vật Đẩu – vị chánh án tòa kể lại câu chuyện</p> <p>Câu hỏi 5: Vì sao người mẹ của Phác lại thường xuyên bị người chồng đánh đập?</p> <p>a. Vì người chồng say rượu.</p> <p>b. Vì người chồng bản tính độc ác, tàn bạo.</p> <p>c. Vì người chồng khổ quá nên đã trút nỗi hận vào người vợ.</p> <p>d. Vì người vợ không chịu nghe lời người chồng.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
---	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>“<i>Có lẽ suốt một đời cầm máy ảnh .. khám phá thấy cái khoảnh khắc trong ngần tâm hồn</i>”</p> <p>(Trích <i>Chiếc thuyền ngoài xa</i> – Nguyễn Minh Châu)</p> <p>Đọc đoạn văn trên và trả lời các câu hỏi sau :</p> <p>1. Nêu những ý chính của văn bản?</p> <p>2. Xác định các phương thức biểu đạt trong văn bản ?</p> <p>3. Câu văn <i>Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khum khum, đang hướng mặt vào bờ sử dụng</i></p>	<p>Câu 1: Những ý chính của văn bản:</p> <p>Văn bản tả lại một <i>cảnh đất trời</i> cho là cảnh chiếc thuyền lưới vó ẩn hiện trong biển</p> <p>sớm mờ sương có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào...Với người nghệ sĩ, khung cảnh đó chứa đựng <i>chân lí của sự hoàn thiện</i>, làm dấy lên trong Phùng những xúc cảm thẩm mỹ, khiến tâm hồn anh như được gột rửa, thanh lọc.</p> <p>Câu 2 : Các phương thức biểu đạt trong văn bản : tự sự, miêu tả và biểu cảm.</p> <p>Câu 3 : Câu văn <i>Mũi thuyền in một nét mơ hồ lòe nhòe vào bầu sương mù trắng như sữa có pha đôi chút màu hồng hồng do ánh mặt trời chiếu vào. Vài bóng người lớn lẫn trẻ con ngồi im phăng phắc như tượng trên chiếc mui khum khum, đang hướng mặt vào bờ sử dụng</i> biện pháp tu từ so sánh: <i>trắng như sữa, im phăng phắc như tượng</i>.</p>

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ
- B3: HS báo cáo kết quả
- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

Câu 4 : Các tính từ láy *loè nhoè, hồng hồng, phảng phất, khum khum* đạt hiệu quả nghệ thuật trong việc thể hiện bức tranh chiếc thuyền ngoài xa: làm tăng cường thêm độ huyền ảo, như hư như thực của bức tranh vào buổi sớm mai.

MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Vẽ bản đồ tư duy bài học</p> <p>+ Đóng vai một phóng viên, hãy viết một đoạn phỏng vấn nhân vật người đàn bà hàng chài</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p>	<p>+ Vẽ đúng bản đồ tư duy</p> <p>+ Tích hợp bài Phỏng vấn và trả lời phỏng vấn, dựa vào cốt truyện để viết bài phỏng vấn cho phù hợp.</p>

BẢN ĐỒ TƯ DUY:



Tuần:

Ngày soạn:.....

Tiết 72

Ngày kí:.....

THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

I. Tên bài học: Thực hành về hàm ý

II. Hình thức dạy học: Dạy học trên lớp

III. Chuẩn bị của thầy và trò

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B: Xác định nội dung- chủ đề bài học

-Khái niệm hàm ý

-Một số cách thức tạo hàm ý thông dụng

-Một số tác dụng của cách nói hàm ý.

C: Mức độ cần đạt

1. Kiến thức

a/ Nhận biết: HS nhận biết khái niệm, cách thức tạo hàm ý thông dụng;

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hàm ý trong giao tiếp và trong văn bản, nhất là văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật;

c/Vận dụng thấp: Phân tích được hàm ý trong văn bản đã học;

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về hàm ý để phân tích ý nghĩa hàm ý trong tất cả văn bản;

2. Kỹ năng

a/ Biết làm: bài tiếng Việt liên quan đến xác định hàm ý;

b/ Thông thạo: các bước làm bài hàm ý;

3. Thái độ

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản để tìm hàm ý;

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày hàm ý trong văn bản;

c/Hình thành nhân cách:

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thông qua hàm ý.

- Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh, tình huống truyện... trong truyện hiện đại Việt Nam .

D : Tổ chức dạy và học

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
----------------------------------	---

- **B1: GV giao nhiệm vụ:** Tổ chức Trò chơi ô chữ liên quan đến hàm ý

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo kết quả**

- **B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và giới thiệu Vào bài:**
Trong cuộc sống giao tiếp hằng ngày, đôi khi con người trao đổi với nhau một vấn đề, một ý tưởng gì đó nhưng con người không diễn đạt trực tiếp ra bằng từ ngữ, mà chủ ý nói bằng một lời khác, để người nghe suy ra nội dung cốt làm cho lời nói có ý vị, tế nhị hơn, có ý nghĩa sâu xa hơn. Đó là cách nói hàm ý. Hôm nay chúng ta sẽ tiến hành thực hiện bài học Thực hành về Hàm ý để khắc sâu kiến thức đã học.

- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.

- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

- Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
Thao tác 1: Tổ chức ôn lại khái niệm về hàm ý - B1: GV giao nhiệm vụ: nào là hàm ý? - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	I. Ôn lại khái niệm về hàm ý Hàm ý: Là những nội dung, ý nghĩ mà người nói không nói ra trực tiếp bằng từ ngữ, tuy vẫn có ý định truyền báo đến người nghe. Còn người nghe phải dựa vào nghĩa tường minh của câu và tình huống giao tiếp để suy ra thì mới hiểu đúng, hiểu hết ý của người nói.

<p>Thao tác 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV giao nhiệm vụ: + Nhóm 1: <i>Bài tập 1</i> + Nhóm 2: <i>Bài tập 2</i> + Nhóm 3: <i>Bài tập 3</i> + Nhóm 4: <i>Bài tập 4</i> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p> <p>+ Nhóm 1: <i>Bài tập 1</i></p>	<p>II. Thực hành về hàm ý</p> <p><i>Bài tập 1:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Lời đáp của A Phủ thiếu thông tin cần thiết nhất của câu hỏi: Số lượng bò bị mất (mất mấy con bò?). A Phủ đã lờ yêu cầu này của Pá Tra. - Lời đáp có chủ ý thừa thông tin so với yêu cầu của câu hỏi: A Phủ không nói về số bò mất mà lại nói đến công việc dự định và niềm tin của mình (Tôi về lấy súng thế nào cũng bắn được con hổ này to lắm) - Cách trả lời của A Phủ có độ khôn khéo: Không trả lời thẳng, gián tiếp công nhận việc để mất bò. Nói ra dự định “lấy công chuộc tội” (bắn hổ chuộc tội mất bò); chủ ý thể hiện sự tin tưởng bắn được hổ và nói rõ “con hổ này to lắm”. <p>Cách nói hòng chuộc tội, làm giảm cơn giận dữ của Pá Tra . Câu trả lời của A Phủ chứa nhiều hàm ý.</p> <p><i>Bài tập 2:</i></p>
--	--

+ Nhóm 2: **Bài tập 2**

a) Anh thanh niên đi chệch ra ngoài đề tài “hỏi đường- chỉ đường” bằng cách đọc thuộc lòng cả một bài dài đến dăm trang giấy về “cuộc trường kì kháng chiến”. Nghĩa là anh ta vi phạm phương châm quan hệ trong hội thoại đồng thời vi phạm cả phương châm về lượng (nói thừa lượng thông tin).

- Các thông tin về cuộc kháng chiến không hề liên quan đến đề tài “hỏi đường - chỉ đường”.

b) Hàm ý của anh thanh niên

- Chủ ý tuyên truyền một cách hồn nhiên cho đường lối kháng chiến.

- Muốn bộc lộ sự kiêu hãnh, tự hào khi được tham gia vào một công cuộc lớn lao mà ở nông thôn vào thời điểm bấy giờ ít có dịp và ít có người làm được. Đó là cách thể hiện bầu nhiệt huyết, hiềm say mê đối với cuộc kháng chiến. Đó là điểm đáng trân trọng, đáng ca ngợi tuy sự bộc lộ không được đúng chỗ (không phù hợp với cuộc thoại) và hơi quá mức độ (nói dài dòng) thừa lượng thông tin mà cuộc thoại cần đến.

c) Kết luận: Khi người nói chủ ý vi phạm phương châm quan hệ trong giao tiếp, để hàm ý có tác dụng cần: nói đúng chỗ, phù hợp với cuộc hội thoại và diễn đạt ngắn gọn, đúng lượng thông tin mà cuộc thoại cần đến.

+ Nhóm 3: **Bài tập 3:**

Bài tập 3:

a) Câu nói của Bá Kiến với Chí Phèo: “Tôi không phải là cái kho” có hàm ý: Từ chối trước lời đề nghị xin tiền như mọi khi của Chí Phèo (cái kho - biểu tượng của của cải, tiền nong, sự giàu có. Tôi không có nhiều tiền)

Cách nói vi phạm phương châm cách thức (không nói rõ ràng, rành mạch. Nếu nói thẳng thì nói: Tôi không có tiền để cho anh luôn như mọi khi.

b) Trong lượt lời thứ nhất của Bá kiến có câu với hình thức hỏi: “Chí Phèo đấy hử?”

Câu này không nhằm mục đích hỏi không yêu cầu trả lời, vì Chí Phèo đã đứng ngay trước mặt Bá Kiến. Thực chất, Bá Kiến dùng câu hỏi để thực hiện hành vi hô gọi, hướng lời nói của mình về đối tượng báo hiệu cho đối tượng biết lời nói đang hướng về đối tượng (Chí Phèo) hay là một hành động chào kiêu trịch thượng của kẻ trên đối với người dưới. Thực hiện hành vi ngôn ngữ theo kiểu giao tiếp như vậy cũng là

<p>+ Nhóm 4: Bài tập 4:</p> <p>Thao tác 2: Tổ chức rút ra kết luận về cách thức tạo câu có hàm ý</p> <p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Qua những phần trên, anh (chị) hãy xác định: để nói một câu có hàm ý, người ta thường dùng những cách thức nói như thế nào? Chọn phương án trả lời thích hợp (SGK)</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>hàm ý.</p> <p>- Trong lượt lời thứ nhất của Bá Kiến, câu mang hình thức câu hỏi là: “Rồi làm mà ăn chứ cứ báo người ta mãi à?” . Thực chất câu này không nhằm mục đích hỏi mà nhằm mục đích thúc giục, ra lệnh: hãy làm lấy mà ăn. Đó cũng là câu nói thực hiện hành vi ngôn ngữ theo lối gián tiếp, có hàm ý.</p> <p>c) ở lượt lời thứ nhất và thứ hai của mình, Chí Phèo không nói hết ý, chỉ bác bỏ hàm ý trong câu nói của Bá Kiến: “Tao không đến đây xin năm hào”, “Tao đã bảo tao không đòi tiền”. Vậy đến đây để làm gì? Điều đó là hàm ý. Hàm ý này được tường minh hoá, nói rõ ý ở lượt lời cuối cùng: “Tao muốn làm người lương thiện”. Cách nói vừa để thăm dò thái độ của Bá Kiến vừa tạo ra kịch tính cho cuộc thoại.</p> <p>Bài tập 4:</p> <p>a) Lượt lời thứ nhất bà đồ nói: “Ông lấy giấy khổ to mà viết có hơn không?. Câu nói có hình thức hỏi nhưng không nhằm mục đích để hỏi mà nhằm gợi ý một cách lựa chọn cho ông đồ.</p> <p>Qua lượt lời thứ hai của bà đồ chứng tỏ trong lượt lời thứ nhất của bà có hàm ý: Khuyến ông nên sử dụng giấy cho có ích lợi; cho rằng ông đồ viết văn kém, ông dùng giấy để viết văn chỉ thêm lãng phí, hay bỏ phí giấy, vứt giấy đi một cách lãng phí.</p> <p>b) Bà đồ chọn cách nói có hàm ý vì lí do tế nhị, lịch sự đối với hcông, bà không muốn trực tiếp chê văn của chồng mà thông qua lời khuyên để gợi ý cho ông đồ lựa chọn.</p> <p>III. Cách thức tạo câu có hàm ý</p> <p>Để có một câu có hàm ý, người ta thường dùng cách nói chủ ý vi phạm một (hoặc một số) phương châm hội thoại nào đó, sử dụng các hành động nói gián tiếp (Chủ ý vi phạm phương châm về lượng (nói thừa hoặc thiếu thông tin mà đề tài yêu cầu; chủ ý vi phạm phương châm quan hệ, đi chệch đề tài cuộc giao tiếp; chủ ý vi phạm phản cách thức, nói mập mờ, vòng vo, không rõ ràng rành mạch.</p>
--	--

. 3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Thế nào là hàm ý?</p> <p>a. Là phần thông báo không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nhưng có thể suy ra được từ những từ ngữ ấy.</p> <p>b. Là những ý ẩn trong câu nói (viết) mà người nói (viết) tin tưởng rằng người nghe (đọc) sẽ suy đoán ra được .</p> <p>c. Là ý ẩn kín trong câu nói.</p> <p>d. Là phần thông báo không được diễn đạt trực tiếp bằng từ ngữ trong câu nói.</p> <p>Câu hỏi 2: Khi nào thì người nói (người viết) có thể sử dụng hàm ý?</p> <p>a. Khi thấy cần phải nói thẳng ra những điều muốn nói.</p> <p>b. Khi thấy không cần thiết phải cho người nghe (người đọc) hiểu được hết ý của mình.</p> <p>c. Khi không muốn thể hiện trực tiếp cái ý của mình nhưng biết người nghe (người đọc) có năng lực giải đoán được điều đó.</p> <p>d. Khi không muốn chịu trách nhiệm về lượng thông tin mà mình thông báo.</p> <p>Câu hỏi 3: Cho câu hỏi: “Cậu có thích truyện Chí Phèo của Nam Cao không?”</p> <p>a. Rất thích.</p> <p>b. Ai mà chẳng thích.</p> <p>c. Thích nhất trong các truyện ngắn Việt Nam.</p> <p>d. Không thích lắm.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>Trả lời:</p> <p>[1]='a'</p> <p>[2]='c'</p> <p>[3]='b'</p>

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Xác định hàm ý các câu nói sau:</p> <p>1. Bạn Sơn có tiến bộ đáng kể về môn Toán.</p>	<p>1. Bạn Sơn có tiến bộ đáng kể về môn Toán.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Sơn có uy tín hơn đối với các bạn trong lớp – Sơn đã học giỏi môn Văn, nay giỏi Toán nữa là toàn diện – Sơn có thể sớm được kết nạp vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh – Sơn có thể đạt danh hiệu HS giỏi – Bố mẹ Sơn sẽ rất phấn khởi – Có thể bố mẹ Sơn sẽ mua xe máy cho Sơn...

2. Anh Ba đã bỏ hẳn thuốc lá. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	2. Anh Ba đã bỏ hẳn thuốc lá. – Anh Ba sẽ khoẻ hơn – Anh Ba sẽ tiết kiệm được một khoản chi không nhỏ – Anh Ba đã làm gương cho các em trai – Anh Ba sẽ được chị Hoa chấp nhận lời tỏ tình (điều kiện của chị Hoa là anh Ba phải cai thuốc lá!) – Anh Ba là người trọng lời hứa – Anh Ba là người có nghị lực đáng nể
--	---

5.MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-B1: GV giao nhiệm vụ: <i>Chỉ ra hàm ý trong các nhan đề sau:</i> - Vợ nhặt - Hồn Trương Ba, da hàng thịt - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	Nêu đúng các hàm ý mà nhan đề tác phẩm gợi ra.

.....

.....

.....

Tuần:

Ngày soạn:.....

Ngày kí:.....

Tiết 73: Đọc thêm:

MÙA LÁ RỤNG TRONG VƯỜN (Trích)

Ma Văn Kháng

A:Xác định vấn đề cần giải quyết

I. Tên bài học: Mùa lá rụng trong vườn

II. Hình thức dạy học: Dạy học trên lớp

III. Chuẩn bị của thầy và trò

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về nhà văn Ma Văn Kháng và Tết cổ truyền của dân tộc.

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

B:Xác định nội dung- chủ đề bài học

- Không khí ngày Tết cổ truyền trong gia đình ông Bằng.
- Những nét tính cách đối lập.
- Nghệ thuật kể chuyện, thể hiện tâm lí nhân vật...

C:Mức độ cần đạt

1. Kiến thức

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm truyện sau 1975;

2. Kỹ năng

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học

3.Thái độ

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản truyện;

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản

truyện; c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của truyện hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà truyện đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong truyện hiện đại Việt Nam .

D : Tổ chức dạy và học

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
- B1: GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả <i>Ma Văn Kháng</i> + Lắp ghép tác phẩm với tác giả	- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải

+ Xem trang ảnh về cảnh cúng tất niên, cách đón năm mới trong quyết nhiệm vụ.
thời kì những năm 80 của thế kỉ XX;

- **B2: HS thực hiện nhiệm**

<p>vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và giới thiệu Vào bài:</p> <p><i>Trong truyện Những đứa con trong gia đình của nhà văn Nguyễn Thi, chúng ta đã thấy được sức mạnh của truyền thống gia đình khi đất nước có chiến tranh. Vậy truyền thống đó có tiếp tục phát huy, giữ gìn hay bị lung lay khi đất nước chuyển mình bước sang thời kì mới, thời kỳ của nền kinh tế thị trường? Để thấy rõ điều này, chúng ta cùng tìm hiểu một đoạn trích trong tiểu thuyết của nhà văn Ma Văn Kháng.</i></p>	<p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>
---	---

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(35 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>- Thao tác 1: Tìm hiểu về tác giả.</p> <p>- B1: GV giao nhiệm vụ: HS đọc SGK, tóm tắt nét chính về tác giả.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>I. TIỂU DẪN</p> <p>1. Tác giả</p> <p>-Ma Văn Kháng, tên khai sinh là Đinh Trọng Đoàn, sinh năm 1936, quê gốc ở phường Kim Liên, quận Đống Đa, Hà Nội, là người có nhiều đóng góp tích cực cho sự vận động và phát triển nhiều mặt của văn học nghệ thuật. Ông được tặng giải thưởng văn học ASEAN năm 1998 và giải thưởng Nhà nước về văn học nghệ thuật năm 2001.</p> <p>-Tác phẩm chính (SGK)</p> <p>2. Mùa lá rụng trong vườn</p> <p>Tiểu thuyết được tặng giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1986. Thông qua câu chuyện xảy ra trong gia đình ông Bằng, một gia đình nền nếp, luôn giữ gia pháp nay trở nên chao đảo trước những cơn địa chấn tinh thần từ bên ngoài, nhà văn bày tỏ niềm lo lắng sâu sắc cho giá trị truyền thống trước những đổi thay của thời cuộc .</p>

<p>Thao tác 1: Hướng dẫn tìm hiểu giá trị nội dung của đoạn trích</p> <p>- B1: GV giao nhiệm vụ: GV tổ chức cho HS đọc, tóm tắt và tìm hiểu nhân vật chị Hoài. Có thể nêu câu hỏi:</p>	<p>II. Hướng dẫn đọc thêm:</p> <p>1. Nhân vật chị Hoài:</p> <p>- Dù hiện tại đã xó gia đình riêng, có một số phận khác, ít còn liên quan đến gia đình người chồng đầu tiên đã hi sinh, nhưng chị vẫn quan tâm đến những biến động của họ.</p>
--	---

Anh (chị) có ấn tượng gì về nhân vật chị Hoài? Vì sao mọi người trong gia đình đều yêu quý chị?

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo kết quả**

- **B4: GV nhận xét, chốt kiến thức**

- **B1: GV giao nhiệm vụ** GV tổ chức cho HS tìm hiểu cảnh sum họp gia đình trước giờ cúng tất niên bằng các câu hỏi:

a) Phân tích diễn biến tâm lí hai nhân vật ông Bằng và chị Hoài trong cảnh gặp lại trước giờ cúng tất niên.

b) Khung cảnh tết và dòng tâm tư

cùng với lời khẩn của ông Bằng trước bàn thờ gợi cho anh (chị) cảm xúc và suy nghĩ gì về truyền thống văn hoá riêng của dân tộc ta? (GV gợi dẫn: Tìm những chi tiết miêu tả về khung cảnh ngày tết, cử chỉ, lời khẩn của ông Bằng trong đoạn văn cuối)

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo kết quả**

- **B4: GV nhận xét, chốt kiến thức**

- **Thao tác 3: Tìm hiểu ý nghĩa của việc cúng tổ tiên trong ngày tết.**

✉ Tình nghĩa, thủy chung.

- Mọi người trong gia đình đều yêu quý chị

Hoài:

+ Chị có một tấm lòng nhân hậu: đột ngột trở về sum họp cùng gia đình người chồng cũ trong buổi chiều cuối năm

những món quà quê giản dị của chị chứa đựng những tình cảm chân thành.

Quan tâm cụ thể, mộc mạc và nồng hậu tất cả thành viên trong gia đình bố chồng.

+ Chị trở lại khi gia đình ấy có những thay đổi không vui, rạn vỡ trong quan hệ do biến động xã hội.

✉ Sự có mặt của chị gắn kết mọi người, đánh thức tình cảm thiêng liêng về gia tộc, khiến cho bữa cơm tất niên “sang trọng và hân hoan khác thường” trong thời buổi khó khăn.

2. Diễn biến tâm trạng của ông Bằng và chị Hoài trong cảnh gặp lại:

- Ông Bằng:

+ “nghe thấy xôn xao tin chị Hoài lên”,

+ “ông sững lại khi nhìn thấy Hoài, mặt thoáng một chút ngỡ ngẩn. Rồi mắt ông chớp liên hồi, môi ông bật bật không thành tiếng, có cảm giác ông sắp khó oà”,

+ “giọng ông bỗng khô đặc, khàn rè: Hoài đây ư, con? “.

✉ Nỗi vui mừng, xúc động không dấu giếm của ông khi gặp lại người đã từng là con dâu trưởng mà ông rất mực quý mến.

- Chị Hoài:

+ “gần như không chủ động được

minh, lao về phía ông Bằng, quên cả đôi dép, đôi chân to

bản... kịp hãm lại khi còn cách ông già hai hàng gạch hoa”.

+ Tiếng gọi của chị nghẹn ngào trong tiếng nấc “ông!”

✉ Cảnh gặp gỡ vui mừng nhiễm một nỗi tiếc thương đau buồn, lo lắng trước những biến

động không vui của gia đình.

✉ Sự có mặt của chị Hoài khiến nỗi cô đơn của ông Bằng được giải tỏa, như có thêm niềm tin trong cuộc đấu tranh gìn giữ những gì tốt

<p>- B1: GV giao nhiệm vụ Khung cảnh tết và dòng tâm tư cùng với lời khẩn của ông Bằng trước bàn thờ gọi cho anh (chị) cảm xúc và suy nghĩ gì về truyền thống văn hoá riêng của dân tộc ta?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>đẹp trong truyền thống gia đình.</p> <p>3. Ý nghĩa của việc cúng tổ tiên trong ngày tết:</p> <p>- Gợi nhớ về cội nguồn, về các giá trị truyền thống của dân tộc.</p> <p>- Phải biết giữ gìn và phát huy những giá trị tốt đẹp trong quá khứ.</p>
<p>- Thao tác 4: Tìm hiểu nghệ thuật và ý nghĩa văn bản</p> <p>B1: GV giao nhiệm vụ: Nêu nghệ thuật và ý nghĩa văn bản?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>III/ Tổng kết</p> <p>1/ Nghệ thuật Cách kể chuyện tự nhiên, miêu tả nội tâm nhân vật tinh tế, sâu sắc.</p> <p>2/ Ý nghĩa văn bản Qua đoạn trích người đọc cảm nhận được những nét đẹp của truyền thống văn hóa DT, để không đánh mất chính mình trước sự tác động của nền kinh tế thị trường.</p>

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>B1: GV giao nhiệm vụ</p> <p><u>Câu hỏi 1:</u> Dòng nào sau đây chưa nhận định đúng về tác phẩm "Mùa lá rụng trong vườn"?</p> <p>a. Tác phẩm đánh dấu bước chuyển về cảm hứng về đề tài của Ma Văn Kháng.</p> <p>b. Đã được nhận giải thưởng Hội nhà văn Việt Nam năm 1986.</p> <p>c. Phản ánh sự bình yên trong những mái nhà cổ kính bất chấp nền kinh tế thị trường.</p> <p>d. Thể hiện niềm lo lắng sâu sắc của nhà văn cho các giá trị truyền thống trước những đổi thay của thời cuộc.</p> <p><u>Câu hỏi 2:</u> Các nhân vật Lí, Phượng, Hoài trong truyện có mối quan hệ với nhau như thế nào?</p> <p>a. Chị em ruột trong một gia đình.</p> <p>b. Chị em dâu trong gia đình.</p> <p>c. Chị dâu và các em gái chồng.</p> <p>d. Em dâu và các chị gái của chồng.</p> <p><u>Câu hỏi 3:</u> Nhân vật Hoài trong truyện là người như thế</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='c'</p> <p>[2]='b'</p> <p>[3]='d'</p> <p>[4]='b'</p> <p>[5]='b'</p>

<p>nào?</p> <p>a. Nét na, thủy mị</p> <p>b. Nghĩa tình thủy chung.</p> <p>c. Đam đang.</p> <p>d. Cả A, B và C.</p> <p><u>Câu hỏi 4:</u> Tại sao chị Hoài chiều 30 Tết mới về sum họp với gia đình ông Bằng?</p> <p>a. Vì chị là con gái ông Bằng đã đi lấy chồng ở xa.</p> <p>b. Vì chị vốn là con dâu của ông Bằng, do chồng chết nên đã đi bước nữa.</p> <p>c. Vì chị là con gái ông Bằng đi công tác ở xa nay mới nghỉ phép về ăn Tết.</p> <p>d. Vì chị là con dâu ông Bằng nhưng đã được ông cho ở riêng.</p> <p><u>Câu hỏi 5:</u> Nhân vật ông Bằng trong truyện được nhà văn tô đậm nhất ở phương diện nào?</p> <p>a. Giàu nghị lực và yêu đời.</p> <p>b. Mầu mực, khuôn phép, gia giáo.</p> <p>c. Sự cương trực, thẳng thắn.</p> <p>d. Sự thông minh, tài hoa, uyên bác.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	
---	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Đọc đoạn văn sau:</p> <p><i>“Ai có thể đếm được đã bao năm tháng, bao đời người đã đi qua mà cái Tết về đại thể vẫn là một?</i></p> <p><i>Tết gia đình. Tết dân tộc.</i></p> <p><i>Tết đậm đà phong vị cộng đồng, quăng giải lao giữa hai chặng đường vất vả, gian nan.</i></p> <p><i>Vẫn là ngày hăm ba cúng ông Táo, đêm ba mươi cúng tất niên, hái cành lộc. Vẫn là ngày mông một he hé cửa đón đợi người xông nhà, dặn dò nhau ý tứ giữ gìn kiêng cử cho khỏi đông cả năm dài. Ngày đầu xuân, cơm người không rang</i></p>	<p>1.Đoạn văn trên khẳng định: Tết cổ truyền của dân tộc bao đời nay vẫn giữ được những nét đẹp truyền thống và giàu bản sắc</p> <p>2. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng nhiều nhất trong đoạn văn trên là điệp (lặp) cấu trúc câu (Tết...; Vẫn là...)</p> <p>-Tác dụng: nhấn mạnh những nét đẹp truyền thống, những bản sắc của Tết cổ truyền dân tộc qua bao đời nay vẫn không thay đổi</p>

ấy. Vẫn là làn không khí mới mẻ, hơi bờ ngõ, trịnh trọng ấy. Vẫn những gương mặt cười mở, chan hoà giữa khung cảnh trời đất tươi đẹp vì được niềm phấn chấn của con người thâm nhập giao hoà.”

(Trích Mùa

lá rụng trong vườn-Ma Văn Kháng)

1.Đoạn văn trên khẳng định điều gì?

2. Biện pháp nghệ thuật được sử dụng nhiều nhất trong đoạn văn trên là gì? Nêu tác dụng của biện pháp nghệ thuật đó?

3. Cụm từ *hai chặng đường vất vả, gian nan* là để chỉ điều gì?

4, Đặt tiêu đề cho đoạn văn trên.

- **B2: HS thực hiện nhiệm vụ**

- **B3: HS báo cáo kết quả**

- **B4: GV nhận xét, chốt kiến thức**

chỉ một năm cũ vừa qua đi và một năm mới đang sắp đến với bao gian nan,vất vả mà mỗi người đã và sẽ trải qua.

4. Tiêu đề cho đoạn văn: có thể có cách đặt tiêu đề khác nhau nhưng phải thể hiện được nội dung chính của đoạn văn (Ví dụ: *Tết cổ truyền của dân tộc; Tết cổ truyền và bản sắc dân tộc; Tết cổ truyền - hồn Việt xưa và nay...*)

5.MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
-B1: GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Viết một bài văn thuyết minh về Tết cổ truyền ở nước ta - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Tích hợp kiến thức văn thuyết minh để hoàn thành bài văn ngắn.

.....

Tuần:

Ngày soạn:.....

Tiết 74: Đọc thêm:

Ngày kí:.....

**MỘT NGƯỜI HÀ
NỘI**

Nguyễn Khải

A: Xác định vấn đề cần giải quyết
I. Tên bài học: Một người Hà Nội

II. Hình thức dạy học: Dạy học trên lớp

III. Chuẩn bị của thầy và trò

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh về cây si Hà Nội

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở

nhà 2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B:Xác định nội dung- chủ đề bài học

-Nếp sống văn hoá và phẩm chất tốt đẹp của người Hà Nội qua nhân vật bà Hiền.

-Niềm tin vào con người và mảnh đất Hà Nội.

-Nghệ thuật lựa chọn tình tiết, xây dựng tính cách nhân vật, giọng văn đượm chất triết lí.

C:Mức độ cần đạt

1. Kiến thức

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm. d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của truyện;

2. Kỹ năng

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học

3.Thái độ

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản truyện hiện đại;

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản truyện hiện

đại; c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của truyện hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà truyện hiện đại đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong truyện hiện đại Việt Nam .

D :Tổ chức dạy và học

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt,</i>
----------------------------------	---

	<i>năng lực cần phát triển</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả <i>Nguyễn Khải</i> + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Xem video về cuộc sống của người Hà Nội trong thời chống Mỹ và những năm sau giải phóng...</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và giới thiệu Vào bài: <i>Chúng ta đã rất ấn tượng với nhân vật chị Hoài trong truyện Mùa lá rụng trong vườn của Ma Văn Kháng. Một người phụ nữ khác tiêu biểu cho vẻ đẹp của người Tràng An, có cốt cách, người Hà Nội được gọi là “hạt bụi vàng của Hà Nội” là cô Hiền- nhân vật chính trong truyện ngắn Một người Hà Nội của Nguyễn Khải.</i></p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(35 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ : HS đọc phần <i>Tiểu dẫn</i> và tóm tắt tiểu sử, quá trình sáng tác cùng các đề tài chính của Nguyễn Khải. Nêu những hiểu biết của em về tác phẩm <i>Một người Hà Nội</i> qua phần <i>Tiểu dẫn</i>.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức - Trước cách mạng, sáng tác của Nguyễn Khải tập trung về đời sống nông thôn trong quá trình xây dựng cuộc sống mới: + <i>Mùa lạc</i>(1960), + <i>Một chặng đường</i> (1962), + <i>Tầm nhìn xa</i> (1963), + <i>Chủ tịch huyện</i> (1972).... và hình tượng người lính trong kháng chiến chống Mỹ: + <i>Họ sống và chiến đấu</i> (1966),</p>	<p>I. TÌM HIỂU CHUNG 1. Tác giả - Nguyễn Khải (1930-2008), tên khai sinh là Nguyễn Mạnh Khải, sinh tại Hà Nội nhưng tuổi nhỏ sống ở nhiều nơi. - Nguyễn Khải viết văn từ năm 1950, bắt đầu được chú ý từ tiểu thuyết <i>Xung đột</i>. - Sau năm 1975, sáng tác của ông đề cập đến nhiều vấn đề xã hội - chính trị có tính thời sự và đặc biệt quan tâm đến tính cách, tư tưởng, tinh thần của con người hiện nay trước những biến động phức tạp của đời sống: + <i>Cha và con, và</i> (1970), + <i>Gặp gỡ cuối năm</i> (1982)...</p> <p>2. Tác phẩm: - <i>Một người Hà Nội</i> in trong tập truyện ngắn cùng tên của Nguyễn Khải (1990). - Truyện đã thể hiện những khám phá, phát hiện của Nguyễn Khải về vẻ đẹp trong</p>

<ul style="list-style-type: none"> + <i>Hoà vang</i> (1967), + <i>Đường trong mây</i> (1970), + <i>Ra đảo</i> (1970), + <i>Chiến sĩ</i> (1973).... 	<p>chiều sâu tâm hồn, tính cách con người Việt Nam qua bao biến động thăng trầm của đất nước.</p>
<p>* Thao tác 1: Hướng dẫn đọc - hiểu nhân vật cô Hiền</p> <p>- B1: GV giao nhiệm vụ</p> <p>1. GV tổ chức cho HS suy nghĩ, thảo luận, phát biểu nhận xét, bổ sung để hoàn chỉnh các vấn đề sau:</p> <p>a) Tính cách cô Hiền- nhân vật trung tâm của truyện, đặc biệt là suy nghĩ, cách ứng xử của cô trong từng thời đoạn của đất nước.</p> <p>b) Vì sao tác giả cho cô Hiền là “một hạt bụi vàng” của Hà Nội?</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức +</p> <p>Việc hôn nhân: thời còn trẻ, cô giao thiệp với nhiều loại người, nhưng cô chọn bắtm năm “là một ông giáo cấp Tiểu học hiền lành, chăm chỉ”</p> <p>+ Việc sinh con: Sinh năm đứa con, đến con gái út, cô quyết định “chấm dứt chuyện sinh đẻ để sau này có thể lo cho các con chu đáo.</p> <p>+ Việc dạy con: Cô dạy cho con cháu cách sống làm người Hà Nội lịch sự , tế nhị, hào hoa, biết giữ gìn phẩm chất, giá trị của người Hà Nội.</p> <p>+ Chiêm nghiệm lẽ đời: Trước niềm vui thắng lợi, cô Hiền nhận xét “vui hơi nhiều, nói cũng hơi nhiều”, “chính phủ can thiệp vào nhiều việc của dân quá”</p> <p>o Cô chỉ làm những việc gì có lợi cho đất nước, cho lí tưởng xã hội.</p> <p>o Cô mở cửa hàng lưu niệm và tự mình làm ra sản phẩm.</p> <p>o Không đồng ý việc mua máy in và thợ làm vì muốn thực hiện đúng chủ</p>	<p>II. HƯỚNG DẪN ĐỌC THÊM</p> <p>1. Nhân vật cô Hiền:</p> <p>a) <i>Tính cách, phẩm chất:</i></p> <p>- Cô Hiền cũng như những người Hà Nội khác, cô đã cùng Hà Nội, cùng đất nước trải qua nhiều biến động thăng trầm nhưng vẫn giữ được cốt cách người Hà Nội.</p> <p>- Cô sống thẳng thắn, không giấu giếm quan điểm, thái độ với mọi hiện tượng xung quanh.</p> <p>+ Cô hoà mình cùng dân tộc, cùng đất nước</p>

trương của Đảng và Chính phủ.

- Kháng chiến chống Mĩ cứu nước: Cô vô cùng thương xót, lo lắng cho con nhưng sẵn sàng cho con ra trận như những bà mẹ, thanh niên Việt Nam khác: *“Tao đau đớn mà bằng lòng, vì tao không muốn nó sống bám vào sự hi sinh của bạn. Nó dám đi cũng là biết tự trọng”...*

GV mở rộng

*** Thao tác 2: Hướng dẫn tổ chức các nhóm học tập, giao việc cho mỗi nhóm tìm hiểu về một nhân vật trong tác phẩm:**

- B1: GV giao nhiệm vụ

- Nhân vật “tôi”.

- Nhân vật Dũng- con trai cô Hiền.

- Những thanh niên Hà Nội và cả những người đã tạo nên “nhận xét không mấy vui vẻ” của nhân vật “tôi” về Hà Nội.

- B2: HS thực hiện nhiệm vụ

- B3: HS báo cáo kết quả

- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức

+ Cô luôn đề cao lòng tự trọng

mẹ dạy về cách sống của người Hà Nội.
Anh cùng với 660 thanh niên ưu tú của Hà Nội
lên đường hiến dâng tuổi xuân của mình
cho đất nước.

+ Sau chiến thắng mùa xuân 1975, đất nước trong thời kì đổi mới, giữa không khí xô bồ của thời kinh tế thị trường, cô Hiền vẫn là *“một người Hà nội của hôm nay, thuần túy Hà Nội, không pha trộn”*.

b) Cô Hiền- *“một hạt bụi vàng của Hà Nội”*

- Nói đến hạt bụi, người ta nghĩ đến vật nhỏ bé, tầm thường. Có điều là hạt bụi vàng thì dù nhỏ bé nhưng có giá trị quý báu.

- Cô Hiền là một người Hà Nội bình thường nhưng cô thấm sâu những cái tinh hoa trong bản chất người Hà Nội. Bao nhiêu hạt bụi vàng, bao nhiêu người như cô Hiền sẽ hợp lại thành những “áng vàng” chói sáng. áng vàng ấy là phẩm giá người Hà Nội, là cái truyền thống cốt cách người Hà Nội.

* Một so sánh độc đáo nằm trong mạch trữ tình ngoại đề của người kể chuyện. Bản sắc Hà Nội, văn hoá Hà Nội là chất vàng 10 là mỏ vàng trầm tích được bồi đắp, tính tu từ biết bao hạt bụi vàng như là Hiền.

2. Các nhân vật khác trong truyện:

- *Nhân vật Dũng- con trai đầu của cô*

Hiền:

+ Anh đã sống đúng với những lời

<p>* Thao tác 3: Hướng dẫn tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện "cây si cổ thụ"</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV giao nhiệm vụ: thảo luận về chuyện cây si cổ thụ ở đền Ngọc Sơn bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<ul style="list-style-type: none"> + Dũng, Tuất và tất cả những chàng trai Hà Nội ấy đã góp phần tô thắm thêm cốt cách tinh thần người Hà Nội. - Bên cạnh đó, còn có những người tạo nên “<i>nhận xét không mấy vui vẻ</i>” của nhân vật “tôi” về Hà Nội. + Đó là “ông bạn trẻ đạp xe như gió” đã làm xe người ta suýt đổ lại còn phóng xe vượt qua rồi quay mặt lại chửi “Tiên sư cái anh già”..., + là những người mà nhân vật tôi quên đường phải hỏi thăm... ✉ Đó là những “hạt sạn”, làm mờ đi nét đẹp tế nhị, thanh lịch của người Tràng An. Cuộc sống của người Hà Nội nay cần phải làm nhiều điểm để giữ gìn và phát huy cái đẹp trong tính cách người Hà Nội. 3. Ý nghĩa của câu chuyện "cây si cổ thụ" + Hình ảnh ... nói lên qui luật bất diệt của sự sống. Quy luật này được khẳng định bằng niềm tin của con người thành phố đã kiên trì cứu sống được cây si. + Cây si cũng là một biểu tượng nghệ thuật, một hình ảnh ẩn dụ về vẻ đẹp của Hà Nội: Hà Nội có thể bị tàn phá, bị nhiễm bệnh nhưng vẫn là một người Hà Nội với truyền thống văn hoá đã được nuôi dưỡng suốt trường kì lịch sử, là cốt cách, tinh hoa, linh hồn đất nước.
<p>Hướng dẫn tìm hiểu nghệ thuật và ý nghĩa văn bản</p> <ul style="list-style-type: none"> - B1: GV giao nhiệm vụ: nhận xét về giọng điệu trần thuật và nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Khải trong tác phẩm. <p>? nhận xét về giọng điệu trần thuật và nghệ thuật xây dựng nhân vật của Nguyễn Khải trong tác phẩm.</p> <ul style="list-style-type: none"> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức 	<p>III/ Tổng kết</p> <p>1) Nghệ thuật</p> <p>Ngôi kể theo kiểu nhân vật hóa, quan sát tinh tế, triết luận sâu sắc; cái nhìn đắm thắm, nhân hậu.</p> <p>2) Ý nghĩa văn bản</p> <p>Cuộc sống mỗi ngày được nâng cao về vật chất, đòi hỏi con người phải có lòng tự trọng, biết giữ gìn nếp sống văn hóa tốt đẹp của ông cha. Mỗi người hãy góp phần phát huy, giữ gìn truyền thống, vẻ đẹp của văn hóa dân tộc.</p>

3. LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Câu hỏi 1: Tuổi thơ Nguyễn Khải gắn bó nhất với nơi nào?</p> <p>a. Hà Nội - nơi ông được sinh ra. b. Nam Định - Quê nội. c. Hưng Yên - Quê ngoại . d. Sài Gòn – nơi hiện tại gia đình ông đang sống</p> <p>Câu hỏi 2: Nguyễn Khải thực sự bước vào con đường sáng tác văn học và bắt đầu được bạn đọc chú ý từ thời gian nào?</p> <p>a. 1945. . b. 1954. c. 1959. d. 1962.</p> <p>Câu hỏi 3: Điều nào chưa nói đúng lý do khiến cô Hiền trong truyện lại chọn bạn trăm năm là một ông giáo Tiểu học?</p> <p>a. Vì ước mơ có một người chồng giỏi văn nghệ sĩ đã không thành. b. Vì cô muốn có một người chồng hiền lành, chăm chỉ. c. Vì cô biết đó là người lí tưởng giúp cô làm mẹ làm vợ tốt nhất. d. Vì cô muốn thật thuận lợi trong việc tạo dựng một gia đình nề nếp, gia giáo.</p> <p>Câu hỏi 4: Qua cung cách bà Hiền thu xếp việc nhà và dạy con cho thấy bà là người như thế nào?</p> <p>a. Khôn ngoan. b. Gia giáo, khuôn phép. c. Nhân hậu, vị tha. d. Cả A, B và C.</p> <p>Câu hỏi 5: Nét đẹp nhất trong lối sống của bà Hiền là gì?</p> <p>a. Sang trọng và kiêu hãnh. b. Thanh lịch, nề nếp truyền thống. c. Lạc quan yêu đời, tin tưởng ở tương lai. d. Thanh đạm, bình dị.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='c' [2]='c' [3]='a' [4]='d' [5]='b'</p>

4. VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ: Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi: <i>Cô Hiền không bình luận một lời nào về những nhận xét không mấy vui vẻ của tôi về Hà Nội. Cô than thở với tôi rằng dạo này cô thường nghĩ ngợi mọi chuyện một cách duy tâm, y hệt một bà già nhà quê. Mùa hè năm nọ, bão vào Hà Nội gào rú một đêm, sáng ra mở cửa nhìn sang đền Ngọc Sơn mà hãi. Cây si cổ thụ đổ nghiêng tàn cây đè lên hậu cung, một phần bộ rễ bật gốc chổng ngược lên trời. Lập tức cô nghĩ ngay tới sự khác thường, sự dời đổi, điềm xấu, là sự ra đi của một thời.</i> <i>Với người già, bất kể ai, cái thời đã qua luôn là thời vàng son. Mỗi thế hệ đều có thời vàng son của họ. Hà Nội thì không thế. Thời nào nó cũng đẹp, một vẻ đẹp riêng cho một lứa tuổi. Cô nói với tôi thế, đã biết nói thế đâu phải đã già. Mấy ngày sau, cô kể tiếp, thành phố cho máy cẩu tới đặt bên kia bờ, quàng dây tời vào thân cây si rồi kéo dần lên, mỗi ngày một tí. Sau một tháng, cây si lại sống, lại trở ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bỏ ra làm củi, mà lại sống. Cô nói thêm : "Thiên địa tuần hoàn, cái vào ra của tạo vật không thể lường trước được".</i> (Trích Một người Hà Nội-Nguyễn Khải)</p> <p>1. Đoạn văn trên được viết theo giọng kể của ai ?? 2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là gì ? 3. Nêu ý nghĩa hình ảnh cây si qua câu văn : <i>Sau một tháng, cây si lại sống, lại trở ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bỏ ra làm củi, mà lại sống.</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>1. Đoạn văn trên được viết theo giọng kể của bà Hiền (nhân vật) và tác giả (xưng hô tôi) 2. Nội dung chủ yếu của đoạn văn bản là : kể về hình ảnh cây si ở Hà Nội bị bão đánh bật rễ rồi lại hồi sinh. 3. Hình ảnh cây si qua câu văn : <i>Sau một tháng, cây si lại sống, lại trở ra lá non, vẫn là cây si của nhiều thế hệ Hà Nội, nghĩ cứ lạ, tưởng là chết đứt bỏ ra làm củi, mà lại sống.</i> - Cây si: biểu tượng của văn hóa, nét cổ kính, linh thiêng của đất kinh kì ngàn năm văn hiến. - Cây si hồi sinh: <i>lại sống. lại trở ra lá non</i> gợi niềm tin, lạc quan vào sự phục hồi những giá trị tinh thần của Hà Nội. - Câu chuyện bà Hiền kể về cây si cổ thụ vừa là lời cảnh báo về sự mất mát gia tài văn hóa, lại vừa như khẳng định niềm tin vào sự sáng suốt của lương tri con người.</p>

5.MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
-B1: GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Viết đoạn văn 200 từ bàn về lòng tự trọng của con người. - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Viết đoạn văn theo yêu cầu.

Tuần:

Ngày soạn:.....

Ngày kí:.....

Tiết 75:

THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý (Tiếp theo)

A: Xác định vấn đề cần giải quyết

I. Tên bài học: Thực hành về hàm ý

II. Hình thức dạy học: Dạy học trên lớp

III. Chuẩn bị của thầy và trò

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở

nhà 2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. Xác định nội dung- chủ đề bài học

-Khái niệm hàm ý

-Một số cách thức tạo hàm ý thông dụng

-*Một số tác dụng của cách nói hàm ý.*

C: Mục đích cần đạt

1. Kiến thức

a/ Nhận biết: HS nhận biết khái niệm, cách thức tạo hàm ý thông dụng;

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hàm ý trong giao tiếp và trong văn bản, nhất là văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ nghệ thuật;

c/Vận dụng thấp: Phân tích được hàm ý trong văn bản đã

học; d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về hàm ý để phân tích ý nghĩa hàm ý trong tất cả văn bản;

2. Kỹ năng

- a/ Biết làm: bài tiếng Việt liên quan đến xác định hàm ý; b/ Thông thạo: các bước làm bài hàm ý;

3. Thái độ

- a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản để tìm hàm ý;
b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày hàm ý trong văn bản; c/Hình thành nhân cách:
-Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt thông qua hàm ý.

D :Tổ chức dạy và học

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Nêu hàm ý từ hình ảnh cây si trong truyện Một người Hà Nội (Nguyễn Khải)</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ</p> <p>- B3: HS báo cáo kết quả</p> <p>- B4: GV nhận xét, chốt kiến thức và giới thiệu Vào bài: Ở tiết trước, chúng ta đã tìm hiểu về hàm ý qua một số bài thực hành. Tiết hôm nay, chúng ta tiếp tục tìm hiểu phần còn lại.</p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: Thảo luận nhóm</p> <p>+ Nhóm 1: Bài tập 1: Đọc đoạn trích và phân tích theo các câu hỏi (SGK)</p> <p>+ Nhóm 2: Bài tập 2: Đọc và phân tích đoạn trích (SGK):</p> <p>+ Nhóm 3: Bài tập 3: Phân tích hàm ý trong truyện cười</p>	<p>I. Tổ chức thực hành</p> <p>Bài tập 1:</p> <p>a) Trong lượt lời mở đầu cuộc thoại, bác Phô gái van xin: “Thầy tha cho nhà con, đừng bắt nhà con đi xem đá bóng nữa”. Lời đáp của ông lí mang sắc thái mỉa mai, giễu cợt (ồ, việc quan không phải thứ chuyện đàn bà của các chị). Nếu là cách đáp tường minh phù hợp thì phải là lời chấp nhận sự van xin hoặc từ chối, phủ định sự van xin.</p> <p>b) Lời của ông Lí không đáp ứng trực tiếp hành động van xin của bác Phô mà từ chối một cách gián tiếp. Đồng thời mang sắc thái biểu cảm: bộc lộ quyền uy, thể hiện sự từ chối lời van xin, biểu lộ thái độ mỉa mai, giễu cợt cách suy nghĩ kiêu đàn bà.</p>

<p>Mua kính</p> <p>+ Nhóm 4: Bài tập 4: Chỉ ra lớp nghĩa tường minh và hàm ý của bài thơ Sóng</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>(Tính hàm súc của câu có hàm ý)</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>a) Câu hỏi đầu tiên của Từ: “Có lẽ hôm nay đã là mồng hai, mồng ba đây rồi mình nhỉ?”. Không phải chỉ hỏi về thời gian mà thực chất, thông qua đó Từ muốn nhắc khéo chồng nhớ đến ngày đi nhận tiền. (Hàng tháng cứ vào kì đầu tháng thì chồng Từ đều đi nhận tiền nhuận bút).</p> <p>b) Câu “nhắc khéo” thứ hai: “Hèn nào mà em thấy người thu tiền nhà sáng nay đã đến...”. Từ không nói trực tiếp đến việc trả tiền nhà. Từ muốn nhắc Hộ đi nhận tiền về để trả các khoản nợ (Chủ ý vi phạm phương châm cách thức)</p> <p>c) Tác dụng cách nói của Từ</p> <p>- Từ thể hiện ý muốn của mình thông qua câu hỏi bóng gió về ngày tháng, nhắc khéo đến một sự việc khác có liên quan (người thu tiền nhà)... Cách nói nhẹ nhàng, xa xôi nhưng vẫn đạt được mục đích. Nó tránh được ấn tượng nặng nề, làm dịu đi không khí căng thẳng trong quan hệ vợ chồng khi lâm vào hoàn cảnh khó khăn.</p> <p>Bài tập 3:</p> <p>a) Câu trả lời thứ nhất của anh chàng mua kính: “Kính tốt thì đọc được chữ rồi” - chứng tỏ anh ta qua niệm kính tốt thì phải giúp cho con người đọc được chữ. Từ đó suy ra, kính không giúp con người đọc được chữ là kính xấu. Anh ta chê mọi cặp kính của nhà hàng là kính xấu. Anh ta chê mọi cặp kính của nhà hàng vì không có cặp kính nào giúp anh ta đọc được chữ.</p> <p>b) Câu trả lời thứ hai: “Biết chữ thì đã không cần mua kính”. Câu trả lời giúp người đọc xác định được anh ta là người không biết chữ (vì không biết chữ nên mới cần mua kính). Cách trả lời vừa đáp ứng được câu hỏi, vừa giúp anh ta giữ được thể diện.</p> <p>Bài tập 4: Lớp nghĩa tường minh và hàm ý của bài thơ Sóng</p> <p>- Lớp nghĩa tường minh: Cảm nhận và miêu tả hiện tượng sóng biển với những đặc điểm, trạng thái của nó.</p> <p>- Lớp nghĩa hàm ý: Vẻ đẹp tâm hồn của người</p>
--	--

thiếu nữ đang yêu: đắm say,
nồng nàn, tin yêu

	- Tác phẩm văn học dùng cách thể hiện có hàm ý sẽ tạo nên tính hàm súc, đa nghĩa, biểu đạt cảm xúc, tư tưởng của tác giả một cách tinh tế, sâu sắc.
<p>- B1: GV giao nhiệm vụ: <i>Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ dùng cách nói có hàm ý trong ngữ cảnh cần thiết mang lại những tác dụng và hiệu quả như thế nào?</i></p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>II. Tổng kết Tác dụng và hiệu quả của cách nói có hàm ý: Tùy thuộc vào hoàn cảnh giao tiếp, hàm ý có thể mang lại:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tính hàm súc cho lời nói: lời nói ngắn gọn mà chứa nhiều nội dung, ý nghĩa + Hiệu quả mạnh mẽ, sâu sắc với người nghe + Sự vô can, không phải chịu trách nhiệm của người nói về hàm ý (vì hàm ý là do người nghe suy ra) + Tính lịch sự và thể diện tốt đẹp trong giao tiếp bằng ngôn ngữ

3.LUYỆN TẬP (2 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
<p>-B1: GV giao nhiệm vụ: Trong đoạn trích dưới đây, hai câu cuối có hàm ý không? Nếu có thì hàm ý đó là gì? <i>Đã nhiều lần Từ muốn ẵm con đi, Đã nhiều lần Từ muốn bỏ liều con để đi làm, Từ muốn hi sinh. Nhưng lòng Từ mềm yếu biết bao! Từ là vợ! Từ là mẹ! (Nam Cao)</i></p> <p>a/ Không có hàm ý gì b/Có. Hàm ý trong 2 câu đó là: Từ là vợ thì không được bỏ chồng; là mẹ không được bỏ con; c/ Có. Hàm ý của 2 câu đó là: Từ là vợ, là mẹ thì phải thương yêu chăm sóc chồng con, không được bỏ mặc chồng con, nhất là trong những lúc khó khăn; d/ Không có hàm ý gì cả, vì đã quá rõ. Từ là người vợ, vừa là người mẹ.</p> <p>- B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức</p>	<p>1c</p>

MỞ RỘNG, SÁNG TẠO (5 phút)

Hoạt động của GV – HS	Kiến thức cần đạt
-B1: GV giao nhiệm vụ: <i>Chỉ ra hàm ý trong các nhan đề sau:</i> - <i>Hạng phúc của một tang gia</i> - <i>Chí Phèo</i> - B2: HS thực hiện nhiệm vụ - B3: HS báo cáo kết quả - B4: GV nhận xét, chốt kiến thức	Nêu đúng các hàm ý mà nhan đề tác phẩm gợi ra.

.....

.....

.....

Tiết 76- 77 : THUỐC (Lỗ Tấn)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Thuốc

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

- Ý nghĩa của hình tượng chiến bánh bao tẩm máu người.
- Ý nghĩa của hình tượng vòng hoa trên mộ người cách mạng Hạ Du.

2. Kỹ năng

- Tóm tắt tác phẩm;
- Đọc –hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại (văn bản tự sự, truyện dịch)

3. Thái độ:

- Hậu quả của tình trạng mê muội của con người; ý nghĩa quan trọng sự gắn bó giữa người làm cách mạng với quần chúng nhân dân.

- Cảm thông với số phận con người trong cuộc sống, có niềm tin vào ý chí, nghị lực của con người.

- Cảm phục sức mạnh ý chí, nghị lực của con người trong cuộc sống. Từ đó, rút ra bài học nhận thức và hành động cho bản thân.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
- Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn học nước ngoài theo đặc trưng thể loại
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản

5. Phát triển phẩm chất:

- Biết quý trọng tình cảm gia đình, tình yêu quê hương đất nước
- Biết trân trọng những giá trị văn hóa của các nước trên thế giới
- Biết suy nghĩ, trăn trở về những vấn đề đặt ra trong từng tác phẩm

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

Tiết 76 -77 : Thuốc (Lỗ Tấn)

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Thuốc

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim về *Cách mạng Tân Hợi (Trung Quốc)*

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết

trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Thuốc

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn ngắn về một chi tiết nghệ thuật hay trong truyện;.

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của truyện;

2. Kỹ năng :

- a/ Biết làm: bài đọc hiểu văn bản;
b/ Thông thạo: các bước làm đọc hiểu;

3. Thái độ :

- a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản truyện nước ngoài;
b/ Hình thành tính cách: tự tin, sáng tạo khi tìm hiểu văn bản nước ngoài; c/Hình thành nhân cách:

- Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống truyện ngắn nước ngoài đem lại
- Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong truyện ngắn nước ngoài ,

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn của Lỗ Tấn;
- Năng lực đọc – hiểu tác phẩm truyện ngắn của Lỗ Tấn;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về truyện ngắn của Lỗ Tấn;

Tấn;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật truyện ngắn của Lỗ Tấn;

- Năng lực phân tích, so sánh ý nghĩa các chi tiết nghệ thuật trong truyện của Lỗ Tấn;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kĩ năng cần đạt, năng lực cần</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả 03 tác giả VHNN + Lắp ghép tác phẩm với tác giả - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Bên cạnh các tác giả lớn của VHVN hiện đại mà các em đã học, ở HK2 này, chúng ta tiếp tục tìm hiểu 03 nhà văn lớn của 3 nước : Trung Quốc, Nga và Mỹ...</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

.2 HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu chung

GV gợi ý:

- Tiểu sử, con người?
- Vị trí của Lỗ Tấn trong văn học Trung Quốc?
- Con đường gian nan để chọn ngành nghề của Lỗ Tấn?
- Quan điểm sáng tác văn nghệ của Lỗ Tấn?

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- Lỗ Tấn (1881-1936), tên khai sinh là Chu Chương Thọ, sau đổi thành Chu Thụ Nhân.

- Quê ông ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc.

- Năm 13 tuổi, chứng kiến cảnh người cha lâm bệnh, vì không có thuốc mà chết, ông ôm ấp nguyện vọng học nghề thuốc.

- Trước khi học nghề y:

+ Từng học nghề hàng hải với mong muốn đi nhiều nơi để mở mang tầm mắt.

+ Sau đó, ông học nghề khai thác mỏ với ước vọng làm giàu cho Tổ quốc.

+ Nhưng ông đều thất vọng.

- Khi học nghề y:

+ Nhờ học giỏi, ông nhận học bổng của Nhật.

+ Ông chọn học ngành y để chữa bệnh cho những người nghèo, ốm mà không có thuốc, chết vì ngu dốt và mê tín, ... như cha mình.

+ Đang học trường Cao đẳng Y khoa Tiên Đài thì một lần xem phim, ông thấy những người Trung Quốc khoẻ mạnh, hăm hở xem quân Nhật chém một người Trung Quốc làm gián điệp cho quân Nga.

+ Ông giật mình mà nhận ra rằng: Chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần. Và thế là ông chuyển sang làm văn nghệ.

I. TÌM HIỂU CHUNG

1. Tác giả:

- Lỗ Tấn (1881 - 1936), nhà văn CM Trung Quốc, người đã từ bỏ nghề thuốc làm nghề văn vì cho rằng chữa bệnh thể xác không quan trọng bằng chữa bệnh tinh thần.

2. Truyện *Thuốc*:

a. Hoàn cảnh sáng tác:

- *Thuốc* được viết năm 1919, đúng vào lúc cuộc vận động Ngũ tứ bùng nổ.

- Đây là thời kì đất nước Trung Hoa bị các đế quốc Anh, Nga, Pháp, Đức, Nhật xâm xé. Xã hội Trung Hoa biến thành nửa phong kiến, nửa thuộc địa, nhưng nhân dân lại an phận chịu nhục. Đó là căn bệnh đờn hèn, tự thoả mãn, mà những người cách mạng hoàn toàn xa lạ với nhân dân.

- *Thuốc* đã ra đời trong bối cảnh ấy với một thông điệp: Người Trung Quốc cần suy nghĩ nghiêm túc về một phương thuốc để cứu dân tộc.

<p>- Mục đích sáng tác của Lỗ Tấn:</p> <p>+ Làm văn nghệ, ông dùng ngòi bút để phanh phui các “<i>căn bệnh tinh thần</i>” của quốc dân, lưu ý mọi người tìm phương thuốc chạy chữa.</p> <p>+ Toàn bộ sáng tác của ông đều tập trung phê phán các căn bệnh tinh thần khiến cho quốc dân mê muội, tự thỏa mãn “<i>ngủ say trong một cái nhà hộp bằng sắt không có cửa sổ</i>”.</p> <p>- Lỗ Tấn là nhà văn cách mạng vĩ đại của Trung Quốc thế kỉ XX, được tôn vinh là “<i>linh hồn dân tộc</i>”, là “<i>kĩ sư tâm hồn</i>” của dân tộc.</p> <p>- Năm 1981, kỉ niệm 100 năm ngày sinh, Lỗ Tấn được phong tặng danh hiệu “<i>Danh nhân văn hoá nhân loại</i>”.</p> <p>- Thời trẻ, Bác Hồ “<i>thích đọc Lỗ Tấn bằng tiếng Trung Quốc</i>”.</p> <p>+ Tác phẩm chính: AQ chính truyện (Kiệt tác của văn học hiện đại Trung Quốc và thế giới), các tập Gào thét, Bàng hoàng, Truyện cũ viết theo lối mới, hơn chục tập tạp văn có giá trị phê phán, tính chiến đấu cao.</p> <p>GV nêu câu hỏi: Tác phẩm Thuốc được sáng tác trong hoàn cảnh nào? Nêu bố cục và tóm tắt truyện?</p> <p>HS đọc mục Tiểu dẫn, kết hợp với những hiểu biết cá nhân để giới thiệu những nét chính về Lỗ Tấn.</p> <p>HS đọc và tóm tắt tác phẩm, thảo luận và trình bày trước lớp.</p>	<p>b. Bố cục:</p> <p>- <i>Phần I:</i> Thuyên mắc bệnh lao, được lão Hoa đi mua thuốc chữa bệnh là chiếc bánh bao tẩm máu người (Mua thuốc)</p> <p>- <i>Phần II:</i> Vợ chồng lão Hoa cho Thuyên ăn cái bánh bao đẫm máu với hy vọng chữa khỏi bệnh cho con, nhưng Thuyên vẫn ho dữ dội. (Uống thuốc)</p> <p>- <i>Phần III:</i> Cuộc bàn luận trong quán trà về thuốc chữa bệnh lao, về tên “giặc” Hạ Du (Bàn về thuốc)</p> <p>- <i>Phần IV:</i> Nghĩa địa vào dịp tiết Thanh minh. Hai người mẹ của Hạ Du và Thuyên cùng đi thăm mộ con. Họ bối rối, bàng hoàng khi nhìn thấy có vòng hoa trên mộ Hạ Du (Hậu quả của thuốc).</p>
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu Ý nghĩa nhan đề truyện và hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu</p> <p>GV gợi dẫn: Nghĩa đen, nghĩa hàm ẩn của nhan đề? Liên tưởng giữa nhan đề (Thuốc) với chiếc bánh bao tẩm máu?</p> <p>– Hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu người được miêu tả như thế nào? gây cho em cảm giác gì?</p> <p>– Nhan đề Thuốc (Dược) chính là</p>	<p>II. Đọc- hiểu</p> <p>1. Ý nghĩa nhan đề truyện và hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu:</p> <p>- Tầng nghĩa ngoài cùng:</p>

chỉ chiếc bánh bao quái đản này, có những ý nghĩa gì?

- HS trả lời.

+ Là phương thuốc truyền thống chữa bệnh lao của những người Trung Quốc lạc hậu, u mê.

+ Thứ mà ông bà Hoa xem là “tiên dược” để cứu mạng thằng con đã không cứu được nó mà ngược lại đã giết chết nó.

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

+ Bố mẹ thằng Thuyên hoàn toàn tin tưởng và đã áp đặt cho nó một phương thuốc quái gở. Và cả đám người trong quán trà cũng cho rằng đó là thứ thuốc tiên.

+ Nhưng ăn bánh bao tẩm máu người thằng Thuyên vẫn phải chết.

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

+ Chiếc bánh bao - liều thuốc độc ấy được pha chế bằng máu của người cách mạng xả thân vì nghĩa, đổ máu cho sự nghiệp giải phóng nhân dân..., trong đó có bố mẹ thằng Thuyên, ông Ba, cả Khang...

+ Những con người ấy lại đứng đưng, mua máu người cách mạng để chữa bệnh.

- Thao tác 2: Tìm hiểu hình ảnh nhân vật Hạ Du.

GV: Trình bày những hiểu biết của em về cuộc cách mạng Tân Hợi?

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

+ Thành công là lật đổ được chế độ phong kiến nhưng có nhược điểm là xa rời quần chúng nên họ không hiểu và thờ ơ với cách mạng.

+ Mặt khác, đây là cuộc cách mạng

☑ Đó là thứ thuốc của mê tín dị đoan.

- Tầng nghĩa thứ hai:

☑ Tên truyện còn hàm nghĩa sâu xa hơn, mang tính khai sáng: Đây là thứ thuốc độc mà mọi người cần phải giác ngộ ra. Người Trung Quốc cần phải tỉnh giấc, không được ngủ mê trong cái nhà hộp bằng sắt không có cửa sổ.

- Ý nghĩa thứ ba:

☑ Phải tìm một phương thuốc làm cho quần chúng giác ngộ cách mạng và làm cho cách mạng gắn bó với quần chúng.

2. Hạ Du – hình ảnh tượng trưng của cách mạng Tân Hợi:

- Cuộc cách mạng Tân Hợi:

- Nguyên mẫu của nhân vật Hạ Du là chiến sĩ Thu Cận: Nhà nữ cách mạng tiên phong, tham gia khởi nghĩa, bị bắt và bị hành hình.

☑ Truy điệu Hạ Du cũng là truy điệu Thu Cận và cả lớp người giác

nửa vời: cội rễ phong kiến không bị đánh bật hoàn toàn, đời sống nông thôn Trung Quốc không có gì thay đổi.

GV: Theo hiểu biết của em, nguyên mẫu của nhân vật Hạ Du là ai?

GV: Nhân vật Hạ Du xuất hiện như thế nào trong tác phẩm? Nhân vật này có vai trò như thế nào trong truyện?

GV: Nhân vật Hạ Du tiêu biểu cho những ai?

GV: Anh có những tính cách, phẩm chất như thế nào qua lời kể của các nhân vật trong quán? Qua đó, em hiểu được lí tưởng cách mạng của anh là gì?

GV: Qua nhân vật Hạ Du, em cảm nhận được thái độ, tình cảm gì của tác giả dành cho nhân vật?

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- o Dám tuyên truyền cách mạng ngay cả với người cai ngục trong những ngày chờ hành hình.

- o Lí tưởng cách mạng của anh là lật đổ ngai vàng, đánh đuổi ngoại tộc, giành lại độc lập dân tộc.

GV: Những việc làm của Hạ Du được mọi người trong truyện nhận thức như thế nào?

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- o Chú anh cho là anh đi “làm giặc” nên đã tố giác anh.

- o Quần chúng chờ anh chết để lấy máu làm thuốc chữa bệnh.

- o Đến cả mẹ anh cũng không hiểu đứa con mình, gào khóc kêu anh chết oan.

ngộ sớm.

- Trong truyện, Hạ Du xuất hiện gián tiếp, sau khi bị hành hình, qua câu chuyện của các vị khách trong quán trà và nắm mộ có vòng hoa.

- Hạ Du tiêu biểu cho những người cách mạng sớm giác ngộ lí tưởng, mà quần chúng mê muội gọi anh là “điên” vì dũng cảm “đi trước bình minh” của dân tộc và vì anh thức tỉnh khi mọi người còn u mê

+ Anh dũng cảm, hiên ngang, xả thân vì nghĩa lớn:

✉Lỗ Tấn bày tỏ sự kính trọng, khâm phục cho những chiến sĩ anh hùng, dũng cảm hi sinh cho đất nước, cho tương lai.

+ Nhưng mục đích, ý chí và hành động của Hạ Du lại được nhận thức trong cái nhìn xa lạ, ấu trĩ của quần chúng:

✉Đó là vì anh xa rời quần chúng, chưa kịp giác ngộ cho họ nên họ nhìn anh bằng con mắt miệt hi, u mê và máu của người cách mạng đổ ra thật vô nghĩa.

Qua nhân vật Hạ Du, tác giả bày tỏ sự kính trọng và lòng thương cảm sâu xa cho những chiến sĩ tiên phong.

3. Ý nghĩa cuộc bàn luận trong quán trà về Hạ Du

-Chủ đề bàn luận của những người trong quán trà của lão Hoa trước hết là công hiệu của “thứ thuốc đặc biệt”

- chiếc bánh bao tẩm máu người.

-Tư việc bàn về công hiệu của

chiếc bánh bao tâm máu Hạ Du

GV: Theo em, vì đâu mà mọi người lại có cái nhìn, thái độ như thế đối với anh?

+ GV chốt lại.

Thao tác 3: Ý nghĩa cuộc bàn luận trong quán trà về Hạ Du

Gv dẫn dắt vào câu chuyện bàn luận trong quán trà về Hạ Du và yêu cầu HS phân tích ý nghĩa cuộc bàn luận đó.

Thao tác 4 : Không gian, thời gian nghệ thuật và ý nghĩa của chi tiết vòng hoa trên mộ Hạ Du

GV dẫn dắt: Không gian nghệ thuật của truyện là tù hãm, ẩm mốc, bế tắc, nhưng thời gian thì có tiến triển. Từ mùa thu “trăm tuyết” đến mùa xuân thanh minh đã thể hiện mạch suy tư lạc quan của tác giả.

chuyển sang bàn về bản thân nhân vật Hạ Du là diễn biến tự nhiên, hợp lí.

- Người tham gia bàn luận tán thưởng rất đông song phát ngôn chủ yếu vẫn là tên đao phủ Cả Khang, ngoài ra còn một người có tên kèm theo đặc điểm (cậu Năm gù) và hai người chỉ có đặc điểm (“Người trâu hoa râu”, “anh chàng hai mươi tuổi”).

- Những lời bàn luận ấy, Lỗ Tấn đã cho ta thấy:

+ Bộ mặt tàn bạo, thô lỗ của Cả Khang

+ Bộ mặt lạc hậu của dân chúng Trung Quốc đương thời

+ Lòng yêu nước của người chiến sĩ cách mạng Hạ Du.

4. Không gian, thời gian nghệ thuật và ý nghĩa của chi tiết vòng hoa trên mộ Hạ Du

- Câu chuyện xảy ra trong 2 buổi sớm vào hai mùa thu, mùa xuân

+ Buổi sáng đầu tiên có 3 cảnh: cảnh sáng tinh mơ đi mua bánh bao chấm máu người, cảnh pháp trường và cảnh cho con ăn bánh, cảnh quán trà.... Ba cảnh gần như liên tục, diễn ra trong mùa thu lạnh lẽo. Bối cảnh quán trà và đường phố là nơi tụ tập của nhiều loại người do đó hình dung được dư luận và ý thức xã hội.

+ Buổi sáng cuối cùng là vào dịp tết Thanh minh- mùa xuân tảo mộ. Mùa thu lá rụng, mùa xuân đâm chồi nảy lộc, gieo mầm.

- Vòng hoa trên mộ Hạ Du: Có thể xem vòng hoa là cực đối lập của “chiếc bánh bao tẩm máu”. Phủ định vị thuộc là bằng chiếc bánh bao tẩm máu, tác giả mơ ước tìm kiếm một vị

thuốc mới- chữa được cả những bệnh

<p>HS tìm hiểu ý nghĩa của hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du?</p> <p>HS làm việc cá nhân, phát biểu ý kiến</p>	<p>tật về tinh thần cho toàn xã hội với điều kiện tiên quyết là mọi người phải giác ngộ cách mạng, phải hiểu rõ “ý nghĩa của sự hi sinh” của những người cách mạng.</p> <p>- Nhờ chi tiết vòng hoa trên mộ Hạ Du chủ đề tư tưởng tác phẩm mới được thể hiện trọn vẹn, nhờ đó mà không khí của truyện vốn rất u buồn tăm tối song điều mà tác giả đưa đến cho người đọc không phải là tư tưởng bi quan.</p>
<p>Tổ chức tổng kết HS nhận xét, đánh giá chung về giá trị của tác phẩm</p> <p>HS thảo luận về ý nghĩa nhan đề truyện và hình tượng chiếc bánh bao tẩm máu người?</p> <p>+ HS thảo luận và trả lời</p> <p>HS nhận xét, đánh giá chung về giá trị của tác phẩm</p>	<p>III/ Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>- Hình ảnh, ngôn từ giàu tính biểu tượng.</p> <p>- Lối dẫn truyện nhẹ nhàng, tự nhiên mà sâu sắc, lôi cuốn.</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản</p> <p>- Người Trung Quốc cần có một thứ thuốc để chữa trị tận gốc căn bệnh mê muội về tinh thần.</p> <p>- Nhân dân không nên “ngủ say trong cái nhà hộp bằng sắt” và người cách mạng thì không nên “bôn ba trong chốn quạnh hiu”, mà phải bám sát quần chúng để động viên, giác ngộ họ.</p>

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Ý nghĩa của tên truyện Thuốc là gì?</p> <p>a. Thuốc chữa bệnh và thuốc độc giết người.</p> <p>b. Thuốc chữa bệnh và thuốc tăng lực.</p> <p>c. Thuốc trị bệnh lao của những người dân u mê lạc hậu, thuốc độc giết người, thuốc trị bệnh hờ hững, u mê của quần chúng và bệnh xa rời quần chúng của cán bộ cách mạng.</p> <p>d. Thuốc trị bệnh lao, thuốc độc giết người, thuốc trị bệnh hờ hững, u mê của quần chúng và bệnh chủ quan của cán bộ cách mạng.</p> <p>Câu hỏi 2: Chủ đề của truyện Thuốc là gì?</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='c'</p> <p>[2]='b'</p> <p>[3]='a'</p> <p>[4]='c'</p> <p>[5]='c'</p>

<p>a. Chống mê tín dị đoan. b. Nói về sự u mê, tê liệt quần chúng và bị kích của người cách mạng tiên phong. c. Tổ cáo giai cấp thống trị bóc lột và phương pháp cách mạng của Đảng Cộng Sản Trung Quốc thời bấy giờ. d. Lời cảnh cáo khi dùng thuốc chữa bệnh.</p> <p>Câu hỏi 3: Truyện "Thuốc" có 4 phần, chọn cách đặt tiêu đề của mỗi phần sao cho phù hợp?</p> <p>a. Niềm tin mù quáng – Niềm vui đau khổ - Sự u mê bất nhân – Hy vọng le lói. b. Niềm tin mù quáng – Niềm vui thoáng qua - Sự u mê bất nhân – Mong manh hy vọng. c. Niềm tin mù quáng – Niềm vui đau khổ - Sự u mê bất nhân – Xóa nhòa ranh giới. d. Bước đi trong đêm – Cười ra nước mắt – Hờ hững vô nhân – Hy vọng.</p> <p>Câu hỏi 4: Trong tác phẩm, Lão Hoa Thuyên ra đi trong đêm để làm gì?</p> <p>a. Mua lương thực. b. Mua trà. c. Mua "thuốc" chữa bệnh lao cho con trai. d. Mua hàng cấm.</p> <p>Câu hỏi 5: Thuốc chữa bệnh lao được tác giả mô tả trong tác phẩm là gì?</p> <p>a. Thuốc đông y. b. Thuốc tân dược. c. Bánh bao tẩm máu người chết chém nướng cháy. d. Thuốc Tây</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	
--	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

GV giao nhiệm vụ:

“...Một lúc sau, người đi viếng càng đông. Bóng kẻ già, người trẻ thấp thoáng giữa các nấm mộ.

Không hiểu sao, bà Hoa cảm thấy người nhẹ đi như cất được gánh nặng. Bà ta nghĩ đến chuyện về, khuyên giải bà già kia:

- Ta về đi thôi!

Bà kia thở dài một cái, uể oải thu dọn bát đĩa, lại chân chừ một lúc, rồi cũng chậm rãi bước đi, lẩm bẩm nói một mình.

- Thế là thế nào nhỉ?

Hai bà đi, chưa được vài ba chục bước, bỗng nghe sau lưng một tiếng "Cọa... ọ" rất to. Hai bà giật mình, ngoảnh lại, thì thấy con quạ xòe đôi cánh, nhún mình, rồi như một mũi tên, vút bay thẳng về phía chân trời xa.”

(Trích Thuốc-
Lỗ Tấn)

Đọc đoạn văn trên và thực hiện các yêu cầu sau :

1. Xác định vị trí đoạn văn

trên trong tác phẩm?

Nêu những ý chính của đoạn văn

trên

?

2. Nêu ý nghĩa câu hỏi của nhân vật bà Hạ Du *Thế là thế nào nhỉ?*

3. Nêu sự khác nhau về biểu tượng hình ảnh con quạ trong

quan niệm của người Việt Nam và quan niệm của người Trung Quốc ?

1. Đoạn văn trên thuộc phần kết truyện ngắn Thuốc của Lỗ Tấn;

Những ý chính của đoạn văn trên:

- Cuộc gặp gỡ giữa 2 bà mẹ đau khổ là bà Hoa Thuyên và bà mẹ Hạ Du tại nghĩa địa vào tiết Thanh Minh.

- Hình ảnh con quạ bay vút về phía chân trời xa.

2. Ý nghĩa câu hỏi của nhân vật bà Hạ Du

T
h
ế

l
à

t
h
ế

n
à
o

n
h
ì
?

- Câu hỏi trước hết chính là thể hiện sự bế tắc, lạng lạng của bà mẹ khi ngay cả bà cũng không hiểu ý nghĩa việc làm của con trai.

- Câu hỏi còn thể hiện sự băn khoăn, đau khổ, tự trách của bà mẹ.

- Câu hỏi cũng là sự day dứt của nhà văn

về mối quan hệ gắn bó giữa quần chúng và cách mạng.

3. Sự khác nhau về biểu tượng hình ảnh con quạ trong quan niệm của người Việt Nam và quan niệm của người Trung Quốc:

- Ở Việt Nam, con quạ là kẻ tham ăn, vì thế nó đã phải mang bộ lông màu đen suốt đời, là biểu tượng của điềm dữ, thường gắn liền với bất hạnh của con người;

- Trong văn hoá Trung Hoa, con quạ là con chim của mặt trời, là hiện thân của mặt trời, đồng thời là biểu tượng của đức hiếu thảo, là một dấu hiệu thần kì để tái lập trật tự xã hội. Vì thế, ở cuối truyện, hình ảnh con quạ xuất hiện *vút bay thẳng về phía chân trời xa* gợi niềm tin của tác giả về sự thay đổi của cách mạng Trung Quốc. Trật tự xã hội đất nước Trung Quốc sẽ được lập lại thành một khối thống nhất.

<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	
--	--

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Từ <i>truyện Thuốc</i> , bày tỏ suy nghĩ về một căn bệnh tinh thần của tuổi trẻ trong cuộc sống hôm nay (đoạn văn khoảng 200 từ) -HS thực hiện nhiệm	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Viết đoạn văn theo yêu cầu. Chọn lựa một trong những bệnh tinh thần như bệnh lười biếng, bệnh vô trách nhiệm..., để phân tích hậu quả, nguyên nhân, biện pháp khắc phục.

TIẾT 78

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ HÀNH CHÍNH

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : phong cách ngôn ngữ hành chính

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- Một số biểu mẫu quy định thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở

nhà 2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết

trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Phong cách ngôn ngữ hành chính;

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được khái niệm và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính;

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được khái niệm và đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính;

c/Vận dụng thấp: Chỉ ra được văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về phong cách ngôn ngữ hành chính để tạo lập văn bản trong đời sống;

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: Viết văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính;

b/ Thông thạo: các bước viết văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính;

3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: tạo văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính;

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi soạn thảo văn bản hành chính;

c/Hình thành nhân cách:

-Biết quý trọng và giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

-Biết sử dụng phong cách ngôn ngữ phù hợp

-Có ý thức vận dụng phong cách ngôn ngữ hành chính vào trong đời sống.

4. Hình thành năng lực:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản hành chính;

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản thuộc Phong cách ngôn ngữ hành chính

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ hành chính.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<p>- GV giao nhiệm vụ: Kể một số giấy tờ liên quan đến cá nhân em từ khi được sinh ra đến nay.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: Giấy khai sinh- Sổ hộ khẩu-Đơn xin nhập học...</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Trong cuộc sống thường ngày, ta được tiếp xúc và sử dụng nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Trong số đó có , phong cách ngôn ngữ hành chính. Vậy phong cách ngôn ngữ đó là loại ngôn ngữ như thế nào? Nó</p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích</p>

<i>có những đặc trưng gì? Tất cả sẽ được giải đáp trong bài học hôm nay.</i>	cực, hứng thú.
--	----------------

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu một số văn bản GV lần lượt chỉ định từng HS đọc to các văn bản trong SGK, sau đó nêu câu hỏi tìm hiểu:</p> <p>a) Kể thêm các văn bản cùng loại với các văn bản trên.</p> <p>b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản trên là gì?</p> <p>HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:</p> <p>+ Văn bản 1 là nghị định của Chính phủ (Ban hành điều lệ bảo hiểm y tế). Gắn với nghị định là các văn bản khác của các cơ quan Nhà nước (hoặc tổ chức chính trị, xã hội) như: thông tư, thông cáo, chỉ thị, quyết định, pháp lệnh, nghị quyết, ...</p> <p>+ Văn bản 2 là giấy chứng nhận của thủ trưởng một cơ quan Nhà nước (Giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT-tạm thời). Gắn với giấy chứng nhận là các loại bản bản như: văn bằng, chứng chỉ, giấy khai sinh,...</p> <p>+ Văn bản 3 là đơn của một công dân gửi một cơ quan Nhà nước hay do Nhà nước quản lí (Đơn xin học nghề). Gắn với đơn là các loại văn bản khác như: bản khai, báo cáo, biên bản, ...</p> <p>HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:</p> <p>+ Giống nhau: Các văn bản đều có</p>	<p>I. Ngôn ngữ hành chính :</p> <p>1. Tìm hiểu văn bản a) Các văn bản cùng loại với 3 văn bản trên:</p> <p>b) Điểm giống nhau và khác nhau giữa các văn bản:</p> <p>2. Ngôn ngữ hành chính trong văn bản hành chính - Về trình bày, kết cấu: Các văn bản đều được trình bày thống nhất. Mỗi</p>

Thao tác 2: Tổ chức tìm hiểu ngôn ngữ hành chính trong văn bản hành chính

GV yêu cầu HS tìm hiểu ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản:

- a) Đặc điểm kết cấu, trình bày.
- b) Đặc điểm từ ngữ, câu văn.

Thao tác 3: Tổ chức tìm hiểu khái niệm phong cách ngôn ngữ hành chính

Từ việc tìm hiểu các văn bản trên, GV hướng dẫn HS rút ra khái niệm phong cách ngôn ngữ hành chính.

HS đọc to các văn bản trong SGK, sau đó trả lời câu hỏi

HS tìm hiểu ngôn ngữ được sử dụng trong các văn bản;

- HS làm việc cá nhân (khảo sát các văn bản) và trình bày trước lớp. Các HS khác

- +Phần đầu: các tiêu mục của văn bản.
- + Phần chính: nội dung văn bản.
- + Phần cuối: các thủ tục cần thiết (thời gian, địa điểm, chữ kí,...).

- Về từ ngữ: Văn bản hành chính sử dụng những từ ngữ toàn dân một cách chính xác. Ngoài ra, có một lớp từ ngữ hành chính được sử dụng với tần số cao (căn cứ..., được sự ủy nhiệm của..., tại công văn số..., nay quyết định, chịu quyết định, chịu trách nhiệm thi hành quyết định, có hiệu lực từ ngày..., xin cam đoan...

- Về câu văn: có những văn bản tuy dài nhưng chỉ là kết cấu của một câu (Chính phủ căn cứ.... Quyết định: điều 1, 2, 3,...). Mỗi ý quan trọng thường được tách ra và xuống dòng, viết hoa đầu dòng.

VD:

Tôi tên là: ...

Sinh ngày: ...

Nơi sinh: ...

Nhìn chung, văn bản hành chính cần chính xác bởi vì đa số đều có giá trị pháp lí. Mỗi câu, chữ, con số dấu chấm dấu phẩy đều phải chính xác để khỏi gây phiền phức về sau. Ngôn ngữ hành chính không phải là ngôn ngữ biểu cảm nên các từ ngữ biểu cảm hạn chế sử dụng. Tuy nhiên, văn bản hành chính cần sự trang trọng nên thường sử dụng những từ Hán- Việt.

3. Ngôn ngữ hành chính là gì?

Ngôn ngữ hành chính là ngôn ngữ dùng trong các văn bản hành chính để giao tiếp trong phạm vi các cơ quan Nhà nước hay các tổ chức chính trị, xã hội (gọi chung là cơ quan), hoặc giữa cơ quan với người dân và giữa người dân với cơ quan, hay giữa những người dân với nhau trên cơ sở pháp lí.

<p>có thể nhận xét, bổ sung (nếu cần).</p>	
<p>HS rút ra khái niệm ngôn ngữ hành chính.</p> <p>Thao tác 1: Tổ chức luyện tập Bài tập 1: Hãy kể tên một số loại văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường của anh (chị) <i>GV gợi ý, tổ chức cho HS các nhóm thi xem nhóm nào kể được nhiều và đúng.</i></p> <p>Bài tập 2: Hãy nêu những đặc điểm tiêu biểu về trình bày văn bản, về từ ngữ, câu văn của văn bản hành chính (lược trích-SGK). <i>Trên cơ sở nội dung bài học, GV gợi ý để HS phân tích.</i> <i>HS các nhóm thi xem nhóm nào kể được nhiều và đúng.</i></p> <p><i>HS phân tích.</i></p>	<p>Bài tập 1: Một số loại văn bản hành chính thường liên quan đến công việc học tập trong nhà trường: Đơn xin nghỉ học, Biên bản sinh hoạt lớp, Đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận, Sơ yếu lí lịch, Bằng tốt nghiệp THCS, Giấy khai sinh, Học bạ, Giấy chứng nhận trúng tuyển vào lớp 10, Bản cam kết..., Giáp mời họp,...</p> <p>Bài tập 2: Những đặc điểm tiêu biểu:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Trình bày văn bản: 3 phần <ul style="list-style-type: none"> - Phần đầu gồm: tên hiệu nước, tên cơ quan ra quyết định, số quyết định, ngày... tháng... năm..., tên quyết định. - Phần chính: Bộ trưởng... căn cứ... theo đề nghị... quyết định: điều 1..., điều 2..., điều 3... - Phần cuối: người kí (kí tên đóng dấu), nơi nhận. + Từ ngữ: dùng những từ ngữ hành chính (quyết định về việc..., căn cứ nghị định..., theo đề nghị của..., quyết định, ban hành kèm theo quyết định, quy định trong chỉ thị, quyết định có hiệu lực, chịu trách nhiệm thi hành quyết định,... + Câu: sử dụng câu văn hành chính (toàn bộ phần nội dung chỉ có một câu).
<p>Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu Tính khuôn mẫu - GV yêu cầu HS đọc lại các văn bản ở tiết học trước và phân tích tính khuôn mẫu của các văn bản đó.</p>	<p>II. Đặc trưng của phong cách ngôn ngữ hành chính</p> <p>1. Tính khuôn mẫu Tính khuôn mẫu thể hiện ở kết cấu 3 phần thống nhất:</p>

- GV nhận xét và chốt lại một số nội dung, lưu ý HS một số vấn đề.

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- a) Phần mở đầu gồm:
- + Quốc hiệu và tiêu ngữ.
 - + Tên cơ quan, tổ chức ban hành văn bản.
 - + Địa điểm, thời gian ban hành văn bản.
 - + Tên văn bản- mục tiêu văn bản.
- b) Phần chính: nội dung văn bản.
- c) Phần cuối:
- + Địa điểm, thời gian (nếu chưa đặt ở phần đầu).
 - + Chữ kí và dấu (nếu có thẩm quyền).

Thao tác 2: Tổ chức tìm hiểu tính minh xác

GV đặt câu hỏi để HS thảo luận:

Câu hỏi: Tính minh xác của văn bản hành chính thể hiện ở những điểm nào? Nếu không đảm bảo tính minh xác thì điều gì sẽ xảy ra?

- GV nhận xét và khắc sâu một số ý cơ bản.

a) Phần mở đầu gồm:

b) Phần chính: nội dung văn bản.

c) Phần cuối:

Chú ý:

+ Nếu là đơn từ, kê khai thì phần cuối nhất thiết phải có chữ kí, họ tên đầy đủ của người làm đơn hoặc kê khai.

+ Kết cấu 3 phần có thể "xê dịch" một vài điểm nhỏ tùy thuộc vào những loại văn bản khác nhau, song nhìn chung đều mang tính khuôn mẫu thống nhất.

2. Tính minh xác

Tính minh xác thể hiện ở:

- Mỗi từ chỉ có một nghĩa, mỗi câu chỉ có một ý. Tính chính xác về ngôn từ đòi hỏi đến từng dấu chấm, dấu phẩy, con số, ngày tháng, chữ kí,...

- Văn bản hành chính không được dùng từ địa phương, từ khẩu ngữ, không dùng các biện pháp tu từ hoặc lối biểu đạt hàm ý, không xóa bỏ, thay đổi, sửa chữa.

Chú ý:

Văn bản hành chính cần đảm bảo tính minh xác bởi vì văn bản được viết ra chủ yếu để thực thi. Ngôn từ chính là "chứng tích pháp lí".

VD: Nếu văn bằng mà không chính xác về ngày sinh, họ, tên, đệm, quê,... thì bị coi như không hợp lệ (không phải của mình).

Trong xã hội vẫn có hiện tượng mạo chữ kí, làm dấu giả để làm các giấy tờ

<p>Thao tác 3: Tổ chức tìm hiểu tính công vụ GV đặt câu hỏi để HS thảo luận: <i>Câu hỏi:</i> Tính công vụ thể hiện như thế nào trong văn bản hành chính? Trong đơn xin nghỉ học, điều gì là quan trọng- cảm xúc của người viết hay xác nhận của cha mẹ, bệnh viện? - GV nhận xét và khắc sâu một số ý cơ bản. - HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp.</p>	<p>giả: bằng giả, chứng minh thư giả, hợp đồng giả,...</p> <p>3. Tính công vụ Tính công vụ thể hiện ở: + Hạn chế tối đa những biểu đạt tình cảm cá nhân. + Các từ ngữ biểu cảm nếu dùng cũng chỉ mang tính ước lệ, khuôn mẫu. VD: kính chuyển, kính mong, trân trọng kính mời,... + Trong đơn từ của cá nhân, người ta chú trọng đến những từ ngữ biểu ý hơn là các từ ngữ biểu cảm. VD: trong đơn xin nghỉ học, xác nhận của cha mẹ, bệnh viện có giá trị hơn những lời trình bày có cảm xúc để được thông cảm.</p>
<p>Tổ chức luyện tập Bài tập 1 và bài tập 2: - GV yêu cầu HS xem lại bài học để trả lời đầy đủ, chính xác.</p> <p>Bài tập thực hành nên HS có thể chuẩn bị trước ở nhà, trên cơ sở nội dung bài học ở lớp, HS có thể điều chỉnh, sửa chữa (nếu cần) - HS làm việc cá nhân, xem lại bài, phát biểu ý kiến. Các HS khác nhận xét, bổ sung (nếu cần). HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi: Cách viết biên bản:</p>	<p>III. Luyện tập 1/Bài tập 1 và bài tập 2: Nội dung cần đạt: Xem lại mục 1- phần III- Nội dung bài học.</p> <p>2/Bài tập 3: Yêu cầu của biên bản một cuộc họp: chính xác về thời gian, địa điểm, thành phần. Nội dung cuộc họp cần ghi vấn</p>

<p>a. Phần mở đầu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Phần mở đầu của biên bản gồm những mục: Quốc hiệu, tiêu ngữ, tên biên bản, thời gian, địa điểm, thành phần tham dự lập biên bản. – Tên của biên bản nêu rõ nội dung chính của biên bản: Biên bản sinh hoạt; chi đội; Biên bản trả lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính cho chủ sở hữu, người quản lí hoặc người sử dụng hợp pháp. <p>b. Phần nội dung</p> <ul style="list-style-type: none"> – Ghi lại diễn biến và kết quả của sự việc. – Cách ghi phải trung thực, khách quan; không được thêm vào những ý kiến chủ quan của người viết. – Tính chính xác, cụ thể của biên bản giúp cho người có trách nhiệm làm cơ sở xem xét để đưa ra những kết luận đúng đắn. <p>c. Phần kết thúc gồm các mục</p> <ul style="list-style-type: none"> – Thời gian kết thúc. – Họ, tên, chữ kí của chủ tọa, thư kí hoặc các bên tham gia lập biên bản. – Chữ kí thể hiện tư cách pháp nhân của những người có trách nhiệm lập biên bản. 	<p>tất nhưng rõ ràng. Cuối biên bản cần có chữ kí của chủ tọa và thư kí cuộc họp.</p> <p>Bài tập 4: Yêu cầu của đơn xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Tiêu đề. + Kính gửi (Đoàn cấp trên). + Lí do xin gia nhập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. + Những cam kết. + Địa điểm, ngày... tháng... năm... + Người viết kí và ghi rõ họ tên.
---	---

3. LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu 1: Văn bản nào sau đây có hình thức và nội dung khác với giấy chứng nhận?</p> <p>a/ Bản khai</p> <p>b/ Văn bằng</p> <p>c/ Chứng chỉ</p>	<p>1b, 2c</p>

d/ Giấy khai sinh Câu 2: Trong các văn bản sau đây, đâu không phải là văn bản hành chính? a/ Giấy khai sinh b/ Hợp đồng tuyển dụng lao động c/ Thông báo mời thầu d/ Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	
--	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Nêu nội dung Đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh ? - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Đơn xin vào Đoàn TNCS Hồ Chí Minh cần có những nội dung chính sau: – Tên tổ chức – Tên văn bản – Địa điểm và thời gian viết đơn – Nơi nhận đơn – Tự giới thiệu về bản thân – Nguyên vọng và mục đích vào Đoàn – Cam kết và lời hứa – Ghi rõ họ tên và kí

5.TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Tìm hiểu thêm các quy định về thể thức văn bản của nhà nước -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Truy cập trên mạng để nắm bắt thể thức văn bản.

TIẾT 79-80

Đọc văn:

SỐ PHẬN CON NGƯỜI (Trích)

Sô-lô -khốp

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

SỐ PHẬN CON NGƯỜI

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim *Số phận con người*;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

SỐ PHẬN CON NGƯỜI

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn ngắn trình bày hiệu quả nghệ thuật của một chi tiết có giá trị trong truyện;

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của truyện ngắn nước ngoài;

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học.

3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản văn học nước ngoài

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản văn học nước ngoài

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của văn học nước ngoài

- Biết trân quý những giá trị văn hóa mà truyện nước ngoài đem lại
- Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong truyện ngắn nước ngoài.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến truyện ngắn của Sô-lô-khốp
- Năng lực đọc – hiểu truyện ngắn của Sô-lô-khốp;
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về nhân vật trong truyện ngắn nước ngoài;
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của truyện Số phận con người;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả <i>Sô-lô-khốp</i> + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Chiếu một đoạn trong phim <i>Số phận con người</i>; - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài: Sô-lô-khốp, một nhà văn lỗi lạc tiêu biểu của nền văn học Nga Xô Viết thế kỉ XX, từng đoạt giải Nobel văn học 1965. Cuộc đời của ông gắn bó máu thịt với con người và cảnh vật quê hương sông Đông trong những những bước chuyển mình đau đớn và phức tạp của lịch sử. Tác phẩm của ông thấm đẫm hơi thở và linh hồn của quê hương, số phận con người, một tác phẩm có cái nhìn sâu sắc, đa chiều của tác giả về con người trong và sau chiến tranh với những vinh quang và mất mát.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC (70phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
Thao tác 1: Tìm hiểu tác giả-tác phẩm 1. GV hướng dẫn HS đọc Tiểu dẫn (SGK) tóm tắt những nét chính về tác giả Sô-lô-	I. Tìm hiểu chung 1. Tác giả: - Mi-khai-in Sô-lô-khốp (1905 – 1984),

khốp.

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- A. Sô – lô - khốp (1905 - 1984)
- Ông sinh trưởng trong một gia đình nông dân ở thị trấn Vi – ô – sen – xcai - a, một địa phương thuộc tỉnh Rô - xtốp trên vùng thảo nguyên sông Đông.
- Ông tham gia nhiều công tác cách mạng từ khá sớm: làm thư kí uỷ ban trấn, nhân viên thu mua lương thực, tiểu phi...
- Cuối 1922, ông đến Mát – xơ – va, chấp nhận làm mọi nghề để sinh sống và thực hiện “*giấc mơ viết văn*”.
- Năm 1925, ông trở lại quê hương và bắt đầu viết “*Sông Đông êm đềm*”- một bộ tiểu thuyết sử thi đồ sộ dựng lại bức tranh sinh động về cuộc sống của những người nông dân Cô - đắc cùng những biến động xã hội và đấu tranh giai cấp ở vùng này sau Cách mạng Tháng Mười Nga 1917.
- Năm 1926, ông đã in hai tập truyện ngắn “*Truyện sông Đông*” và “*Thảo nguyên xanh*”.
- Trong thời kì chiến tranh vệ quốc, với tư cách là phóng viên mặt trận, Sô – lô - khốp xông pha nhiều chiến trường, viết nhiều bài chính luận, kí, truyện ngắn nổi tiếng.
- Sau chiến tranh, ông tập trung chủ yếu vào sáng tác.
- Năm 1965, ông được tặng Giải thưởng Nô – ben về văn học.
- Những tác phẩm chính:
 - + Tập truyện: “*Truyện sông Đông*”
 - + Các tiểu thuyết: “*Sông Đông êm đềm*”, “*Đất vỡ hoang*”, “*Họ đã chiến đấu vì Tổ quốc*”...

2. GV hướng dẫn HS dựa vào Tiểu dẫn phát biểu vị trí của truyện ngắn Số phận

nhà văn Nga Xô viết, Giải Nô-ben văn học năm 1965; được coi là một trong những nhà văn lớn nhất của thế kỉ XX.

2. Tác phẩm:

a. Hoàn cảnh sáng tác:

- Truyện được công bố lần đầu trên báo Sự thật, số ra ngày 31 – 12 – 1956 và 1

–
1 –
1957.

- Truyện có ý nghĩa khá quan trọng đối với sự phát triển của văn học Xô Viết.

Đây là tác phẩm đầu tiên, nhà văn tập trung thể hiện hình tượng con người bất hạnh sau chiến tranh, nhìn cuộc sống và chiến tranh toàn diện, chân thực.

- Về sau, truyện được in trong tập “*Truyện sông Đông*”.

b. Tóm tắt: (SGK)

<p>con người trong nền văn học Xô-viết. HS làm việc cá nhân, phát biểu HS dựa vào Tiểu dẫn phát biểu vị trí của truyện ngắn Số phận con người trong nền văn học Xô-viết. Yêu cầu : giọng đọc – kể chậm rãi, bình tĩnh, vừa kể vừa như đang nhớ lại, suy tư, ngẫm nghĩ; chú ý những đoạn trữ tình ngoại đề đọc rõ cảm xúc tự hào, ca ngợi. Kết hợp đọc – kể tóm tắt trong cả phần đầu và phần trích học.</p>	
<p>Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu nhân vật An -đrây 1. GV định hướng để HS phân tích nhân vật An-đrây Xô-cô-lốp. a) Phân tích hoàn cảnh và tâm trạng An-đrây trước, trong và sau chiến tranh HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi: -Trong chiến tranh: Xô-cô-lốp chịu nhiều đau thương, cay đắng: hai lần bị thương, bị bắt làm tù binh của Đức. Vợ và hai con gái chết vì bom của phát xít, cửa nhà tan nát “chỉ còn là một hố bom ”, ngày chiến thắng cũng là ngày nghe tin đứa con trai yêu quý A-na-tô-li tử trận -Sau chiến tranh, Xô-cô-lốp đối diện nỗi đau cùng cực của sự mất mát. Anh chôn niềm vui sướng và niềm hi vọng cuối cùng trên đất người, đất Đức + Trong người có cái gì đó vỡ tung ra trở thành người mất hồn +Chiến tranh hết, anh trở về làm một người lao động bình thường nhưng vì đau khổ anh tìm đến rượu để quên nỗi đau. Những giọt nước mắt những nỗi đau không bao giờ nguôi trong lòng anh. b) An-đrây đã nhận bé Va-ri-a làm con như thế nào? Điều gì đã khiến anh có quyết định nhanh chóng như vậy? – Cảm xúc và tâm trạng của hai người trong cabin ô tô được diễn tả như thế nào?</p>	<p>II. Đọc- hiểu văn bản 1/ Chiến tranh và thân phận con người: a/ <u>Người lính Xô-cô-lốp</u> với những đau đớn về thể xác và tinh thần dường như không thể nào vượt qua nổi: - Đi lính, bị thương, bị dọa dẫm trong trại tập trung; - Vợ và hai con gái chết vì bom phát xít, con trai cũng đi lính và hi sinh đúng ngày chiến thắng; - Sau chiến tranh, Xô-cô-lốp không biết đi đâu, về đâu. b/ <u>Chú bé Va-ni-a</u> -lang thang, rách rưới, hằng ngày nhặt nhạnh kiếm ăn nơi hàng quán, ban đêm bạ đầu ngủ đó; - cha chết trận, mẹ chết bom, không biết quê hương, không người thân thích. 2/ Nghị lực vượt qua số phận: a) <u>An-đrây gặp bé Va-ri-a</u> - Xô-cô-lốp chấp nhận cuộc sống sau chiến tranh, tự nhận mình là bố Va-ni-a, sung sướng trong tình cảm cha con, chăm lo cho Va-ni-a từng cái ăn, cái mặc, giấc ngủ. - Va-ni-a vô tư và hồn nhiên đón nhận cuộc sống mới trong sự chăm sóc và tình yêu thương của người mà chú bé luôn nghĩ là cha đẻ.</p>

– Xôcôlốp đã chăm sóc con trai nhỏ mới của mình ra sao? Tình cảm của hai cha con họ như thế nào?

– Thái độ của hai vợ chồng anh bạn cho ở nhờ ra sao? Thái độ và cử chỉ của người vợ chứng tỏ điều gì?

– Chi tiết chiếc áo bành tô mà Vania chột nhór và hỏi cha nói lên điều gì?

– Tâm trạng của Xôcôlốp đêm đêm nằm với con nuôi nh- thế nào? Vì sao anh hay chiêm bao, hay tỉnh giấc, khó thở, và bên gối đầm đìa nước mắt?

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- Giữa lúc đang lâm vào tâm trạng buồn đau, bế tắc, An-đrây đã gặp bé Va-ri-a, cũng là một nạn đáng thương của chiến tranh. Tác giả tả việc Xô-cô-lốp nhận Va-ri-a làm con nuôi rất sâu sắc và cảm động.

- Khi nhìn thấy Va-ri-a từ xa: “Thằng bé rách bươm xơ mướp.... cặp mắt thì cứ như nhiều ngôi sao sáng sau trận mưa đêm” rồi “thích đến nỗi bắt đầu thấy nhớ nó”. Và khi hiểu rõ tình trạng của Va-ri-a hiện tại, tình phụ tử thiêng liêng và tinh thần trách nhiệm đã thức tỉnh trong Xô-cô-lốp. Lòng thương xót dâng lên thành những giọt nước mắt nóng hổi. Anh quyết định nhận Va-ri-a làm con.

- Xô-cô-lốp tuyên bố anh là bố thì lập tức Va-ri-a chồm lên ôm hôn anh, ríu rít líu lo vang cả buồng lái... Còn Xô-cô-lốp “mất mớ đi”, “hai bàn tay lẩy bẩy”- sức mạnh của tình yêu thương sưởi ấm trái tim cô đơn, đem lại niềm vui sống.

- Với lòng nhân hậu, Xô-cô-lốp tìm mọi cách bù đắp tình cảm cho Va-ri-a, chăm sóc nó. Ở toàn bộ đoạn này, điểm nhìn của tác giả hoàn toàn phù hợp với điểm nhìn của nhân vật và vì vậy gây được niềm xúc động trực tiếp.

– Xô Cô lốp đồng cảm với cậu nhóc

b) Tinh thần trách nhiệm cao cả và nghị lực phi thường của Xô-cô-lốp

- Khó khăn của Xô-cô-lốp khi nhận bé Va-ri-a làm con trong cuộc sống thường nhật: việc nuôi dưỡng, chăm sóc..., những rủi ro bất cứ lúc nào cũng có thể xảy ra, đặc biệt là việc không thể làm “tôn thương trái tim bé bỏng của Va-ri-a”. Bên cạnh đó là nỗi khổ tâm, dằn vặt của anh về những kí ức... vết thương tâm hồn vẫn đau đớn.

Tác phẩm đề cao chủ nghĩa nhân đạo cao cả, nghị lực phi thường của người lính và nhân dân Xô viết thời hậu chiến: lòng nhân hậu, vị tha, sự gắn kết giữa những cảnh đời bất hạnh, niềm hi vọng vào tương lai.

Vania và thương cho cậu. Ít ra anh vẫn còn sức khỏe anh còn có thể tự nuôi bản thân mình, còn Vania chỉ là một cậu nhóc thì không thể nào tự nuôi bản thân được.

- Anh chấp nhận làm cha của bé Vania và chăm lo cho cậu từng miếng ăn giấc ngủ.

- Hai trái tim lạnh giá sưởi ấm cho nhau.

- Vania thì sung sướng, yêu thương Xô cô Lốp hôn lên mặt mũi và ôm mãi anh không rời.

- Đêm đêm khi nhìn thấy nó ngủ anh như quên hết nỗi cô đơn quên sự buồn phiền và có động lực làm việc để cho nó có một cuộc sống tốt.

- Anh là một người có đức hi sinh cao cả, chăm sóc Vania nhưng chính bản thân anh lại đang chịu cơn đau tim dày vò tuy nhiên anh quyết chịu đựng một mình chứ không thêm nói nữa lời. Anh không muốn trái tim của bé bị tổn thương.

-> Có thể nói với tình yêu thương con người, với tình cảm đồng cảnh ngộ họ đã vượt qua khó khăn vượt qua nỗi đau sau chiến tranh để sưởi ấm cho nhau bằng tình yêu thương thân ái.

Thao tác 3: GV định hướng cho HS tìm hiểu về thái độ của người kể chuyện và ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối truyện.

GV: 1/Cốt truyện được xây dựng như thế nào? Điểm nhìn của người kể chuyện có giống điểm nhìn của nhân vật không?

(cách nói năng, tâm tính, giọng điệu của tác giả và An-drây)

2/Thái độ của người kể chuyện, ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối truyện?

GV: Gọi 1 HS đọc diễn cảm lại đoạn văn.

2. Thái độ của người kể chuyện:

- Truyện được xây dựng theo lối truyện lồng trong truyện, có hai người kể là Xô – cô – lôp và tác giả.

☑ Người kể chuyện phải tuân theo cách nói năng, tâm tính, giọng điệu của nhân vật Xô – lô – cốp và trực tiếp bộc lộ tâm trạng.

- Người kể chuyện còn trực tiếp miêu tả bối cảnh và thời gian gặp gỡ nhân vật

chính, khung cảnh thiên nhiên, chân dung các nhân vật, những ấn tượng và đánh giá về các nhân vật đó.

☑ Tác giả không che giấu tình cảm, sự xúc động trước số phận con người.

- Thái độ của người kể còn bộc lộ ở đoạn trữ tình ngoại đề cuối truyện:

+ *Trữ tình ngoại đề:* là sự giải bày cảm xúc, ấn tượng của nhà văn về những gì đã mô tả, phơi bày trước bạn đọc.

+ *“Hai con người ... kêu gọi”*

☑ Tác giả bày tỏ lòng khâm phục và tin tưởng ở tính cách Nga kiên cường.

☑ Đồng thời cũng xa lạ với lối kết thúc có hậu, tô hồng hiện thực mà báo trước

những khó khăn trở ngại mà con người phải vượt qua trên con đường vươn tới tương lai, hạnh phúc.

=> Trước số phận bi thảm, trớ trêu của con người, tác giả bộc lộ sự đồng cảm và lòng nhân hậu của mình.

3. Suy nghĩ về thân phận con người:

- Tác giả thể hiện nghị lực kiên cường của Xô – lô – cốp trong cuộc đời thường đầy khó khăn sau chiến tranh.

- Hoàn cảnh đau khổ ghê gớm về
tinh thần càng làm nổi bật tấm lòng
nhân đạo

<p>GV: Đoạn văn trên gợi em có suy nghĩ gì về thái độ và tình cảm của tác giả?</p> <p>- Thao tác 3: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những suy nghĩ của nhà văn về số phận con người.</p> <p>GV: Truyện đã thể hiện tính cách gì của Xô – lô – cốp?</p> <p>GV: Hoàn cảnh đau khổ ghê gớm về tinh thần cũng đã góp phần làm nổi bật tính cách gì của nhân vật?</p> <p>GV: Khi chia tay với hai cha con Xô – lô – lớp, tác giả có những suy nghĩ như thế nào?</p> <p>GV: Qua chi tiết trên, Xô – lô – khớp nhắc nhở và kêu gọi chúng ta điều gì?</p> <p>HS trả lời cá nhân GV: Chốt lại</p>	<p>của anh. Trái tim anh rực sáng trong thế giới còn đầy hận thù và đau khổ.</p> <p>☑Truyện khám phá và ca ngợi tính cách Nga “<i>con người có ý chí kiên cường</i>” và lòng nhân ái.</p> <p>- Tác giả còn miêu tả con người bình thường với phẩm chất yêu nước tiềm tàng, thâm lặng.</p> <p>- Khi chia tay với hai cha con Xô – lô – lớp, tác giả nghĩ ngay tới “<i>hai con người cô cút, hai hạt cát đã bị sức mạnh phũ phàng của bão tố chiến tranh thổi bạt tới những miền xa lạ</i>”</p> <p>☑Xô – lô – khớp nhắc nhở và kêu gọi sự quan tâm của xã hội đối với nhân cách con người và góp tiếng nói lên án chiến tranh phi nghĩa.</p> <p>=> Tác giả dũng cảm nói lên sự thật, không sợ màu sẫm và gai góc.</p>
<p>Tổ chức tổng kết</p> <p>GV hướng dẫn HS nhận xét về nghệ thuật và ý nghĩa văn bản</p> <p>(<i>HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp</i>).</p>	<p>III/ Tổng kết</p> <p>1) Nghệ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Miêu tả sâu sắc, tinh tế nội tâm và diễn biến tâm trạng nhân vật. - Lời kể chuyện giản dị, sinh động, giàu sức hấp dẫn và lôi cuốn. - Nhiều đoạn trữ tình ngoại đề gây xúc động mạnh cho người đọc. <p>2) Ý nghĩa văn bản:</p> <p>Con người bằng ý chí và nghị lực, lòng nhân ái và niềm tin vào tương lai, cần và có thể vượt qua những mất mát do chiến tranh và bi kịch của số phận.</p>

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Những thông tin nào dưới đây không chính xác về tác giả “ Số phận con</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='b'</p>

người” ?

- a. Sinh 1905, mất 1984, quê thị trấn Vi-ô-sen-xkai-a, thuộc thảo nguyên sông Đông, tỉnh Rô-xtốp, Liên Xô
- b. Xuất thân từ tầng lớp công nhân.
- c. Tham gia chiến tranh vệ quốc và cách mạng từ rất sớm.
- d. Giải thưởng Nô-ben văn học năm 1965.

Câu hỏi 2: Đây là nhận xét đúng về nội dung của tiểu thuyết Sông Đông êm đềm?

- a. Là một bộ tiểu thuyết sử thi đồ sộ, dựng được cuộc sống sinh động của người dân Cô-dắc vùng sông Đông cùng những biến động xã hội và đấu tranh quyết liệt diễn ra ở vùng này trong những biến động xã hội và đấu tranh quyết liệt diễn ra ở vùng này trong những năm nội chiến sau cách mạng tháng Mười.
- b. Là bộ tiểu thuyết vĩ đại của nước Nga, tác giả đã miêu tả cuộc chiến tranh khốc liệt của nhân dân vùng sông Đông trong những năm nội chiến sau cách mạng tháng Mười.
- c. Là bộ tiểu thuyết lịch sử vĩ đại nhất của nước Nga, tác giả đã miêu tả cuộc chiến tranh khốc liệt của nhân dân vùng sông Đông trong những năm nội chiến sau cách mạng tháng Mười.
- d. Vượt lên cả “Chiến tranh và hòa bình” của Lép Tôn-xtôi, “Sông Đông êm đềm” của Sô-lô-khốp đã dựng lại bức tranh toàn cảnh về cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại của nhân dân Liên Xô từ 1941 đến 1945.

Câu hỏi 3: Sô-lô-khốp được tặng giải thưởng Nô-ben văn học năm nào?

- a. 1945
- b. 1950
- c. 1960
- d. 1965

Câu hỏi 4: Tên truyện “Số phận con người”

[2]='a'

[3]='d'

[4]='b'

[5]='d'

<p>gợi cho anh (chị) liên tưởng đến những nội dung gì?</p> <p>a. Làm người sướng, khổ là do số. b. Những người trong tác phẩm sẽ là những số phận chịu nhiều đau khổ. c. Con người không bao giờ gặp may mắn. d. Những con người trong tác phẩm là những con người nhu nhược.</p> <p>Câu hỏi 5: Dòng nào sau đây nói về mục đích sáng tác “Số phận con người” ?</p> <p>a. Tái hiện cuộc sống gian khổ của nhân dân Nga trong cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. b. Phản ánh một sự thật đau thương, mất mát do chiến tranh gây ra, nhằm phản đối chiến tranh. c. Ca ngợi những tấm gương hi sinh anh dũng của các chiến sĩ Hồng quân Liên Xô trong cuộc chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. d. Phê phán lối sống ích kỷ, lối nhìn thiển cận của không ít người Nga sau cuộc chiến tranh.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	
--	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p><i>Phân tích hoàn cảnh đáng thương của con người sau chiến tranh trong đoạn trích Số phận con người</i></p> <p>- HS thực</p>	<p>Trả lời:</p> <p>- Người lính Xô-cô-lốp: + Niềm vui sướng và niềm hi vọng cuối cùng đã chôn trên đất Đức. + Bước ra khỏi cuộc chiến không biết đi về đâu, đành về tá túc nhờ nhà người bạn và làm nghề lái xe cho nông trường. + Hay uống rượu để dịu bớt nỗi đau.</p> <p>Nhân vật chịu đựng sự đau đớn, mất mát quá lớn, nổi bất hạnh tột cùng của một kiến người. Xô-cô-lốp phải</p>

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	<p>chung với nỗi cô độc trống vắng hụt hẫng. Biết rượu là món nguy hại mà vẫn cứ uống chứng tỏ nhân vật rơi vào tình cảnh đau buồn bế tắc. Tuy vậy nhân vật vẫn tràn đầy nghị lực.</p> <p>- Bé Va-ni-a.</p> <p>+ Cha mẹ không còn</p> <p>+ Lang thang vất vưởng, đói rách, ăn xin.</p> <p>+ Đôi mắt như ngôi sao sáng ngời sau trận mưa đêm.</p> <p>Thân phận mồ côi bơ vơ, lạc loài thật đáng thương nhưng chú bé thật hồn nhiên, trong sáng.</p> <p>Sơ kết: Hai số phận đau thương nghiệt ngã đặt cạnh nhau, bổ sung cho nhau làm rõ những mất mát không gì bù đắp nổi do chiến tranh gây ra. Ý nghĩa tố cáo chiến tranh toát ra từ đây.</p>
--	--

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Vẽ bản đồ tư duy bài học</p> <p>+ Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) bày tỏ suy nghĩ về những em bé mồ côi trong cuộc sống hôm nay.</p> <p>-HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>+ Vẽ đúng bản đồ tư duy</p> <p>+ Đảm bảo cấu trúc đoạn văn với khoảng 200 từ được quy định. Về nội dung, từ nhân vật bé Vnia trong truyện, liên hệ những em bé mồ côi trong cuộc sống hôm nay.</p>

TIẾT 81/TUẦN 27

Làm văn:

Trả bài làm văn số 6

I- Mục tiêu cần đạt

- Củng cố kiến thức về nghị luận văn học rút kinh nghiệm cách viết một bài nghị luận văn học.
- Nhận ra những ưu - nhược điểm về kiến thức về kiến thức và khả năng viết bài nghị luận về thơ trữ tình.
- Rút kinh nghiệm để phát huy những ưu điểm và hạn chế nhược điểm để chuẩn bị cho bài làm văn số 6.

II- Chuẩn bị

1. HS chuẩn bị dàn ý bài viết (ở nhà).
2. GV chấm chữa bài, chuẩn bị nhận xét chung và nhận xét cụ thể.

III- Các nội dung dạy – học cơ bản

<i>Hoạt động của thầy và trò</i>	<i>Nội dung cần đạt</i>
<p>Hoạt động 1 - Tổ chức phân tích đề</p> <p>1. GV tổ chức cho HS ôn lại cách phân tích đề (Khi phân tích một đề bài, cần phân tích những gì ?) HS áp dụng để phân tích đề bài viết số 6.- HS nhớ lại kiến thức phân tích đề, áp dụng phân tích đề bài số 6.</p> <p>- GV định hướng, gạch dưới những từ ngữ quan trọng để chỉ ra các yêu cầu của đề.</p> <p>Hoạt động 2 - Tổ chức xây dựng đáp án (dàn ý)</p> <p>GV tổ chức cho HS xây dựng dàn ý chi tiết cho đề bài viết số 6 (GV nêu câu hỏi để hướng dẫn HS hoàn chỉnh dàn ý (đáp án) làm cơ sở để HS đối chiếu với bài viết của mình).</p> <p>Hoạt động 3 - Tổ chức nhận xét, đánh giá bài viết</p> <p>- GV cho HS tự nhận xét và trao đổi bài để nhận xét lẫn nhau.</p> <p>- GV nhận xét những ưu, khuyết điểm.</p> <p>Hoạt động 4 - Tổ chức sửa chữa lỗi bài viết</p> <p>GV hướng dẫn HS trao đổi để nhận thức lỗi và hướng sửa chữa, khắc phục.</p> <p>Hoạt động 5 - Tổ chức tổng</p>	<p>I. Phân tích đề</p> <p>1. Khi phân tích một đề bài, cần phân tích :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung vấn đề. - Thể loại nghị luận và những thao tác lập luận chính. - Phạm vi tư liệu cần sử dụng cho bài viết. <p>2. Phân tích đề bài viết số 5</p> <ul style="list-style-type: none"> - Yêu cầu kiểu bài Đọc hiểu và Nghị luận về 2 ý kiến bàn về một đoạn trích văn xuôi; - Yêu cầu nội dung : - Yêu cầu về phương thức diễn đạt, vận dụng thao tác phân tích là chính kết hợp thao tác lập luận, giải thích, so sánh, bình luận. <p>II. Xây dựng đáp án (dàn ý)</p> <p>(Xem phụ lục ở dưới)</p> <p>IV. Sửa chữa lỗi bài viết</p> <p>Các lỗi thường gặp :</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thiếu ý, thiếu trọng tâm, ý không rõ, sắp xếp ý không hợp lí. + Sự kết hợp các thao tác nghị luận chưa hài hòa, chưa phù hợp với từng ý. + Kỹ năng phân tích, cảm thụ còn kém. + Diễn đạt chưa tốt, còn dùng từ viết câu sai, diễn đạt tối nghĩa, trùng lặp,... <p>V. Tổng kết rút kinh nghiệm</p>

kết rút kinh nghiem	Nội dung tổng kết và rút kinh nghiệm dựa trên cơ sở chấm, chữa bài cụ thể.
GV tổng kết và nêu một số điểm cơ bản cần rút kinh nghiem	

ĐÁP ÁN BÀI VIẾT SỐ 6 (Ở NHÀ)

Phần I. Đọc hiểu (3,0 điểm)

Câu 1. Phương thức biểu đạt chính của văn bản: tự sự (0.5đ)

Câu 2. Văn bản viết về chuyện chiếc bình nứt nhằm mục đích nói chuyện con người, cụ thể hơn là cách ứng xử của con người.(0.5đ)

Câu 3. Vết nứt trên chiếc bình ẩn dụ cho điều : Hạn chế, khiếm khuyết trong mỗi con người(1.0đ)

Câu 4. Nỗi xấu hổ, day dứt của chiếc bình nứt gợi liên tưởng đến tâm trạng của con người khi đối diện với những khiếm khuyết của bản thân (1.0đ)

Phần II. Làm văn (7,0 điểm)

I.Mở bài:

Kim Lân là một trong những nhà văn xuất sắc của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam trước và sau Cách mạng tháng Tám. Một trong những tác phẩm tiêu biểu của Kim là truyện ngắn Vợ nhặt.

Nhận xét về tác phẩm có ý kiến cho rằng Ở truyện ngắn này, nhà văn chú tâm miêu tả kĩ lưỡng hiện thực tàn khốc của nạn đói năm 1945.Ý kiến khác lại nhấn mạnh: nhà văn chủ yếu hướng ngòi bút vào việc phát hiện vẻ đẹp tiềm ẩn, tâm hồn giàu lòng yêu thương của người nông dân sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ.

- Điều đó được thể hiện qua đoạn trích

II.Thân bài:

1.Giới thiệu chung về tác phẩm.

- Vợ nhặt là truyện ngắn tiêu biểu của Kim Lân viết về đề tài người nông dân trước Cách mạng. Truyện được in trong tập Con chó xấu xí (1962)

- Bằng cách dựng lên tình huống truyện “nhặt vợ” độc đáo, qua tình huống đó nhà văn Kim Lân đã kín đáo lên tiếng phê phán xã hội Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám, đói rách, nghèo khổ. Nhân phẩm con người bị rẻ rúng, vì đói, vì chạy trốn khỏi cái chết mà người ta có thể liều về làm vợ một người không quen biết chỉ bằng vài bát bánh đúc... Đó là những đau đớn, nhục nhằn của người nông dân Việt Nam trước Cách mạng. Nhưng trên nền hiện thực đen tối ấy vẫn sáng lên niềm yêu thương, niềm tin vào cuộc đời mới tốt đẹp hơn. Đó là cái nhìn phát hiện đầy nhân đạo của nhà văn Kim Lân.

2. Giải thích ý kiến:

a. Ý kiến “Ở truyện ngắn này, nhà văn chú tâm miêu tả kĩ lưỡng hiện thực tàn khốc của nạn đói năm 1945 ”: hiện thực tàn khốc là bức tranh phản ánh chân thật đời sống xã hội. Trong truyện, đó là nạn đói khủng khiếp Ất Dậu 1945 được thể hiện qua

lãng kính của nhà văn. Ý kiến chú ý đến giá trị hiện thực của tác phẩm;

b. Ý kiến “nhà văn chủ yếu hướng ngòi bút vào việc phát hiện vẻ đẹp tiềm ẩn, tâm hồn giàu lòng yêu thương của người nông dân sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của

họ.”: Vẻ đẹp tiềm ẩn là vẻ đẹp trong bề sâu, bề xa của tâm hồn con người. Ý kiến chú ý đến giá trị nhân đạo của tác phẩm;

Cả 2 ý kiến đã khái quát giá trị tư tưởng truyện ngắn Vợ nhặt của Kim lân.

3. Phân tích đoạn trích để làm sáng tỏ hai ý kiến:

a. Ý kiến “...hiện thực tàn khốc của nạn đói năm 1945 ”

- Bữa cơm ngày đói thật thảm hại trong ngày đón con dâu phản ánh chân thực số phận bi đát của người nông dân trong nạn đói Ất Dậu năm 1945; (phân tích các chi tiết về mâm cơm, nồi chè khoán...)

- Tâm trạng của các nhân vật bà cụ Tứ, Tràng và người vợ nhặt trong bữa cơm ngày đói (phân tích các chi tiết để làm rõ tâm trạng vui buồn lẫn lộn của bà mẹ già, tâm trạng tủi hờn của vợ chồng Tràng khi ăn miếng cám nghẹn bứ, chát xít);

- Khép tác phẩm là âm thanh tiếng trống thúc thuế báo hiệu nạn đói tiếp tục đe dọa; hình ảnh âm thanh tiếng quạ báo hiệu cái chết; hình ảnh đám người đói biểu tượng cho cái đói khủng khiếp...

b. “nhà văn chủ yếu hướng ngòi bút vào việc phát hiện vẻ đẹp tiềm ẩn, tâm hồn giàu lòng yêu thương của người nông dân sau cái bề ngoài đói khát, xác xơ của họ”.

- Vẻ đẹp tâm hồn của bà cụ Tứ:

+ Giàu lòng yêu thương con;

+ Niềm tin lạc quan vào tương lai tươi sáng:

++Bà lão “vừa ăn vừa kể chuyện làm ăn ”, “nói toàn chuyện vui, toàn chuyện sung sướng ngày sau”, “cái mặt búng beo u ám của bà rạng rỡ hẳn lên ”. Dù chẳng tròn vẹn nhưng cũng phần nào gieo vào lòng đôi vợ chồng trẻ niềm tin vào ngày mai. Một ngày mai tươi sáng hơn đang chờ họ. Bà cụ Tứ nghĩ thế và chắc chắn sẽ là như thế! Chính tình thương của mẹ đã mang đến hạnh phúc cho Tràng, đem lại lối thoát cho vợ Tràng và tất yếu tình thương ấy sẽ mãi mãi nâng đỡ họ.

++ Lời khuyên của bà với con: -Tràng ạ. Khi nào có tiền ta mua lấy đôi gà. Tao tính rằng cái chỗ đầu bếp kia làm cái chuồng gà thì tiện quá. Này ngoảnh đi ngoảnh lại chả mấy mà có ngay đàn gà cho mà xem...là lời khuyên rất thực tế, là suy nghĩ của một bà lão nông dân sắp gần đất xa trời, không lo nghĩ cho mình mà chỉ lo cho con. Nuôi gà cũng chính là nuôi niềm hy vọng cho ngày mai.

++ Cảnh Bà lão lật đật chạy xuống bếp, lễ mễ bung ra một cái nồi khói bốc lên nghi ngút cứ ngỡ bà như bà Tiên trong truyện cổ tích. Nồi chè khoán của bà cũng chính là chiếc đũa thần của bà Tiên ấy, đưa lên để làm nên phép nhiệm màu: thấp ngọn lửa niềm tin vào tương lai.

+ Niềm tin vào sự đổi đời của người nông dân trước hiện thực đói nghèo, tăm tối vẫn còn vây bủa: Hình ảnh lá cờ đỏ bay phấp phới trong óc Tràng có ý nghĩa biểu tượng, khép truyện nhưng mở ra cả trời ý nghĩa. Lá cờ đỏ lá cờ của Việt Minh. Cách mạng sẽ về. Chính cách mạng sẽ làm nên sự sống bất diệt.

+ Phân tích nghệ thuật: Tình huống truyện độc đáo, cách kể chuyện hấp dẫn, miêu tả tâm lí tinh tế, dựng đối thoại sinh động, ngôn ngữ đậm chất nông dân, có sự gia công sáng tạo của nhà văn.

-Nhận xét ý nghĩa đoạn trích:

+ Giá trị hiện thực: gián tiếp tố cáo tội ác của bọn thực dân phát xít, phản ánh sự hướng về cách mạng của người nông dân;

+ Giá trị nhân đạo: Cảm thông với nỗi thống khổ của người nông dân; ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của họ. Ca ngợi tình mẫu tử, tình cảm gia đình. Gửi gắm niềm tin vào tương lai...

4. Đánh giá hai ý kiến.

- Hai ý kiến đều đúng, không mâu thuẫn bài trừ nhau mà bổ sung cho nhau góp phần làm sáng tỏ nội dung của tác phẩm.

- Qua hai ý kiến, người đọc hiểu hơn giá trị của truyện Vợ nhặt, hiểu tấm lòng của nhà văn Kim Lân dành cho người nông dân Việt Nam mà suốt cuộc đời cầm bút ông đã từng yêu thương họ. Qua đó, ngòi bút tinh tế cũng như sự thấu hiểu tâm lý, đời sống người nông dân của nhà văn Kim Lân hiện lên rất sâu sắc và sáng tạo.

III. Kết bài:

Khái quát lại vấn đề và đánh giá về thành công của tác giả, tác phẩm, đoạn trích

Bày tỏ suy nghĩ riêng về giá trị của truyện, của đoạn trích.

TIẾT 82-83

Đọc văn:

ÔNG GIÀ VÀ BIỂN CẢ

(Trích)

Hê-ming-uê

Ngày soạn:

Ngày thực

hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Ông già và biển cả

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Ông già và biển cả

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm .

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn ngắn về một chi tiết nghệ thuật hay trong truyện;

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của truyện;

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài đọc hiểu văn bản;

b/ Thông thạo: các bước làm đọc hiểu;

3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản truyện nước ngoài;

b/ Hình thành tính cách: tự tin, sáng tạo khi tìm hiểu văn bản nước ngoài;

c/Hình thành nhân cách:

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống truyện ngắn nước ngoài đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong truyện ngắn nước ngoài ,

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến tiểu thuyết của Hêminгуe;

- Năng lực đọc – hiểu tiểu thuyết của Hêminгуe;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tiểu thuyết của Hêminгуe;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật tiểu thuyết của Hêminгуe;

- Năng lực phân tích, so sánh ý nghĩa các chi tiết nghệ thuật trong tiểu thuyết của Hêminгуe;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;

III. Chuẩn bị

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim *Ông già và biển cả*

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà.

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát</i>
----------------------------------	---

	<i>triển</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán tác giả <i>Hemingue</i> + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Xem một đoạn phim Ông già và biển cả; - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: <i>Thiên nhiên và con người, con người và hiện thực – con người và mơ ước... bao nhiêu vấn đề sâu sắc hàm nghĩa triết lí đã được đặt ra, khơi ra từ một chuyến biển săn cá thành công và thất bại ngoài sức tưởng tượng được thể hiện trong một áng văn xuôi giản dị và trung thực về con người của tác giả Giã từ vũ khí và Chuông nguyện hồn ai, Hạnh phúc ngắn ngủi của Macômbơ – nhà văn Mỹ lừng danh Hêminhuê.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu tác giả-tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 1 HS đọc phần Tiểu dẫn (SGK) và Nêu những ý chính về Hê-ming-uê, tiểu thuyết Ông già và biển cả, vị trí của đoạn trích học. - GV nhận xét và tóm tắt những nội dung cơ bản. - HS làm việc cá nhân. <p>+ Nhà văn Mĩ để lại dấu ấn sâu sắc trong văn xuôi hiện đại phương Tây và góp phần đổi mới lối viết truyện, tiểu thuyết của nhiều thế hệ nhà văn trên thế giới.</p> <p>+ Những tiểu thuyết nổi tiếng của Hê- ming-uê: Mặt trời vẫn mọc (1926), Giã từ vũ khí (1929), Chuông nguyện hồn ai (1940).</p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. O-nit Hê-ming-uê (1899- 1961):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hê-minh-uê (1899 – 1961), một trong những nhà văn lớn nhất của nước Mĩ thế kỉ XX, nổi tiếng với nguyên lí “tảng băng trôi” ; với hoài bão viết cho được “một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người”. <p>2. Ông già và biển cả (The old man and the sea)</p> <ul style="list-style-type: none"> + Được xuất bản lần đầu trên tạp chí Đời sống. + Tác phẩm gây tiếng vang lớn và hai năm sau Hê-ming-uê được trao giải Nô-ben. + Tóm tắt tác phẩm (SGK).

<p>vị độc đáo hiếm thấy. Mục đích của nhà văn là "Viết một áng văn xuôi đơn giản và trung thực về con người".</p>	<p>nói rằng tác phẩm lẽ ra dài cả 1000 trang nhưng ông đã rút xuống chỉ còn bảy nhiều thời).</p> <p>3. Đoạn trích</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đoạn trích nằm ở cuối truyện. + Đoạn trích kể về việc chinh phục con cá kiếm của ông lão Xan-ti-a-gô. Qua đó người đọc cảm nhận được nhiều tầng ý nghĩa đặc biệt là vẻ đẹp của con người trong việc theo đuổi ước mơ giản dị nhưng rất to lớn của đời mình và ý nghĩa biểu tượng của hình tượng con cá kiếm.
<p>Thao tác 1: Tổ chức đọc- hiểu Sự lặp lại những vòng lượn của con cá kiếm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS đọc lướt nhanh và tóm tắt đoạn trích, sau đó nêu một số câu hỏi và hướng dẫn thảo luận. <p><i>Câu hỏi 1: Xan-ti-a-gô là một con người như thế nào? Nhận xét khái quát về hai hình tượng nổi bật trong đoạn trích: ông lão và con cá kiếm.</i></p> <p><i>Câu hỏi 2: Hình ảnh những vòng lượn của con cá kiếm được nhắc đi nhắc lại trong đoạn văn gợi lên những đặc điểm gì về cuộc đấu giữa ông lão và con cá (thời điểm, phong độ, tư thế,...)?</i></p> <p>HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nó có gắng thoát khỏi sự níu kéo bủa vây của người ngư phủ + Nó cũng dũng cảm kiên cường không kém gì đối thủ. 	<p>II. ĐỌC- HIỂU VĂN BẢN:</p> <p>1. Sự lặp lại những vòng lượn của con cá kiếm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Gợi lên hình ảnh một ngư phủ lạnh lùng kiên cường: <p>Chỉ bằng con mắt từng trải và cảm giác đau đớn nơi bàn tay, ông lão ước lượng được khoảng cách ngày càng gần tới đích qua vòng lượn từ rộng tới hẹp, từ xa tới gần của con cá.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vòng lượn cũng vẽ lên những cố gắng cuối cùng nhưng cũng rất mãnh liệt của con cá; - Vòng lượn cũng biểu hiện cảm nhận của ông lão về con cá, tập trung vào hai giác quan là thị giác và xúc giác <p>Nhưng chỉ là cảm nhận gián tiếp vì Xan-ti-a-gô chưa thể nhìn thấy con cá mà chỉ đoán biết nó qua vòng lượn.</p> <p>2. Con cá kiếm qua cảm nhận của ông lão:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cảm nhận ngày càng mãnh liệt hơn, đặc biệt là từ “vòng thứ ba, lần đầu tiên nhìn thấy con cá”. - Sự miêu tả đúng như sự việc xảy ra

**Thao tác 2: Tổ chức đọc- hiểu hình ảnh
Con cá kiếm qua cảm nhận của ông lão**

Câu hỏi 3: Cảm nhận về con cá kiếm tập trung vào những giác quan nào của ông lão? Chứng minh rằng những chi tiết này gợi lên sự tiếp nhận từ xa đến gần, từ bộ phận đến toàn thể.

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

+ Trước một con cá lớn như vậy, thoát tiên ông lão chỉ nhìn thấy từng bộ phận, chỉ tấn công được vào từng bộ phận trước khi nó xuất hiện toàn thể trước mặt ông.

+ “Một cái bóng đen vượt dài qua dưới con thuyền, đến mức lão không thể tin nổi độ dài của nó.”

+ “Cái đuôi lớn hơn cả chiếc lưỡi hái lớn, màu tím hồng dựng trên mặt đại dương xanh thẫm”

+ “Cánh vẩy trên lưng xếp lại, còn bộ vây to sụ bên sườn xòe rộng”

+ Ông lão “vận hết sức bình sinh ... phóng xuống sườn con cá ngay sau cái vây ngực đồ sộ”

+ Con cá “phóng vút lên khỏi mặt nước phô hết tầm vóc khổng lồ, vẻ đẹp và sức lực”

+ “nằm giữa phơi cái bụng ánh bạc của nó lên trời”

Câu hỏi 4: Hãy phát hiện thêm một lớp nghĩa mới: phải chăng ông lão chỉ cảm nhận đối tượng bằng giác quan của một người đi săn, một kẻ chỉ nhằm tiêu diệt đối thủ của mình? Hãy tìm những chi tiết chứng tỏ một cảm nhận khác lạ ở đây, từ đó nhận xét về mối liên hệ giữa ông lão và con cá kiếm.

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

+ Ông lão làm nghề câu cá, bắt được cá là

mục đích, là cuộc sống của ông. Nhưng ông yêu quý nó như “người anh em”, gọi

trong thực tế;

- Cảm nhận qua xúc giác vẫn có phần gián tiếp (qua sợi dây, qua mũi lao) nhưng vẫn rất mãnh liệt và ngày càng đau đớn.

3. Sự cảm nhận khác lạ của ông lão qua cuộc trò chuyện với con cá:

- Ông không chỉ cảm nhận con cá bằng thị giác và xúc giác, không chỉ bằng động tác mà còn bằng cả trái tim, sự cảm thông.

✉Bi kịch tinh thần của ông lão.

- Sự cảm nhận của ông lão về “*đối thủ*” không nhuộm màu thù hận, không chỉ có quan hệ giữa người đi câu và con cá câu được mà ngược lại:

✉Vẻ đẹp cao thượng trong tâm hồn ông lão.

nó là “*cu cậu*” rất than
mật.

+ Con cá là hiện thân của cái đẹp, nhưng
vì sự tồn tại của mình mà ông phải tiêu
diệt nó, hủy hoại cái thân yêu, quý trọng
nhất của đời mình.

**HS trả lời cá nhân với kết quả mong
đợi:**

+ Đó là sự chiêm ngưỡng, sự cả kích
trước vẻ đẹp và sự cao quý của con cá.

*“Tao chưa hề thấy bất kì ai hùng dũng,
duyên dáng, bình tĩnh, cao thượng hơn
mày, người anh em ạ.”*

+ Đó là quan hệ giữa hai kì phùng địch
thủ, ngang tài ngang sức, đều nỗ lực hết
mình.

+ Đó là quan hệ giữa con người và cái
đẹp, cái mơ ước.

*Câu hỏi 5: So sánh hình ảnh con cá kiếm
trước và sau khi ông lão chiếm được nó.
Điều này gợi cho anh (chị) suy nghĩ gì?
Vì sao có thể coi con cá kiếm như một
biểu tượng?*

**HS trả lời cá nhân với kết quả mong
đợi:**

+ Khi chưa bị chế ngự: Nó có vẻ đẹp kì
vĩ, kiêu
hùng

✉ Biểu tượng cho ước mơ, lí tưởng mà
mỗi người thường đeo đuổi trong
cuộc
đời.

+ Khi nó bị chế ngự: Nó mất đi vẻ đẹp
mơ hồ, lung linh, trở nên cụ thể, hiện
thực.

**HS trả lời cá nhân với kết quả mong
đợi:**

+ Lúc đầu, ông thu dây để kéo con cá
khỏi
quay
vòng

+ Vì quá cố gắng, ông thấy sức lực
suy kiệt nhanh chóng, cảm thấy “*hoa
mắt*,

*“mồ hôi xát muối vào mắt lão và xát
muối lên vết cắt phía trên mắt và trán”*

4. Những hình ảnh mang tính biểu tượng:

- Con cá kiếm trước và sau khi ông lão chiếm được nó:

☑Biểu tượng cho ước mơ trở thành hiện thực, không còn khó nắm bắt hoặc xa vời. Có như vậy, người ta mới luôn theo đuổi những ước mơ.

- Những hành động của ông lão:

☑Đó là sự kiên trì, ngoan cường, quyết tâm của ông lão. Đó là một biểu tượng đẹp về nghị lực của con người “*Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể đánh bại*”.

<p>+ Lão tự động viên bản thân: “<i>Kéo đi, tay ơi ... Hãy đứng vững, đôi chân kia. Tỉnh táo vì tao, đầu à.</i>”</p> <p>+ Ông tìm mọi cách di chuyển được con cá nhưng cuối cùng là lúc kiệt sức “<i>miệng lão khô khốc không thể nói nổi</i>”.</p>	
<p>Thao tác 5: Tổ chức tổng kết GV hướng dẫn HS nhận xét về nghệ thuật và ý nghĩa văn bản HS đọc lướt nhanh và tóm tắt đoạn trích, sau đó thảo luận. HS nhận xét về nghệ thuật và ý nghĩa văn bản</p>	<p>III/Tổng kết 1) Nghệ thuật - Lối kể chuyện độc đáo kết hợp nhuần nhuyễn giữa lời kể với văn miêu tả cảnh vật đối thoại và độc thoại nội tâm. - Ý nghĩa hàm ẩn của hình tượng và tính đa nghĩa của ngôn ngữ. 2) Ý nghĩa văn bản Cuộc hành trình đơn độc, nhọc nhằn của con người vì một khát vọng lớn lao là chứng minh cho chân lí: “Con người có thể bị hủy diệt nhưng không thể bị đánh bại”.</p>

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Đây là lời nhận xét về tác giả Hê-min-guê?</p> <p>a. Ông “không phải là người viết tiểu thuyết hay, song ông là tác giả của những truyện ngắn tuyệt vời”.</p> <p>b. “Con đại bàng mỏ vàng bất chợt vẫy leang đôi cánh mênh mang”.</p> <p>c. Ông là người sinh ra để làm nghệ sĩ của đồng quê, “làm công cụ của thiên nhiên”.</p> <p>d. Ông là nghệ sĩ của vũ trụ chứ không phải là nhà văn của những con người làm than.</p> <p>Câu hỏi 2: Đặc điểm của tác phẩm văn học được sáng tác theo nguyên lí “tảng băng trôi”</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[3]='a'</p> <p>[4]='a'</p> <p>[5]='c'</p> <p>[6]='a'</p> <p>[7]='a'</p>

là gì?

- a. Một tác phẩm ngắn gọn, hàm súc, “ý tại ngôn ngoại”.
- b. Một tác phẩm có lối viết cầu kì, bí hiểm.
- c. Một tác phẩm mô phỏng hiện thực đời sống như nó vốn có.
- d. Một tác phẩm kinh dị, chỉ có những người trong cuộc mới hiểu được.

Câu hỏi 3: Tác phẩm “Ông già và biển cả” ra đời năm nào?

- a. 1950.
- b. 1951.
- c. 1952.
- d. 1953.

Câu hỏi 4: Nét độc đáo của tác phẩm “Ông già và biển cả”?

- a. Nghệ thuật biểu tượng, ẩn dụ.
- b. Nghệ thuật xây dựng tính cách điển hình, trong hoàn cảnh điển hình.
- c. Cốt truyện rõ ràng, xung đột dữ dội.
- d. Xây dựng tính cách nhân vật không cần có hành động.

Câu hỏi 5: Nhân vật Xan-ti-a-gô (ông già) trong tác phẩm là biểu tượng về con người nào?

- a. Về con người cho tới phút cuối cùng vẫn đuổi theo một kì vọng và cố đạt lấy nó.
- b. Về con người có nhiều tham vọng trong cuộc sống.
- c. Về con người ảo tưởng về sức mạnh của chính mình.
- d. Về con người sống theo linh cảm, không biết lường trước khó khăn.

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: <i>Trình bày đặc sắc nghệ thuật đoạn trích Ông già và biển cả</i> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Trả lời: - Lối kể kết hợp với miêu tả rất giản dị, đặc biệt ngôn ngữ đối thoại kết hợp với độc thoại nội tâm nên Xan-ti-a-gô luôn đặt trong sự ứng chiếu với thiên nhiên, làm cho nhân vật không cô đơn giữa trời nước bao la mà có tầm vóc kì vĩ và khi đối thoại với chính mình (cụm từ lão nghĩ nhắc lại nhiều lần), nhân vật được nhân đôi sức mạnh (tinh thần và sức lực). - Cách hành văn có nhiều “khoảng trắng”, nhiều chi tiết và hình tượng đa nghĩa đã làm nổi rõ nguyên lí tảng băng trôi. Chẳng hạn, Xan-ti-a-gô nghĩ: Con cá là vận may của ta được hiểu là ông không còn mất vận rủi đeo đẳng, hết thời như dân làng nghĩ, vì đã tám mươi tư ngày qua ông đi biển về tay không. Ý

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Viết đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ về niềm tin vào con người trong cuộc sống hôm nay. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Đảm bảo về yêu cầu về kĩ năng và kiến thức;

TIẾT 84

Làm văn:

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI
TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

- các ngữ liệu là đoạn văn mở bài, kết bài tiêu biểu;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

RÈN LUYỆN KĨ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết được khái niệm, yêu cầu của việc mở bài, kết bài trong văn nghị luận;

b/ Thông hiểu: HS hiểu phương pháp làm mở bài, kết bài trong văn nghị luận; c/Vận dụng thấp: Viết hoàn chỉnh một đoạn văn mở bài, kết bài theo yêu cầu; d/Vận dụng cao:

- Vận dụng phương pháp mở bài, kết bài để làm bài văn nghị luận hoàn chỉnh;

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: mở bài, kết bài theo yêu cầu đề ra;

b/ Thông thạo: các bước làm mở bài, kết bài trong văn nghị luận; 3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: mở bài, kết bài trong văn nghị luận;

b/ Hình thành tính cách: tự ti , sáng tạo khi mở bài, kết bài trong văn nghị luận; c/Hình thành nhân cách:

-Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt khi làm bài nghị luận.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan liên quan đến viết mở bài, kết bài trong văn nghị luận;

- Năng lực đọc – hiểu các bài văn nghị luận để xác định phần mở bài, kết bài;

- Năng lực trình bày suy nghĩ của cá nhân về đoạn văn mở bài, kết bài;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các cách mở bài, kết bài đúng và trúng trong văn nghị luận;

- Năng lực phân tích, so sánh về các cách mở bài, kết bài
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: Giáo viên chọn 1 mở bài, 1 kết bài của HS trong bài viết số 5. Đọc cho lớp nghe. Đề nghị học sinh có nhận xét về cách mở bài, kết bài của các bạn. - HS thực hiện nhiệm vụ: Đưa ra nhận xét cá nhân - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài: Như vậy, chúng ta vừa thấy những ưu điểm, khuyết điểm trong mở bài, kết bài của các bạn khi làm văn nghị luận văn học. Hôm nay, để các em có cách mở bài, kết bài đúng theo yêu cầu, chúng ta cùng đi vào tìm hiểu bài học.</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>1/GV tổ chức cho HS tìm hiểu các cách mở bài cho đề bài: Phân tích giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong tác phẩm Vợ nhặt (Kim Lân)</p> <p>2/GV lần lượt cho HS phân tích các cách mở bài (SGK):</p> <p>a) Đoán định đề tài được triển khai trong văn bản.</p> <p>b) Phân tích tính tự nhiên, hấp dẫn của các mở bài.</p>	<p>I. Viết phần mở bài</p> <p>1. Tìm hiểu cách mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài được trình bày: giá trị nghệ thuật của tình huống truyện trong Vợ nhặt của Kim Lân. - Cách mở bài thứ 3: mở bài gián tiếp, dẫn dắt tự nhiên, tạo ra sự hấp dẫn, chú ý và phù hợp hơn cả với yêu cầu trình bày đề tài. <p>2. Phân tích cách mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoán định đề tài: <ul style="list-style-type: none"> + MB1: quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam + MB2: Nét đặc sắc của tư tưởng, nghệ thuật bài thơ Tống biệt hành của Thâm Tâm. + MB3: Những khám phá độc đáo, sâu sắc của Nam Cao về đề tài người nông dân trong tác phẩm Chí Phèo. <p>Cả 3 mở bài đều theo cách gián tiếp,</p>

<p>Từ hai bài tập trên, HS cho biết phần mở bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản?</p> <p>HS đọc kĩ các mở bài (SGK) phát biểu ý kiến.</p> <p>HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp</p>	<p>dẫn dắt tự nhiên, tạo được ấn tượng, hấp dẫn sự chú ý của người đọc hướng tới đề tài.</p> <p>3. Yêu cầu phần mở bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài - Hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên, gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.
<p>1. GV tổ chức cho HS tìm hiểu các kết bài (SGK) cho đề bài: Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tùy bút Người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân)</p> <p>2. GV lần lượt cho HS phân tích các kết bài (SGK)</p>	<p>II. Viết phần kết bài</p> <p>1. Tìm hiểu các kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đề tài: Suy nghĩ của anh (chị) về nhân vật ông lái đò trong tùy bút Người lái đò sông Đà (Nguyễn Tuân) - Cách kết bài 2 phù hợp hơn với yêu cầu trình bày đề tài: Đánh giá khái quát về ý nghĩa của hình tượng nhân vật ông lái đò, đồng thời gợi suy nghĩ, liên tưởng sâu sắc cho người đọc. <p>2. Phân tích các kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kết bài 1: Tuyên bố độc lập và khẳng định quyết tâm của toàn dân tộc Việt Nam đem tinh thần, lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững độc lập. - Kết bài 2: ấn tượng đẹp đẽ, không bao giờ phai nhòa về hình ảnh một phố huyện nghèo trong câu chuyện Hai đứa trẻ của Thạch Lam. - Cả hai kết bài đều tác động mạnh mẽ đến nhận thức và tình cảm của người đọc. <p>3. Yêu cầu của phần kết bài</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề.

- Gọi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.

<p>3. Từ hai bài tập trên anh (chị) hãy cho biết phần kết bài cần đáp ứng yêu cầu gì trong quá trình tạo lập văn bản? HS đọc kĩ các kết bài (SGK) phát biểu ý kiến</p> <p>HS làm việc cá nhân, phát biểu trước lớp</p>	
--	--

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: Câu 1: Ý nào chưa nói đúng về nguyên tắc của mở bài bài văn nghị luận? a/ Mở bài cần nêu đúng vấn đề đặt ra trong đề bài; b/ Nếu đề bài có nêu ra một ý kiến thì mở bài phải dẫn lại nguyên văn kiến ấy. c/ Ở phần mở bài cũng có thể giảng giải, minh hoạ hay nhận xét ý kiến nêu trong đề bài d/ Mở bài chỉ được nêu những ý khái quát Câu 2: Ý nào chưa nói đúng về nguyên tắc của kết bài bài văn nghị luận? a/ Phần kết bài phải thể hiện đúng quan điểm đã trình bày ở phần thân bài b/ Phần kết bài chỉ nêu những ý khái quát c/ Phần kết nên lặp lại nguyên văn lời lẽ của mở bài d/ Phần kết bài thiên về tổng kết, đánh giá vấn đề - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>1d,2c</p>

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

GV giao nhiệm vụ: Mở bài sau đây**Thuộc dạng so sánh****thuộc dạng nào?**

Chúng ta đã gặp không ít những số phận người phụ nữ bị thương trong các tác phẩm văn học Việt Nam, đó là một nàng Vũ Nương oan khuất, một nàng Kiều bị kịch, một Chị Dậu tủi hờn... Nhưng khi tiếp cận với dòng văn học cách mạng, vẫn những người phụ nữ ngày xưa ấy lại trỗi dậy mạnh mẽ đứng dậy làm chủ đời mình. Một trong những nhân vật văn học nữ tiêu biểu là Mỹ trong tác phẩm Vợ chồng A Phủ của Nhà văn Tô Hoài.

- HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Xây dựng đoạn văn mở bài, kết bài dạng bài nghị luận bàn về vấn đề trong tác phẩm văn xuôi hiện đại Việt Nam. Cụ thể: - Phân tích thủy trình Hương Giang trong bút kí <i>Ai đã đặt tên cho dòng sông?</i> (Hoàng Phủ Ngọc Tường). - Phân tích giá trị nhân đạo truyện Vợ nhặt (Kim Lân) -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Học sinh vận dụng kiến thức đã học để thực hiện theo yêu cầu.

TIẾT 85-86/TUẦN 29

Đọc văn:

HỒN TRƯỞNG BA, DA HÀNG THỊT
(Trích)

Ngày soạn:

**Lưu
Quang Vũ**

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Hồn Trương Ba, da hàng thịt

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, trích đoạn vở kịch do Nhà hát kịch Trung ương dàn dựng;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Hồn Trương Ba, da hàng thịt

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn phân tích nghĩa hàm ý của một số lời thoại hay trong vở kịch;

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của vở kịch.

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích kịch, về 1 ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học

3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản kịch hiện đại;

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản kịch hiện đại;

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa của kịch hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị sống mà vở kịch đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong kịch hiện đại Vcủa Lưu Quang Vũ.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến kịch hiện đại của Lưu Quang Vũ
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm kịch hiện đại Việt Nam.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về kịch văn học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị tư tưởng và nghệ thuật của đoạn trích vở kịch;

- Năng lực phân tích, so sánh quan niệm sống của 2 nhân vật Hồn Trương Ba và Đế Thích trong đoạn trích vở kịch;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học;
- Năng lực chuyên biệt: đọc kịch, sân khấu hoá.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<p>- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) +Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS:</p> <p>+ Nhìn hình đoán tác giả <i>Lưu Quang Vũ</i> + Lắp ghép tác phẩm với tác giả + Cho HS xem một đoạn video: <i>Xuân Quỳnh và Lưu Quang Vũ để lại</i></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: <i>Lưu Quang Vũ được biết đến với tư cách nhà thơ. Nhưng gây tiếng vang và được đặc biệt hâm mộ là với tư cách một nhà viết kịch tài ba. Những năm tám mươi, kịch của Lưu Quang Vũ đã chiếm lĩnh sân diễn của rất nhiều nhà hát, công chúng nào nức đến với ánh đèn sân khấu.</i></p> <p><i>Hiện tượng Lưu Quang Vũ là sự thăng hoa của tài năng nghệ sĩ cùng không khí sôi động của xã hội Việt Nam những năm 80 TKXX và tinh thần nhân văn, dân chủ trong đời sống văn học lúc bấy giờ. Hồn Trương Ba, da hàng thịt là một trong số rất nhiều những vở kịch nổi tiếng của nhà viết kịch tài ba này. Vở kịch mang ý nghĩa phê phán và tinh thần nhân văn sâu sắc. Trích đoạn SGK là cảnh tư tưởng của vở kịch và tài dựng cảnh, dựng đối thoại của ngòi bút Lưu Quang Vũ.</i></p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu tác giả, tác phẩm</p> <p>1. GV yêu cầu 1 HS đọc phần Tiểu dẫn (SGK) và nêu những ý chính về tác giả Lưu Quang Vũ</p> <p>GV nhận xét đồng thời mở rộng một số vấn đề.</p> <p>2. GV hướng dẫn HS nêu những ý chính về vở kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt và vị trí của đoạn trích học.</p> <p>1HS đọc phần Tiểu dẫn (SGK) và nêu những ý chính về tác giả Lưu Quang Vũ</p> <p>HS nêu những ý chính về vở kịch Hồn Trương Ba da hàng thịt và vị trí của đoạn trích học.</p> <p>+ <i>Truyện dân gian gây kịch tính sau khi Hồn Trương Ba nhập vào xác anh hàng thịt dẫn tới "vụ tranh chấp" chồng của hai bà vợ phải đưa ra xử, bà Trương Ba thắng kiện được đưa chồng về. Lưu Quang Vũ khai thác tình huống kịch bắt đầu ở chỗ kết thúc của tích truyện dân gian. Khi hồn Trương Ba được sống "hợp pháp" trong xác anh hàng thịt, mọi sự càng trở nên rắc rối, éo le để rồi cuối cùng đau khổ, tuyệt vọng khiến Hồn Trương Ba không chịu nổi phải cầu xin Đế Thích cho mình được chết hẳn.</i></p>	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>Lưu Quang Vũ (1948 – 1988) là một tài năng đa dạng nhưng kịch là phần đóng góp đặc sắc nhất. Ông được coi là một trong những hiện tượng đặc biệt của sân khấu, một trong những nhà soạn kịch tài năng nhất của văn học Việt Nam hiện đại.</p> <p>2. Vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt:</p> <p>+ Vở kịch được Lưu Quang Vũ viết vào năm 1981, được công diễn vào năm 1984.</p> <p>+ Từ một cốt truyện dân gian, tác giả đã xây dựng thành một vở kịch nói hiện đại, đặt ra nhiều vấn đề mới mẻ có ý nghĩa tư tưởng, triết lí và nhân văn sâu sắc.</p> <p>3. Đoạn trích là phần lớn cảnh VII. Đây cũng là đoạn kết của vở kịch, đúng vào lúc xung đột trung tâm của vở kịch lên đến đỉnh điểm. Sau mấy tháng sống trong tình trạng "bên trong một đằng, bên ngoài một nẻo", nhân vật Hồn Trương Ba ngày càng trở nên xa lạ với bạn bè, người thân trong gia đình và tự chán ghét chính mình, muốn thoát ra khỏi nghịch cảnh trở trêu.</p>
Thao tác 1: GV hướng dẫn HS	II/ ĐỌC HIỂU VĂN BẢN

đọc phân vai thể hiện tính cách, tâm trạng của mỗi nhân vật và xung đột kịch.

- GV tổ chức cho HS tìm hiểu, thảo luận phần đầu của đoạn trích theo một số câu hỏi:

+ *Cuộc đối thoại giữa hai nhân vật Hồn – Xác bắt đầu trong hoàn cảnh tình huống nào?*

+ *Thái độ và lí lẽ của Hồn Trương Ba như thế nào? Vì sao càng lúc Hồn càng tỏ ra yếu ớt trong việc phản bác lại Xác và cuối cùng, gần như chịu thua Xác?*

HS đại diện nhóm trả lời với kết quả mong đợi:

+ Xác đã đưa ra những bằng chứng mà hồn cũng phải thừa nhận:

o Cái đêm khi ông đứng cạnh vợ anh hàng thịt với "*tay chân run rẩy*", "*hơi thở nóng rực*", "*cổ nghẹn lại*"

o Đó là cảm giác "*xao xuyến*" trước những món ăn mà trước đây hồn cho là "*phàm*".

o Đó là cái lần ông tát thẳng con "*tóe máu mồm máu mũi*",...

+ Xác biết rõ những cố gắng của Trương Ba là vô ích nên đã cười nhạo cái lí lẽ mà hồn đưa ra để ngụy biện "*Ta vẫn có một đời sống riêng: nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn,...*".

+ Xác lên mặt dạy đời, chỉ trích, châm chọc: tuyên bố sức mạnh âm u, đui mù ghê gớm của mình.

1. Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác anh hàng thịt:

- Do sự vô tâm và tặc trách của Nam Tào, Trương Ba phải chết một cách vô lí, Nam Tào sửa sai bằng cách cho hồn Trương Ba sống nhờ thể xác anh hàng thịt.

- Linh hồn nhân hậu, trong sạch, bản tính thẳng thắn của Trương Ba dần dần bị xác thịt thô phàm anh hàng thịt sai khiến, bị nhiễm độc.

- Ý thức được điều đó, linh hồn Trương Ba dần vật, đau khổ: "*Không. Không! Tôi không muốn sống như thế này mãi!*"

- Hồn Trương Ba quyết định chống lại bằng cách tách khỏi xác để tồn tại độc lập, không còn bị lệ thuộc.

- Trong cuộc đối thoại với xác anh hàng thịt, Hồn Trương Ba ở vào thế đuối lí, bất lợi

+ Xác còn ve vãn hồn thoả hiệp vì: *“chẳng còn cách nào khác đâu”, “cả hai đã hoà nhau làm một rồi”*

+ Trước những *“lí lẽ đê tiện”* của xác:

o Ban đầu, hồn Trương Ba nổi giận, khinh bỉ, mắng xác thịt hèn hạ

o Sau đó, hồn ngậm ngùi thấm thía nghịch cảnh của mình nên chỉ nói những lời thoại ngắn với giọng nhát gừng kèm theo những tiếng than, tiếng kêu.

o Cuối cùng, hồn đành phải nhập trở lại vào xác trong sự tuyệt vọng.

+ *Thái độ và lí lẽ của Xác hàng thịt trong cuộc tranh biện với Hồn Trương Ba?*

+ *Chiến thắng tạm thời của Xác, thất bại tạm thời của Hồn có ý nghĩa ẩn dụ như thế nào?*

+ *Trong vai nhà viết kịch Lưu Quang Vũ, anh (chị) hãy phát biểu với người đọc ý tứ sâu xa tác giả kịch bản muốn gửi gắm qua màn đối thoại giữa hồn Trương Ba và xác hàng thịt?*

Thao tác 2: Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với những người thân

- Qua lớp kịch hồn Trương Ba và gia đình (vợ, con, cháu), anh (chị) nhận thấy nguyên nhân nào đã khiến cho người thân của Trương Ba và cả chính Trương Ba rơi vào bất ổn và phải chịu đau khổ? Trương Ba

-Ý nghĩa của đoạn đối thoại:

+ Trương Ba được trả lại cuộc sống nhưng lại là một cuộc sống đáng hổ thẹn vì phải sống chung với sự dung tục và bị sự dung tục đồng hoá.

+ Tác giả cảnh báo: khi con người phải sống trong dung tục thì tất yếu sẽ bị dung tục ngự trị, lấn át và sẽ tàn phá những gì trong sạch, đẹp đẽ, cao quý trong con người.

2. Cuộc đối thoại giữa hồn Trương Ba với những người thân:

- Vợ Trương Ba:

+ buồn bã, đau khổ vì: *“ông đâu còn là ông, đâu còn là ông Trương Ba làm vườn ngày xưa”*.

+ đòi bỏ đi, nhường Trương Ba cho vợ anh hàng thịt.

- Con dâu Trương Ba:

+ thấu hiểu cho hoàn cảnh trớ trêu của bố chồng: *Chị biết ông “khổ hơn xưa nhiều lắm”*.

+ Nhưng nỗi buồn đau trước tình cảnh gia đình khiến chị không thể chịu được: *“Thầy bảo con: Cái bên ngoài là không đáng kể, chỉ có cái bên trong, nhưng ... mỗi ngày thầy một đổi khác dần, mất mát dần...”*

- Cháu gái Trương Ba: phản ứng quyết liệt và dữ dội

+ Nó khước từ tình thân: *“tôi không phải là cháu ông... Ông nội tôi chết rồi”*.

+ Nó không thể chấp nhận con người đã làm

"gãy tiết cái chồi non",
"giẫm lên nát cả cây sâm
quý mới ươm" trong mảnh
vườn của ông nội nó.

có thái độ như thế nào trước những rắc rối đó?

HS trả lời cá nhân :

+ Nó hận vì ông đã làm gãy nát cái điều khiến cu Tị trong cơn sốt mê man cứ khóc, cứ tiếc, cứ bắt đền.

+ Với nó, "*Ông nội đời nào thô lỗ, phũ phàng như vậy*". Nó xua đuổi quyết liệt: "*Ông xấu lắm, ác lắm! Cút đi! Lão đồ tể, cút đi!*".

✉ Người chồng, người cha, người ông trong sạch, nhân hậu trước đây đã và đang thành một kẻ khác, với những thói hư tật xấu của một tên đồ tể thô lỗ, phàm tục.

- Tâm trạng, cảm xúc của Trương Ba:

+ Ông đau khổ, tuyệt vọng khi vì ông mà tất cả những người thân phải đau đớn, bàng hoàng, bế tắc, vì ông mà nhà cửa tan hoang.

+ Ông thần thờ, ôm đầu bế tắc, cầu cứu cháu gái, run rẩy trong nỗi đau, ...

+ Đặt những câu hỏi mang tính tự vấn: ...

+ Khẳng định dứt khoát: ...

✉ Trương Ba cũng nhận thấy những thay đổi của mình nên đấu tranh quyết liệt để giành lại

bản thân mình, dẫn tới hành động châm hương gọi Đế Thích.

- Căn cứ vào những lời thoại, em hãy hình dung và miêu tả lại tâm trạng, cảm xúc của Hồn Trương ba khi nhận được những câu trả lời từ phía người thân?

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

+ Ông đau khổ, tuyệt vọng khi vì ông mà tất cả những người thân phải đau đớn, bàng hoàng, bế tắc, vì ông mà nhà cửa tan hoang.

+ Ông thần thờ, ôm đầu bế

tắc, cầu cứu cháu gái, run rẩy trong trong nỗi đau, nhận thấy: *"Mày đã thắng thế rồi đây, cái thân xác không phải của ta a..."*

+ Đặt những câu hỏi mang tính tự vấn: *"Nhưng có thật là không còn cách nào khác? Có thật không còn cách nào khác?"*

+ Khăng định dứt khoát: *"Không cần đến cái đời sống do mày mang lại! Không cần!"*.

GV bình thêm:

– Cái quý nhất của con người là cuộc sống. Nhưng không phải bất cứ cách sống, kiểu sống nào. Sống mà đánh mất bản thân, sống giả dối với người và với mình, sống như hồn Trương Ba đang sống, thì thà chết còn hơn! nhưng cũng phải trải nghiệm vài tháng trong cảnh sống bị hài bị đát ấy, hồn Trương Ba mới thức nhận được điều này. Và ông quyết định gọi mời Đế Thích xuống trần để thực hiện quyết định của mình.

Thao tác 3: Cuộc đối thoại của Trương Ba với Đế Thích

- Em hãy lựa chọn và phân tích 3 lời thoại của nhân vật Trương Ba thể hiện rõ nhất sự giác ngộ từ khi gặp Đế Thích?

GV định hướng, gợi mở, bổ sung và chốt lại.

-Hãy chỉ ra sự khác nhau trong quan niệm của Trương Ba và Đế Thích về ý nghĩa sự sống.

3. Cuộc đối thoại của Trương Ba với Đế Thích

- Hồn TB không chấp nhận cảnh sống *bên trong một đấng, một ngoài một nẻo*. Ông muốn được sống theo đúng bản chất của mình: *"Tôi muốn được là tôi toàn vẹn"*.

- Đế Thích khuyên Hồn Trương Ba nên chấp nhận. Hồn Trương Ba kiên quyết chối từ và kêu gọi Đế Thích sửa sai bằng việc làm cho cu Tị sống lại.

- Cuộc trò chuyện giữa Hồn Trương Ba với Đế Thích trở thành nơi tác giả gửi gắm những quan niệm về hạnh phúc, về lẽ sống và cái chết. Hai lời thoại của Hồn trong cảnh này có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng:

+ *Không thể bên trong một đấng, bên ngoài một nẻo được. Tôi muốn được là tôi toàn vẹn...*

+*Sống nhờ vào đồ đạc, của cải người khác đã là chuyện không nên, đấng này đến cái thân tôi cũng phải sống nhờ anh hàng thịt. Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!*

Người đọc, người xem có thể nhận ra những ý nghĩa triết lí sâu sắc và thấm thía qua hai lời thoại này.

+Thứ nhất, con người là một thể thống nhất, hồn và xác phải hài hòa. Không thể có một tâm hồn thanh cao trong một thân xác phàm tục, tội lỗi. Khi con người bị chi phối bởi những nhu cầu bản năng của thân xác thì đừng chỉ đổ tội cho thân xác, không thể tự an ủi, vỗ về mình bằng vẻ đẹp siêu hình của tâm hồn.

+Thứ hai, sống thực sự cho ra con người quả không hề dễ dàng, đơn giản. Khi sống nhờ, sống gửi, sống chấp vá, khi không được là mình thì cuộc sống ấy thật vô nghĩa. Những lời thoại của Hồn Trương Ba với Đế Thích chứng tỏ nhân vật đã ý

thức rõ về tình cảnh trớ trêu,
đầy tính chất bi hài của
mình, thâm thía nỗi đau khổ
về tình trạng ngày

Theo anh (chị), Trương Ba trách Đế Thích, người đem lại cho mình sự sống (*Ông chỉ nghĩ đơn giản là cho tôi sống, nhưng sống như thế nào thì ông chẳng cần biết!*) có đúng không? Vì sao? Màn đối thoại giữa Trương Ba và Đế Thích toát lên ý nghĩa gì?

- Khi Trương Ba kiên quyết đòi trả xác cho hàng thịt, Đế Thích định cho hồn Trương Ba nhập vào cu Tị, Trương Ba đã từ chối. Vì sao?

- Chỉ với 3 lời thoại, hồn Trương Ba đã trở lại là mình *nguyên vẹn, trong sạch, thẳng thắn* để rồi dẫn đường cho những quyết định đau đớn, nghiệt ngã nhưng sáng suốt và tất yếu. Quyết định đó là gì? Trước khi đi đến quyết định này, tác giả đã đặt nhân vật của mình trước những lựa chọn nào? Nếu là Trương Ba, em có làm như vậy không?

càng vênh lệch giữa hồn và xác, đồng thời càng chứng tỏ quyết tâm giải thoát nung nấu của nhân vật trước lúc Đế Thích xuất hiện.

+ Quyết định dứt khoát xin tiên Đế Thích cho cu Tị được sống lại, cho mình được chết hẳn chứ không nhập hồn vào thân thể ai nữa của nhân vật Hồn Trương Ba là kết quả của một quá trình diễn biến hợp lí. Hơn nữa, quyết định này cần phải đưa ra kịp thời vì cu Tị vừa mới chết. Hồn Trương Ba thử hình dung cảnh hồn của mình lại nhập vào xác cu Tị để sống và thấy rõ "bao nhiêu sự rắc rối" vô lí lại tiếp tục xảy ra. Nhận thức tỉnh táo ấy cùng tình thương mẹ con cu Tị càng khiến Hồn Trương Ba đi đến quyết định dứt khoát. Qua quyết định này, chúng ta càng thấy Trương Ba là con người nhân hậu, sáng suốt, giàu lòng tự trọng. Đặc biệt, đó là con người ý thức được ý nghĩa của cuộc sống.

Qua màn đối thoại, ta thấy vẻ đẹp tâm hồn của con người trong cuộc đấu tranh chống lại sự dung tục, giả tạo, bảo vệ quyền được sống toàn vẹn, tự nhiên. Đó chính là chất thơ trong kịch của Lưu Quang Vũ

4. Đoạn kết

- Lời cuối cùng của Trương Ba: "*Tôi vẫn ở đây*". Cái chết không phải là sự ra đi vĩnh viễn. Con người sẽ bắt đầu với những điều tốt đẹp họ đóng góp cho cuộc đời, sẽ sống mãi trong tâm hồn những người thân yêu. ***Không phải mượn thân ai cả, tôi***

vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta, trong những điều tốt lành của cuộc đời

-Hành động của cái Gái vui những hạt na xuống đất: Cái chết là điều tự nhiên, cuộc sống vẫn tiếp tục với những thế hệ thay nhau mà lớn khôn.

-**Kết thúc vở kịch**, Hồn Trương Ba chấp nhận cái chết, một cái chết làm sáng bừng lên nhân cách đẹp đẽ của Trương Ba, thể hiện sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp và sự sống đích thực

- *Màn kết với chất thơ sâu lắng đã đem lại âm hưởng thanh thoát cho một bi kịch lạc quan và truyền đi thông điệp về sự chiến thắng của sự sống đích thực, của chân, thiện, mỹ.*

<p>Thao tác 4: Tìm hiểu đoạn kết GV hướng dẫn HS tìm hiểu ý nghĩa đoạn kết của vở kịch.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nghiên cứu kĩ các lời thoại và phát biểu ý kiến cá nhân đồng thời tranh luận nếu thấy cần thiết. <p>HS chỉ ra hàm ý cuộc đối thoại</p> <p>HS tái hiện tác phẩm để trả lời, có thể chưa đồng tình với lựa chọn của Trương Ba.</p> <p>HS tìm hiểu ý nghĩa đoạn kết của vở kịch.</p> <p>HS tự tổng kết.</p>	
<p>Thao tác 5: Tổ chức tổng kết - GV định hướng cho HS tự tổng kết.</p> <p><i>Câu hỏi: Cảm nhận khái quát của anh chị sau khi đọc- hiểu đoạn trích</i></p> <p>HS tìm hiểu, thảo luận phân đầu của đoạn trích theo một số câu hỏi</p>	<p>III/Tổng kết</p> <p>1) Nghệ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng tạo cốt truyện dân gian - Nghệ thuật dựng cảnh, dựng đối thoại, độc thoại nội tâm. - Hành động của nhân vật phù hợp với hoàn cảnh, tính cách, góp phần phát triển tình huống,... <p>2) Ý nghĩa văn bản Một trong những điều quý giá nhất của mỗi</p>

	con người là được sống là mình, sống trọn vẹn với những giá trị mình có và theo đuổi. Sự sống chỉ thật sự có ý nghĩa khi con người được sống trong sự hài hòa tự nhiên giữa thể xác và tâm hồn.
--	---

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p><u>Câu hỏi 1:</u> 1.Thông tin nào sau đây về Lưu Quang Vũ là chưa chính xác?</p> <p>a. Quê gốc ở Phú Thọ nhưng được sinh ra và tuổi thơ gắn bó với mảnh đất Quảng Nam chưa mưa đã nắng.</p> <p>b. Từng tham gia quân đội thời kì kháng chiến chống Mĩ.</p> <p>c. Bắt đầu sáng tác văn chương từ giữa những năm 60 của thế kỉ XX.</p> <p>d. Đã được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về văn học Nghệ thuật năm 2000</p> <p><u>Câu hỏi 2:</u> Trước khi đến với kịch, Lưu Quang Vũ chủ yếu sáng tác văn học ở thể loại nào?</p> <p>a. Truyện ngắn</p> <p>b. Bút kí.</p> <p>c. Tiểu thuyết</p> <p>d. Thơ</p> <p><u>Câu hỏi 3:</u> Dựa vào nguyên mẫu hay cốt truyện nào để Lưu Quang Vũ sáng tác”H Trương Ba da hàng thịt”?</p> <p>a. Tác giả sáng tác hoàn toàn dựa vào sự hư cấu tưởng tượng.</p> <p>b. Sáng tác dựa vào một câu truyện dân gian.</p> <p>c. Được sáng tác dựa trên một nguyên mẫu nhân vật lịch sử.</p> <p>d. Sáng tác dựa vào một cốt truyện của</p>	<p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='a'</p> <p>[2]='d'</p> <p>[3]='d'</p> <p>[4]='c'</p> <p>[5]='a'</p>

một tác phẩm văn học viết nước ngoài.

Câu hỏi 4: Trong vở kịch “Hồn Trương Ba da hàng thịt” nhân vật chính là cái xác được hồn nhập vào vốn là người làm nghề gì?

- a. Làm vườn
- b. Buôn bán
- c. Đồ tể
- d. Thợ mộc

Câu hỏi 5: Đoạn trích Hồn Trương Ba, da hàng thịt (Lưu Quang Vũ) thuộc phần nào của vở kịch?

- a. Cao trào
- b. Thất nút
- c. Phát triển
- d. Mở nút

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>“Vợ Trương Ba: Ông ở đâu? Ông ở đâu?</p> <p>(Giữa màu xanh cây vườn, Trương Ba chấp chờn xuất hiện.)</p> <p>Trương Ba: Tôi đây bà ạ. Tôi vẫn ở liên ngay bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, câu ao bà vò gạo, trong cái coi bà đựng trầu, con dao bà giã cỏ...Không</p>	<p>Câu 1: Những ý chính của văn bản: Trương Ba lựa chọn cái chết thật. Hồn Trương Ba nhập vào màu xanh cây vườn, trong những điều tốt lành của cuộc đời</p> <p>...</p> <p>Câu 2 : Sự xuất hiện của nhân vật Trương Ba được thể hiện qua 03 hình thức :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua lời văn: chấp chờn xuất hiện . <p>Trương Ba chỉ còn là cái bóng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Qua lời Trương Ba: “Tôi vẫn ở liên ngay <p>bên bà đây, ngay trên bậc cửa nhà ta, trong ánh lửa bà nấu cơm, câu ao bà vò gạo, trong cái coi bà đựng trầu, con dao bà giã cỏ... Không phải mượn thân ai cả, tôi vẫn ở đây, trong vườn cây nhà ta.</p>

Gái nâng niu...

(Dưới một gốc cây, hiện lên cu Tị và cái Gái)

Cái Gái: *(tay cầm một trái na) Cây na này ông nội tớ trông đấy! Quả to mà ngon lắm! Ta ăn chung nhé!*

(Bẻ quả na đưa cho cu Tị một nửa. Đôi trẻ ăn ngon lành. Cái Gái lấy những hạt na vùi xuống đất.)

Cu Tị: *Cậu làm gì thế?*

Cái Gái: *Cho nó mọc thành cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi..."*

(Tuyển tập kịch Lưu Quang Vũ, NXB Sân Khấu, Hà Nội, 1994)

Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi sau :

1. Nêu những ý chính của văn bản?

2. Sự xuất hiện của nhân vật Trương Ba được thể hiện qua những hình thức nào ?

3. Xác định các dạng phép điệp trong văn bản và nêu hiệu quả nghệ thuật của các dạng đó ?

4. Việc dùng các từ ngữ: *màu xanh, những điều tốt lành của cuộc đời, nâng niu, nối nhau mà lớn khôn, Mãi mãi* có hiệu quả diễn đạt như thế nào ?

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

xuống đất: “Cho nó mọc thành những cây mới. Ông nội tớ bảo vậy. Những cây sẽ nối nhau mà lớn khôn. Mãi mãi”.

3. Các dạng phép điệp trong văn bản : điệp từ (tôi, bà, đây, trong...), điệp cấu trúc câu (Ông ở đâu ? trong...bà..., trong vườn...trong những điều...trong mỗi trái cây...).

Hiệu quả nghệ thuật: nhấn mạnh và khẳng định : Cái chết không phải là sự ra đi vĩnh viễn. Trương Ba đang sống một cuộc sống khác: sự sống bất diệt trong trái tim những người thân. Con người sẽ bắt đầu với những điều tốt đẹp họ đóng góp cho cuộc đời, sẽ sống mãi trong tâm hồn những người thân yêu.

4. Việc dùng các từ ngữ: *màu xanh, những điều tốt lành của cuộc đời, nâng niu, nối nhau mà lớn khôn, Mãi mãi* có hiệu quả diễn đạt : tạo chất thơ sâu lắng đã đem lại âm hưởng thanh thoát cho một bi kịch lạc quan và truyền đi thông điệp về sự chiến thắng của sự sống đích thực, của chân , thiện ,mỹ.

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Đóng phân vai một đoạn trong vở kịch -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Tổ chức tập luyện và sân khấu hoá một phần vở kịch.

TIẾT 87

Làm văn:

DIỄN ĐẠT TRONG VĂN NGHỊ LUẬN

Ngày soạn:

Ngày thực

hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Diễn đạt trong văn nghị luận

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Diễn đạt trong văn nghị luận

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết được cách thức lập luận trong văn nghị luận;

b/ Thông hiểu: HS hiểu cách lập luận trong văn nghị luận để làm bài tập lĩnh hội và tập lập văn bản;

c/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn (200 từ) đảm bảo diễn đạt trôi chảy;

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về diễn đạt trong văn nghị luận để hoàn thành bài làm văn trọn vẹn

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về xã hội, văn học;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận

3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: diễn đạt trôi chảy;

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi hành văn

c/ Hình thành nhân cách:

- Có ý thức tìm tòi cách diễn đạt hay

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến diễn đạt trong văn nghị luận (dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, phong cách ngôn ngữ)

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản nghị luận xã hội và nghị luận văn học;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về phương pháp diễn đạt trong văn nghị luận;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<p>- GV giao nhiệm vụ:</p> <p><i>Kẻ thù lớn nhất của tất cả chúng ta là sự lười biếng. Nếu chúng ta không lười biếng thì mọi cái mà chúng ta không thấy đều là các cơ hội, bởi vì càng khó khăn cơ hội càng lớn. Tôi có một lý thuyết cho cá nhân tôi. Gọi là lý thuyết bên bờ vực. Tôi không bao giờ làm việc gì rề và không làm việc gì mà người khác có thể ngay lập tức làm giống tôi được. Tôi gọi là lý thuyết bên bờ vực bởi vì kẻ định cạnh tranh với mình không dám theo gia mép vực để cạnh tranh và kẻ thù cũng không dám theo mình ra mép vực. Tôi nghĩ rằng không lười biếng và phải dũng cảm, hai cái đấy tạo ra cơ hội. Các bạn đừng sợ. Khó khăn là thuốc kích thích để mỗi con người dũng cảm, sáng suốt và sống có lý tưởng. Mọi khó khăn là điểm báo tạo cơ hội.</i></p> <p>(Ông Nguyễn Trần Bạt đối thoại với sinh viên Học viện Ngoại giao, nguồn chungta.com)</p> <p>Trong đoạn trích trên, có một số lỗi sai về chính tả và một lỗi ngữ pháp câu. Hãy chỉ ra lỗi và sửa lại cho đúng .</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chỉ ra lỗi sai:<ul style="list-style-type: none">+ Lỗi sai về chính tả: <i>chông, rề, gia</i>+ Lỗi sai về ngữ pháp: <i>Gọi là lý thuyết bên bờ vực.</i>- Sửa lại cho đúng:<ul style="list-style-type: none">+ Chính tả: <i>trông, dẽ, ra</i>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

+ Ngữ pháp: thêm dấu phẩy đằng trước, coi câu này chỉ là một bộ phận của câu. Câu hoàn chỉnh sẽ là: *Tôi có một lý thuyết cho cả nhân tôi, gọi là lý thuyết bên bờ vực.*

Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: *Trong quá trình làm văn nghị luận, các em thường hay mắc lỗi về diễn đạt. Những lỗi đó là gì? Bài học hôm nay chúng ta sẽ chỉ ra lỗi và cách sửa sai.*

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Bước 1: GV cho HS tìm hiểu ví dụ (1) (2) trong SGK và làm rõ các nội dung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cùng trình bày một nội dung cơ bản giống nhau nhưng cách dùng từ ngữ của hai đoạn khác nhau như thế nào? Hãy chỉ rõ ưu điểm và nhược điểm trong cách dùng từ của mỗi đoạn. - Cho HS chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp. Yêu cầu HS sửa lại những từ ngữ này. <p>Bước 2: GV tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 2 và trả lời các câu hỏi trong SGK.</p> <p>HS trả lời:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhược điểm lớn nhất của đoạn văn (1) là dùng từ thiếu chính xác, không phù hợp với đối tượng được nói tới. Đó là những từ ngữ: nhàn rồi, chẳng thích làm thơ, vẻ đẹp lung linh. - ở đoạn văn (2) cũng còn mắc một số lỗi về dùng từ. Tuy nhiên, ở đoạn văn này đã biết cách trích lại các từ ngữ được dùng để nó chính xác cái thần trong con người Bác và thơ Bác của các nhà nghiên cứu, các nhà thơ khác làm cho văn có hình ảnh sinh động, giàu tính thuyết phục. 	<p>I. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đây là hai đoạn văn nghị luận cùng viết về một chủ đề, cùng viết về một nội dung. Tuy nhiên mỗi đoạn lại có cách dùng từ ngữ khác nhau. - Các từ ngữ: linh hồn Huy Cận; nổi hắt hiu trong cõi trời; hơi gió nhớ thương; một tiếng địch buồn; sáo Thiên Thai; điệu ái tình; lời li tao...được sử dụng đều thuộc lĩnh vực tinh thần, mang nét nghĩ chung: u sầu, lặng lẽ rất phù hợp với tâm trạng Huy Cận trong tập Lửa thiêng. - Các từ ngữ giàu tính gợi cảm (điều hiu, ngậm ngùi dài, than van.

<p>Bước 4: GV hướng dẫn HS tổng hợp lại vấn đề đi đến kết luận yêu cầu sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận.</p> <p>- HS tổng hợp lại vấn đề theo yêu cầu của giáo viên.</p>	<p>chức năng nêu bật sự đồng điệu giữa người viết (Xuân Diệu) với nhà thơ Huy Cận.</p> <p>- Bài tập yêu cầu sửa chữa lỗi dùng từ trong đoạn văn:</p> <p>+ Các từ ngữ sáo rỗng, không phù hợp với đối tượng: Kịch tác gia vĩ đại, kiệt tác,...</p> <p>+ Dùng từ không phù hợp với phong cách văn bản chính luận: viết như nói, quá nhiều từ ngữ thuộc phong cách ngôn ngữ sinh hoạt: người ta ai mà chẳng, chẳng là gì cả, phát bệnh.</p> <p>II. Cách sử dụng và kết hợp các kiểu câu trong văn nghị luận:</p> <p>Kết cấu phần này cũng tương tự như phần một: ba bài tập tự luận và một câu hỏi tổng hợp. Do đó cách tiến hành cũng tương tự như ở phần trên.</p>
<p>- Thao tác 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu ví dụ (1) trong SGK .</p> <p>+ GV: Cùng trình bày một nội dung cơ bản giống nhau nhưng cách dùng từ ngữ của hai đoạn khác nhau như thế nào?</p> <p>+ GV: Hãy chỉ rõ ưu điểm và nhược điểm trong cách dùng từ của mỗi đoạn?</p> <p>- Cho HS chỉ ra những từ ngữ dùng không phù hợp. Yêu cầu HS sửa lại những từ ngữ này.</p> <p>- Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu ví dụ (2) trong SGK .</p> <p>+ GV tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 2 và trả lời các câu hỏi trong SGK.</p> <p>+ HS: Lần lượt trả lời các câu hỏi.</p> <p>- Thao tác 3: Hướng dẫn HS tìm hiểu ví dụ (3) trong SGK .</p> <p>+ GV tiếp tục cho HS phân tích ví dụ ở bài tập 3 và trả lời các câu hỏi trong SGK.</p> <p>+ HS: Lần lượt trả lời các câu hỏi.</p> <p>+ Đoạn văn của chủ tịch Hồ Chí Minh</p>	<p>III. Xác định giọng điệu phù hợp trong văn nghị luận.</p> <p>1. Cách sử dụng từ ngữ trong văn nghị luận</p> <p>- Đối tượng bình luận và nội dung cụ thể của hai đoạn văn khác nhau.</p>

<p>thể hiện thái độ căm thù trước tội ác của thực dân Pháp. Thái độ này được thể hiện qua cách xưng hô, sử dụng các câu ngắn, có kết cấu cú pháp tương tự như nhau.</p> <p>+ Đoạn văn của Nguyễn Minh Vĩ được diễn đạt theo kiểu nêu phản đề: nêu ý kiến đối lập rồi ngay lập tức bác bỏ và nêu ý kiến của mình. Cách hành văn như vậy tạo không khí đối thoại, trao đổi đồng thời cũng khẳng định sự trả lời dứt khoát của tác giả. Cách xưng hô ở đây cũng khác. Đó là cách xưng hô thân mật (anh).</p> <p>HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đoạn trích (1) sử dụng câu khẳng định dứt khoát, câu hô hào, thúc giục; kết hợp nhiều kiểu câu, sử dụng kết hợp câu ngắn, câu dài một cách hợp lí. Giọng văn thể hiện sự hô hào, thúc giục đầy nhiệt huyết. - Đoạn trích (2) sử dụng nhiều từ ngữ gợi cảm xúc, nhiều thành phần đồng chức năng, thành phần biệt lập, tạo giọng văn giàu cảm xúc. <p>GV hỏi: Như vậy, yêu cầu giọng điệu trong bài văn nghị luận phải đảm bảo yêu cầu gì?</p>	<p>- Sự khác biệt giọng điệu đầu tiên là do đối tượng bình luận, quan hệ giữa người viết với nội dung bình luận khác nhau. Sau đó, về phương diện ngôn ngữ, cách dùng từ ngữ, cách sử dụng kết hợp các kiểu câu... cũng tạo nên sự khác nhau đó.</p> <p>Giọng điệu cơ bản của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc nhưng ở các phần trong bài văn có thể thay đổi sao cho phù hợp với nội dung cụ thể.</p>
--	--

3. LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu 1/ Dòng nào dưới đây nêu không đúng yêu cầu của việc sử dụng từ ngữ trong khi viết bài nghị luận văn học?</p> <p>a/ Lựa chọn từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề cần nghị luận;</p> <p>b/ Tránh dùng những từ lặc phong cách hoặc</p>	<p>1c,2d</p>

<p>những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì; c/Có thể sáng tạo thêm một số cách diễn đạt các từ ngữ để làm cho bài văn thêm hấp dẫn; d/Kết hợp sử dụng các phép tu từ từ vựng và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc.</p> <p>Câu 2/ Đề tạo giọng điệu cho bài văn nghị luận, người viết cần linh hoạt sử dụng yếu tố hình thức nào?</p> <p>a/Ngôn ngữ có tính biểu cảm b/Ngôn ngữ phải chính xác c/Đa dạng về ngôn ngữ d/Đa dạng về kiểu câu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	
--	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: Nhận xét về cách diễn đạt trong văn bản sau:</p> <p><i>Tôi mê ca dao từ những ngày còn nhỏ. Trước khi biết Xuân Diệu nói “Ca dao là máu của Tổ quốc”, trước khi nghe Tế Hanh nói “Tôi lớn lên bằng ca dao và sữa mẹ”, tôi đã sống sờ sờ trước những lời ru của má tôi. Mỗi lần ru con, bà cầm hai tào nôi, hoặc một tay chụm cả bốn tào nôi vừa đưa vừa hát. Lạ thay, má tôi làm lụng suốt ngày đầu tắt mặt tối mà khi chạm vào tào nôi của con thì ca dao tuôn ra như suối, bài nọ nối bài kia tưởng chừng như vô tận. Tràn ngập trong âm thanh du dương huyền hoặc là cả một thế giới lạ lùng, thế giới của mồ hôi nước mắt, thế giới của tình thương, của tình yêu, của cái thiện, của sự huyền ảo mộng mơ...</i></p>	<p>- Đây là đoạn văn nghị luận văn học, bàn về vẻ đẹp của ca dao; - Người viết có cách diễn đạt chuẩn xác và truyền cảm trong cách dùng từ, đặt câu, dựng đoạn, đa dạng về giọng điệu (từ ngữ gợi hình ảnh, cảm xúc qua biện pháp tu từ so sánh, liệt kê...)</p>

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Suru tầm những đoạn văn nghị luận xã hội, nghị luận văn học có cách diễn đạt hay để tham khảo, học tập + Viết đoạn văn 200 từ về cảm nhận một vài nhân vật đã học phần truyện ở HK2. Vận dụng cách diễn đạt cho phù hợp. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Suru tầm qua sách tham khảo + Tự chọn nhân vật để viết đoạn văn cảm nhận. Chú ý cách diễn đạt cho phù hợp.

TIẾT 88-89

Đọc văn:

NHÌN VỀ VỐN VĂN HÓA DÂN TỘC (Trích *Đến hiện đại từ truyền thống*)

Ngày soạn:

Ngày thực

hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Nhìn về vốn văn hóa dân tộc

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà tư tưởng Trần Đình Hượu, hình ảnh liên quan bản sắc văn hoá dân tộc;

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Nhìn về vốn văn hóa dân tộc

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn(khoảng 200 từ) bày tỏ suy nghĩ về một vẻ đẹp truyền thống văn hoá dân tộc;

d/Vận dụng cao:

- Nhận thức của bản thân về bản sắc văn hoá dân tộc.

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một tư tưởng đạo lí;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận xã hội;

3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản nghị luận;

b/ Hình thành tính cách: tự tin, tự hào dân tộc khi bàn về văn hoá dân

tộc; c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa tư tưởng văn hoá dân tộc ;

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà bài nghị luận đem lại;

-Có ý thức tìm tòi về tư tưởng và nghệ thuật thể hiện qua bài viết của nhà nghiên cứu.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn nghị luận hiện đại Việt Nam;

- Năng lực đọc – hiểu văn nghị luận hiện đại Việt Nam;

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về văn nghị luận hiện đại Việt Nam;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của văn hoá dân tộc;
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của văn nghị luận hiện đại Việt Nam;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: + Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT) + Chuẩn bị bảng lắp ghép * HS: + Nhìn hình đoán các biểu hiện văn hoá Việt Nam trên các mặt như tôn giáo, văn học, mỹ thuật, kiến trúc, âm nhạc... + Đọc, ngâm thơ liên quan đến văn hoá dân tộc... - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, văn hoá là một trong những lĩnh vực được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm. Chủ trương của Đảng ta là xây dựng một nền văn hoá tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Ngay từ những năm 80, các nhà tư tưởng, văn hoá, các nhà khoa học đã cho ra đời nhiều công trình nghiên cứu văn hoá mang tính định hướng theo đường lối của Đảng. Công trình “Đến hiện đại từ truyền thống” của PGS Trần Đình Hượu là một trong những công trình nghiên cứu văn hoá có ý nghĩa lớn, đóng góp một phần quan trọng vào tiến trình đổi mới đất nước. “Về một số mặt của vốn văn hoá truyền thống” là phần quan trọng của công trình đó.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(15 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu tác giả, tác phẩm</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu 1 HS đọc Tiểu dẫn và tóm tắt những ý chính. - GV nhận xét và dùng phương pháp thuyết trình để giới thiệu thêm về 	<p>I. Tìm hiểu chung</p> <p>1. Tác giả</p> <p>Trần Đình Hượu (1927- 1995) là một chuyên gia về các vấn đề văn hóa, tư tưởng Việt Nam. Ông đã có nhiều công trình nghiên cứu về văn hóa, tư tưởng có giá trị: Đến hiện đại từ truyền thống</p>

<p>HS đọc Tiểu dẫn và tóm tắt những ý chính.</p>	<p>trung cận đại (1995), Các bài giảng về tư tưởng phương Đông (2001),...</p> <p>2. Tác phẩm</p> <p>a. Xuất xứ: trích từ phần II tiểu luận <i>Về vấn đề tìm đặc sắc văn hóa dân tộc</i> (in trong cuốn <i>Đến hiện đại từ truyền thống</i>).</p> <p>b. Nội dung: trình bày những khám phá về văn hóa dân tộc để xác định con đường xây dựng nền văn hóa dân tộc VN hiện đại từ “văn hóa dân tộc” dùng như tên cuốn sách: <i>Đến hiện đại từ truyền thống</i>.</p>
<p>Thao tác 1: Tổ chức tìm hiểu khái quát chung về đoạn trích</p> <p>GV hướng dẫn HS đọc và nêu cảm nhận chung về đoạn trích (GV gợi ý: tác giả tỏ thái độ ca ngợi, chê bai hay phân tích khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam?).</p> <p>GV bổ sung: <i>Theo Từ điển tiếng Việt, văn hóa là "tổng thể nói chung những giá trị vật chất và tinh thần do con người sáng tạo ra trong quá trình lịch sử". Văn hóa không có sẵn trong tự nhiên mà bao gồm tất cả những gì con người sáng tạo (văn hóa lúa nước, văn hóa công chiêng,...)</i></p> <p>- HS đọc kĩ phần đầu bài viết và tìm hiểu theo gợi ý của GV.</p> <p>Văn hoá Việt Nam về phạm vi: không đồ sộ (vừa phải), không có cống hiến lớn lao cho văn hoá nhân loại, không có đặc sắc nổi bật.</p> <p>– Đây là luận điểm khá mới mẻ, khách quan, mạnh bạo khác với nhiều ý kiến phổ biến ca ngợi một chiều văn hoá Việt Nam, chỉ thấy ưu điểm, tốt đẹp.</p> <p>GV: Hãy tìm dẫn chứng để chứng tỏ <i>nền văn hóa VN không đồ sộ, không có những</i></p>	<p>II. Đọc- hiểu văn bản.</p> <p>1/<i>Giới thuyết về khái niệm “văn hóa dân tộc”</i>: là cái ổn định dần, tồn tại cho đến thời cận – hiện đại”.</p> <p>-Trong bài, người viết đã thoát khỏi thái độ hoặc ngợi ca, hoặc chê bai đơn giản thường thấy khi tiếp cận vấn đề.</p> <p>-Tinh thần chung của bài viết là tiến hành một sự phân tích, đánh giá khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam.</p> <p>-Tác giả đã sử dụng giọng văn điềm tĩnh, khách quan để trình bày các luận điểm của mình. Người đọc chỉ có thể nhận ra được nguồn cảm hứng thật sự của tác giả nếu hiểu cái đích xa mà ông hướng đến: góp phần xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nước thoát khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, kém phát triển hiện thời.</p> <p>2/<i>Quy mô và ảnh hưởng của văn hóa dân tộc</i>.</p> <p>- Khẳng định nền văn hóa VN không đồ sộ, không có những đặc sắc nổi bật và những cống hiến lớn lao cho nhân loại (chứng minh bằng cách đối sánh một số lĩnh vực văn hóa của nước ta với những dân tộc khác).</p> <p>- Nguyên nhân: do sự hạn chế của trình độ sản xuất, của đời sống xã hội.</p>

đặc sắc nổi bật và những cống hiến lớn lao cho nhân loại. Tác giả đưa ra những nguyên nhân nào? Cách lí giải đó có sức thuyết phục không? Vì sao?

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

Nhiều dẫn chứng thực tế hết sức thuyết phục:

- +Thần thoại nghèo nàn;
- + Tôn giáo, triết học không phát triển;
- + Không có ngành khoa học nào có truyền thống;

- + Nghệ thuật không có tuyệt kĩ.
- + Chưa có ngành văn hoá nào có đài danh dự, thu hút, quy tụ cả nền văn hoá...

Nguyên nhân:

- Hạn chế của trình độ sản xuất, đời sống xã hội.

- Văn hoá nông nghiệp định cư, không có nhu cầu trao đổi, lưu chuyển, không có sự kích thích của đô thị.

Thao tác 2: Tổ chức tìm hiểu Quan niệm sống, quan niệm về lí tưởng và cái đẹp trong văn hóa Việt Nam.

GV nêu vấn đề cho HS tìm hiểu: về quan niệm sống, quan niệm về lí tưởng, về cái đẹp.

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- "Coi trọng hiện thể trần tục hơn thể

giới bên kia", "nhưng cũng không bám lấy hiện thể, không quá sợ hãi cái chết".

- "ý thức về cá nhân và sở hữu không phát triển cao".

- "Mong ước thái bình, an cư lạc nghiệp để làm ăn cho no đủ, sống thanh nhàn, thông thả, có đông con nhiều cháu".

- "Yên phận thủ thường, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người".

- "Con người được ưa chuộng là con

người hiền lành, tình nghĩa".

3/ Quan niệm sống, lối sống, khả năng chiếm lĩnh và đồng hóa những giá trị văn hóa bên ngoài của người VN:

- Biểu hiện:

- + coi trọng hiện thế;
- + ý thức cá nhân và sở hữu không phát triển cao;
- + không háo hức say mê cái huy hoàng, huyền ảo;...).

- "Không ca tụng trí tuệ mà ca tụng sự khôn khéo", "không chuộng trí mà cũng không chuộng dũng", "dân tộc chống ngoại xâm liên tục nhưng không thương võ".

- "Trong tâm trí nhân dân thường có Thần và Bụt mà không có Tiên".

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

- "Cái đẹp vừa ý là xinh, là khéo".

- "Không háo hức cái tráng lệ huy hoàng, không say mê cái huyền ảo, kì vĩ. Màu sắc chuộng cái dịu dàng, thanh nhã, ghét cái sặc sỡ".

- "Tất cả đều hướng vào cái đẹp dịu dàng, thanh lịch, duyên dáng và có quy mô vừa phải".

Tóm lại: quan niệm trên đây thể hiện "văn hóa của dân nông nghiệp định cư, không có nhu cầu lưu chuyển, trao đổi, không có sự kích thích của đô thị; tế bào của xã hội nông nghiệp là hộ tiểu nông, đơn vị của tổ chức xã hội là làng".

- GV tổng hợp các ý kiến, nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.

Thao tác 3: Tổ chức tìm hiểu Đặc điểm nổi bật của nền văn hóa Việt Nam- thể mạnh và hạn chế.

GV nêu vấn đề cho HS thảo luận:

+ Trong bài viết, tác giả Trần Đình Hượu đã xem đặc điểm nổi bật nhất của sáng tạo văn hóa Việt Nam là gì?

+ Theo anh (chị) văn hóa truyền thống có thể mạnh và hạn chế gì?

GV nhận xét và khắc sâu một số ý.

4. Đặc điểm nổi bật của nền văn hóa Việt Nam- thể mạnh và hạn chế.

- Đặc điểm nổi bật của sáng tạo văn hóa Việt Nam là: "thiết thực, linh hoạt, dung hòa".

- Thể mạnh của văn hóa truyền thống là tạo ra một cuộc sống thiết thực, bình ổn, lành mạnh với những vẻ đẹp dịu dàng, thanh lịch, những con người hiền lành, tình nghĩa, sống có văn hóa trên một cái nền nhân bản.

- Hạn chế của nền văn hóa truyền thống là không có khát vọng và sáng tạo lớn trong cuộc sống, không mong gì cao xa, khác thường, hơn người, trí tuệ không được đề cao.

5. Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam.

- "Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa không chỉ trông cậy vào sự tạo tác của chính dân tộc đó mà còn trông cậy vào khả năng chiếm lĩnh, khả năng đồng hóa những giá trị văn hóa bên ngoài. Về mặt đó, lịch sử chứng minh là dân tộc Việt Nam có bản lĩnh".

+Khái niệm "tạo tác" ở đây là khái niệm có tính chất quy ước, chỉ những sáng tạo lớn, những sáng tạo mà không dân tộc nào có hoặc có mà không đạt được đến tầm vóc kì vĩ, gây ảnh hưởng mạnh mẽ đến xung quanh, tạo thành những mẫu mực đáng học tập.

+Khái niệm "đồng hóa" vừa chỉ vị thế tồn tại nghiêng về phía tiếp nhận những ảnh hưởng từ bên ngoài, những ảnh hưởng lan đến từ các nguồn văn minh, văn hóa lớn, vừa chỉ khả năng tiếp thu

chủ động của chủ thể tiếp nhận- một khả năng cho phép ta biến những cái ngoại

Thao tác 4: Tổ chức tìm hiểu Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam.

GV nêu vấn đề cho HS thảo luận:

- + Con đường hình thành bản sắc dân tộc của văn hóa Việt Nam, theo tác giả là gì?
- + Từ những gợi ý của tác giả trong bài viết, theo anh (chị), "Nền văn hóa tương lai" của Việt Nam là gì?

-GV nhận xét và khắc sâu một số ý.

Thao tác 5: Tổ chức tìm hiểu Ý nghĩa của việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc

GV nêu vấn đề cho HS thảo luận:

- + Qua bài viết này, theo anh (chị) việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc có ý nghĩa gì trong đời sống hiện nay của cộng đồng nói chung và mỗi cá nhân nói riêng?

GV nhận xét và khắc sâu một số ý.

lai thành cái của mình, trên cơ sở gạn lọc và thu giữ.

+Khái niệm "dung hợp" vừa có những mặt gần gũi với khái niệm "đồng hóa" vừa có điểm khác. Với khái niệm này, người ta muốn nhấn mạnh đến khả năng "chung sống hòa bình" của nhiều yếu tố tiếp thu từ nhiều nguồn khác nhau, có thể hài hòa được với nhau trong một hệ thống, một tổng thể mới.

Như vậy, khi khái quát bản sắc văn hóa Việt Nam, tác giả không hề rơi vào thái độ tự ti hay miệt thị dân tộc. Và "Nền văn hóa tương lai" của Việt Nam sẽ là một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, có hòa nhập mà không hòa tan, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho văn hóa dân tộc.

6. Ý nghĩa của việc tìm hiểu truyền thống văn hóa dân tộc

-Trong bối cảnh thời đại ngày nay, việc tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc trở thành một nhu cầu tự nhiên. Chưa bao giờ dân tộc ta có cơ hội thuận lợi như thế để xác định "chân diện mục" của mình qua hành động so sánh, đối chiếu với "khuôn mặt" văn hóa của các dân tộc khác. Giữa hai vấn đề hiểu mình và hiểu người có mối quan hệ tương hỗ.

- Tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc rất có ý nghĩa đối với việc xây dựng một chiến lược phát triển mới cho đất nước, trên tinh thần làm sao phát huy được tối đa mặt mạnh vốn có, khắc phục được những nhược điểm dần thành cố hữu để tự tin đi lên.

- Tìm hiểu bản sắc văn hóa dân tộc gắn liền với việc quảng bá cái hay, cái đẹp của dân tộc để "góp mặt" cùng năm châu, thúc đẩy một sự giao lưu lành mạnh, có lợi chung cho việc xây dựng một thế giới hòa bình, ổn định và phát

triển.

Thao tác 6: Tổ chức tìm hiểu nghệ thuật và ý nghĩa văn bản

III/Tổng kết

- GV tổ chức cho HS tổng hợp lại những vấn đề đã tìm hiểu, phân tích, từ đó viết phần tổng kết ngắn gọn.

HS đọc và nêu cảm nhận chung về đoạn trích (GV gợi ý: tác giả tỏ thái độ ca ngợi, chê bai hay phân tích khoa học đối với những đặc điểm nổi bật của văn hóa Việt Nam?).

1) Nghệ thuật

- Cách trình bày chặt chẽ, lô gích, thể hiện tầm bao quát lớn, chỉ ra những khía cạnh quan trọng về đặc trưng văn hóa DT.

- Thái độ khách quan, khoa học, khiêm tốn,... tránh được một trong hai khuynh hướng cực đoan hoặc là chỉ tìm nhược điểm để phê phán hoặc là chỉ tìm ưu điểm để ca tụng.

2) Ý nghĩa văn bản

Đoạn trích cho thấy một quan điểm đúng đắn về những nét đặc trưng của vốn văn hóa DT, là cơ sở để chúng ta suy nghĩ, tìm ra phương hướng xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc...

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

GV giao nhiệm vụ:

Nhìn vào lối sống, quan niệm sống, ta có thể nói người Việt Nam sống có văn hoá, người Việt Nam có nền văn hoá của mình. Những cái thô dã, những cái hung bạo đã bị xoá bỏ để có cái nền nhân bản. Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà. Không có khát vọng để hướng đến những sáng tạo lớn mà nhạy cảm, tinh nhanh, khôn khéo gỡ các khó khăn để tìm được sự bình ổn.

(Trích Nhìn về vốn văn hóa dân tộc – Trần Đình Hượu)

Đọc văn bản trên và trả lời các câu hỏi sau :

1. Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì?
 2. Nội dung chính của văn bản là gì?
- HS thực hiện nhiệm vụ:

Câu 1: Văn bản trên thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học, thuộc lĩnh vực khoa học xã hội

Câu 2: Nội dung chính của văn bản là nhận định khái quát tinh thần chung của Văn hoá Việt Nam, một cái nhìn khoa học, khách quan của nhà nghiên cứu văn hoá Trần Đình Hượu.

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	
--	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: Viết đoạn văn ngắn làm sáng tỏ nhận định: <i>Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt, dung hoà.</i></p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>“ Tinh thần chung của văn hoá Việt Nam là thiết thực, linh hoạt , dung hoà” . Đặc điểm này vừa nêu lên mặt tích cực, vừa tàng ẩn những hạn chế của văn hoá Việt Nam.</p> <p>- Đây là điểm tích cực vì : + Tính thiết thực khiến cho văn hoá Việt gắn bó sâu sắc với đời sống cộng đồng. Chẳng hạn nhà chùa là nơi thờ Phật tôn nghiêm nhưng đồng thời diễn ra nhiều sinh hoạt thể tục như ma chay, cưới hỏi, nuôi nấng trẻ em cơ nhỡ... + Tính linh hoạt thể hiện rõ ở khả năng tiếp nhận và biến đổi các giá trị văn hoá thuộc nhiều nguồn khác nhau sao cho phù hợp với đời sống bản địa của người Việt : Phật giáo, Nho giáo, Đạo giáo, Ki-tô giáo, Hồi giáo...đều có chỗ đứng trong văn hoá Việt. +Tính dung hoà là hệ quả tất yếu của hai thuộc tính trên trong văn hoá của người Việt. Các giá trị văn hoá thuộc nhiều nguồn khác nhau không loại trừ nhau mà được người Việt tiếp thu có chọn lọc để tạo nên sự hài hoà bình ổn trong đời sống văn hoá.</p> <p>Tuy nhiên trong mặt tích cực lại tàng ẩn những hạn chế . Hạn chế ấy là vì luôn dung hoà nên thiếu những sáng tạo lớn, không đạt đến những giá trị phi phạm, kì vĩ. Chỉ có những tư tưởng tôn giáo hoặc quan niệm xã hội ít nhiều mang tính cực đoan mới tạo ra những giá trị đặc sắc nổi bật (Van lí trường thành-Trung Quốc, Kim Tư tháp-</p>

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Suu tầm một số câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao Việt Nam có liên quan đến bản sắc văn hoá Việt Nam. Chỉ ra ý nghĩa của các câu đó. -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Ghi lại câu tục ngữ, thành ngữ, ca dao Việt Nam có liên quan đến bản sắc văn hoá Việt Nam. Nêu ý nghĩa về mặt văn hoá.

TIẾT 90

PHÁT BIỂU TỰ DO

Ngày soạn:

Ngày thực

hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Phát biểu tự do

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Phát biểu tự do

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được khái niệm phát biểu tự do là gì? Khác với phát biểu theo chủ đề ở điểm nào?

b/ Thông hiểu: HS hiểu và biết tìm nội dung phát biểu mà mình tâm đắc;

c/Vận dụng thấp: Phát biểu về một vấn đề liên quan đến tuổi trẻ;

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về cách phát biểu tự do để hoàn thành một bài phát biểu trước tập thể;

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: Phát biểu tự do trước tập thể;

b/ Thông thạo: các bước phát biểu tự do

3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: phát biểu tự do, thể hiện nét đẹp văn hoá trong phát biểu;

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi phát biểu tự do;

c/ Hình thành nhân cách:

- Biết tự tin trước tập thể để trình bày quan điểm cá nhân khi phát biểu tự do

- Biết suy nghĩ, trăn trở về những vấn đề trong cuộc sống và văn học

- Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của Tiếng Việt trong quá trình phát biểu.

3. Hình thành năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong quá trình phát biểu

- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân về vấn đề cần phát biểu

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<p>- GV giao nhiệm vụ: GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng câu hỏi sau: Anh/ chị hãy phát biểu ý kiến của mình sau khi đọc văn bản sau:</p> <p><i>Người nghiện Pokemon Go hay bất kỳ game online nào lâu ngày sẽ làm đầu óc hỏng dần, giống như ổ cứng máy vi tính đã lưu hết dữ liệu thì không còn khả năng lưu thêm để tiếp tục làm việc. Không chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe, người nghiện game còn dễ trở thành gánh nặng cho xã hội nếu sa đà vào các trò chơi mà không chịu làm việc, kéo theo đó là nảy sinh các tệ nạn xã hội. Trò chơi không phải là xấu, mà trách nhiệm đầu tiên là người chơi phải biết có chừng mực, tỉnh táo, đừng để trò chơi đó làm ảnh hưởng đến sức khỏe của bản thân.</i></p> <p>(Ý kiến của Bác sĩ Thái Duy Thành (Khoa Thần kinh, Bệnh viện Bạch Mai - Hà Nội) (http://laodongthudo.vn/pokemon-go-tro-choi-ao-tac-hai-that-11-8-2016)</p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài: Trong cuộc sống, chúng ta thường phát biểu theo chủ đề cho trước hoặc phát biểu theo kiểu ngẫu hứng nhằm thể hiện nhận thức, tư tưởng, tình cảm, quan điểm của cá nhân trước những vấn đề mang tính xã hội, văn học...Sau bài học Phát biểu theo chủ đề ở HKI, để cho việc phát biểu đạt kết quả tốt đẹp, hôm nay chúng ta chuyển sang tìm hiểu chủ đề về PHÁT BIỂU TỰ DO.</i></p>	
--	--

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu những tình huống nảy sinh phát biểu tự do.</p> <p>1- GV nêu yêu cầu:</p> <p>Hãy tìm một vài ví dụ ở đời sống quanh mình để chứng tỏ rằng: trong thực tế,</p> <p>không phải lúc nào con người cũng chỉ phát biểu những ý kiến mà mình đã chuẩn bị kĩ càng, theo những chủ đề định sẵn.</p> <p>- <i>GV nhận xét và nêu thêm một số ví dụ khác.</i></p> <p>+ Trong buổi giao lưu: "chát với 8X" của đài truyền hình kĩ thuật số, khi được người dẫn chương trình gợi ý: "trong chuyến đi châu Âu, kỉ niệm nào anh nhớ nhất?", một khách mời (nhạc sĩ) đã phát biểu: "Có rất nhiều kỉ niệm đáng nhớ trong chuyến đi ấy: chụp ảnh lưu niệm với bạn bè; những buổi biểu diễn; gặp gỡ bà con Việt Kiều;... Nhưng có lẽ kỉ niệm đáng nhớ nhất trong chuyến đi ấy, vâng, tôi nhớ ra rồi, đó là đêm biểu diễn cho bà con Việt kiều ta ở Pa-ri... ". Và cứ thế, vị khách mời đã phát biểu rất say sưa những cảm nhận của mình về đêm biểu diễn ấy: nhạc sĩ biểu diễn ra sao, bà con cảm động thế nào, những người nước ngoài có mặt hôm ấy đã phát biểu những gì,...</p> <p>+ Một ban học sinh khi được cô</p>	<p>I. Tìm hiểu về phát biểu tự do</p> <p>1. Những trường hợp được coi là phát biểu tự do.</p>

<p>đoạn 30- 45" đã giơ tay xin ý kiến: "Thưa cô, em chỉ xin phát biểu về mảng thơ tình thôi được không ạ". Được sự đồng ý của cô giáo, bạn học sinh ấy đã phát biểu một cách say sưa, hào hứng (tuy có phần hơi lan man) về mảng thơ tình trong phong trào thơ mới: những nhà thơ có nhiều thơ tình, những bài thơ tình tiêu biểu, những cảm nhận về thơ tình,...</p> <p>+ Trong buổi Đại hội chi đoàn, mặc dù không được phân công tham luận nhưng ngay sau khi nghe bạn A phát biểu về phong trào "học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", bạn B đã xin phát biểu và bạn đóng góp nhiều ý kiến rất hay, rất bổ ích, thậm chí còn hơn cả bài phát biểu chuẩn bị sẵn của bạn A.</p> <p>Trên đây là những ví dụ về phát biểu tự do.</p> <p>Thao tác 2: Tìm hiểu Nhu cầu được (hay phải) phát biểu tự do GV nêu vấn đề: Từ những ví dụ nêu trên, anh (chị) hãy trả lời câu hỏi: Vì sao con người luôn có nhu cầu được (hay phải) phát biểu tự do? - HS dựa vào phân gợi ý trong SGK để tìm ví dụ.</p> <p>- HS dựa vào ví dụ và tình huống nêu ra trong SGK để phát biểu.</p>	<p>2. Nhu cầu được (hay phải) phát biểu tự do.</p> <p>- Trong quá trình sống, học tập và làm việc, con người có rất nhiều điều say mê (hay buộc phải tìm hiểu). Tri thức thì vô cùng mà hiểu biết của mỗi người có hạn nên chia sẻ và được chia sẻ là điều vẫn thường gặp.</p> <p>- "Con người là tổng hòa các mối quan hệ xã hội". Vì vậy, phát biểu tự do là một nhu cầu (muốn người khác nghe mình nói) đồng thời là một yêu cầu (người khác muốn được nghe mình nói). Qua phát biểu tự do, con người sẽ hiểu người, hiểu mình và hiểu đời hơn.</p>
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu Cách phát biểu tự do GV nêu câu hỏi trắc nghiệm: Làm thế nào để phát biểu tự do thành công?</p>	<p>3. Cách phát biểu tự do</p> <p>- Phát biểu tự do là dạng phát biểu trong đó người phát biểu trình bày với mọi người về một điều bất chợt nảy sinh do mình thích thú, say mê hoặc do mọi</p>

- | | |
|--|--|
| <p>a) Không được phát biểu về những gì mình không hiểu biết và thích thú.</p> <p>b) Phải bám chắc chủ đề, không để bị xa đề hoặc lạc đề.</p> <p>c) Phải tự rèn luyện để có thể nhanh chóng tìm ý và sắp xếp ý.</p> <p>d) Nên xây dựng lời phát biểu thành một bài hoàn chỉnh.</p> <p>e) Chỉ nên tập trung vào những nội dung có khả năng làm cho người nghe cảm thấy mới mẻ và thú vị.</p> <p>g) Luôn luôn quan sát nét mặt, cử chỉ của người nghe để có sự điều chỉnh kịp thời.</p> | <p>mình chọn chủ đề ấy (tâm đắc? được nhiều người tán thành? chủ đề mới mẻ?...</p> |
|--|--|

Thao tác 2: Luyện tập

GV có thể đưa mục (4) trong SGK vào phần luyện tập để khắc sâu những điều cần ghi nhớ ở mục (3).

Bước 1: Chọn chủ đề cụ thể.

Bước 2: Kiểm tra nhanh xem vì sao

người yêu
câu.

- Vì bất ngờ, ngẫu nhiên, ngoài dự tính nên người phát biểu không thể tức thời xây dựng lời phát biểu thành một bài hoàn chỉnh có sự chuẩn bị công phu.

- Người phát biểu sẽ không thành công nếu phát biểu về một đề tài mà mình không hiểu biết và thích thú. Vì có hiểu biết mới nói đúng, có thích thú mới nói

hay. Nhưng hứng thú không dễ đến, hiểu biết thì có hạn, càng không thể đến một cách bất ngờ. Muốn tạo hứng thú và có

vốn hiểu biết, không có cách gì hơn là say mê học tập, tìm hiểu, sống nhiệt tình và say mê với cuộc đời.

+ Phát biểu dù là tự do cũng phải có

người nghe. Phát biểu chỉ thực sự thành công khi thực sự hướng tới người nghe. Người phát biểu phải chọn đề tài phù hợp, có cách nói phù hợp với người nghe. Trong quá trình phát biểu cần quan sát nét mặt, cử chỉ,... của người nghe để có sự điều chỉnh kịp thời. Thành công của phát biểu tự do chỉ thực sự có được khi hứng thú của người nói bắt gặp và cộng hưởng với hứng thú của người nghe. Dĩ nhiên, không người nghe nào hứng thú với những gì đã làm họ nhàm chán trừ khi điều không mới được phát biểu bằng cách nói mới.

Như vậy, trong tất cả các phương án trên, chỉ có phương án (d) là không lựa

chọn còn lại đều là những cách khiến phát biểu tự do thành công.

Lưu ý: đọc kỹ phần ghi nhớ.

II. Luyện tập

tập

1. Luyện tập tình huống phát biểu tự do (mục 4- SGK)

hay là tất cả những lí do

đó?).

Bước 3: Phác nhanh trong óc những ý chính của lời phát biểu và sắp xếp chúng theo thứ tự hợp lí.

Bước 4: Nghĩ cách thu hút sự chú ý của người nghe (nhấn mạnh những chỗ có ý nghĩa quan trọng; đưa ra những thông tin mới, bất ngờ, có sức gây ấn tượng; lồng nội dung phát biểu vào những câu chuyện kể lí thú, hấp dẫn; tìm cách diễn đạt dễ tiếp nhận và trong hoàn cảnh thích hợp có thêm sự gợi cảm hay hài hước; thể hiện sự hào hứng của bản thân qua ánh mắt, giọng nói, điệu bộ; tạo cảm giác gần gũi, có sự giao lưu giữa người nói và người nghe).

GV có thể chọn một chủ đề bất ngờ và khuyến khích những học sinh có hứng thú và hiểu biết thực hành- cả lớp nghe và nhận xét, góp ý.

HS dựa vào kinh nghiệm bản thân và những điều tìm hiểu trên đây để có những lựa chọn thích hợp.

Trên cơ sở mục (3), HS cụ thể hóa những điều đặt ra ở mục (4).

Học sinh thực hành- cả lớp nghe và nhận xét, góp ý.

2. Thực hành phát biểu tự do

Có thể chọn một trong các đề tài sau:

+ Dòng nhạc nào đang được giới trẻ ưa thích?

+ Quan niệm thế nào về "văn hóa game"?

+ Tình yêu tuổi học đường- nên hay không nên?

+ Chương trình truyền hình mà bạn yêu thích?

v. v...

3. LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu 1: Dòng nào sau đây nêu đúng nhất khái niệm phát biểu tự do: a/ Là những lời phát biểu mang tính chất tức thời, hoàn toàn không theo một chủ đề nào đã định trước; b/ là những lời phát biểu khác với chủ đề mình đã chuẩn bị trước để trình bày;	1a,2c

<p>c/ là những ý kiến, những thắc mắc mà người phát biểu đặt ra reong hội nghị;</p> <p>d/ Là những lời nói hằng ngày, khi một người cùng trò chuyện về một sự kiện nào đó.</p> <p>Câu 2: Người phát biểu tự do cần tránh điều gì dưới đây:</p> <p>a/ Tập trung vào vấn đề mà mình hiểu biết và hứng thú;</p> <p>b/ Quan tâm đến người nghe để có nội dung và những điều chỉnh phù hợp;</p> <p>c/ Không chú ý đến người nghe mà chỉ tập trung vào điều mình nói</p> <p>d/ Sử dụng những phương tiện hỗ trợ như ánh mắt, cử chỉ, điệu bộ để tạo sự gần gũi, hào hứng</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	
---	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV -	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Phát biểu tự do về cách ăn mặc</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	<p>Một đoạn phát biểu tự do minh hoạ:</p> <p><i>Có bạn cho rằng, mặc như thế nào là quyền của tôi, là "sở thích cá nhân tuyệt đối" của tôi, tôi thích gì mặc nấy, xin mọi ng—ời đừng can thiệp. Theo tôi, bạn nào nói như vậy thì chỉ mới đúng một nửa (sở thích cá nhân), còn một nửa nữa chưa đúng, vì nếu lội xuống ruộng, đào mương thoát nước, hoặc vào nhà máy công xưởng... mà bạn mặc com— lê, áo dài, quần bò... thì rõ ràng là không thể chấp nhận được và thực tế cũng không thể làm việc được một cách có hiệu quả. Ngược lại, nếu đi dự lễ hội, dự đám cưới... mà quần áo lôi thôi, nhàu nhĩ... cũng không được. Nếu các bạn gái đi học mà mặc áo ngắn ngang bụng, quần bò trễ dưới rốn tới cả chục phân liệu có coi là đẹp được không? Có bạn cao ngồng lại mặc váy ngắn tới mức không thể ngắn hơn được nữa, có bạn thấp tè lại mặc váy dài quét đất, bạn da đen mặc màu tối, bạn da trắng mặc màu sáng... liệu có</i></p>

	<i>Vì vậy, theo tôi, cùng với "sở thích cá nhân", ăn mặc còn phải phù hợp với hoàn cảnh, với công việc, với cả vóc dáng, màu da và lời ăn tiếng nói của mỗi cá nhân nữa. Nói ngắn gọn, cái đẹp là sự hợp lý và sự hài hoà giữa mỗi cá nhân với môi trường sống, giữa hình thức với tâm hồn. ...</i>
--	---

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Tập phát biểu tự do về một trào lưu xấu hiện nay trong giới trẻ -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Ví dụ : Trào lưu <i>Việt Nam nói là làm...</i>

TIẾT 92-93

Làm văn:

VĂN BẢN TỔNG KẾT

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Văn bản tổng kết

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Văn bản tổng kết

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

- a/ Nhận biết: Nắm được đặc điểm và yêu cầu của văn bản tổng kết.
- b/ Thông hiểu: Tích hợp với các kiến thức về Văn và Tiếng Việt đã học.
- c/Vận dụng thấp: Viết được văn bản tổng kết đơn giản;
- d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về văn bản tổng kết để tổng kết toàn bộ chương trình Ngữ

Văn 12 đã học

2. Kỹ năng :

- a/ Biết làm: Văn bản tổng kết từng chương, từng bài
- b/ Thông thạo: các bước làm văn bản tổng kết;

3. Thái độ :

- a/ Hình thành thói quen: tổng kết những vấn đề đã học;
- b/ Hình thành tính cách: tự tin khi trình bày văn bản tổng kết;
- c/Hình thành nhân cách:

-Có ý thức tìm tòi về cách thức viết văn bản tổng kết, gắn liền với thực tế cuộc sống.

- Có kỹ năng viết được một văn bản tổng kết với nội dung và yêu cầu đơn giản, gần gũi với đời sống hoặc nhà trường.

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản tổng kết ;
- Năng lực đọc – hiểu để tạo lập văn bản tổng kết
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về văn bản tổng kết
- Năng lực tạo lập văn bản tổng kết.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none"> - GV giao nhiệm vụ: Em hãy kể tên các tác phẩm văn học nước ngoài đã học ở HK2 Ngữ văn 12. Viết một văn bản trình bày ngắn gọn giới thiệu tác giả, tác phẩm, giá trị tư tưởng và nghệ thuật của các tác phẩm đó. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: + Có 3 tác phẩm: Thuốc (Lỗ Tấn); Số phận con người (Sô lô khốp); Ông già và biển cả (Hemingue) + HS hệ thống lại kiến thức chính như đã yêu cầu. <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài:Như vậy, việc hệ thống lại kiến thức cơ bản của các tác phẩm VHNN đã học ở HK2 là một cách thực hiện tổng kết một phần nội dung đọc hiểu văn bản. Đó là hình thức của kiểu Văn bản tổng kết. Vậy văn bản tổng kết là gì? Thực hiện các bước như thế nào?</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học. - Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ. - Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu cách viết văn bản tổng kết</p> <p>GV yêu cầu HS đọc văn bản tổng kết trong SGK và trả lời các câu hỏi:</p> <p>a) Đọc các đề mục và nội dung của văn bản trên, anh (chị) có nhận xét gì về bố cục và những nội dung chính của một văn bản tổng kết?</p> <p>b) Về diễn đạt, văn bản tổng kết có cách dùng từ, đặt câu như thế nào?</p> <p>HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quốc hiệu hoặc tên tổ chức (Đoàn TNCS Hồ Chí Minh- Trường ĐHSPHN- Đội thanh niên tình nguyện số 2). - Địa điểm, ngày... tháng... năm (Hà Nội, ngày 15 tháng 9 năm 2007). - Tiêu đề (Báo cáo kết quả hoạt động tình nguyện tại các trung tâm điều dưỡng thương binh, bệnh binh nặng và người có công với nước). <p>HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tình hình tổ chức: địa điểm hoạt động (...), thời gian (...), số lượng tham gia (...). - Kết quả hoạt động (Hoạt động chăm sóc thương bệnh binh và người có công với nước; Hoạt động giao lưu văn hóa, văn nghệ, thể thao; Vệ sinh môi trường, tôn tạo cảnh quan; Hoạt động tổ chức ôn tập văn hóa và sinh hoạt hè cho con em thương binh, bệnh binh; Hoạt động xây dựng công trình thanh niên và tặng quà thương binh, bệnh binh). - Đánh giá chung. 	<p>I. Tìm hiểu ví dụ</p> <p>a) Bố cục của văn bản tổng kết trên đây có 3 phần:</p> <p>+ Phần mở đầu:</p> <p>+ Phần nội dung báo cáo</p> <p>+ Phần kết thúc: người viết báo cáo kí tên (Nguyễn Văn Hiếu).</p> <p>b) Về diễn đạt, văn bản tổng kết có cách dùng từ, đặt câu ngắn gọn, chính xác, rõ ràng, mỗi việc một đề mục, mỗi ý một lần xuống dòng, gạch đầu dòng, các câu sử dụng thường lược chủ ngữ.</p>

<p>Thao tác 2: Tìm hiểu yêu cầu đối với văn bản tổng kết</p> <p>GV yêu cầu HS từ việc tìm hiểu VD trên hãy cho biết yêu cầu đối với văn bản tổng kết.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và cho 1 HS đọc phần Ghi nhớ để khắc sâu. HS đọc văn bản tổng kết trong SGK và trả lời các câu hỏi <p><i>- HS làm việc cá nhân với văn bản rồi phát biểu ý kiến. Các HS khác nghe, nhận xét và bổ sung.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản tổng kết nhằm nhìn nhận, đánh giá kết quả và rút ra những bài học kinh nghiệm khi kết thúc một công việc hay một giai đoạn công tác. - Muốn viết được văn bản tổng kết, cần: <ul style="list-style-type: none"> + Tập hợp tư liệu, số liệu đầy đủ, chính xác. + Lần lượt viết các phần: mở đầu; nội dung báo cáo (tình hình và kết quả thực hiện công việc, bài học kinh nghiệm và kiến nghị); kết thúc. + Diễn đạt ngắn gọn, chính xác và rõ ràng.
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu bài tập 1 Bài tập 1: Đọc văn bản (SGK) và trả lời câu hỏi:</p> <p>a) Văn bản trên đã đạt được những yêu cầu nào của một văn bản tổng kết?</p> <p>b) Người trích lược đi một vài đoạn, một vài ý trong văn bản (...). Anh (chị) đoán xem trong các đoạn bị lược đi ấy, tác giả dẫn ra những sự việc, tư liệu, số liệu gì?</p> <p>c) Đối chiếu với yêu cầu của một văn bản tổng kết nói chung, văn bản trên thiếu nội dung nào cần bổ sung?</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV có thể cho HS quan sát trên màn hình máy chiếu. - GV cho HS quan sát tiếp văn bản hoàn chỉnh để HS đối chiếu, tự đánh giá. 	<p>II. Luyện tập Bài tập 1:</p> <p>a) Văn bản trên đã đạt được một số yêu cầu của một văn bản tổng kết. Đó là:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo bố cục 3 phần: mở đầu; nội dung báo cáo và kết thúc. - Diễn đạt ngắn gọn, chính xác và rõ ràng. <p>b) Trong những đoạn bị lược, tác giả dẫn ra những sự việc, tư liệu, số liệu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - kết quả của công tác giáo dục chính trị tư tưởng. - Số đăng kí phấn đấu trong học tập và kết quả đạt được. - Số tình nguyện tham gia phong trào chống tệ nạn xã hội và kết quả đạt được. - Số tình nguyện chung sức cùng cộng đồng tham gia công tác xã hội và kết quả đạt được. - Công tác phát triển đoàn viên. <p>c) Đối chiếu với yêu cầu của một văn bản tổng kết nói chung, văn bản trên thiếu một số nội dung cần bổ sung:</p>

- Tên hiệu của Đoàn, tên đoàn trưởng và tên chi đoàn.

<p>Thao tác 2: Tìm hiểu bài tập 2</p> <p>Bài tập 2: Nếu được giao nhiệm vụ viết một bản tổng kết phong trào học tập và rèn luyện của lớp trong năm học vừa qua, anh (chị) sẽ thực hiện những công việc gì?</p> <p>a) Chuẩn bị tư liệu ra sao?</p> <p>b) Lập dàn ý văn bản thế nào?</p> <p>Sau khi lập dàn ý, hãy viết vài đoạn thuộc phần thân bài của văn bản ấy.</p> <p>- GV hướng dẫn, gợi ý.</p> <p>- GV nhận xét.</p> <p>- HS đọc và thảo luận, có thể bổ sung (bằng cách soạn thảo kiểu chữ khác) vào những chỗ bị lược (...).</p> <p>- HS suy nghĩ và viết.</p>	<p>- Mục II và mục IV nên cho vào một mục chung là: Kết quả công tác đoàn.</p> <p>- Đánh giá chung.</p> <p>Bài tập 2:</p> <p>a) Chuẩn bị tư liệu: tư liệu về kết quả xếp loại học tập và kết quả xếp loại hạnh kiểm,...</p> <p>b) Dàn ý:</p> <p>Phần đầu:</p> <p>- Quốc hiệu, tên trường, lớp.</p> <p>- Địa điểm, ngày... tháng... năm...</p> <p>- Tiêu đề báo cáo: Báo cáo tổng kết phong trào học tập và rèn luyện- lớp (...)- năm học (...).</p> <p>Phần nội dung:</p> <p>- Đặc điểm tình hình lớp.</p> <p>- Kết quả học tập.</p> <p>- Kết quả rèn luyện.</p> <p>- Bài học kinh nghiệm.</p> <p>- Đánh giá chung.</p> <p>Phần kết: kí tên.</p> <p><i>Chú ý: người viết nên chọn nội dung cơ bản (kết quả học tập và kết quả rèn luyện) để viết thành những đoạn văn bản.</i></p>
--	---

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
-----------------------	-------------------

GV giao nhiệm vụ:

Câu 1: Văn bản tổng kết nào dưới đây không thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học?

a/ Tổng kết Tiếng Việt

b/ Tổng kết văn học trung đại Việt Nam

c/ Tổng kết kĩ năng làm văn

d/ Tổng kết phong trào đền ơn đáp nghĩa

Câu 2: Văn bản tổng kết nào dưới đây không thuộc phong cách ngôn ngữ chính luận?

a/ Tổng kết văn học dân gian Việt Nam

1d,2a

b/ Tổng kết đợt phát động phong trào <i>Áo lụa tặng bà</i> c/ Tổng kết đợt bồi dưỡng chuyên đề ngữ văn d/ Tổng kết đợt phát động sáng tác thơ văn chào mừng ngày 26-3 - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	
---	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Viết văn bản tổng kết phần văn học Việt Nam từ sau 1975. - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Xác định những tác phẩm đã học thuộc văn học Việt nam từ sau 1975 bao gồm các thể loại như Thơ, văn xuôi, kịch; - Từ đó, căn cứ vào cách thực hiện văn bản tổng kết để viết theo yêu cầu.

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Viết văn bản tổng kết hoạt động thực tiễn của Chi đoàn- Lớp của em -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Thực hiện theo yêu cầu. Chú ý tính thực tế thông qua thu thập tin tức của lớp.

Tiếng Việt:

**TỔNG KẾT PHẦN TIẾNG VIỆT:
HOẠT ĐỘNG GIAO TIẾP BẰNG NGÔN NGỮ**

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

– Hệ thống hoá những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ đã học trong chương trình Ngữ văn từ lớp 10 đến lớp 12.

– Tích hợp với các kiến thức về Văn, Tập làm văn đã học và tích hợp với vốn kinh nghiệm sử dụng ngôn ngữ của bản thân.

– Rèn luyện và nâng cao kĩ năng giao tiếp bằng ngôn ngữ ở cả hai quá trình tạo lập văn bản và lĩnh hội văn bản.

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

I. Mức độ cần đạt

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải ý nghĩa của hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ;

c/Vận dụng thấp: Lĩnh hội văn bản trong quá trình giao tiếp;

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ để tạo lập văn bản theo yêu cầu.

2. Kĩ năng :

a/ Biết làm: tạo lập văn bản trên cơ sở nắm vững các nhân tố trong hoạt động giao tiếp;

b/ Thông thạo: các bước tạo lập văn bản

3.Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: giao tiếp ngôn ngữ

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi sử dụng ngôn ngữ trong giao tiếp; c/Hình thành nhân cách:

-Có ý thức giữ gìn sự trong sáng tiếng Việt;

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến hoạt động ngôn ngữ

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ;

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giao tiếp ngôn ngữ trong tác phẩm văn học và trong đời sống;

- Năng lực tạo lập văn bản.

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<p>- GV giao nhiệm vụ: GV tổ chức TRÒ CHƠI Ô CHỮ liên quan đến tiếng Việt (như các nhân tố trong hoạt động giao tiếp, ngữ cảnh...)</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Trả lời để tìm ra ô chữ phù hợp.</p> <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài: Như vậy, ngoài phân môn Đọc hiểu văn bản và làm văn, chúng ta còn được tiếp cận Tiếng Việt. Đây là phân môn rất quan trọng, nhất là sử dụng tiếng Việt trong lĩnh hội và tạo lập văn bản. Hôm nay, chúng ta sẽ tổng kết để ghi nhớ những kiến thức cơ bản đã học phần tiếng Việt trong chương trình Ngữ văn THPT.</i></p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1: Tìm hiểu kiến thức tiếng Việt đã học</p> <p>GV hệ thống hóa kiến thức bằng cách nêu một số câu hỏi để HS trả lời:</p> <p>1) Giao tiếp là gì? Thế nào là hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ?</p>	<p>I. Hệ thống hóa kiến thức</p> <p>1. Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ</p> <p>+ Giao tiếp là hoạt động trao đổi thông tin của con người, được tiến hành chủ yếu bằng phương tiện ngôn ngữ, nhằm thực hiện những mục đích về nhận thức, tình cảm, hành động.</p> <p>+ Hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ là hoạt động bao gồm hai quá trình: quá trình tạo lập văn bản do người nói hay người viết thực hiện; quá trình lĩnh hội văn bản do người nghe hay người đọc thực hiện. Hai</p>

<p>2) Phân biệt sự khác biệt giữa ngôn ngữ nói và ngôn ngữ viết?</p> <p>3) Thế nào là ngữ cảnh? Ngữ cảnh bao gồm những nhân tố nào?</p> <p>4) Nhân vật giao tiếp có vai trò và đặc điểm gì?</p> <p>5) Tại sao nói ngôn ngữ là tài sản</p>	<p>thoại), cũng có thể ở các thời điểm và khoảng không gian cách biệt (qua văn bản viết).</p> <p>2. Nói và viết Hai dạng nói và viết có sự khác biệt:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Về điều kiện để tạo lập và lĩnh hội văn bản. + Về đường kênh giao tiếp. + Về loại tín hiệu (âm thanh hay chữ viết). + Về các phương tiện phụ trợ (ngữ điệu, nét mặt, cử chỉ điệu bộ đối với ngôn ngữ nói và dấu câu, các kí hiệu văn tự, mô hình bảng biểu đối với ngôn ngữ viết). + Về dùng từ, đặt câu và tổ chức văn bản,... <p>3. Ngữ cảnh + Ngữ cảnh là bối cảnh ngôn ngữ làm cơ sở cho việc sử dụng ngôn ngữ và tạo lập văn bản đồng thời làm căn cứ để lĩnh hội thấu đáo văn bản.</p> <p>+ Ngữ cảnh bao gồm các nhân tố: nhân vật giao tiếp, bối cảnh rộng (bối cảnh văn hóa), bối cảnh hẹp (bối cảnh tình huống), hiện thực được đề cập đến và văn cảnh.</p> <p>4. Nhân vật giao tiếp Nhân vật giao tiếp là nhân tố quan trọng nhất trong ngữ cảnh. Các nhân vật giao tiếp đều phải có cả năng lực tạo lập và năng lực lĩnh hội văn bản. Trong giao tiếp ở dạng nói, họ thường đổi vai cho nhau hay luân phiên lượt lời.</p> <p>Các nhân vật giao tiếp có những đặc điểm về các phương diện: vị thế xã hội, quan hệ thân sơ, lứa tuổi, giới tính, nghề nghiệp, tầng lớp xã hội, vốn sống, văn hóa,... Những đặc điểm đó luôn chi phối nội dung và cách thức giao tiếp bằng ngôn ngữ.</p> <p>5. Ngôn ngữ là tài sản chung của xã hội và lời nói là sản phẩm của cá nhân Khi giao tiếp, các nhân vật giao tiếp sử dụng ngôn ngữ chung của xã hội để tạo ra lời nói-những sản phẩm cụ thể của cá nhân. Trong hoạt động đó, các nhân vật giao tiếp vừa sử dụng những yếu tố của hệ thống ngôn ngữ chung và tuân thủ những quy tắc, chuẩn mực chung, đồng thời biểu lộ những nét riêng trong năng lực ngôn ngữ của cá nhân. Cá nhân sử dụng tài</p>
---	--

chung của xã hội và lời nói là sản phẩm của cá nhân?

6) Thế nào là nghĩa của câu? Câu có mấy thành phần nghĩa? Là những thành phần nào? Đặc điểm của mỗi thành phần?

7) Làm thế nào để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt?

- HS ôn tập lại những kiến thức cơ bản về hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ trên cơ sở câu hỏi và những gợi ý của GV.

- Gv yêu cầu HS đọc đoạn trích (SGK) và phân tích theo các yêu cầu:

1) Phân tích sự đối vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp trên. Những đặc điểm của hoạt động giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết nào? (lời nhân vật và lời tác giả).

sản chung đồng thời cũng làm giàu thêm cho tài sản ấy.

6. Nghĩa của câu

Trong hoạt động giao tiếp, mỗi câu đều có nghĩa.

+ Nghĩa của câu là nội dung mà câu biểu đạt.

+ Mỗi câu thường có hai thành phần nghĩa: nghĩa sự việc và nghĩa tình thái. Nghĩa sự việc ứng với sự việc mà câu đề cập đến. Nghĩa tình thái thể hiện thái độ, tình cảm, sự nhìn nhận, đánh giá của người nói đối với sự việc hoặc đối với người nghe.

7. Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ, các nhân vật giao tiếp cần có ý thức, thói quen và kĩ năng giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:

+ Mỗi cá nhân cần nắm vững các chuẩn mực ngôn ngữ, sử dụng ngôn ngữ đúng chuẩn mực.

+ Vận dụng linh hoạt, sáng tạo ngôn ngữ theo các phương thức chung.

+ Khi cần thiết có thể tiếp nhận những yếu tố tích cực của các ngôn ngữ khác, tuy cần chống lạm dụng tiếng nước ngoài.

II. Luyện tập

1. Sự đối vai và luân phiên lượt lời trong hoạt động giao tiếp giữa lão Hạc và ông giáo:

Lão Hạc (nói)	Ông giáo (nói)
- Cậu vàng đi đời rồi, ông giáo ạ!	- Cụ bán rồi?
- Bán rồi! Họ vừa bắt xong.	- Thế nó cho bắt ạ?
- Khốn nạn... nó không ngờ tôi nỡ tâm lừa nó!	- Cụ cứ tưởng thế ...để cho nó làm kiếp khác.
- Ông giáo nói phải!... như kiếp tôi chẳng hạn!	- Kiếp ai cũng thế thôi... hơn chẳng?
- Thế thì... kiếp gì cho thật sung sướng?	

Những đặc điểm của hoạt động giao tiếp ở dạng ngôn ngữ nói thể hiện qua những chi tiết:

+ Hai nhân vật: lão Hạc và ông giáo luân phiên đối vai lượt lời. Lão Hạc là người nói

<p>2) Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm gì riêng biệt? Phân tích sự chi phối của những điều đó đến</p>	<p>trước và kết thúc sau nên số lượt nói của lão là 5 còn số lượt nói của ông giáo là 4. Vì tức thời nên có lúc ông giáo chưa biết nói gì, chỉ "hỏi cho có chuyện" (Thế nó cho bắt à?)</p> <p>+ Đoạn trích rất đa dạng về ngữ điệu: ban đầu lão Hạc nói với giọng thông báo (Câu vàng đi đờì rồi, ông giáo ạ!), tiếp đến là giọng than thở, đau khổ, có lúc nghẹn lời (...), cuối cùng thì giọng đầy chua chát (...). Lúc đầu, ông giáo hỏi với giọng ngạc nhiên (- Cự bán rồi?), tiếp theo là giọng vỗ về an ủi và cuối cùng là giọng bùi ngùi.</p> <p>+ Trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ nói ở đoạn trích trên, nhân vật giao tiếp còn sử dụng các phương tiện hỗ trợ, nhất là nhân vật lão Hạc: lão "cười như mếu", "mặt lão đột nhiên co dúm lại. Những nếp nhăn xô lại với nhau, ép cho nước mắt chảy ra...).</p> <p>+ Từ ngữ dùng trong đoạn trích khá đa dạng nhất là những từ mang tính khẩu ngữ, những từ đưa đẩy, chêm xen (đi đờì rồi, rồi, à, ư, khốn nạn, chả hiểu gì đâu, thì ra,...).</p> <p>+ Về câu, một mặt đoạn trích dùng những câu tỉnh lược (Bán rồi! Khốn nạn... Ông giáo ơi!), mặt khác nhiều câu lại có yếu tố dư thừa, trùng lặp (Này! Ông giáo ạ! Cái giống nó cũng khôn! Thì ra tôi bằng này tuổi đầu rồi còn đánh lừa một con chó., ...).</p> <p>2. Các nhân vật giao tiếp có vị thế xã hội, quan hệ thân sơ và những đặc điểm riêng biệt chi phối đến nội dung và cách thức giao tiếp:</p> <p>+ Lão Hạc là một lão nông nghèo khổ, cô đơn. Vợ chết. Anh con trai bỏ đi làm ăn xa. Lão Hạc chỉ có "cậu vàng" là "người thân" duy nhất.</p> <p>Ông giáo là một trí thức nghèo sống ở nông thôn. Hoàn cảnh của ông giáo cũng hết sức bi đát.</p> <p>Quan hệ giữa ông giáo và lão Hạc là quan hệ hàng xóm láng giềng. Lão Hạc có việc gì cũng tâm sự, hỏi ý kiến ông giáo.</p> <p>+ Những điều nói trên chi phối đến nội dung và cách thức nói của các nhân vật. Trong đoạn</p>
---	---

<p>nội dung và cách thức nói trong lượt lời nói đầu tiên của lão Hạc.</p> <p>3) Phân tích nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu: "Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!".</p> <p>4) Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi người đọc đọc đoạn trích lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa họ và nhà văn Nam Cao. Hãy chỉ ra sự khác biệt giữa hai hoạt động giao tiếp đó.</p> <p>- Sau mỗi câu hỏi, GV nhận xét và nêu câu hỏi tiếp theo.</p> <p>- HS đọc kĩ đoạn trích, thảo luận về các yêu cầu đặt ra, phát biểu ý kiến và tranh luận trước lớp.</p>	<p>trích, ở lời thoại thứ nhất của lão Hạc ta thấy rất rõ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung của lời thoại: Lão Hạc thông báo với ông giáo về việc bán "cậu vàng". - Cách thức nói của lão Hạc: "nói ngay", nói ngắn gọn, thông báo trước rồi mới hô gọi (ông giáo ạ!) sau. - Sắc thái lời nói: Đối với sự việc (bán con chó), lão Hạc vừa buồn vừa đau (gọi con chó là "cậu vàng", coi việc bán nó là giết nó: "đi đời rồi"). Đối với ông giáo, lão Hạc tỏ ra rất kính trọng vì mặc dù ông giáo ít tuổi hơn nhưng có vị thế hơn, hiểu biết hơn (gọi là "ông" và đệm từ "ạ" ở cuối). <p>3. Nghĩa sự việc và nghĩa tình thái trong câu: "Bấy giờ cu cậu mới biết là cu cậu chết!":</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghĩa sự việc: thông báo việc con chó biết nó chết (cu cậu biết là cu cậu chết). - Nghĩa tình thái: <ul style="list-style-type: none"> + Người nói rất yêu quý con chó (gọi nó là "cu cậu"). + Việc con chó biết nó chết là một bất ngờ (bấy giờ... mới biết là...). <p>4. Trong đoạn trích có hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật, đồng thời khi người đọc đọc đoạn trích lại có một hoạt động giao tiếp nữa giữa họ và nhà văn Nam Cao:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hoạt động giao tiếp ở dạng nói giữa hai nhân vật là hoạt động giao tiếp trực tiếp có sự luân phiên đổi vai lượt lời, có sự hỗ trợ bởi ngữ điệu, cử chỉ, ánh mắt,... Có gì chưa hiểu, hai nhân vật có thể trao đổi qua lại. + Hoạt động giao tiếp giữa nhà văn Nam Cao và bạn đọc là hoạt động giao tiếp gián tiếp (dạng viết). Nhà văn tạo lập văn bản ở thời điểm và không gian cách biệt với người đọc. Vì vậy, có những điều nhà văn muốn thông báo, gửi gắm không được người đọc lĩnh hội hết. Ngược lại, có những điều người đọc lĩnh hội nằm ngoài ý định tạo lập của nhà văn.
---	---

3. LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu 1: Hoạt động giao tiếp bao gồm quá trình nào dưới đây? a/ Quá trình nói và quá trình nghe b/ Quá trình viết văn bản và quá trình lĩnh hội văn bản c/ Quá trình tạo lập văn bản và quá trình lĩnh hội văn bản; d/ Quá trình phát thông tin và quá trình tiếp nhận thông tin Câu 2: Để lĩnh hội thấu đáo văn bản, người ta dựa vào yếu tố nào? a/ Ngữ cảnh giao tiếp b/ Nhân vật giao tiếp c/ Hoạt động giao tiếp d/ Văn cảnh - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	2c,4a

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Xác định ngữ cảnh câu nói cụ Mết trong truyện Rừng xà nu (Nguyễn Trung Thành): <i>Chúng nó đã cầm súng, mình phải cầm giáo.</i> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Nhân vật giao tiếp: + Người nói: Cụ Mết + Người nghe: dân làng Xô Man - Bối cảnh giao tiếp: + Hẹp: Một đêm tại làng Xô Man ở Tây Nguyên + Rộng: Cuộc kháng chiến chống Mĩ - Hiện thực được nói

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Hệ thống toàn bộ kiến thức đã học + Vận dụng kiến thức tiếng Việt để làm bài đọc hiểu -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	+ Tự lập bảng biểu để dễ ghi nhớ + Chọn lọc những kiến thức tiếng Việt để vận dụng khi giải bài tập đọc hiểu

TIẾT 96

:

ÔN TẬP PHẦN LÀM VĂN

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : ôn tập phần làm văn

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

- Dạng bài nghị luận xã hội và nghị luận văn học

- Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường

- Lập luận trong văn nghị luận

- Bố cục của bài văn nghị luận

- Diễn đạt trong văn nghị luận

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn THPT, nhất là ở lớp 12.

b/ Thông hiểu: HS hiểu đặc điểm của văn bản nghị luận

c/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn nghị luận (khoảng 200 từ)

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết văn nghị luận để tạo lập văn bản theo yêu cầu;

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài văn nghị luận xã hội, nghị luận văn

học; b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận

3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: xây dựng văn bản nghị luận;

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi làm văn nghị luận;

c/Hình thành nhân cách:

-Có ý thức giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt;

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan văn bản nghị luận;

- Năng lực đọc – hiểu các văn bản nghị luận

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về văn bản nghị luận

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các kiểu văn bản nghị luận;

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

IV. Tổ chức dạy và học.

1. Ổn định tổ chức lớp:

- Kiểm tra sĩ số, trật tự, nội vụ của lớp

2. Kiểm tra bài cũ: Trình bày các nhân tố trong hoạt động giao tiếp bằng ngôn ngữ (5 phút)

3. Tổ chức dạy và học bài mới:

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<p>- GV giao nhiệm vụ: Cho 2 đề văn sau:</p> <p>1/ Phân tích quan niệm mang tính truyền thống trong tình yêu của Xuân Quỳnh qua bài thơ Sóng.</p> <p>2/ Viết đoạn văn (khoảng 200 từ) bày tỏ suy nghĩ về tình yêu của tuổi trẻ hôm nay được rút ra từ bài thơ Sóng của Xuân Quỳnh.</p> <p>Em hãy chỉ ra sự khác nhau của 2 đề trên</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Khác nhau đó là: Đề 1 là nghị luận văn học, đề 2 là nghị luận xã hội</p>	<p>- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.</p> <p>- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích</p>

Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Trong 3 năm học ở THPT, các em đã được tiếp thu và thực hành nhiều dạng bài làm văn. Hôm nay, chúng ta sẽ ôn tập lại toàn bộ các dạng bài này.	cực, hứng thú.
---	----------------

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt	
Thao tác 1- GV yêu cầu HS nhớ lại và thống kê các kiểu loại văn bản đã học trong chương trình Ngữ văn THPT và cho biết những yêu cầu cơ bản của các kiểu loại đó. - GV đánh giá quá trình làm việc của HS và nhấn mạnh một số kiến thức cơ bản. HS hoàn thành bảng sau:	I. Ôn tập các tri thức chung 1. Các kiểu loại văn bản a) Tự sự: Trình bày các sự việc (sự kiện) có quan hệ nhân- quả dẫn đến kết cục nhằm biểu hiện con người, đời sống, tư tưởng, thái độ,	
Đặc điểm Văn bản	Kết cấu	Đề tài
Tự sự	b) Thuyết minh: Trình bày thuộc tính, cấu tạo, nguyên nhân, kết quả,... của sự vật, hiện tượng, vấn đề,... giúp người đọc có tri thức và thái độ đúng đắn đối với	
Thuyết minh	đối tượng được thuyết	
Nghị luận	minh.	
Báo chí	c) Nghị luận: Trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá,... đối với các vấn đề xã hội hoặc văn học qua các luận điểm, luận cứ, lập luận có tính thuyết phục.	
Hành chính	Ngoài ra, còn có các loại văn bản: Kế hoạch cá nhân, quảng cáo, bản tin, văn bản tổng kết.	
Thao tác 2- GV nêu câu hỏi: <i>Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc gì?</i> - HS làm việc theo nhóm (mỗi nhóm thống kê một khối lớp) và các nhóm lần lượt trình bày.	Các thao tác cụ thể của từng bước 2. Cách viết văn bản Để viết được một văn bản cần thực hiện những công việc:	
Các bước chính	Xác định đề tài, tìm hiểu thông tin liên quan	
Định hướng	+ Nắm vững đặc điểm kiểu loại văn bản và mục đích, yêu cầu cụ thể của văn bản.	
Lập chương trình	Tìm hiểu đề, tìm ý, lập ý	
Hiện thực hoá chương trình	+ Hình thành ý và sắp xếp thành dàn ý	
Kiểm tra, đánh giá	Viết văn bản. + Viết văn bản: Mỗi câu trong văn bản phải đúng, hoàn chỉnh một chủ đề và triển khai chủ đề đó một cách trọn vẹn. Các câu trong văn bản có sự	

	bản											
<p>- HS nhớ lại những kiến thức đã học để trả lời.</p>												
<p>Thao tác 1- GV nêu câu hỏi để HS ôn lại đề tài cơ bản của văn nghị luận:</p> <p>a) <i>Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà trường thành những nhóm nào?</i></p> <p>b) <i>Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm gì chung và khác biệt?</i></p> <p>- HS nhớ lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác.</p> <p>HS hoàn thành bảng sau:</p> <table><tr><th>Các vấn đề cơ bản</th><th>Đặc điểm cụ thể của từng</th></tr><tr><td>Đề tài</td><td></td></tr><tr><td>Lập luận</td><td></td></tr><tr><td>Bố cục</td><td></td></tr><tr><td>Diễn đạt</td><td></td></tr></table>		Các vấn đề cơ bản	Đặc điểm cụ thể của từng	Đề tài		Lập luận		Bố cục		Diễn đạt		<p>II. Ôn tập các tri thức văn nghị luận</p> <p>1. Đề tài cơ bản của văn nghị luận trong nhà trường.</p> <p>a) Có thể chia đề tài của văn nghị luận trong nhà trường thành 2 nhóm: nghị luận xã hội (các đề tài thuộc lĩnh vực xã hội) và nghị luận văn học (các đề tài thuộc lĩnh vực văn học)</p> <p>b) Khi viết nghị luận về các đề tài đó, có những điểm chung và những điểm khác biệt:</p> <p>+ Điểm chung:</p> <p>- Điều trình bày tư tưởng, quan điểm, nhận xét, đánh giá,... đối với các vấn đề nghị luận.</p> <p>- Điều sử dụng các luận điểm, luận cứ, các thao tác lập luận có tính thuyết phục.</p> <p>+ Điểm khác biệt:</p> <p>- Đối với đề tài nghị luận xã hội, người viết cần có vốn sống, vốn hiểu biết thực tế, hiểu biết xã hội phong phú, rộng rãi và sâu sắc.</p> <p>- Đối với đề tài nghị luận văn học, người viết cần có kiến thức văn học, khả năng lí giải các vấn đề văn học, cảm thụ các tác phẩm, hình tượng văn học.</p> <p>2. Lập luận trong văn nghị luận</p> <p>a) Lập luận là đưa ra các lí lẽ, bằng chứng nhằm dẫn dắt người đọc (người nghe) đến một kết luận nào đó mà người viết (người nói) muốn đạt tới. Lập luận gồm những yếu tố: luận điểm, luận cứ, phương pháp lập luận.</p> <p>b) Luận điểm là ý kiến thể hiện tư tưởng, quan điểm của người viết (nói) về vấn đề nghị luận. Luận điểm cần chính xác, minh bạch. Luận cứ là những lí lẽ và bằng cứ được dùng để soi sáng cho</p>
Các vấn đề cơ bản	Đặc điểm cụ thể của từng											
Đề tài												
Lập luận												
Bố cục												
Diễn đạt												
<p>Thao tác 2- GV nêu câu hỏi ôn tập về lập luận trong văn nghị luận:</p> <p>a) <i>Lập luận gồm những yếu tố nào?</i></p>												

b) Thế nào là luận điểm, luận cứ và phương pháp lập luận? Quan hệ giữa luận điểm và luận cứ?

c) Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm.

d) Nêu các lỗi thường gặp khi lập luận và cách khắc phục.

đ) Kể tên các thao tác lập luận cơ bản, cho biết cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận đó trong bài nghị luận.

luận
điểm.

c) Yêu cầu cơ bản và cách xác định luận cứ cho luận điểm:

+ Lí lẽ phải có cơ sở, phải dựa trên những chân lí, những lí lẽ đã được thừa nhận.

+ Dẫn chứng phải chính xác, tiêu biểu, phù hợp với lí lẽ.

+ Cả lí lẽ và dẫn chứng phải phù hợp với luận điểm, tập trung làm sáng rõ luận điểm.

d) Các lỗi thường gặp khi lập luận và cách khắc phục:

+ Nêu luận điểm không rõ ràng, trùng lặp, không phù hợp với bản chất của vấn đề cần giải quyết.

+ Nêu luận cứ không đầy đủ, thiếu chính xác, thiếu chân thực, trùng lặp hoặc quá rườm rà, không liên quan mật thiết đến luận điểm cần trình bày.

+ Lập luận mâu thuẫn, luận cứ không phù hợp với luận điểm.

đ) Các thao tác lập luận cơ bản:

+ Thao tác lập luận phân tích.

+ Thao tác lập luận so sánh.

+ Thao tác lập luận bác bỏ.

+ Thao tác lập luận bình luận.

Cách tiến hành và sử dụng các thao tác lập luận trong bài nghị luận: sử dụng một cách tổng hợp các thao tác lập luận.

3. Bố cục của bài văn nghị luận

a) Mở bài có vai trò nêu vấn đề nghị luận, định hướng cho bài nghị luận và thu hút sự chú ý của người đọc (người nghe).

Yêu cầu của mở bài: thông báo chính xác, ngắn gọn về đề tài; hướng người đọc (người nghe) vào đề tài một cách tự nhiên; gợi sự hứng thú với vấn đề được trình bày trong văn bản.

Cách mở bài: có thể nêu vấn đề một cách trực tiếp hoặc gián tiếp.

b) Thân bài là phần chính của bài viết.

Thao tác 3- GV nêu câu hỏi ôn tập về bố cục bài nghị luận:

a) Mở bài có vai trò như thế nào? Phải đạt những yêu cầu gì? Cách mở bài cho các kiểu nghị luận.

b) Vị trí phần thân bài? Nội dung cơ bản? Cách sắp xếp các nội dung đó? Sự chuyển ý giữa các đoạn?

c) Vai trò và yêu cầu của phần kết bài? Cách kết cho các kiểu nghị luận đã học?

- HS khái quát lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác.

Nội dung cơ bản của phần thân bài là triển khai vấn đề thành các luận điểm, luận cứ với cách sử dụng các phương pháp lập luận thích hợp.

Các nội dung trong phần thân bài phải được sắp xếp một cách có hệ thống, các nội dung phải có quan hệ logic chặt chẽ.

Giữa các đoạn trong thân bài phải có sự chuyển ý để đảm bảo tính liên kết giữa các ý, các đoạn.

c) Kết bài có vai trò thông báo về sự kết thúc của việc trình bày đề tài, nêu đánh giá khái quát của người viết về những khía cạnh nổi bật nhất của vấn đề; gợi liên tưởng rộng hơn, sâu sắc hơn.

4. Diễn đạt trong văn nghị luận

+ Lựa chọn các từ ngữ chính xác, phù hợp với vấn đề cần nghị luận, tránh dùng từ khẩu ngữ hoặc những từ ngữ sáo rỗng, cầu kì; Kết hợp sử dụng những biện pháp tu từ từ vựng (ẩn dụ, hoán dụ, so sánh,...) và một số từ ngữ mang tính biểu cảm, gợi hình tượng để bộc lộ cảm xúc phù hợp.

+ Phối hợp một số kiểu câu trong đoạn, trong bài để tránh sự đơn điệu, nặng nề, tạo nên giọng điệu linh hoạt, biểu hiện cảm xúc: câu ngắn, câu dài, câu mở rộng thành phần, câu nhiều tầng bậc,... Sử dụng các biện pháp tu từ cú pháp để tạo nhịp điệu, nhấn mạnh rõ hơn thái độ, cảm xúc: lặp cú pháp, song hành, liệt kê, câu hỏi tu từ,...

+ Giọng điệu chủ yếu của lời văn nghị luận là trang trọng, nghiêm túc. Các phần trong bài văn có thể thay đổi giọng điệu sao cho thích hợp với nội dung cụ thể: sôi nổi, mạnh mẽ, trầm lắng, hài hước,...

+ Các lỗi về diễn đạt thường gặp: dùng từ ngữ thiếu chính xác, lặp từ, thừa từ, dùng từ ngữ không đúng phong cách; sử dụng câu đơn điệu, câu sai ngữ pháp; sử

<p>Thao tác 4- GV nêu câu hỏi ôn tập về diễn đạt trong văn nghị luận:</p> <p>a) <i>Yêu cầu của diễn đạt? Cách dùng từ, viết câu và giọng văn?</i></p> <p>b) <i>Các lỗi về diễn đạt và cách khắc phục.</i></p> <p>- HS suy nghĩ và trả lời</p> <p>- HS khái quát lại kiến thức đã học và trình bày lần lượt từng vấn đề. Các học sinh khác có thể nhận xét, bổ sung nếu chưa đủ hoặc thiếu chính xác.</p>	<p>dụng giọng điệu không phù hợp với vấn đề nghị luận,...</p>
<p>- GV yêu cầu 1 HS đọc 2 đề văn (SGK) và hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu luyện tập.</p> <p>a) Tìm hiểu đề:</p> <p>- Hai đề bài yêu cầu viết kiểu bài nghị luận nào?</p> <p>- Các thao tác lập luận cần sử dụng để làm bài là gì?</p> <p>- Những luận điểm cơ bản nào cần dự kiến cho bài viết?</p> <p>b) Lập dàn ý cho bài viết.</p> <p>Trên cơ sở tìm hiểu đề, GV chia HS thành hai nhóm, mỗi nhóm tiến hành lập dàn ý cho một đề bài. Mỗi nhóm cử đại diện trình bày trên bảng để cả lớp phân tích, nhận xét.</p>	<p>1. Đề văn (SGK).</p> <p>2. Yêu cầu luyện tập:</p> <p>a) Tìm hiểu đề:</p> <p>+ Kiểu bài: nghị luận xã hội (đề 1), nghị luận văn học (đề 2).</p> <p>+ Thao tác lập luận: cả 2 đề đều vận dụng tổng hợp các thao tác lập luận. Tuy nhiên, đề 1 chủ yếu vận dụng thao tác bình luận; đề 2 chủ yếu vận dụng thao tác phân tích.</p> <p>+ Những luận điểm cơ bản cần dự kiến cho bài viết:</p> <p>- Với đề 1: Trước hết cần khẳng định câu nói của Xô-cô-rát với người khách và giải thích tại sao ông lại nói như vậy? Sau đó rút ra bài học từ câu chuyện và bình luận.</p> <p>- Với đề 2: Trước hết cần chọn đoạn thơ để phân tích. Sau đó căn cứ vào nội dung tư tưởng và hình thức nghệ thuật của đoạn để chia thành các luận điểm.</p> <p>b) Lập dàn ý cho bài viết:</p> <p>Tham khảo sách Bài tập Ngữ văn 12 hoặc Dàn bài làm văn 12.</p>

HS thực hiện các yêu cầu luyện

tập.

HS thành hai nhóm, mỗi nhóm tiến hành lập dàn ý cho một đề bài. Mỗi nhóm cử đại diện trình bày trên bảng để cả lớp phân tích, nhận xét.

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu 1: Yếu tố nào sau đây không thuộc cấu tạo của lập luận trong văn nghị luận?</p> <p>a/ Luận điểm</p> <p>b/ Luận cứ</p> <p>c/ Luận chứng</p> <p>d/ Các phương tiện liên kết lập luận.</p> <p>Câu 2: Dòng nào sau đây nêu không đúng lỗi thường gặp trong văn nghị luận:</p> <p>a/ Bố cục bài văn nghị luận không logic, thống nhất</p> <p>b/ Luận cứ không đầy đủ, chính xác, tiêu biểu</p> <p>c/ Luận điểm không rõ ràng, chính xác</p> <p>d/Cách lập luận thiếu thuyết phục.</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>1c,2a</p>

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Đề bài:</p> <p><i>Trong cuộc sống, đừng tham vọng nhưng phải có khát vọng.</i></p> <p>Suy nghĩ của anh/chị về ý kiến trên.</p>	<p>I. Tìm hiểu đề</p> <p>- Kiểu bài: Nghị luận về tư tưởng đạo lí</p> <p>- Vấn đề cần nghị luận:</p> <p>– Khát vọng là mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp với một sự thôi thúc mạnh mẽ. Hướng tới khát vọng là hướng tới những điều tốt đẹp cho bản thân và cho cộng đồng.</p> <p>– Tham vọng là lòng ham muốn, mong ước quá lớn, vượt xa khả năng thực tế của con người, khó có thể đạt được. Tham vọng đôi khi chỉ gắn với dục vọng cá nhân.</p>

<p>bước:</p> <p>1/ Tìm hiểu đề 2/Tìm ý 3/ Lập dàn ý</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>hướng đến cái chung, phê phán những tham vọng chỉ đem tới cái riêng cho mỗi con người</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác lập luận: giải thích, phân tích, bác bỏ, chứng minh, bình luận - Dẫn chứng: đ/s XH liên quan đến ý nghĩa của khát vọng và tác hại của tham vọng trong cuộc sống <p>II. Tìm ý</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề gì được đặt ra? Nó như thế nào? - Vấn đề trên đúng hay sai? Hợp lí hay không hợp lí? Ý kiến khác của em? - Vì sao có thể khẳng định như thế? (Lí lẽ, dẫn chứng) - Điều gì có thể rút ra khi liên hệ với thời đại, hoàn cảnh sống, lứa tuổi của mình và những người đang nghe mình bình luận - Câu nói đem đến bài học gì cho em? (Về nhận thức, hành động... Trải nghiệm của bản thân) <p>II. Lập dàn ý</p> <p>1. Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu vấn đề cần nghị luận - Trích dẫn câu nói - Khẳng định ý nghĩa tích cực của những điều đặt ra trong câu nói đối với thế hệ trẻ khi xác định lối sống cho bản thân <p>2. Thân bài:</p> <p>a. Giải thích vấn đề cần nghị luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Khát vọng là mong muốn những điều lớn lao, tốt đẹp với một sự thôi thúc mạnh mẽ. Hướng tới khát vọng là hướng tới những điều tốt đẹp cho bản thân và cho cộng đồng. <p>VD: khát vọng trở thành bác sĩ chữa bệnh cho người nghèo...</p> <ul style="list-style-type: none"> – Tham vọng là lòng ham muốn, mong ước quá lớn, vượt xa khả năng thực tế của con người, khó có thể đạt được. Tham vọng đôi khi chỉ gắn với dục vọng cá nhân. <p>VD: tham vọng bành trướng, tham vọng địa vị, quyền lực để nổi danh, để mọi người phải phục tùng..., tham vọng tiền tài, của cải</p> <p>* Về thực chất, câu nói đó khẳng định giá trị của khát vọng hướng đến cái chung, phê phán những tham vọng chỉ đem tới cái riêng cho mỗi con người</p> <p>b. Bàn luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong cuộc sống, đừng nên tham vọng: + Tham vọng xuất phát từ lòng tham lam, sự hiếu thắng và vị kỉ. Khi tham vọng, con người không còn ý thức đúng đắn về bản thân mình, không còn tính toán để cân nhắc lợi hại cho mọi
---	--

người, cho bản thân. Nếu quá ráo riết theo đuổi tham vọng, con người sẽ trở nên mù quáng, bất chấp đạo đức, pháp luật, tình người gây hại cho mọi người, cho xã hội, tự mình nhận lấy nhiều hậu quả khôn lường.

VD: những kẻ buôn ma túy, phá rừng, xả thải chưa xử lý ra môi trường, tham nhũng...

+ Khi tham vọng, con người quên đi những tình cảm bình thường, dễ trở nên lạnh lùng, tàn nhẫn. Vì theo đuổi tham vọng, con người dễ trở nên căng thẳng, cay cú, tâm hồn mất đi sự thanh thản. Khi không đạt được tham vọng sẽ bi quan, chán chường, thù ghét, hận thù. Hiển nhiên, đó không thể là hạnh phúc.

VD:.....

- Trong cuộc sống, cần phải có khát vọng:

+ Có khát vọng con người mới hiểu đầy đủ ý nghĩa của cuộc sống, mới thực sự thấm thía hạnh phúc của việc làm người. Khát vọng chân chính đem đến cho con người niềm vui sống, động lực sống, đem đến cho con người sự tự tin, niềm tự hào chính đáng.

+ Khát vọng kích thích con người phát huy tận độ trí tuệ, năng lực của mình để đóng góp cho những điều có ích cho cộng đồng, cho xã hội. Xưa nay, những con người cao cả thường mang hoài bão lớn và phấn đấu bền bỉ, hi sinh đến cùng cho hoài bão, lí tưởng tốt đẹp

VD: HCM, vợ chồng bác sĩ Mari Curie....

+ Hoài bão, khát vọng giúp con người có ý chí, sức mạnh để chiến thắng những trở ngại trong cuộc sống

+ Người có khát vọng là người nhận thức đúng đắn bản thân mình là ai, mình có thể làm gì cho mình và cho mọi người. Họ có trái tim say mê lý tưởng, có đầu óc tỉnh táo, nhận thức đúng, sai, lợi, hại. Họ có thể điều chỉnh và làm chủ bản thân mình. Vì thế, họ tránh được rủi ro trong cuộc sống; (dẫn chứng thực tế)

– Phê phán những người sống không có khát vọng, làm cho cuộc sống trở nên vô nghĩa, sống thừa; bị tham vọng làm cho mờ mắt, dễ đưa đến con đường tội lỗi, vi phạm pháp luật và đạo đức.

c. Bài học nhận thức, hành động:

- Nhận thức: thấy được đây là lời khuyên đúng đắn. Hiểu được ý nghĩa của khát vọng và hậu quả của tham vọng để xác định cho mình lối sống đúng đắn.

- Hành động: Trong cuộc sống, cần ấp ủ nuôi dưỡng ước mơ, khát vọng, không ngừng nỗ lực đạt khát vọng. Cần tỉnh

táo, tiết chế bản thân để khát vọng không trở thành tham vọng.

	<p>Thực hiện điều này ngay từ hôm nay. Trải nghiệm của bản thân</p> <p>3. Kết bài:</p> <p>- Khẳng định vấn đề cần nghị luận</p> <p>“Con người ta được sáng tạo ra không phải để mang xích xiềng mà để được tự do tung cánh bay lượn trên bầu trời”. Câu nói ấy không chỉ nhằm khẳng định con người là tập trung của mọi vẻ đẹp tinh túy nhất, tuyệt vời nhất về hình thức và phẩm chất, về lí trí và tình cảm mà còn muốn khẳng định mạnh mẽ quyền được sống, quyền được khát vọng tự do, không khuất phục trước bất kì một thế lực đen tối nào trong xã hội.</p>
--	---

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG. (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>+ Vẽ bản đồ tư duy bài học</p> <p>+ Trình bày các bước tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho các dạng bài: Nghị luận xã hội; nghị luận văn học</p> <p>- HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>+ Vẽ đúng bản đồ tư duy</p> <p>+ Tự ôn lại kiến thức, tăng cường thực hành tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý cho các dạng bài: Nghị luận xã hội; nghị luận văn học</p>

TIẾT 97-98

GIÁ TRỊ VĂN HỌC VÀ TIẾP NHẬN VĂN HỌC

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Giá trị văn học và tiếp nhận văn học

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:

+ SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.

+ Máy tính, máy chiếu, loa...

- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

- Những giá trị cơ bản của văn học
- Tiếp nhận trong đời sống văn học, tính chất và các cấp độ tiếp nhận văn học.

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :
 - a/ Nhận biết: HS nhận biết các khái niệm về giá trị văn học và tiếp nhận văn học
 - b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được giá trị văn học và tiếp nhận văn học khi đọc hiểu văn bản
 - c/Vận dụng thấp: Viết đoạn văn ngắn phân tích giá trị văn học trong 1 tác phẩm đã học;
 - d/Vận dụng cao:
 - Vận dụng hiểu biết về lí luận văn học để lí giải các giá trị văn học và cách tiếp nhận tác phẩm văn học đã học trong chương trình Ngữ văn 12;
2. Kỹ năng :
 - a/ Biết làm: bài nghị luận về một vấn đề mang tính lí luận văn học; b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học;
- 3.Thái độ :
 - a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản liên quan đến lí luận văn học;
 - b/ Hình thành tính cách: tự tin, sáng tạo khi tìm hiểu văn bản liên quan đến lí luận văn học;
 - c/Hình thành nhân cách:
 - Biết nhận thức được ý nghĩa vấn đề lí luận trong quá trình tiếp nhận văn học
4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:
 - Năng lực thu thập thông tin liên quan đến lí luận văn học;
 - Năng lực đọc – hiểu các văn bản liên quan đến lí luận văn học;
 - Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giá trị văn học và tiếp nhận văn học;
 - Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về giá trị văn học và tiếp nhận văn học;
 - Năng lực phân tích, so sánh sự khác nhau trong quá trình tiếp nhận văn học;
 - Năng lực tạo lập văn bản nghị luận mang tính lí luận.

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none">- GV giao nhiệm vụ: Qua hai phát hiện của nghệ sĩ Phùng ở phần đầu truyện Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu, em nhận thức được điều gì về cuộc sống và con người thời hậu chiến? Em tỏ thái độ gì với từng nhân vật trong truyện? Em thấy hình ảnh chiếc thuyền ngoài xa có đẹp không?	<ul style="list-style-type: none">- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.- Tập trung cao và

<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: Ôn lại truyện đã học, tập trung 3 câu hỏi để trả lời. - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>Từ đó, giáo viên giới thiệu <i>Vào bài: Từ truyện Chiếc thuyền ngoài xa, ta thấy tác phẩm văn học có nhiều giá trị. Mỗi người đến với tác phẩm đều có cái nhìn khác nhau. Đó là những vấn đề liên quan đến giá trị văn học và Tiếp nhận văn học mà chúng ta sẽ tìm hiểu hôm nay.</i></p>	<p>hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.</p> <p>- Có thái độ tích cực, hứng thú.</p>
--	--

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>Thao tác 1- GV nêu câu hỏi:</p> <p><i>Thế nào là giá trị văn học? Văn học có những giá trị cơ bản nào?</i></p> <p>Thao tác 2- Một HS đọc mục 1 (phần I- SGK).</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nêu yêu cầu: <p><i>Hãy nêu vắn tắt cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị nhận thức và cho ví dụ.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản. - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị nhận thức: <p>+ Nhận thức về thế giới sâu rộng trong những không gian, thời gian khác nhau (không giới hạn). Ví dụ: từ Mùa lá rụng trong vườn đến</p>	<p>I. Giá trị văn học</p> <p>1. Khái quát chung</p> <p>+ Giá trị văn học là sản phẩm kết tinh từ quá trình văn học, đáp ứng những nhu cầu khác nhau của cuộc sống con người, tác động sâu sắc tới con người và cuộc sống.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Những giá trị cơ bản: - Giá trị nhận thức. - Giá trị giáo dục. - Giá trị thẩm mỹ. <p>2. Giá trị nhận thức</p> <p>+ Cơ sở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm văn học là kết quả của quá trình nhà văn khám phá, lí giải hiện thực đời sống rồi chuyển hóa những hiểu biết đó vào nội dung tác phẩm. Bạn đọc đến với tác phẩm sẽ được đáp ứng nhu cầu nhận thức. - Mỗi người chỉ sống trong một khoảng thời gian nhất định, ở những không gian nhất định với những mối quan hệ nhất định. Văn học có khả năng phá vỡ giới hạn tồn tại trong thời gian, không gian thực tế của mỗi cá nhân, đem lại khả năng sống cuộc sống của nhiều người, nhiều thời, nhiều nơi. - Giá trị nhận thức là khả năng của văn học có thể đáp ứng được yêu cầu của con người muốn hiểu biết cuộc sống và chính bản thân, từ đó tác động vào

dưới biển vòng quanh thế giới, từ Iliát, Ôđixê ở châu Âu đến Nàng Xita Ấn Độ, Từ tiểu thuyết lịch sử Tam quốc diễn nghĩa Trung Hoa đến thơ Hai C- Nhật Bản, sản cá châu Mỹ...

+ Nhận thức về con người (về đẹp hình thể, về đẹp tâm hồn, trí tuệ, lí tưởng, khát vọng, bi kịch...) qua các nhân vật văn học. Văn học là nhân học. Ví dụ: Cô Tấm, Thạch Sanh, nàng Kiều, Lục Vân Tiên, chị Dậu, Xantiagô, Xôcôlốp...

Thao tác 3- Một HS đọc mục 2 (phần I- SGK).

- GV nêu yêu cầu:

Hãy nêu vắn tắt cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị giáo dục và cho ví dụ.

- GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.

- HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị giáo dục.

các vùng đất, các dân tộc, phong tục, tập quán,...). Ví dụ (...).

- Quá trình tự nhận thức của văn học: người đọc hiểu được bản chất của con người nói chung (mục đích tồn tại, tư tưởng, khát vọng, sức mạnh,... của con người), từ đó mà hiểu chính bản thân mình. Ví dụ (...).

3. Giá trị giáo dục

+ Cơ sở:

- Con người không chỉ có nhu cầu hiểu biết mà còn có nhu cầu hướng thiện, khao khát cuộc sống tốt lành, chan hòa tình yêu thương.

- Nhà văn luôn bộc lộ tư tưởng- tình cảm, nhận xét, đánh giá, ... của mình trong tác phẩm. Điều đó tác động lớn và có khả năng giáo dục người đọc.

- Giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức.

+ Nội dung:

- Văn học đem đến cho con người những bài học quý giá về lẽ sống. Ví dụ (...).

- Văn học hình thành trong con người một lí tưởng tiến bộ, giúp họ có thái độ và quan điểm đúng đắn về cuộc sống. Ví dụ (...).

- Văn học giúp con người biết yêu ghét đúng đắn, làm cho tâm hồn con người trở nên lành mạnh, trong sáng, cao thượng hơn. Ví dụ (...).

- Văn học nâng đỡ cho nhân cách con người phát triển, giúp cho họ biết phân biệt phải- trái, tốt- xấu, đúng- sai, có quan hệ tốt đẹp và biết gắn bó cuộc sống của cá nhân mình với cuộc sống của mọi người. Ví dụ (...).

+ Đặc trưng giáo dục của văn học là từ con đường cảm xúc tới nhận thức, tự giáo dục (khác với pháp luật, đạo đức,...). Văn học cảm hóa con người bằng hình tượng, bằng cái thật, cái đúng, cái đẹp nên nó giáo dục một cách tự giác, thấm sâu, lâu bền. Văn học không chỉ góp phần hoàn thiện bản thân con người mà còn hướng con người tới những hành động cụ thể, thiết thực, vì một cuộc đời ngày càng tốt đẹp hơn. Ví dụ (...).

4. Giá trị thẩm mĩ

+ Cơ sở:

<p>Thao tác 4- Một HS đọc mục 3 (phần I- SGK).</p> <p>- GV nêu yêu cầu: <i>Hãy nêu vắn tắt cơ sở xuất hiện và nội dung của giá trị thẩm mỹ và cho ví dụ.</i></p> <p>- GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.</p> <p>- HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính. Nêu ví dụ cho từng nội dung giá trị thẩm mỹ.</p> <p>- HS bằng năng lực khái quát, liên tưởng, suy nghĩ cá nhân và trình bày.</p> <p>Thao tác 5- GV nêu câu hỏi: <i>3 giá trị của văn học có mối quan hệ với nhau như thế nào?</i></p> <p>- GV nhận xét và nhấn mạnh mối quan hệ của 3 giá trị.</p>	<p>- Con người luôn có nhu cầu cảm thụ, thưởng thức cái đẹp.</p> <p>- Thế giới hiện thực đã có sẵn vẻ đẹp nhưng không phải ai cũng có thể nhận biết và cảm thụ. Nhà văn, bằng năng lực của mình đã đưa cái đẹp vào tác phẩm một cách nghệ thuật, giúp người đọc vừa cảm nhận được cái đẹp cuộc đời vừa cảm nhận được cái đẹp của chính tác phẩm.</p> <p>- Giá trị thẩm mỹ là khả năng của văn học có thể đem đến cho con người những rung động trước cái đẹp (cái đẹp cuộc sống và cái đẹp của chính tác phẩm).</p> <p>+ Nội dung:</p> <p>- Văn học đem đến cho con người những vẻ đẹp muôn hình, muôn vẻ của cuộc đời (thiên nhiên, đất nước, con người, cuộc đời, lịch sử,...). Ví dụ (...).</p> <p>- Văn học đi sâu miêu tả vẻ đẹp con người (ngoại hình, nội tâm, tư tưởng- tình cảm, những hành động, lời nói,...). Ví dụ (...).</p> <p>- Văn học có thể phát hiện ra vẻ đẹp của những sự vật rất nhỏ bé, bình thường và cả vẻ đẹp đồ sộ, kì vĩ. Ví dụ (...).</p> <p>- Hình thức đẹp của tác phẩm (kết cấu, ngôn ngữ,...) cũng chính là một nội dung quan trọng của giá trị thẩm mỹ. Ví dụ (...).</p> <p>5. Mối quan hệ giữa các giá trị văn học</p> <p>+ 3 giá trị có mối quan hệ mật thiết, không tách rời, cùng tác động đến người đọc (khái niệm chân-thiện- mỹ của cha ông).</p> <p>+ Giá trị nhận thức luôn là tiền đề của giá trị giáo dục. Giá trị giáo dục làm sâu sắc thêm giá trị nhận thức. Giá trị thẩm mỹ khiến cho giá trị nhận thức và giá trị giáo dục được phát huy. Không có nhận thức đúng đắn thì văn học không thể giáo dục được con người vì nhận thức không chỉ để nhận thức mà nhận thức là để hành động. Tuy nhiên, giá trị nhận thức và giá trị giáo dục chỉ có thể phát huy một cách tích cực nhất, có hiệu quả cao nhất khi gắn với giá trị thẩm mỹ- giá trị tạo nên đặc trưng của văn học.</p>
---	--

<p>- HS dựa vào nội dung SGK và nhận thức cá nhân để trả lời câu hỏi</p>	
<p>Thao tác 1- Một HS đọc mục 1 và 2 (phần II- SGK). - GV nêu câu hỏi: 1) <i>Tiếp nhận văn học là gì?</i> 2) <i>Phân tích các tính chất trong tiếp nhận văn học.</i> - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản.</p> <p>Thao tác 2- Một HS đọc mục 3 (phần II- SGK). - GV nêu câu hỏi: a) <i>Có mấy cấp độ tiếp nhận văn học?</i> b) <i>Làm thế nào để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự?</i> - GV nhận xét và nhấn mạnh những ý cơ bản. - HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính- nêu khái niệm, phân tích tính chất- có ví dụ.</p>	<p>II. Tiếp nhận văn học</p> <p>1. Tiếp nhận trong đời sống văn học Tiếp nhận văn học là quá trình người đọc hòa mình vào tác phẩm, rung động với nó, đắm chìm trong thế giới nghệ thuật được dựng lên bằng ngôn từ, lắng tai nghe tiếng nói của tác giả, thưởng thức cái hay, cái đẹp, tài nghệ của người nghệ sĩ sáng tạo. Bằng trí tưởng tượng, kinh nghiệm sống, vốn văn hóa và bằng cả tâm hồn mình, người đọc khám phá ý nghĩa từng của câu chữ, cảm nhận sức sống của từng hình ảnh, hình tượng, nhân vật,... làm cho tác phẩm từ một văn bản khô khan biến thành một thế giới sống động, đầy sức cuốn hút.</p> <p>Tiếp nhận văn học là hoạt động tích cực của cảm giác, tâm trí người đọc nhằm biến văn bản thành thế giới nghệ thuật trong tâm trí mình.</p> <p>+ Phân biệt tiếp nhận và đọc: tiếp nhận rộng hơn đọc vì tiếp nhận có thể bằng truyền miệng hoặc bằng kênh thính giác (nghe).</p> <p>2. Tính chất tiếp nhận văn học Tiếp nhận văn học thực chất là một quá trình giao tiếp (tác giả và người tiếp nhận, người nói và người nghe, người viết và người đọc, người bày tỏ và người chia sẻ, cảm thông). Vì vậy, gặp gỡ, đồng điệu hoàn toàn là điều khó. Điều này thể hiện ở 2 tính chất cơ bản sau:</p> <p>+ Tính chất cá thể hóa, tính chủ động, tích cực của người tiếp nhận. Các yếu tố thuộc về cá nhân có vai trò quan trọng: năng lực, thị hiếu, sở thích, lứa tuổi, trình độ học vấn, kinh nghiệm sống,... Tính khuynh hướng trong tư tưởng, tình cảm, trong thị hiếu thẩm mỹ làm cho sự tiếp nhận mang đậm nét cá nhân. Chính sự chủ động, tích cực của người tiếp nhận đã làm tăng thêm sức sống cho tác phẩm. Ví dụ (...).</p> <p>+ Tính đa dạng, không thống nhất: cảm thụ, đánh giá của công chúng về một tác phẩm rất khác nhau, thậm chí cùng một người ở nhiều thời điểm có nhiều</p>

<p>- HS đọc- hiểu, tóm tắt thành những ý chính (có ví dụ).</p>	<p>khác nhau trong cảm thụ, đánh giá. Nguyên nhân ở cả tác phẩm (nội dung phong phú, hình tượng phức tạp, ngôn từ đa nghĩa,...) và người tiếp nhận (tuổi tác, kinh nghiệm, học vấn, tâm trạng,...). Ví dụ (...).</p> <p>3. Các cấp độ tiếp nhận văn học</p> <p>a) Có 3 cấp độ tiếp nhận văn học:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cấp độ thứ nhất: cảm thụ chỉ tập trung vào nội dung cụ thể, nội dung trực tiếp của tác phẩm. Đây là cách tiếp nhận đơn giản nhưng khá phổ biến. + Cấp độ thứ hai: cảm thụ qua nội dung trực tiếp để thấy được nội dung tư tưởng của tác phẩm. + Cấp độ thứ ba: cảm thụ chú ý đến cả nội dung và hình thức để thấy được cả giá trị tư tưởng và giá trị nghệ thuật của tác phẩm. <p>b) Để tiếp nhận văn học có hiệu quả thực sự, người tiếp nhận cần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nâng cao trình độ. + Tích lũy kinh nghiệm. + Trân trọng tác phẩm, tìm cách hiểu tác phẩm một cách khách quan, toàn vẹn. + Tiếp nhận một cách chủ động, tích cực, sáng tạo, hướng tới cái hay, cái đẹp, cái đúng. + Không nên suy diễn tùy tiện.
<p>- GV hướng dẫn, gợi ý để HS tự làm Bài tập 1: Có người cho giá trị cao quý nhất của văn chương là nuôi dưỡng đời sống tâm hồn con người, hay nói như Thạch Lam là "làm cho lòng người được trong sạch và phong phú hơn". Nói như vậy có đúng không? Vì sao?</p> <p>Bài tập 2: Phân tích một tác phẩm văn học cụ thể (tự chọn) để làm sáng tỏ các giá trị (hoặc các cấp độ) trong tiếp nhận văn học.</p> <p>Bài tập 3: Thế nào là cảm và hiểu trong tiếp nhận văn học. HS tự làm .</p>	<p>III. Luyện tập</p> <p>Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đây chỉ là cách nói để nhấn mạnh giá trị giáo dục của văn chương, không có ý xem nhẹ các giá trị khác. + Cần đặt giá trị giáo dục trong mối quan hệ không thể tách rời với các giá trị khác. <p>Bài tập 2: Tham khảo các ví dụ trong SGK và trong bài giảng của thầy.</p> <p>Bài tập 3: Đây là cách nói khác về các cấp độ khác nhau trong tiếp nhận văn học: cảm là cấp độ tiếp nhận cảm tính, hiểu là cấp độ tiếp nhận lí tính.</p>

3. LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Câu 1: Dòng nào dưới đây nêu không đúng giá trị cơ bản của văn học: a/ Giá trị nhận thức b/ Giá trị giáo dục c/ Giá trị hiện thực d/ Giá trị thẩm mỹ Câu 2: Dòng nào dưới đây nêu đúng nhất tính chất cơ bản của tiếp nhận văn học a/ Tính cá thể hoá, chủ động, tích cực b/ Tính đa dạng, không thống nhất c/ Tính hàm súc, đa nghĩa d/ Gồm a và b - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	1c,2d

4. VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: <i>Chỉ ra các giá trị văn học qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu</i> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Vận dụng kiến thức đã học bài Chiếc thuyền ngoài xa - Xác định đúng 3 giá trị: + Nhận thức + Giáo dục + Thẩm mỹ

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học	+ Vẽ đúng bản đồ tư duy + Dựa vào kiến thức tiếp nhận văn học để đưa ra

<p>+ Ca dao có câu: Có xáo thì xáo nước trong/ Đừng xáo nước đục đau lòng cò con <i>Có ý kiến cho rằng hình ảnh cò con khép bài ca dao là cách xưng hô của con cò với bề trên (Ông ơi ông vớt tôi nao). Nhưng cũng có ý cho rằng Cò con chính là con của con cò. Anh/ chị tiếp nhận vấn đề này như thế nào?</i> -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>quan điểm riêng, có thể đồng tình hay không đồng tình như phải lập luận chắc chắn.</p>
--	--

TIẾT 99

Tổng kết phần tiếng việt: lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học :

Tổng kết phần tiếng việt: lịch sử, đặc điểm loại hình và các phong cách ngôn ngữ

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1. Giáo viên:

- Phương tiện, thiết bị:
- + SGK, SGV, Tư liệu Ngữ Văn 11, thiết kế bài học.
- + Máy tính, máy chiếu, loa...
- PPDH: Phát vấn, thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, trò chơi

2. Học sinh: Sách giáo khoa, bài soạn.

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

- Kiến thức cơ bản về nguồn gốc, quan hệ họ hàng và quá trình phát triển của tiếng Việt , chữ viết.

- Những đặc điểm loại hình tiếng Việt

- Các phong cách ngôn ngữ tiếng Việt

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được lịch sử, đặc điểm loại hình và phong cách ngôn ngữ

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được đặc trưng của PCNN văn bản;

c/Vận dụng thấp: Chỉ ra và nêu hiệu quả nghệ thuật của đặc điểm loại hình tiếng Việt trong văn bản;

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết tiếng Việt để làm bài đọc hiểu;

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài đọc hiểu liên quan đến tiếng Việt;

b/ Thông thạo: các bước làm bài đoạn hiểu Tiếng

Việt; 3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản liên quan đến Tiếng Việt

b/ Hình thành tính cách: tự tin khi sử dụng ngôn ngữ tiếng Việt;

c/Hình thành nhân cách:

-Có ý thức tìm tòi giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt;

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến Tiếng Việt

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về Tiếng Việt

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về phong cách ngôn ngữ văn bản

- Năng lực phân tích, so sánh đặc trưng của phong cách ngôn ngữ văn bản trong Tiếng Việt

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
<ul style="list-style-type: none">- GV giao nhiệm vụ: GV tổ chức trò chơi Ô CHỮ liên quan đến tiếng Việt- HS thực hiện nhiệm vụ: tìm đúng từ trong ô chữ theo yêu cầu của câu hỏi- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Như vậy, qua 03 năm học ở khối THPT, bên cạnh phần đọc hiểu văn bản, phần Làm văn, có một phân môn cũng rất quan trọng góp phần giữ trong sáng của tiếng nói dân tộc, đó là Tiếng Việt. Hôm nay, chúng ta đi vào ôn tập để chốt lại kiến thức cơ bản liên quan đến tiếng Việt.	<ul style="list-style-type: none">- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.- Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(30 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền vào những thông tin đã học. - HS làm việc cá nhân và trình bày 	I. Tổng kết về nguồn gốc, lịch sử phát triển của tiếng Việt và đặc điểm của loại hình ngôn ngữ đơn lập.
<ul style="list-style-type: none"> - GV hướng dẫn HS kẻ bảng và điền vào những thông tin đã học. - HS làm việc cá nhân và trình bày trước lớp. Các HS khác nhận xét, 	II. Tổng kết về phong cách ngôn ngữ văn bản
<p>Bài tập 1: So sánh hai phần văn bản (mục 4- SGK), xác định phong cách ngôn ngữ và đặc điểm ngôn ngữ của hai văn bản.</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV yêu cầu HS vận dụng kiến thức để xác định và phân tích. - HS thảo luận theo nhóm học tập, cử đại diện trình bày và tham gia tranh luận với các nhóm khác. <p>Bài tập 2: Đọc văn bản lược trích (mục 5- SGK) và thực hiện các yêu cầu:</p> <ol style="list-style-type: none"> Xác định phong cách ngôn ngữ của văn bản. Phân tích đặc điểm về từ ngữ, câu văn, kết cấu văn bản. 	III. Luyện tập <p>Bài tập 1: Hai phần văn bản đều có chung đề tài (trăng) nhưng được viết với hai phong cách ngôn ngữ khác nhau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Phần văn bản (a) được viết theo phong cách ngôn ngữ khoa học nên ngôn ngữ dùng thể hiện tính trừu tượng, khái quát, tính lí trí, lôgíc, tính phi cá thể. + Phần văn bản (b) được viết theo phong cách ngôn ngữ nghệ thuật nên ngôn ngữ dùng thể hiện tính hình tượng, tính truyền cảm, tính cá thể hóa. <p>Bài tập 2:</p> <ol style="list-style-type: none"> Văn bản được viết theo phong cách ngôn ngữ hành chính. Ngôn ngữ được sử dụng trong văn bản có đặc điểm: <ul style="list-style-type: none"> + Về từ ngữ: văn bản sử dụng nhiều từ ngữ thường gặp trong phong cách ngôn ngữ hành chính như: quyết định, căn cứ, luật, nghị định 299/HĐBT, ban hành điều lệ, thi hành quyết định này,

<p>cách báo chí (thể loại bản tin) để đưa tin về sự kiện ban hành văn bản.</p> <p>- GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu trên.</p> <p>- HS làm việc cá nhân và trình bày kết quả trước lớp để thảo luận.</p>	<p>+ Về kết cấu: văn bản có kết cấu theo khuôn mẫu 3 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần đầu: quốc hiệu, cơ quan ra quyết định, ngày tháng năm, tên quyết định. - Phần chính: nội dung quyết định. - Phần cuối: chữ kí, họ tên (góc phải), nơi nhận (góc trái). <p>c) Tin ngắn:</p> <p><i>Cách đây chỉ mới vài tiếng đồng hồ, bà Trần Thị Tâm Đan thay mặt UBND thành phố Hà Nội đã kí quyết định thành lập Bảo hiểm Y tế Hà Nội. Quyết định ngoài việc nêu rõ chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ, tổ chức, cơ cấu phòng ban,... còn quy định địa điểm cho Bảo hiểm Y tế Hà Nội và các cá nhân, tổ chức chịu trách nhiệm thi hành.</i></p>
---	---

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Dòng nào dưới đây nêu nhận xét đúng nhất về đoạn văn sau :<i>"Sao anh không cười lên ngựa mà chạy cho mau?...- Rõ khéo cho anh,bốn cẳng lại so với sáu cẳng được à ?</i></p> <ul style="list-style-type: none"> a. Là văn bản (ngôn ngữ) nói b. Là văn bản (ngôn ngữ) viết c. Là văn bản (ngôn ngữ) nói được ghi lại bằng chữ viết d.Là văn bản (ngôn ngữ) nói được trình bày bằng hình thức nói <p>Câu hỏi 2: Nhận xét nào sau đây không phải nói về đặc điểm diễn đạt của đoạn văn trên :</p> <ul style="list-style-type: none"> a. Từ ngữ tự nhiên b. Từ ngữ chọn lọc c. Từ ngữ có tính khẩu ngữ 	<p>TRẢ LỜI</p> <p>[1]='d'</p> <p>[2]='b'</p> <p>[3]='d'</p> <p>[4]='a'</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

<p>d. Dùng hình thức tỉnh lược</p> <p>Câu hỏi 3: Dòng nào sau đây không phải là đặc điểm của ngôn ngữ nói?</p> <p>a. Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ âm thanh</p> <p>b. Ngôn ngữ nói đa dạng về ngữ điệu</p> <p>c. Ngôn ngữ nói sử dụng nhiều lớp từ, kiểu câu đa dạng</p> <p>d. Ngôn ngữ nói là ngôn ngữ tinh luyện và trau chuốt.</p> <p>Câu hỏi 4: Ngôn ngữ viết được sự hỗ trợ của yếu tố nào?</p> <p>a. Dấu câu</p> <p>b. Nét mặt</p> <p>c. Cử chỉ</p> <p>d. Điệu bộ.</p>	
---	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p><i>Về mặt thể loại văn học, ở nước ta, thơ có truyền thống lâu đời. Sử thi của các dân tộc ở Tây Nguyên, của dân tộc Mường..., truyện thơ dân gian của các dân tộc Thái, Tày, Nùng,..., còn lưu truyền nhiều thiên bất hủ. Ca dao, dân ca, thơ cổ điển của người Việt thời phong kiến cũng để lại nhiều viên ngọc quý. Thơ hiện đại, trước cũng như sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã góp vào kho tàng văn học dân tộc biết bao kiệt tác. Văn xuôi tiếng Việt ra đời muộn, gần như cùng với thế kỉ XX, nhưng tốc độ phát triển và trưởng thành hết sức nhanh chóng. Với các thể bút kí, tùy bút, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn xuôi Việt Nam đã có thể sánh cùng với nhiều nền</i></p>	<p>Hướng dẫn làm bài</p> <p>1. Đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học. Có hai dấu hiệu để nhận biết điều ấy: thứ nhất, nội dung của đoạn văn bàn về một vấn đề của văn học sử Việt Nam; thứ hai, trong đoạn văn, người viết sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học.</p> <p>2. Các thuật ngữ khoa học xuất hiện trong đoạn văn: thể loại văn học, thơ, sử thi, truyện thơ dân gian, ca dao, dân ca, thơ cổ điển, văn xuôi, bút kí, tùy bút, truyện ngắn, tiểu thuyết.</p>

<p>2. Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng những thuật ngữ khoa học nào?</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: 	
--	--

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy phân các phong cách ngôn ngữ văn bản -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>+ Vẽ đúng bản đồ tư duy</p>

TIẾT 100- 101-102

ÔN TẬP VĂN HỌC

Ngày soạn:

Ngày thực hiện:

A. VẤN ĐỀ CẦN GIẢI QUYẾT

I. Tên bài học : Ôn tập văn học

II. Hình thức dạy học : DH trên lớp.

III. Chuẩn bị của giáo viên và học sinh

1/Thầy

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh liên quan tác phẩm đã học ở HKII

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở

nhà 2/Trò

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

B. NỘI DUNG BÀI HỌC

Ôn tập :

- Các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

-Các tác phẩm văn học nước ngoài.

C. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Kiến thức :

a/ Nhận biết: HS nhận biết, nhớ được tên tác giả và hoàn cảnh ra đời của các tác phẩm

b/ Thông hiểu: HS hiểu và lí giải được hoàn cảnh sáng tác có tác động và chi phối như thế nào tới nội dung tư tưởng của tác phẩm.

c/Vận dụng thấp: Khái quát được đặc điểm phong cách tác giả từ tác phẩm.

d/Vận dụng cao:

- Vận dụng hiểu biết về tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm để phân tích giá trị nội dung, nghệ thuật của tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam

2. Kỹ năng :

a/ Biết làm: bài nghị luận về một đoạn trích văn xuôi, về 1 ý kiến bàn về văn học;

b/ Thông thạo: các bước làm bài nghị luận văn học

3. Thái độ :

a/ Hình thành thói quen: đọc hiểu văn bản tự sự

b/ Hình thành tính cách: tự tin , sáng tạo khi tìm hiểu văn bản tự sự

c/Hình thành nhân cách:

-Biết nhận thức được ý nghĩa tác phẩm VH hiện đại Việt Nam trong lịch sử văn học dân tộc

-Biết trân quý những giá trị văn hóa truyền thống mà tác phẩm văn học hiện đại đem lại

-Có ý thức tìm tòi về thể loại, từ ngữ, hình ảnh trong tác phẩm văn học hiện đại Việt Nam .

4. Những năng lực cụ thể học sinh cần phát triển:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm các tác phẩm VHVN đã học ở học kỳ II lớp 12.

- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của các thể loại văn học

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học

D. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC BÀI HỌC

1. KHỞI ĐỘNG (5 phút)

<i>Hoạt động của Thầy và trò</i>	<i>Chuẩn kiến thức kỹ năng cần đạt, năng lực cần phát triển</i>
----------------------------------	---

- GV giao nhiệm vụ: +Trình chiếu tranh ảnh, cho hs xem tranh ảnh (CNTT)
+Chuẩn bị bảng lắp ghép

- Nhận thức được nhiệm vụ cần giải quyết của bài học.

* HS:

+ Nhìn hình đoán tác giả *VH ở HK2*

HK2

+ Lắp ghép tác phẩm với tác giả

+ Đọc, ngâm thơ liên quan đến tác giả

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: *Như vậy, chúng ta đã đọc hiểu toàn bộ những tác phẩm tiêu biểu của VHVN và văn học nước ngoài ở HK2. Để khắc sâu kiến thức cơ bản của các tác phẩm đã học, hôm nay chúng ta tiến hành ôn tập văn học để chuẩn bị cho kỳ thi HK2 và thi QGTHPT.*

- Tập trung cao và hợp tác tốt để giải quyết nhiệm vụ.

- Có thái độ tích cực, hứng thú.

2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC(70 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt		
<p>1. Những phát hiện khác nhau về số phận và cảnh ngộ của người dân lao động trong các tác phẩm Vợ nhặt (Kim Lân) và Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài).</p> <p>Phân tích nét đặc sắc trong tư tưởng nhân đạo của mỗi tác phẩm.</p> <p>(GV hướng dẫn HS lập bảng so sánh.)</p>	<p>I. Ôn tập văn học Việt Nam</p> <p>1. Vợ nhặt (Kim Lân) và Vợ chồng A Phủ (Tô Hoài)</p>		
	Số phận và cảnh ngộ của con người	Vợ nhặt Tình cảnh thê thảm của người dân lao động trong nạn đói năm 1945.	Vợ chồng A Phủ Số phận của người dân lao động dưới ách phong kiến
	Tư tưởng nhân đạo của tác phẩm	Ngợi ca tình người cao đẹp, khát vọng sống và hi vọng vào một tương lai tươi sáng.	Ngợi ca tiềm năng của con người và cách mạng
	<p>2. Rừng xà nu của Nguyễn Trung Thành, Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi</p> <p>Cần so sánh trên một số phương diện tập trung thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng:</p> <p>+ Lòng yêu nước, căm thù giặc.</p> <p>+ Tinh thần chiến đấu kiên cường, bất khuất.</p>		

Những đứa con trong gia đình của Nguyễn Thi đều viết về chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Hãy so sánh để làm rõ những khám phá, sáng tạo riêng của từng tác phẩm trong việc thể hiện chủ đề chung đó.

(GV hướng dẫn HS so sánh trên một số phương diện.)

3. Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa?

(GV gợi cho HS nhớ lại bài học.)

4. Phân tích đoạn trích vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ để làm rõ sự chiến thắng của lương tâm,

+ Những nét đặc sắc về nghệ thuật thể hiện: nghệ thuật kể chuyện, nghệ thuật xây dựng nhân vật, nghệ thuật xây dựng hình tượng và những chi tiết nghệ thuật giàu ý nghĩa,...

3. Chiếc thuyền ngoài xa của Nguyễn Minh Châu

Quan niệm nghệ thuật của Nguyễn Minh Châu được gửi gắm qua truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa rất phong phú và sâu sắc:

+ Cuộc sống có những nghịch lí mà con người buộc phải chấp nhận, "sống chung" với nó.

+ Muốn con người thoát ra khỏi cảnh đau khổ, tăm tối, man rợ cần có những giải pháp thiết thực chứ không phải chỉ là thiện chí hoặc các lí thuyết đẹp đẽ nhưng xa rời thực tiễn.

+ Nhan đề *Chiếc thuyền ngoài xa* giống như một gợi ý về khoảng cách, về cự li nhìn ngắm đời sống mà người nghệ sĩ cần coi trọng. Khi quan sát từ "ngoài xa", người nghệ sĩ sẽ không thể thấy hết những mảng tối, những góc khuất. Chủ nghĩa nhân đạo trong nghệ thuật không thể xa lạ với số phận cụ thể của con người. Nghệ thuật mà không vì cuộc sống con người thì nghệ thuật phỏng có ích gì. Người nghệ sĩ khi thực sự sống với cuộc sống, thực sự hiểu con người thì mới có những sáng tạo nghệ thuật có giá trị đích thực góp phần cải tạo cuộc sống.

4. Đoạn trích vở kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ

Cần tập trung phân tích những điểm cơ bản sau:

1) Phân tích hoàn cảnh trở trêu của Hồn Trương Ba qua độc thoại nội tâm, đối thoại với các nhân vật đặc biệt là đối thoại với xác anh hàng thịt.

+ Trương Ba bây giờ không còn là Trương Ba ngày trước.

+ Trương Ba bây giờ vụng về, thô lỗ, phũ phàng.

+ Mọi người xót xa trước tình cảnh của Trương Ba, xác anh hàng thịt cười nhạo Trương Ba, bản thân Trương Ba vô cùng đau khổ, dằn vặt.

2) Phân tích thái độ, tâm trạng của Hồn Trương Ba trong cuộc đối thoại với Đế Thích và quyết định cuối cùng của Hồn Trương Ba để rút ra chủ đề, ý

nghĩa tư tưởng của đoạn trích
nói riêng và vở kịch

<p>đạo đức đối với bản năng của con người.</p> <p><i>(GV định hướng cho HS những ý chính cần phân tích và giao việc cho các nhóm, mỗi nhóm chuẩn bị một ý- đại diện nhóm phân tích. GV nhận xét, khắc sâu những ý cơ bản).</i></p> <p><i>HS phát biểu từng khía cạnh. GV nhận xét và hoàn chỉnh bảng so sánh</i></p> <p><i>HS thảo luận và phát biểu ý kiến</i></p>	<p>nói chung.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Cuộc đối thoại với Đế Thích, đặc biệt lời thoại mang ý nghĩa tư tưởng của tác phẩm. + Cái chết của cu Tị và những hình dung của Hồn Trương Ba khi Hồn nhập vào xác cu Tị. + Quyết định cuối cùng của Hồn Trương Ba: xin cho cu Tị sống và mình chết hẳn- ý nghĩ nhân văn của quyết định ấy. <p>3) Tổng hợp những điều đã phân tích, đánh giá chiều sâu triết lí và ý nghĩa tư tưởng của vở kịch: sự chiến thắng của lương tâm, đạo đức đối với bản năng của con người.</p>
<p>1. Ý nghĩa tư tưởng và đặc sắc nghệ thuật của truyện ngắn Số phận con người của Sô-lô-khốp.</p> <p><i>(GV yêu cầu HS xem lại phần tổng kết bài Số phận con người, trên cơ sở đó để phát biểu thành 2 ý lớn.)</i></p>	<p>II. Ôn tập văn học Nước ngoài</p> <p>1. Số phận con người của Sô-lô-khốp</p> <p>+ ý nghĩa tư tưởng:</p> <p><i>Số phận con người của Sô-lô-khốp đã khiến ta suy nghĩ nhiều hơn đến số phận của từng con người cụ thể sau chiến tranh. Tác phẩm đã khẳng định một cách viết mới về chiến tranh: không né tránh mất mát, không say với chiến thắng mà biết cảm nhận chia sẻ những đau khổ tột cùng của con người sau chiến tranh. Từ đó mà tin yêu hơn đối với con người. Số phận con người khẳng định sức mạnh của lòng nhân ái, tinh thần trách nhiệm, nghị lực con người. Tất cả những điều đó sẽ nâng đỡ con người vượt lên số phận.</i></p> <p>+ Đặc sắc nghệ thuật:</p> <p><i>Số phận con người có sức rung cảm vô hạn của chất trữ tình sâu lắng. Nhà văn đã sáng tạo ra hình thức tự sự độc đáo, sự xen kẽ nhịp nhàng giọng điệu của người kể chuyện (tác giả và nhân vật chính). Sự hoà quyện chặt chẽ chất trữ tình của tác giả và chất trữ tình của nhân vật đã mở rộng, tăng cường đến tột đa cảm xúc nghĩ suy và những liên tưởng phong phú cho người đọc.</i></p> <p>2. Truyện ngắn Thuốc của Lỗ Tấn</p> <p>+ Lỗ Tấn phê phán những căn bệnh của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX:</p>

<p>2. Trong truyện ngắn Thuốc, Lỗ Tấn phê phán căn bệnh gì của người Trung Quốc đầu thế kỉ XX? Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm?</p> <p><i>(GV yêu cầu HS xem lại phần tổng kết bài Thuốc, trên cơ sở đó để phát biểu thành 2 ý lớn.)</i></p> <p>3. Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích Ông già và biển cả của Hê-ming-uê?</p> <p><i>(GV yêu cầu HS xem lại bài Ông già và biển cả, trên cơ sở đó để thảo luận.)</i></p> <p><i>HS làm việc cá nhân và phát biểu</i></p> <p><i>HS làm việc cá nhân và phát biểu</i></p> <p><i>HS làm việc cá nhân và phát biểu, thảo luận</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bệnh u mê lạc hậu của người dân. - Bệnh xa rời quần chúng của những người cách mạng tiên phong. + Đặc sắc nghệ thuật của tác phẩm: - Cốt truyện đơn giản nhưng hàm súc. - Các chi tiết, hình ảnh đều giàu ý nghĩa tượng trưng. Đặc biệt là hình ảnh chiếc bánh bao tẩm máu, hình ảnh con đường, hình ảnh vòng hoa trên mộ Hạ Du,... - Không gian, thời gian của truyện là một tín hiệu nghệ thuật có ý nghĩa . <p>3. Đoạn trích Ông già và biển cả của Hê-ming-uê</p> <p>Ý nghĩa biểu tượng trong đoạn trích Ông già và biển cả của Hê-ming-uê</p> <ul style="list-style-type: none"> + Ông lão và con cá kiếm. Hai hình tượng mang một vẻ đẹp song song tương đồng trong một tình huống căng thẳng đối lập. + Ông lão tượng trưng cho vẻ đẹp của con người trong việc theo đuổi ước mơ giản dị nhưng rất to lớn của đời mình. + Con cá kiếm là đại diện cho tính chất kiêu hùng vĩ đại của tự nhiên. + Trong mối quan hệ phức tạp của thiên nhiên với con người không phải lúc nào thiên nhiên cũng là kẻ thù. Con người và thiên nhiên có thể vừa là bạn vừa là đối thủ. Con cá kiếm là biểu tượng của ước mơ vừa bình thường giản dị nhưng đồng thời cũng rất khác thường, cao cả mà con người ít nhất từng theo đuổi một lần trong đời.
---	---

3.LUYỆN TẬP (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
<p>GV giao nhiệm vụ:</p> <p>Câu hỏi 1: Chi tiết nào sau đây về tiểu sử Nguyễn Thi là chưa chính xác?</p> <p>a. Tên khai sinh là Nguyễn Hoàng Ca, sinh 1928, quê ở Nam Định.</p> <p>b. Tác phẩm chính: Dòng kinh quê</p>	<ul style="list-style-type: none"> - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: <p>ĐÁP ÁN</p> <p>[1]='d'</p>

huong, Những sự tích ở đất thép... (bút kí); Khi mẹ vắng nhà, Những đứa con trong gia đình...(truyện ngắn); Người mẹ cầm súng, Ước mơ của đất, Ở xã Trung Nghĩa (tiểu thuyết)...

c. Nguyễn Thi được coi là nhà văn của người nông dân Nam Bộ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ ác liệt.

d. Đã hi sinh trong khi tham gia chống chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ.

Câu hỏi 2: Vì sao Nguyễn Thi đặc biệt gắn bó và viết nhiều về Nam Bộ?

- a. Ông sinh ra lớn lên, gắn bó suốt đời với con người, cảnh vật Nam Bộ.
- b. Tuy Nam Bộ không phải quê hương nhưng tuổi thơ và tuổi trẻ của Nguyễn Thi gắn bó sâu nặng với mảnh đất Nam Bộ.
- c. Nam Bộ là mảnh đất lưu giữ mỗi tình đầu của Nguyễn Thi.
- d. Từ thuở nhỏ được đọc “Đất rừng phương Nam” của Đoàn Giỏi, Nam Bộ đã in đậm trong kí ức của Nguyễn Thi.

Câu hỏi 3: Sáng tác của Nguyễn Minh Châu có những thiên hướng nào?

- a. Trữ tình lãng mạn.
- b. Cảm hứng thế sự.
- c. Giai đoạn đầu là cảm hứng thế sự, giai đoạn sau thiên về trữ tình lãng mạn.
- d. Giai đoạn đầu là trữ tình lãng mạn, giai đoạn sau chuyển sang cảm hứng thế sự.

Câu hỏi 4: Truyện “Chiếc thuyền ngoài xa” được kể theo cách nào?

- a. Nhà văn cho nhân vật Phùng – người phóng viên kể lại câu chuyện.

[2]='b'

[3]='d'

[4]='a'

b. Nhà văn đứng ngoài câu chuyện kể lại. c. Nhà văn cho nhân vật chú bé Phác kể lại câu chuyện. d. Nhà văn cho nhân vật Đẩu – vị chánh án tòa kể lại câu chuyện	
---	--

4.VẬN DỤNG (5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: Phân tích những nghịch lí trong truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa (Nguyễn Minh Châu). - HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	Bài viết cần có các ý chính sau: + Giới thiệu truyện ngắn Chiếc thuyền ngoài xa và vấn đề tình huống nghịch lí trong truyện ngắn + Nêu và phân tích các tình huống nghịch lí trong Chiếc thuyền ngoài xa – Đời sống và nghệ thuật – Cảnh đẹp thiên nhiên và di họa chiến tranh – Cảnh có hồn và cảnh vô hồn – Cảnh đẹp tuyệt đỉnh và cảnh lam lũ, tàn bạo + Ý nghĩa, tác dụng nghệ thuật của nghịch lí

5. TÌM TÒI, MỞ RỘNG.(5 phút)

Hoạt động của GV - HS	Kiến thức cần đạt
GV giao nhiệm vụ: + Vẽ bản đồ tư duy bài học + Chọm 1 câu nói đậm chất triết lí và nhân văn trong đoạn trích kịch Hồn Trương Ba, da hàng thịt của Lưu Quang Vũ. Viết đoạn văn 200 từ trình bày suy nghĩ về triết lí đó -HS thực hiện nhiệm vụ: - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:	- Biết chọn câu nói tiêu biểu của nhân vật - Trình bày cái hay, cái đẹp của câu nói đó.

TIẾT 103-104

**Bài kiểm tra tổng hợp cuối
năm Thi theo đề chung của
Sở**

**TIẾT 105 : Trả bài viết số 7
(Chữa bài thi theo đáp án của
Sở)**